

Tác Giả và Tác Phẩm

Sơn Nam

Tiểu sử

Tên thật: Phạm Minh Tài. Sinh ngày: 11.12.1926, tại Rạch Giá, Kiên Giang.

Tác phẩm

Tìm hiểu đất Hậu Giang, Chuyện xưa tích cũ, Hương rừng Cà Mau, Chim quỳên xuống đất



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2
Vĩnh biệt Sơn Nam – Trương Năng Tiến - 3
Mùa “len” trâu – 7
Sơn Nam Việt Nam – Đặng Tiến – 10
Sơn Nam & Tình nghĩa giáo khoa thư – Nguyễn & Bạn hữu - 13
Tình nghĩa giáo Khoa Thư – 14
Sơn Nam: Tình nghĩa giáo khoa thư...– Đinh Từ Bích Thủy - 18
Năm tôi 19 tuổi - 23

Phụ đính I :

Sơn Nam (Võ Phiên) - Hơi thở của miền Nam nước Việt
Cây huê xà - Hình bóng cũ : Sơn Nam – Hát bội giữa rừng
Sơn Nam nhà văn không vượt được cái bóng của mình
Cả đời viết về cuộc khấn hoang Nam bộ

Phụ đính II :

Tháng chạp chim về - Hòn Cổ Tron – Chiếc ghe “Ngo”
Cô Út về rừng - Bắt sấu rừng U Minh Hạ
Sơn Nam & Cách mạng tháng Tám ở U Minh
Chuyện rừng tràm – Nhứt phá sơn lâm
Con rắn ri voi – Bốn cái ngu – Con heo khịt
Cao Khi U Minh – Con rắn – Con chích ré
Đơn Hùng Tín chào đời

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Tranh Phạm Văn Châu

Sơn Nam là nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam nổi tiếng. Ông tên thật là Phạm Minh Tài (tên khai sinh của ông bị viết sai thành Phạm Minh Tày). Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1926, tại làng Đông Thái, huyện Gò Quao, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc tỉnh Kiên Giang).

Thuở nhỏ ông học tiểu học tại quê nhà, rồi học trung học tại Cần Thơ. Năm 1945, ông tham gia Thanh niên Tiền phong, rồi lần lượt tham gia công tác ở Hội Văn hóa cứu quốc tỉnh, phòng Văn nghệ Ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam Bộ.

Bút danh Sơn Nam ra đời trong thời gian này, để tưởng nhớ người phụ nữ Khmer đã cho ông bú mớm thời thơ ấu (Sơn là một họ lớn của người Khmer, Nam là để nhắc nhớ mình là người phương Nam)[1].

Sau Hiệp định Genève 1954, ông về lại Rạch Giá.

Năm 1955, ông lên Sài Gòn cộng tác với các báo: Nhân loại, Công Lý, Ánh Sáng, Tiếng Chuông, Lẽ Sống...

Năm 1960-1961, bị chính quyền Việt Nam Cộng hòa bắt giam ở nhà lao Phú Lợi (Thủ Dầu Một, Bình Dương)[2]. Ra tù, ông tiếp tục làm báo, viết văn và khảo cứu về Nam Bộ. Sau 1975, ông tiếp tục hoạt động trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Những tác phẩm tiêu biểu của nhà văn

Chuyện xưa tình cũ (1958); Tìm hiểu đất Hậu Giang (nghiên cứu, 1959); Hương rừng Cà Mau (1962); Chim quỳên xuống đất (1963); Vạch một chân trời (1968); Gốc cây - Cục đá & Ngôi sao (1969); Lịch sử khẩn hoang miền Nam; Đình miếu & lễ hội dân gian miền Nam; Danh thắng Miền Nam; Theo chân người tình & một mảnh tình riêng; Từ U Minh đến Cần Thơ – Ở chiến khu 9 – 20 năm giữa lòng đô thị – Bình An; Tìm hiểu đất Hậu Giang & lịch sử đất An Giang.

Hương Rừng Cà Mau

Nhà văn Sơn Nam chuyên viết về vùng đất Nam bộ và nhiều tác phẩm để lại dấu ấn mạnh nơi bạn đọc, những tên gọi như "ông già Nam Bộ", "Pho từ điển sống về miền Nam" hay là "Nhà Nam Bộ học" có từ duyên cớ đó. Ông sống ở đô thị nhưng cả đời đi bộ nên ông còn được gọi với cái tên dân gian "ông già đi bộ".

Sơn Nam sinh ra ở vùng đất U Minh, Những cánh rừng tràm vùng đất U Minh quê Sơn Nam khi xưa bạt ngàn kéo dài từ Rạch Giá qua Sóc Trăng, Bạc Liêu và đến tận Cà Mau. Những

câu chuyện kể của Sơn Nam trong Hương Rừng Cà Mau làm bạn đọc liên tưởng tới câu chuyện “Cao bồi” miền viễn Tây của Hoa Kỳ . Qua đó bạn đọc thấy những khó khăn trớ trêu, lối sống, cách nghĩ và tình cảm của những người dân ở buổi đầu đi khẩn hoang, vùng đất hoang sơ thâm u này khi xưa đầy kỳ bí, nơi

*"muối vắt nhiều hơn cỏ
chương khí mù như sương*

...

*chiều chiều nghe vượn hú
hoa lá rụng buồn buồn”*

Năm 56, một truyện ngắn của Đoàn Hùng Việt (Sơn Nam) được ông Trần Tấn Quốc, chủ báo Tiếng Dội, nồng nhiệt đón nhận. Sơn Nam gửi mỗi tuần một truyện ngắn trên Nhân Loại như: Hương rừng Cà Mau, Tình nghĩa giáo khoa thư, Hát bội giữa rừng, Mùa "len" trâu... mà sau này gom lại thành tuyển tập “Hương rừng Cà Mau” do nhà Phù Sa của Ngọc Linh phát hành năm 62.

Nghe ông già Năm xay lúa nói chuyện thời tiết trong “Ông già xay lúa” hay nghe ông mù Vân Tiên bàn về chuyện cá ăn câu trong “Người mù giăng câu”, chúng ta thấy, dân khai hoang thu lượm kinh nghiệm từ cuộc sống hàng ngày . Những tên Hòn Cổ Tron, sông Gành Hào, rừng U minh... hiện ra cứ như chỉ có trong truyện cổ tích.

Sống trong rừng thiêng nước độc, nỗi lo âu sinh kế và đối đầu với thú rừng nguy hiểm, hồ chực chờ lấy mạng của họ bất cứ lúc nào Họ sống bằng đủ nghề, ngoài việc bắt cá, nuôi ong, bắt sấu, ruộng nông, họ lượm lặt nay đây qua mai đó qua nghề len trâu, kiếm cỏ cho đàn trâu ăn giữa rừng hoang, lẫn lộn với voi và cọp. Chỉ cần một chút sơ xuất là họ có thể bị mất hết gia tài

Đồng bằng Sông Cửu Long mỗi năm nước lại rừng rùng đổ về, mệnh mông biển nước. Người ta đua nhau “len” trâu của mình lên miệt Thất Sơn.

Cuộc sống trăm bề cơ cực, nhưng thơ trong Thay lời tựa lại đầy thi vị cảnh sông nước miền Nam, đầy hương vị rất Cà Mau

Dưới trời mây heo hút...,

Hơi Vọng Cổ nương bờ tre bay vút

Điệu Hồ... ở theo nước chảy, chan hoà

Lương Văn Hồng

Vĩnh biệt Sơn Nam Tưởng Năng Tiến



*Nhà văn Sơn Nam
(11/12/1926 – 13/08/2008).*

Nguồn: Tuổi Trẻ Online

*Tưởng giếng sâu tui nổi sợi dây dài.
Ai ngờ giếng cạn, tui tiếc hoài sợi dây.
(Câu hò miền Nam, VN)*

Trong cuốn *Một Mảnh Tình Riêng*, do nhà Văn Nghệ (VN) xuất bản năm 2000, Sơn Nam tâm sự: “*Mẹ tôi đi làm dâu nơi xa nhà hàng năm mươi cây số đường giao thông hồi đầu thế kỷ khó khăn, vượt rừng qua hai con sông đầy sóng gió... Lâu năm lắm mẹ tôi mới về quê thăm xứ một lần, tình trạng này tôi thử hư cấu, qua truyện ngắn ‘Gả Thiếp Về Rừng’... Qua sông Cái Bé thì dễ, nhưng gian nan nhất là qua sông Cái Lớn.*”

Muốn biết chuyện làm dâu nơi xa, hồi đầu thế kỷ trước, gian nan và khó khăn ra sao, xin đọc lại vài đoạn (chính) trong truyện ngắn này của Sơn Nam:

“*Câu chuyện xảy ra tại rạch Bình Thủy, làng Long Xuyên, tỉnh Cần Thơ, đầu cũng vào khoảng năm 1939 ... tháng chạp năm đó, nhà ông Cả treo bông kết tuội để gả con, giữa tiếng dị nghị của bao chàng trai tơ ở rạch Bình Thủy.*

Cô Út về làm dâu đất Cạnh Đền.

Hai năm qua.

Ba năm qua...

Chuyến đầu, đôi vợ chồng về thăm ông Cả bà Cả, đèo theo một đứa con gái nhỏ... số sữa dễ thương.

Chuyến sau họ về, lại thêm một đứa gái và một đứa thứ ba nữa đang nằm trong bụng mẹ.

Hai ông bà quá đổi vui mừng.

Nhưng liên tiếp mấy năm sau họ bật tin, ngày Tết ngày giỗ cũng chẳng về. Lo ngại quá! Có chuyện gì xảy ra bất lành không?

Hai ông bà muốn xuống Cạnh Đền thăm con nhưng ngại mình già sức yếu, đường xa xôi, phải vượt qua sông Cái Lớn. Nằm đêm, lắm khi bà khóc lóc mà trách ông:

- Tôi nói muỗi rừng ăn thịt hai đứa nó rồi. Xứ gì mà muỗi kêu như sáo thổi. Không đau bịnh rét thì cũng chói nước lớn bụng mà chết... Hồi đó ông cãi tôi, nhớ không?

“Ông Cả vô cùng buồn bực. Nhứt là khi nghe con nít chòm xóm hát đưa em:

Má ơi đừng gả con xa,

Chim kêu vợ hứ, biết nhà má đâu?

...

Suốt tháng ngày, ông chống gậy đi quanh quán bên gốc tre già ở mé sông, mắt mòn mỏi nhìn bóng dáng các ghe thương hồ qua lại.

Trời đất nào phụ kẻ có lòng như ông!

Mãi đến buổi trưa đó, có chiếc ghe chèo chậm chậm ngang bến. Chồng trước mũi hỏi vợ sau lái:

- Phải chỗ cây mù u này không? Cậu Quỳnh nói nhà bên vợ ở đâu đây.

Chị vợ đáp:

- Không chừng... Đúng quá, cách ngã ba, qua hai cây cầu khỉ, nhà ngói có vườn quít.

Anh chồng ngó tới ngó lui, cãi lại:

- Mình mới qua một cây cầu. Chèo tới trước chỗ cây cầu khỉ, đằng kia kia, họa may...

Ông Cả cố gom tất cả sức già, la lớn:

- Ở đây nè, bà con ơi! Nhà vợ thằng Quỳnh ở đây nè...

Ghe đậu lại. Hai vợ chồng nọ được mời lên ăn cơm với thịt gà tại bộ ván gỗ giữa nhà ông Hương cả. Trong đời, họ chưa bao giờ được hân hạnh lớn như vậy! Ông Cả, bà Cả, người lồi xóm xúm lại hỏi nhiều câu quá. Họ bối rối, trả lời vắn tắt:

- Dạ, vợ chồng cậu Quỳnh mạnh khỏe. Nhờ trời sanh được sáu đứa con. Bốn đứa sau đều là con trai.

Bà Cả mừng quỳnh:

- Úy! Bộ con Út đẻ năm một sao? Con nhỏ đó thiệt giỏi!

Khách trả lời:

- Dạ, đẻ năm một. Đứa ăn thôi nôi, đứa lồi đầy tháng. Mẹ tròn con vuông. Hồi tôi đi đây, cô Út gần nằm chỗ một lần nữa. Thưa ông bà, miệt dưới ai cũng vậy. Như vợ chồng cháu đây có tám đứa con.

- Sao vậy cà? Sao vậy cà? Ở dưới cỡ này ra sao mà thiên hạ “đẻ nhiều quá vậy?”

Khách ngưỡng nghịu, chập sau mới nói:

- Dạ ở miệt dưới muối dữ lắm. Chạng vạng là cả nhà, vợ “chồng con cái rút vô mừng... nói chuyện. Ít ai đi đâu.

Ai nấy phá lên cười to. Đến lúc bấy giờ, ông Cả bà Cả mới hiểu thêm một sự bí mật quan trọng của tiếng ‘muối kêu như sáo thổi’ ở Cạnh Đền. Nó làm hại sức khỏe con người. Nhưng nó gắn bó mỗi tình chồng vợ hơn ở xứ không có muối.

Để đánh trống lảng, ông nói:

- Ủ! Phải vậy mới được. Xứ mình cần có dân đông để tạo lập thêm ruộng vườn, khai phá đất hoang.

Bà Cả nóng ruột:

- Anh chị đây có nghe vợ chồng nó nhắn chừng nào đem mấy đứa cháu ngoại của tôi về cho biết mặt?

Khách trả lời:

- Dạ không nghe. Con cái lũ khữ cả bầy, chắc vợ chồng cậu Quỳnh khó đi xa. Năm rồi mùa màng thất bát, ai cũng lo tay làm hàm nhai để nuôi con. Sông Cái Lớn mấy năm nay lại thêm sóng gió bất thường.

Bà thở dài, nói như rên siết:

- Nhớ mấy đứa nhỏ quá. Ông ơi! Hồi đó ông cãi tôi...

Ông Cả im lặng, nghĩ đến cái ngày gần đất xa trời của mình. Nó không còn bao xa nữa. Ngày đó, ai phò giá triệu, ai rinh quan tài? Nhìn bụi tre già dưới bến mà ông tủi thân: Măng non mọc kè bên gốc. Phận ông có khác; con gái, con rể và đám cháu ngoại ở chốn xa xôi kia làm sao được gần gũi để ông thấy mặt lần đầu- và cũng là lần chót – khi ông tàn hơi. Nước mắt muốn tươm ra, ông cố dằn lại. Ông hiểu đời ông chưa tới mức đen tối, còn chút ánh sáng lập lòe trong tương lai vô biên vô tận:

- Ờ... ở dưới nó có lập vườn chưa? Lát nữa, anh chị chịu khó chờ về giùm cho vợ chồng con Út một gốc tre Mạnh Tông để làm giống. Chừng thấy măng non cận gốc già, mấy đứa cháu của tôi luôn luôn nhớ ông ngoại bà ngoại nó trên Bình Thủy.

Phật Trời thiêng liêng xin phù hộ chứng giám! Từ bao nhiêu thế kỷ rồi, trên đất nước mình luống chịu cảnh sinh ly như ông Cả, như cô Út. Để cho nước mạnh dân còn” (*).

Truyện “Gả Thiếp Về Rừng” lấy bối cảnh rạch Bình Thủy, làng Long Xuyên, tỉnh Cần Thơ, vào khoảng năm 1939 – 40, khi tôi chưa ra đời. Ba mươi năm sau, lúc tôi đã đủ lớn để đọc và yêu thích Sơn Nam thì ghe thuyền gắn máy (đuôi tôm) đã chạy dọc ngang tá lả khắp sông rạch miền Nam. Thế hệ của chúng tôi khó mà hiểu được nỗi “gian truân” của một người con gái lấy chồng xa nhà (cờ) ... năm mươi cây số! Dù vậy, tôi vẫn cứ mến thương hết sức cái tình của Sơn Nam dành cho lớp người tiên phong, đi khai khẩn miền cực Nam của quê hương. Cùng với Sơn Nam, nhà văn Bình Nguyên Lộc cũng ghi lại nhiều tình cảm sâu đậm của mình đối với những lưu dân. Trong truyện ngắn **Rừng Mắm** của ông, có đoạn đọc mà muốn ứa nước mắt: “Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lùn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia cây mắm sẽ ngã rạp. Giống tràm lại nổi ngôi mắm. Rồi sau mấy đời tràm, đất sẽ thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thằng cháu nội ngờ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

Ông vịn lại tía của con là cây mắm, chân giẫm trong bùn. Đời con là tràm, chân vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xôi, mít, dừa, cau.

Đời cây mắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu của họ hưởng”.

Đã bao nhiêu đời tràm, bao nhiêu đời mắm ngã rạp, bao nhiêu thế hệ phải chịu cảnh sinh ly như ông Cả, như cô Út ... nhưng quê hương mỗi lúc một lụn bại hơn, chứ không giàu mạnh

thêm – như kỳ vọng của Sơn Nam hay Bình Nguyên Lộc. Và vì nghèo đói, cảnh chia ly xảy ra mỗi ngày một nhiều thêm.

“Hiện nay, ở Nam Hàn, trên bất kỳ nhật báo nào cũng dễ dàng tìm thấy những lời quảng cáo: ‘Người già, người muốn tái hôn, người khuyết tật đều có thể kết hôn với những trinh nữ xinh đẹp ở Việt Nam ... Thậm chí những quảng cáo này còn liệt kê ưu điểm của con gái VN như ‘xuất giá tòng phu’, ‘tôn trọng người già, thờ cúng tổ tiên đến bốn đời’, ‘dáng người đẹp nhất thế giới’, ‘giữ gìn trinh tiết và chung thủy với chồng’” (Bán tuần báo Việt Luận, số 2063, phát hành từ Sydney ngày 28/04/2006).

Chuyện “lấy chồng xa” của phụ nữ VN đã trở thành kỹ nghệ, ở mức “đại trà” – theo như tin của nguyệt san Khởi Hành, số 134, phát hành từ California, tháng 4 năm 2006:

“Cảnh sát Cam Bốt mới khám phá một tổ chức bán các bé gái Việt Nam tại một khu phố ở Nam Vang. Các em cho biết đã được chở từ quê nhà vùng nông thôn miền Nam qua biên giới trong những thùng sắt dùng trở hàng xuất cảng

Những chuyện tủi nhục xót xa như thế đã xảy ra (thường xuyên) từ mấy thập niên qua. Trong thời gian này, Sơn Nam vẫn cầm cùi cầm bút và vẫn in ấn đều đều. Tác phẩm mới nhất của nhà văn, có tên là **Bình An**, tập cuối trong bộ hồi ký của ông, và được giới thiệu là *cuốn sách đề cập đến những biến đổi lớn lao của Sài Gòn kể từ ngày giải phóng miền Nam 30/04/75 đến nay... Hồi ký Sơn Nam* không chỉ là chuyện kể về cuộc đời của một con người mà còn là chuyện kể về một giai đoạn lịch sử của vùng đất Nam Bộ.

Dù không phải là thầy bói, tôi vẫn biết chắc rằng: trong cả bốn tập hồi ký của Sơn Nam, sẽ không có một dòng chữ nào – nửa dòng cũng không – viết về những em bé Việt Nam bị “gả” đi xa (“trong những thùng sắt dùng chở đồ xuất cảng”) từ vùng đất Nam Bộ.”

Tập Hương Rừng Cà Mau, trong đó có truyện “Gà Thiếp Về Rừng,” được mở đầu bằng một bài thơ của (chính) Sơn Nam, có đoạn như sau:

Trong khói sông mênh mông,

Có bóng người vô danh

Từ bên này sông Tiền

Qua bên kia sông Hậu

Mang theo chiếc độc huyền

Điều thơ Lục Vân Tiên

Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả

Cái gì đã giết chết tinh thần “kiến nghĩa bất vi vô đồng giả” và quan niệm sống “lộ kiến bất bình vung đao bạt tụy” – của Lục Vân Tiên – trong con người của Sơn Nam? Ở tuổi 80, ông còn ngại gì nữa mà không (dám) nói lên đôi lời phải/quấy với bọn giặc cướp – đang tụ họp ở làng Ba Đình, Hà Nội – trước khi nhắm mắt?

Câu trả lời có thể tìm được trên **Tuổi Trẻ Online**, số ra ngày 7 tháng 3 năm 2004:

“Ngày 7-3, tổng công ty du lịch Sài Gòn khánh thành tượng chân dung nhà văn Sơn Nam tại làng du lịch Bình Quới 1 (Thanh Đa), để ghi nhận đóng góp của ông đối với nền văn hóa phương Nam.”

Té ra, Sơn Nam đã bị hóa đá. Hèn gì, ông không còn nghe được **tiếng dân kêu ai oán ở rừng U Minh Hạ**. Ông cũng không còn bận lòng gì nữa về số phận gian truân của những người đồng hương đi lấy chồng xa – dù là xa nhà đến năm ngàn (hoặc hơn) chứ không phải chỉ là năm mươi cây số – và sang sông (tập thể) bằng tàu chở hàng, trong thùng container, thay vì bằng một chuyến đò ngang hay đò dọc.

Khi bàn về số phận của một số những người cầm bút ở miền Nam – bị cấm viết sau tháng 4 năm 1975 – nhà văn Võ Phiến gọi họ là những “tài năng bị chôn sống.” Sơn Nam dù không bị cấm viết, ông vẫn bị chôn (sống) bằng một hình thức khác.

Vĩnh biệt Sơn Nam!

(May 2006) © Đàn Chim Việt

Mùa “len” trâu

Cảnh trong Nam không có núi cao, nhưng có sông to. Bình thường đã to, gặp mùa nước lên thì nước tràn bờ, sông hóa biển!

Chú Tư Đình ngồi trong nhà hần hoi, chớ đâu phải lênh đếnh ghe xuống, vậy mà dòm quanh chỉ thấy trên trời dưới nước. "Sau hè nhà, nước dậy ðùng ðùng, sóng gợn từng lượn lớn, vỗ lát chát vào vách". Cảnh bao la, hoang sơ, gần như thơ mộng...

Nước lên, người có gạo dự trữ ngồi ăn chờ nước xuống, chớ trâu thì phải dẫn qua miệt đất cao cho nó ăn cỏ mà sống. Thằng Nhi, con chú Tư, dắt trâu đi "len" tận vùng Bảy Núi. Chú ở nhà thấy một cảnh "ngộ", con chú đi xa thấy một cảnh "ngộ" khác: trâu hàng năm ba trăm con chen nhau lội ðen nước, "giống như hồi thiên địa sơ khai, càn khôn hỗn ðộn". Ít nhứt cũng giống như cảnh bên Phi châu!

Sơn Nam, khi viết những dòng này, chắc trong lòng cảm khái cũng dậy ðùng ðùng!

(Thu Tứ)

Nước tràn bờ sông Hậu chảy qua. Nước trên trời tuôn xuống. Gió biển triền miên thổi lộng về. Từ Sáng đến chiều, mặt trời biến dạng sau lớp mưa: ánh nắng pha loãng đều đều không làm chói mắt kẻ ưu tư ðang ngồi hút thuốc mà ngắm mấy lượn sóng chạy dài tiếp lưng trời. Núi Ba Thê bên này, núi Cấm trước mặt, hòn Sóc, hòn Đất bên kia bình thường xem hùng vĩ, thơ mộng thì nay trở thành lè tè, bé bỏng trong cảnh bao la trời nước.

Chú Tư Đình lại vắn ðiều thuốc thứ nhì, mỉm cười khi thấy từ chân trời một cơn mưa to hơn sắp kéo đến.

- Ủ! Mưa hoài ði. Ông trời năm nay biết ðiều, thuận mùa, thuận tiết...

Thiêm Tư như phản ðối ý chồng:

- Mưa vài ðám nữa thì có môn leo lên nóc nhà mà ở. Ba cái lu, ba cái hũ trôi lênh nghênh trong nhà rồi, ba nó chưa hay sao? Gạo hết, tiền hết.

- Mình ðừng trách trời. Hồi nào tới giờ, trời cứ vậy hoài, hết mùa hạn thì phải tới mùa nước lụt chớ.

Chú Tư muốn giải nghĩa sự lạc quan của mình dài dòng hơn ðể thiêm Tư nghe. “Đàn bà giỏi tài chú ý lật vạt chuyện bép núc. Nhìn ra ðồng thì họ chỉ thấy những chuyện trên mặt nước, hơi ðâu mà cãi”. Nghĩ vậy, chú im lặng, vắn thêm ðiều thuốc nữa. Giờ này, dưới ðáy nước, sát mặt ruộng, mớ ðất cày mềm nhũn, trở mình trắng phau. Gió thổi mạnh, trôi nhà trôi cửa nhưng lúa một tấc; thân lúa đuối sức cổ nằm dài trên mặt nước vừa hấp hối ngọt thờ là nhánh non nứt ra trong nháy mắt ðể chào ðón cuộc sống.

Sau hè nhà, nước dậy ðùng ðùng, sóng gợn từng lượn lớn, vỗ lát chát vào vách. Chú Tư bước nhẹ trên sàn tay vịn mái nhà, tay che mắt rồi cau mày; thằng Nhi ðưa con trai của chú ðang cưỡi trâu về.

Đôi trâu bước lên nền chuồng trâu lúc trước, tuy ðã ðắp cao thêm gần một thước vậy mà nước leo lên lé ðế.

Chú Tư chờ thằng Nhi vào nhà. Nó cỡi cái áo ướt mem quăng trên sân:

- Xung quanh ðây hết cỏ rồi. Làm sao bây giờ hả ba? Trâu ðói nữa, con mắt nó ðỏ ghèn hoài.

Chú nói:

- Bên giồng cát Sóc Xoài... Mày có qua tới ðó không?

- Có. Mà hết cỏ rồi. Mấy lổm cỏ sau chùa không ðủ cho trâu bò ở ðó ăn, ðâu có dự tới mình. Trâu mình ốm nhiều. Từ ðây tới nước giựt còn trên ba tháng nữa, làm sao chịu nổi?

- Hồi đầu mùa, tao biểu giao trâu mình họ len đi miệt khác kiếm cỏ. Má mày ngăn cản. Bây giờ tới nước này rồi...

Thiểm Tư trầm ngâm suy nghĩ, nhìn đôi trâu đã mòn sức, be sườn lòi rõ rệt từng hàng như vòng cung. Để ở nhà, trâu chết đói; giao cho thiên hạ len đi thì làm sao bảo đảm được? Trâu của trăm chủ khác nhau gom lại chung một bầy, tha hồ lán hiếp, chém lộn bầy trâu gần bốn trăm con mà chỉ có năm sáu người chăn giữ.

Đường dài thăm thẳm, lội nước băng rừng, rủi khi bệnh hoạn thì trâu đành bỏ mạng nơi xứ lạ quê người. Thật là tấn thối lữ ông nan! Đôi trâu nhà đứng khúm núm đó, trên nền chuồng, như hai pho tượng bằng đồng đen dựng lên mặt nước. Thiếm Tư nói:

- Ba nó tính sao thì tính. Tôi rối trí quá rồi.

Chú Tư chép miệng:

- Không nên cỡi mạng trời. Muốn cỡi cũng không được. Không lẽ họ giết trâu mình? Trăm con, chết chừng đôi ba con là nhiều. Muốn vững bụng hơn, mình cho thằng Nhi theo coi chừng. Thằng Nhi há miệng ngạc nhiên không dè mùa nước năm nay nó lại được đi du lịch bất ngờ như vậy. Chú Tư hỏi:

- Muốn đi không mậy? Chặng đầu, họ mới len trâu tới chân núi Ba Thê, mình đuổi theo nhập bầy còn kịp, đây qua đó chừng nửa ngày đường. Lấy cái nóp mới của tao mà đem theo. Dọc đường muỗi mòng, mưa gió nhớ đi theo sát hai con trâu của mình, đừng ham chơi lâu lỏng. Nói với tẩn khao (đầu nậu, cai thầu) rằng mình chịu đóng cho y mưới giạ lúa tiền công len trâu, mùa này.

oOo

Mưa cứ mưa trút xuống. Gió cứ dậy sóng lên. Từ lúc thằng Nhi dẫn trâu đi, nhà cửa lần lần trở nên vắng lạnh. Thiếm Tư cần nhần:

- Giao sanh mạnh hai con trâu cho họ, ba nó chưa vừa bụng sao? Lại còn bày đặt cho thằng Nhi đi theo! Rủi bẻ gì...

Chú Tư nói:

- Má nó khéo lo thì thôi! Trâu hễ tới số thì dẫu cầm ở nhà nó cũng không sống. Tôi buồn lắm. Trâu giúp mình tạo ra hạt lúa; bù lại, mình không kiếm đủ cỏ cho nó ăn no. Như vậy là mình bất nhân. Còn thằng Nhi... dịp này để nó học nghề với người ta.

Thiểm Tư hơi giận:

- Nghề gì? Nghề chăn trâu mà cũng học nữa à? Tôi không ham cái nghề đó.

- Má nó nói giỡn sao chớ! Chăn trâu còn khó hơn điều binh khiển tướng. Đời xưa, nhiều người nhờ lúc nhỏ chăn trâu mà tới lớn được làm vua. Con nít chăn trâu ca hát nghe bậy bạ nhưng nhiều khi linh nghiệm như sấm truyền, đoán trúng những chuyện quốc sự. Tôi nhớ coi... Trong truyện Phong Thần gì đó nhắc cái tích ông Nịnh Thích ngồi trên lưng trâu, gõ sừng mà hát công kích vua đời... Liệt Quốc Đông Châu! Vua giựt mình, mời ông Nịnh Thích về làm quân sư. Nghe đâu lúc về hưu trí, ông Nịnh Thích lại cưỡi trâu mà du sơn ngoạn thủy. Như, tiều, canh, mục là bốn điều quan trọng mà.

Thiểm Tư vẫn chưa nguôi cơn buồn:

- Ba nó nói chuyện đời xưa. Chăn trâu theo kiểu ở xứ mình có khác, tối ngày đeo đuôi trâu mà lặn hụp dưới nước, ăn không no, ngủ không yên...

- Nhưng mà học khôn nhiều chuyện. Mà nó hồi nào tới giờ chưa từng tới núi Ba Thê, vậy mà bây giờ thằng Nhi nó rành đó! Cảnh núi non thanh lịch, tàu ăn cỏ ngẩng đầu coi mây bay lui tới; ngựa lưng thì trâu cạp mình vô cột cửa đền vua chùa mà gãi sồn sột. Má nó biết không? Ở núi Ba Thê, trâu len ăn cỏ trên đền vua đời xưa... Vua chùa mất hết, trâu đời đời kiếp kiếp còn đứng dửng dưng trên mặt đất này hoài!

Thiểm Tư bực bội:

- Đói, không đủ cỏ ăn mà cũng sang trọng. Thôi ông ơi! Đừng nói nữa.

- Hết cỏ thì qua chỗ khác, má nó đừng lo. Từ Ba Thê cả bầy trâu len qua miệt Bảy Núi. Oai vệ lắm kia! Voi đi một lần đôi ba chục con là cùng, cạp đi hai ba con là nhiều; cảnh đó ở miệt rừng ai cũng thấy. Đàng này, trâu lội nước năm ba trăm con, đen đầu, đặc nước. Kiếm bực trăm là

dễ chớ muốn thấy được cảnh đó không phải dễ, giống như hồi thiên hạ sơ khai, càn khôn hỗn độn... Mấy ông thầy chùa, bà vải ẩn mình trong cốc trên núi, chán cảnh trần tục vậy mà họ còn bước ra ngóng mắt theo bầy trâu len dữ dội...

Càng nhắc tới, chú Tư càng thích chí, thiếm Tư trái lại ngồi buồn xo, không tin nơi lời chồng, cho rằng đó là kiểu an ủi gượng của kẻ túng cùng. Chú Tư lại vấn thuốc, hỏi vợ:

- Má nó ngủ hay thức? Nãy giờ có nghe không? Sao không ừ hử gì ráo, hay là ngủ rồi...

- Tôi nằm nghe đây mà. Nghe bằng lỗ tai chớ nghe bằng miệng sao mà phải ừ hử từng chập? Chú Tư lại nói tiếp:

- Ở Bảy Núi thanh khiết hơn ở Ba Thê. Trâu ăn toàn cỏ lạ hoa thơm; lấm thú cỏ phảng phát mùi gì giống như vị thuốc Bắc. Ban đêm, muỗi mòng cũng ít, tiếng chuông chùa, tiếng tụng kinh gõ mõ thì nhiều... Mặc dầu ăn cỏ ở dưới chân núi, trâu cũng được phong làm chúa sơn lâm. Cọp beo trên núi quì xuống mà đầu hàng chớ không dám xáp lại.

Bên kia sàn nhà, thiếm Tư bắt đầu thở nhẹ rồi ngáy pho pho. Chú Tư mỉm cười, không chút hờn giận. “Vợ mình chán không thèm nghe nữa vì nãy giờ mình nói toàn những chuyện vui tươi, sung sướng, giấu giếm những nỗi cực nhọc trong nghề chăn trâu. Nhưng cần gì? Cốt ý là mình nhắc lại cuộc đời len trâu của mình hồi thuở con nhỏ cho riêng mình nghe mà thôi”. Chú Tư lại vấn thuốc hút. Bên ngoài trời vẫn mưa, sóng nước vẫn chạy ủa tới đập vào vách nhà. Khói thuốc phun mờ mờ, bay thoảng lên cao. Chân trời lại hiện ra, lúa nằm dài xanh rờn, nhấp nhô trên ngọn sóng. Và... Đàng xa kia là Bảy Núi, nơi mà giờ này thằng Nhi và hai con trâu của chú đang tung hoành, sắp lội nước hàng mươi cây số để vượt ra mé biển đến vùng rừng tràm miệt Linh Quỳnh.

Rừng tràm xanh đậm, rọi xuống mặt nước đỏ ngầu, rung rinh. Nhút là về đêm khi trăng chiếu, đom đóm bay về đậu khắp nhánh tràm như hóp chợ phiên! Hồi thuở nhỏ, chú đến đó nhiều lần. Cảnh ấy bây giờ thay đổi vì nhà nước đã đào thêm con kinh Xáng Rạch Giá – Hà Tiên và đắp xong con lộ đá. Trâu vượt qua lộ xe hoặc ngủ tạm trên lộ cho tới sáng. Lội dưới nước lâu ngày, móng trâu trở nên mềm, đứng trên đá, trâu đau chân. Chú Tư bỗng hình dung trước mặt một cảnh tượng oai hùng, khi mặt trời vừa ló dạng, đàn trâu phải rút vào rừng tìm nơi ăn nằm. Nhà nước đắp lộ xe nào phải để cho trâu đứng, phá hoại... Trâu chạy ầm ầm. Không mấy chút, tràm gãy rôm rốp ngã liệt xuống, lổm rổm trở thành một cái đầm rộng lớn. Người len trâu tạm nghỉ ngơi vài ngày. Mấy “tay riều” đốn củi gần đó tụ họp lại làm quen, đánh bài cào, uống rượu, đốt lửa lên bàn chuyện tiếu lâm. Lắm khi họ sắp đặt công việc đi ăn cướp, ăn cướp kẻ khác và ăn cướp lẫn nhau. Mấy tay len trâu giựt tiền của tay riều; mấy tay riều xúm nhau giựt trâu của mấy tay len. Rừng lại đầm máu... Trong cuộc xô xát dao búa đó, sanh mạng của con người như con kiến, hà huống chi đứa trẻ bé bỏng như thằng Nhi, con trai chú!

Chú Tư giựt mình, e ngại.

Trong giấc mơ, có lẽ thiếm Tư không tưởng tượng được tới cảnh chém giết rừng rợn đó. Thiếm Tư nói lảm nhảm rồi lại trở mình, ngáy khò khò.

oOo

Tháng mười, nước giựt xuống. Đến cuối tháng, mặt ruộng lộ ra, cỏ non nhú mọc xanh tươi đến tận chân trời. Mưa dứt sớm. Núi non lại trở nên hùng vĩ. Suốt mùa, lúa nương theo nước mà vươn lên đến bốn năm thước; bây giờ lúa nằm rạp xuống đất, chông chát cao ngàn ngụt. Cái sàn nhà của chú Tư cũng hạ xuống. Cuộc sống trở lại bình thường.

Đêm ấy, quá canh ba, có tiếng kêu vang dội:

- Ba ơi ba! Má ơi má! Trâu mình nè...

Chú Tư, thiếm Tư mừng quýnh, tốc mừng chạy ra: Thằng Nhi về đó, coi dị hợm hơn mọi ngày, máng trên vai một đồng gì cao nghệu. Chú Tư xanh mặt. Nó thấy đồng ấy xuống đất:

- D.m. chết hết một con. Đem cặp sừng bộ da của nó về nè! Nặng gần chết. Đ.m. không lẽ bỏ luôn.

Thiếm Tư méo máo, mừng vì gặp được con, buồn vì mất hết phân nửa gia sản:

- Mô Phật. Mạnh giỏi hả con? Trời ơi! Con đi theo coi chừng mà làm sao nó chết? Dọc đường con có đau ốm gì không... Con, Con...

Chú Tư im lặng, buồn buồn. Mừng con, tiếc của là một lẽ. Nhưng còn lẽ khác đáng lo ngại hơn... Hồi nào tới giờ, thằng Nhi ăn nói đàng hoàng mà chuyển về này, trong câu nói hồi nãy, nó pha vô hai lần chữ ỉa mà nó không hay.

Thiểm Tư nhìn cặp sừng và bộ da trâu mà rơi nước mắt:

- Thôi! Làn này làn chót. Năm tới bán con trâu còn lại, không làm ruộng nữa. Đắt nước gì kỳ cục quá, cái xứ này...

Chú Tư nghiêm mặt:

- Nói bậy nữa đi. Đắt của mình, nước của mình mà bà dám nguyên rửa hả? Hồi nào cúng vái, bà nói bà phục ông bà đắt nước lắm mà...

Thiểm Tư đi ra sân lo đốt lửa để un trâu. Chú Tư cũng đến vuốt ve con trâu còn lại rồi trở vô thấy thằng Nhi đang chụp gói thuốc rê trên bàn; nó mở ra, xé giấy vẫn hút phì phà một cách tự nhiên, ngon lành.

- Ghiền rồi hả mậy? Chú hỏi.

- Hai ba bữa rày, hút có mấy điếu. Ở rừng, họ hút kịch liệt lắm kìa... ba.

Chú Tư đem chai rượu đế ra, rót vào chén. Chú thấy thằng Nhi hít mũi lia lia.

- Nhậu thì nhậu một chút cho ấm đi! Cỡ này mày sanh nhiều tật lạ.

Rồi chú day ra sân mỉm cười:

- Bà nó ơi! Coi thằng con của bà nè! Nó giống hệt tôi hồi nhỏ quá chừng.

Thiểm Tư chạy vào, không hiểu rõ đầu đuôi. Thiểm lau nước mắt rồi nấu cơm cho thằng Nhi ăn, dọn mừng cho nó ngủ... Chú Tư thức mãi tới khuya, thỉnh thoảng hé mừng dòm thằng Nhi. Mừng rộng rãi nhưng nó vẫn co rút như hồi nằm trong nóp chật hẹp. Tay và bụng của nó xăm đầy những chữ nho, chữ quốc ngữ. Không cần đọc kỹ, chú đoán đó là “ngũ hồ tứ hải giai huynh đệ” hoặc “ái tình vạn tuế” mà một tay hảo hớn nào đã xăm cho nó.

- Mình không lỗ lã gì đâu! Chú Tư lẩm bẩm một mình.

Chuyến đi lên trâu này, đưa con của chú nhiều tật xấu nhưng nó khôn lớn hơn, nghe thấy được nhiều việc mà ở nhà chú không nghe thấy. Chú ra sân. Dưới ánh trăng suông, con trâu Pháo bước tung tăng, nhịp móng xuống lớp phù sa mát rượi, đứng trên mặt đất hôm nay mà sao thấy hơi khác lạ hơn mặt đất hôm nao, cũng ở chốn này. Nó hình hình lỗ mũi như cổ phân biệt mùi thơm của cỏ núi hoa rừng với mùi thơm của mùi lúa sạ đang độ chín.

Sơn Nam, Việt Nam Đặng Tiễn

Sơn Nam nhà văn, tác gia hàng đầu trong nền văn học Việt Nam đương đại vừa qua đời trưa ngày 13 tháng 8, 2008, hưởng thọ 82 tuổi. Báo chí loan tin thường gọi ông là nhà văn Nam Bộ, vô hình trung, giới hạn tầm cỡ của một tác gia lớn; cách gọi như vậy, là ưu ái, vô hình trung khoanh vùng văn học, tạo nên một thứ văn học da beo, trên một đất nước đã đổ nhiều xương máu để đi đến thống nhất.

Sơn Nam sinh ngày 11.12.1926, tại làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá, nay là Kiên Giang. Tên thật là Phạm Minh Tài, nhiều tài liệu ghi Tày, có lẽ vì trên khai sinh ghi Phạm Anh Tày. Chữ Tài đúng hơn vì ông có người em tên Trí. Bút hiệu Sơn Nam là do kỷ niệm người vú nuôi gốc Miên, họ Sơn. Còn là một địa danh lịch sử, có từ đời Trần.

Ông học tiểu học tại quê, đến trung học mới lên Cần Thơ. Gia đình là nghiệp chủ khá giả, ông sống tuổi trẻ thong dong; giàu óc quan sát và trí nhớ, ông đã ghi tạc nhiều nếp sống thổ ngơi: hình ảnh nông thôn Nam Bộ trong truyện ngắn *Mùa len trâu*, nổi tiếng vì được dựng thành phim, là những kỷ niệm ấu thời trong ký ức Sơn Nam.

Tham gia kháng chiến Nam Bộ suốt chín năm chống Pháp, ông đi lại nhiều, có thêm cơ hội đi sâu vào thiên nhiên và đời sống nông thôn, nhất là Miền Tây, như Miệt U Minh. Ông giữ nhiều chức vụ từ cấp tỉnh, đến quân khu và xứ uỷ. Làm báo, viết văn, ông được giải thưởng của Uỷ

Ban kháng chiến Nam Bộ 1951-1952, với truyện *Bên rừng cù lao Dung*, nay thất lạc, và ký sự *Tây đầu đỏ* được giải nhì 1953-1954.

Sau hiệp định Genève 1954, Sơn Nam tự ý ở lại miền Nam, rời quê Rạch Giá lên sinh hoạt tại Sài Gòn. Tại đây ông sống vất vả bằng ngòi bút, viết cho bốn nhật báo, và viết truyện, phần nhiều đăng trên tuần báo *Nhân Loại*, thân kháng chiến, tồn tại được hai năm 1956-1958. Sơn Nam xuất hiện như là một nhà văn mới, và được chú ý ngay, như tập truyện *Chuyện xưa tích cũ*, 1957. Cùng năm đó nhà Trùng Dương của những người kháng chiến cũ có in mấy tập truyện mỏng, *Chiếc ghe Ngo*, *Đóng gông ông thầy Quít*, trong loại truyện *tin yêu đất nước*, ngoài bìa không ghi tên tác giả, nên giới biên khảo không để ý và trích dẫn.

Ông bị chính quyền Sài Gòn bắt giam tại Phú Lợi trong non hai năm, 1960-1961. Ông rất sợ nói chuyện chính trị và thường né tránh. Ra tù ông tập hợp 18 truyện thành tập *Hương Rừng Cà Mau*, đưa in ở nhà Phù Sa, 1962, là nhà xuất bản do ông và Ngọc Linh chủ trương. Thời đó, các nhà văn thường có nhà xuất bản. Truyện được nhiệt liệt hoan nghênh. Tạp chí Bách Khoa số 130, ngày 1.6.1962, có bài giới thiệu nồng hậu : « *giọng kể chuyện của tác giả thường khi rất giản dị, không có chút gì trau chuốt (...) nhưng chỗ tài tình của Sơn Nam là sau cái bề ngoài giản dị như vậy, ông vẫn tỏ ra là người hóm hỉnh, và sắc bén, diễn tả được sự thực tâm lý tế nhị* ».

Tác giả lời bình này là... Võ Phiến, nhất định không phải là « đồng chí » với Sơn Nam – nếu quả là ông này nằm vùng.

Đến 1975, vấn đề lại được nêu ra : Sơn Nam được đề cao, hay phê phán vì cái huy chương hai mặt này. Riêng Võ Phiến thì trước sau vẫn công bằng và chung thủy. Năm 1993, ông còn viết : « *Nói gọn thì chính trị Việt Nam chỉ có hai phía, mà đời ông lại chia làm ba phần : đoạn đầu và đoạn chót thuộc phía cộng sản, đoạn giữa thuộc phía quốc gia (...). Tính ra thời gian ông ở bên quốc gia ngắn, mà thành tích thời ấy chiếm phần quan trọng hơn cả trong đời văn của ông* » [1] Nói cho có đầu có đuôi, cho minh bạch, chứ trong chuyện văn chương không ai tranh cãi tranh quạt làm gì. Ngoài ra, định mệnh viên mãn của một trái cây, là lúc chín muồi, ngon ngọt chứ không phải lúc đơm hoa kết nụ hay số phận về sau.

*

Sơn Nam là nhà văn điệu nghệ. Trong *Văn Minh Miệt Vườn*, 1970, ông có nói ở chương cuối : điệu nghệ là do chữ đạo nghĩa. Ở Sơn Nam hai chữ này đồng hoá.

Đạo nghĩa là nhân ái, thủy chung. Nhân ái không những với đồng hương Miệt Vườn, đồng bào Việt tộc, đồng loại nhân sinh, mà còn nhân ái với cảnh vật, kể cả con cá sấu khó thương.

Truyện *Sông Gành hào* kể việc chú Tư Đức phải gian nguy mới triệt hạ được con cá sấu vô cùng hung hiểm *tu luyện hằng trăm năm* ; nhưng triệt nó rồi thì Tư Đức tha cho con thứ hai đi đôi, vì *giết một con đủ rồi, giết hết mình có tội với Trời Đất*.

Ông Năm Hên có tài *Bắt Sấu Rừng U Minh Hạ* : bắt hằng năm mươi con, *lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau, chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình ... Con này buộc nối con kia, đen ngòm như khúc cây khô...*

Năm Hên vừa bơi xuống vừa hát, *giọng nghe ảo não, rùng rợn* :

Hồn ở đâu đây

Hồn ơi ! hồn hỡi...

(...) U Minh đỏ ngòm

Rừng tràm xanh biếc !

Ta thương ta tiếc

Lập đàn giải oan

Loài cá sấu cũng là chúng sinh, giết nó rồi thì giải oan, thờ cúng. Nhưng đến chiếc xe đồ cũ, cà tàng cà rịch cà tang, cũng được ưu ái, người lái xe già nua nói : *con ngựa này già quá rồi. Vài năm nữa cho nó vô nhị tí xe hơi của Chệt ve chai. Còn tôi thì về vườn xuống lỗ (...) nhưng khách bộ hiền sẽ về đâu ? Họ cúi đầu nhìn xuống, hình dung cái lúc mà xác chiếc xe này hoá ra quỷ vô thường, từng bộ phận của nó sẽ trở thành những mảnh sắt vụn, cái đục, con dao yếm,*

như khi con trâu chết thì phân thây ra làm con cò, lược chải đầu, mặt trống... Sanh kể sẽ đưa đây họ về đâu ? (...) Hoặ họ lê gót khắp đô thành, ăn gỏi nằm chờ, nhìn lá me rụng bên vệ đường, nhìn bóng mát cây trứng cá nhà ai, rồi hững hờ dang tay hái trộm thử một trái để tự an ủi.

Truyện *Đường về Quê* này, Sơn Nam viết, và Võ Phiến đọc, vào năm 1955, khi cả hai mới từ kháng chiến về thành. Bốn mươi năm sau, 1993, Võ Phiến ở Los Angeles còn nhớ « *chao ôi, bụi ngùi thương cảm biết chừng nào cái hình ảnh bàn tay dang ra hững hờ hái thử một trái trứng cá « nhà ai ».* Xin thú thực là ngót bốn chục năm xa làng xóm quê nhà, tôi vẫn bị hình ảnh nọ ám ảnh dai dẳng » (sđd, tr. 1353).

Trong văn chương, độc giả lý tưởng là người đồng cảnh, đồng thời, đồng tuổi, cũng viết văn gần nhau (Ngoài đề, và chủ quan : nếu Sơn Nam nằm vùng, ắt Võ Phiến biết, và sẽ không viết một lời cảm khái như vậy, vào 1993).

Tinh thần đạo nghĩa ở Sơn Nam vượt địa giới Nam Bộ rất xa. Nội dung chính trị trong *Hương Rừng Cà Mau*, những chuyện xảy ra khoảng 1930-1940, chủ yếu là tinh thần chống thực dân Pháp. Nhưng người Pháp, trên tư cách cá nhân, không phải ai ai cũng xấu. Thậm chí có người thật tốt, nhân hậu như ông Tây kiểm lâm tên Rốp trong *Sông Gành Hào*.

Ca ngợi phong cảnh, phong tục quê hương, dĩ nhiên là hoài cổ. Quê hương, nơi nào cũng vậy, là cái đang tàn phai. Nhưng đặc điểm của Sơn Nam là, trong mơ mộng và hồi tưởng, ông không níu kéo dĩ vãng. Chống Pháp, không thể múa roi đi quờn như chúa đảng Cánh Buồm Đen. Ông tin ở khoa học, lịch sử, cộng đồng và hướng về tương lai.

Sơn Nam kết luận *Văn Minh Miệt Vườn : văn hoá là sức sống luôn luôn hiện đại hoá* (tr. 218).

Về mặt này, ông khác với Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tuân, Võ Phiến, Tô Hoài. Trên cơ bản, sự khác biệt nằm ở bản chất bốn tác giả kể trên có tinh thần hoài nghi, chất hoài nghi này không có, hoặc ít có hơn nơi Sơn Nam. Nhưng kết với Sơn Nam họ hợp thành Ngũ Nhạc trong văn học Việt Nam.

Sơn Nam là nhà văn Việt Nam, không chỉ riêng cho Nam Bộ. Dù cả đời ông mới đi từ Cà Mau lên tới Sài Gòn, phong cảnh và tâm cảnh của ông chỉ xê dịch trên sông nước Miệt Vườn. Trong *Người Việt có dân tộc tính hay không* (1969) Sơn Nam « khẳng định » : *không có người Việt Miền Nam mà chỉ có người Việt Nam.*

Sơn Nam dung dị, từ tốn. Ông có viết : *Thái độ ôn hoà khiến nhiều người lầm tưởng rằng dân Miệt Vườn quá bở, không sâu sắc. Bất cứ đạo nào, triết lý nào đem phổ biến thì cũng có người theo. Nhưng người Miệt Vườn chỉ theo với thái độ « ba phải » cầu vui.*

Nhìn dưới một góc độ nào đó, nhất là bề ngoài, thì Sơn Nam cũng thuộc dạng *ba phải cầu vui*. Điều này khiến ông không dấn thân vào một cuộc đấu tranh chính trị dài hạn, ông giống như một mảng lục bình bập bênh bấp bênh trên dòng thác lũ, nhưng trước sau vẫn thủy chung, sống chết với một lòng sông. Đọc lại, đọc kỹ văn ông suốt nửa thế kỷ, ta sẽ gặp niềm chung thủy đó. Mà thương cho những oan khiên.

Thoạt kỳ thủy, dường như dòng đời đẩy đưa ông trôi dạt đến văn chương, chứ ông không cao vọng. Bút hiệu Sơn Nam nhắc lại tên họ người vú nuôi gốc Khmer, họ Sơn. Bút hiệu từ tốn, không tham lam như Phú Đức, không cao đạo như Biểu Chánh, không bay bổng như Phi Vân, không thâm thúy như Bình Nguyên Lộc. Nhưng ông vẫn là khách tài hoa bậc nhất.

Đạo nghĩa, Sơn Nam là tay điều nghệ. Có những đoạn văn ông viết thật hay. Như trong *Gia Định Xưa*, 1984, sách nghiên cứu, nghiêm túc, uyên bác, viết đều tay, văn nghị luận luôn xen vào hình ảnh thi vị :

Mùa lụt, cá nước ngọt trôi theo nước ra khá xa vàm biển. Ngược lại, tới mùa khô, cá biển và cá nước lợ lại theo thủy triều mà vào sâu trong lòng sông. Cá rô với vây cứng có thể lóc đi trên bùn đất khô. Cá trê, rùa, lươn có thể sống trong bùn mà không ăn uống trong vài ba tháng nắng. Cá sặt để trứng trên khô, mùa nắng trứng bay tung theo gió rồi đập xuống như hạt bụi để nở ra trong vùng nước đầu tiên của cơn mưa đầu mùa. Con cò quắm, nhan sen, trích ré, trích cò là chim trời nhưng đậu và ngủ trên bùn. Chim bồ nông, già sói ở mũi Cà Mau quen bay từng đàn đến tận Biển Hồ đất Campuchia để ăn cá mùa lụt rồi trở về rừng cũ (tr. 11).

Sơn Nam đã sống thấm thía ý văn rồi mới viết ra được một câu súc tích như vậy. Rung cảm phải sâu lắng lắm, câu văn – tình cờ – mới đưa đến chữ cuối cùng : *rừng cũ*. Câu văn dài tả cảnh, đọng lại hai chữ cuối cùng, nặng trĩu tâm tư. Nỗi lòng Sơn Nam, đầu đó, là *rừng đọi chim* về như đầu đó, trong thơ Nguyễn Trãi.

Sơn Nam ưa nhắc những món ăn quê kiểng, *cá dứa nấu với trái bần chín : vùng nước lợ, gần cửa sông, cá dứa lớn lên nhờ ăn trái bần chín rụng xuống, rồi khi làm canh chua người ta lại hái trái bần chín mà nấu trở lại* (tr. 83).

Không biết món canh bần cá dứa này ngon đến mực nào, nhưng nó chứng tỏ cấu trúc thi pháp trong Sơn Nam, cái ngôn ngữ thơ tiềm ẩn trong tư tưởng. Không có óc thi nhân thì không viết được *Hương Rừng Cà Mau*, ví dụ như truyện *Con Bầy Đò Đưa*.

Balzac (1799-1850) là nhà văn Pháp, lừng danh về sự nghiệp tiểu thuyết đồ sộ. Gần đây, các nhà dân tộc học còn nhận ra nơi ông một đồng nghiệp đi tiên phong. Bậc thầy của ngành dân tộc học thế giới, Claude Lévi-Strauss đã tham chiếu Balzac để dẫn nhập cuốn *La Pensée Sauvage*, Tư duy hoang dã (1962) kinh điển. Giới dân tộc học lắp ráp những dữ kiện rời rạc – những văn liệu rải rác – đưa đến kiến thức tổng quát và hữu cơ về xã hội, về văn hoá một dân tộc, chủng tộc, như Sơn Nam mong ước khi viết những khảo luận về phong tục, nếp sống Miệt Vườn.

Ở Việt Nam, Tô Hoài đã từng được một nhà phê bình Nga đề cao về những đóng góp vào dân tộc học. Mai kia một nọ, sẽ có người khai thác được giá trị xã hội, văn hoá mà Sơn Nam để lại qua khoảng 300 tác phẩm và hàng vạn trang bản thảo chưa được in ấn.

Một nhân vật của Sơn Nam, ông Từ Thông, sống một mình trên hoang đảo, hòn Cổ Tron, trong vịnh Xiêm La ; một hôm nhớ cảnh nhớ người, ông về đất liền, bị bắt giam vì không có giấy tùy thân ; được thả, ông trở về đảo. Người lục địa thỉnh thoảng nhớ ông già quái dị – như người hôm nay, và mai sau, nhớ Sơn Nam :

Chiều khi ra bờ biển câu cua, đẩy xip, người ta nhớ ông Từ Thông như nhớ một cái vỏ ốc xa cừ ngũ sắc tấp vào bãi bùn. Như nhớ vài trang sách Phong Thần tình cờ lượm được trong ngăn tủ bỏ quên, những trang sách rách nát hơi khó hiểu vì thiếu hồi thứ nhứt và không có hồi sau phân giải.

Câu văn viết năm mươi năm trước, tiên tri cho một văn nghiệp và một kiếp người.

*Phụ chú : Giữa người Việt với nhau, nói chuyện gì cũng khó.
Nói chuyện gì, rồi cũng buồn*

Sơn Nam & Tình nghĩa giáo khoa thư Nguyễn & Bạ hữ



Sơn Nam và Bình Nguyên Lộc là hai nhà văn tiêu biểu của miền đất Phương Nam. Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tài sinh ngày 11.12.1926, tại làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang). Do sự nhầm lẫn của nhân viên hộ tịch, tên khai sinh của ông bị viết sai thành Phạm Minh Tày. Thuở nhỏ ông học tiểu học tại quê nhà, rồi học trung học tại Cần Thơ. Năm 1945, ông tham gia hoạt động giành chính quyền ở địa phương, rồi lần lượt công tác ở các hội văn hóa và chính trị trong vùng. Bút danh Sơn Nam ra đời trong thời gian này, để tưởng nhớ người phụ nữ Khmer đã cho ông bú mớm thời thơ ấu (Sơn là một họ lớn của người Khmer, Nam là để nhắc nhớ mình là người phương Nam). Sau Hiệp định Genève 54, ông về lại Rạch Giá.

Năm 1955, ông lên Sài Gòn hoạt động báo chí tự do và tiếp tục viết văn, cộng tác với các báo: Nhân loại, Công Lý, Ánh sáng, Tiếng chuông, Lẽ sống... Năm 1960-1961, vì hoạt động chống đối, ông bị chính quyền Việt Nam Cộng Hòa bắt giam một thời gian. Được thả ra, ông tiếp tục làm báo, viết văn và khảo cứu về Nam Bộ. Sau 1975, ông là một trong những nhà văn hiếm hoi của Miền Nam được chính quyền Cộng Sản đãi ngộ. Ông có chân trong Hội Nhà văn Việt Nam. Nhà văn Sơn Nam, qua những tác phẩm đã viết trong nhiều thời kỳ, được nhiều người gọi là “ông già Nam Bộ”, “ông già Ba Tri”, “ông già đi bộ”, “pho từ điển sống về miền Nam”... Ông qua đời ngày 13 tháng 08 năm 2008 tại Sài Gòn, được chính quyền Cộng Sản tổ chức tang lễ long trọng.

Tác phẩm

Chuyện xưa tình cũ (1958)
Tim hiểu đất Hậu Giang (nghiên cứu, 1959)
Hương rừng Cà Mau (1962)
Chim quỳên xuống đất (1963)
Hình bóng cũ (1964)
Vạch một chân trời (1968)
Gốc cây - Cục đá & Ngôi sao (1969)
Lịch sử khẩn hoang miền Nam
Đình miếu & lễ hội dân gian miền Nam
Danh thắng Miền Nam
Theo chân người tình & một mảnh tình riêng
Tim hiểu đất Hậu Giang & lịch sử đất An Giang
Xóm Bàu Láng

Theo nhà văn Lý Lan ở trong nước, “Hơn nửa thế kỷ gắn bó với nghiệp văn, những trang viết của ông là những khảo cứu, khám phá về mảnh đất phương Nam. Sáng tác của ông mang hơi thở của thiên nhiên, của văn hóa và con người Nam Bộ được thể hiện qua giọng văn giản dị, mộc mạc... Ông để lại cho đời 19 tác phẩm đã xuất bản và 3.000 trang chữ nghĩa chưa in thành sách. Trong số đó, người ta biết đến nhiều nhất, dù đọc hay chưa, là truyện ngắn Tình nghĩa giáo khoa thư. Trong truyện ngắn này, thầy Có và thầy phái viên báo Chim Trời, cũng như tác giả Sơn Nam, thuộc thế hệ lớn lên khi chữ Hán và chữ Nôm gần như suy vong cùng văn hóa Nho phong. Tiếng Việt được Latinh hóa, với tư cách “quốc ngữ”, cùng những câu chuyện văn chương đạo lý được sáng tác phù hợp tâm tình hoàn cảnh người Việt thời ấy, trở thành phương tiện phát huy tinh thần dân tộc và cổ súy văn hóa nước nhà. Tình nghĩa giáo khoa thư là tình nghĩa đồng bào, tình nghĩa của những người cùng tiếng nói và cùng ký ức văn hóa.”

Tình nghĩa giáo Khoa Thư



- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bê Ngọt lận! Để tôi ra lệnh cho phó hương ấp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo "Chim Trờì" giật mình.

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.

- À! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả? Hèn chi nó bơi xuống lên công sở lãnh báo, đúng bẩy bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền!

Thầy phái viên cố nén sự bực tức khi nghe người độc giả thân mến của mình bị thầy xã khinh khi; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự thất bại về tài chánh.

Ông độc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu cắc rưỡi. Từ chợ Rạch Giá vô đây, thầy đã tốn gần ba cắc rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyển về lại phải xuất thêm ba cắc nữa... Ông độc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo!

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì uổng cuộc viễn du Hậu Giang này quá! Thầy phái viên quyết tình bình vực thể diện của người độc giả nọ:

- Không phải tôi đi đòi tiền! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Độc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xã gắt đầu:

- Được. Để tôi biểu thằng "Trạo" chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Tên Trần Văn Có nói mười, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang Sa gởi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít Le, chuyện nước Ý đánh nước Á, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lối nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò:

- Vậy thì ông độc giả của chúng tôi rành chữ nho?

- Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò nghèo tên là người Thừa Cung gì đó... chần heo; ông quan đại thần Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè đâu bị lửa táp cháy râu. Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi! Hễ gặp ai say rượu anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ lơ...

Thầy phái viên cười lớn, nhịp mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như đánh trống chầu hát bội, đôi mắt sáng ngời, chân nhảy nhót như con nít:

- Hay quá! Hay quá! Tôi thăm ông độc giả đó mới được. Ông làm thầy giáo hả thầy? Nhờ thầy đưa tôi đi tới gặp mặt. Ngộ quá hen! Ủ! Ủ!

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ: "Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại tưng bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có. Chừng bận về, mình mua vài năm báo chơi cho biết mặt".

Thầy xã hối thúc cho chú trạo sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà Bê Ngọt.

Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rừ rừ như xa như gần, trong cuống họng:

- Ồ! Để coi các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ lơ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chế nhạo... Đúng vậy, Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp sơ đẳng, Việt Nam Tiểu học từng thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thiện soạn... Eo ơi! Cái buổi thơ ấy đó nay còn đau.

Đường đi ấp Cà Bê Ngọt quá xa vời! Chiếc tam bản nhún xuống một cái "ồ" rồi nhảy tới một cái "sạt" theo nhịp chèo hai chèo. Nắng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt.

Vài nhánh bình bát gie ra, quất vào bụi sột soạt. Xé chiều, cò trắng phất cờ như đón người

khách lạ. Trích, cúm nùm kêu ré lên. Con rạch thâu hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầu sóng gió. Ánh trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trạo mỉm cười:

- Chèo như vậy đi lệ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cưỡi trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...

- Chú trạo biết rành nhà Từ Có không?

- Dạ, biết. Từ Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Vãng Long xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...

oOo

Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu “ông cọt”. Anh trạo đã về, Từ Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuồng đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thứ nhì nữa, chấy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lưới tơ giăng bủa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Từ Có bỏ mũng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khói như vậy mà muỗi cứ bu lại rớt lênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén dờ mí mừng, chun lệ vào ngồi kế bên:

- Xứ gì lạ quá! Anh Từ ở đây hoài sanh bệnh chết.

Từ Có đáp:

- Xứ Cà Bậy Ngọt, tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu “len” tới đây thất bại, phong thổ ẩm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bệnh hoạn, thừa thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mắt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?

- Đông Thái, Đông Hoà, Đông Hưng, Vân Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Từ là độc giả báo Chim Trời của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Từ?

- Nói chí tình, đó là của người bà con ở Sài Gòn “dăng” dùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dàu nhà báo gửi xuống thiệt, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyển, có bài thơ bát cú vửa cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ! về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu Kè họa vắn...

Thầy phái viên gật đầu, ừ lấy lệ, thật ra hồi nào tới giờ đi cổ động cho báo Chim Trời mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Từ Có hỏi tiếp:

- Nhà báo Chim Trời đồng người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được.

- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

- Trời thần ơi! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sực nhớ đến tình trạng loe hoe của toà soạn, gật đầu lần nữa.

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, từ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách Quốc Văn giáo khoa thư, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chớ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hót “ca rê”, tay xách tòn ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc minh sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râm, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Từ Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài “chốn quê hương đẹp hơn cả” chớ gì?

Rồi chú đọc một hơi:

- Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: ông đi du sơn du thủy...

- Đò đa! Đò đa! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời: ở chống quê hương... từ cái bụi tre ở xóm vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chứa chan... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chần trâu cầm roi: ai bảo chần trâu là khổ... Không, chần trâu sướng lắm chứ.

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như voi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tôi nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ:

- Hay quá! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người...

Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. Trời nắng to.

Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trối bụng phơi và mồm kêu eng éc...

Tư Có vỗ trán:

- Còn ông già khuôn tảng đá nữa, thấy mà thương: Trời nhá nhem, chạng vạng tối, tôi thấy một ông cụ già hi hục khuôn tảng đá. Ông cụ nhắc lên để xuống đến bốn năm lần mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy... Lão đi lữ vấp phải tảng đá này, sầy cả chân đau lắm nên khuôn bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chẵng.

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ:

- Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen. Cha chỉ ngón tay, con đứng khoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Tu Có gất đầu:

- Đó là ngụ ý răn he gương tốt thói xấu. Phải siêng năng như Sừu chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách; đừng lười biếng như thằng Bình đánh vòng. Phải bền chí học hành. Ở thầy phái viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi! Văn chương nghe như đờn Nam Xuân: Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy và dây cưa mãi cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...

oOo

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì: Kẻ mền cái thú ở nhà quê, người lặn đạn với cái thú ở kẻ chợ.

Năm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe những tiếng động trong nhà, giữa tiếng một nghiến gỗ kèn kẹt như người đưa võng, bất chấp tiếng chuột chạy sột soạt và nhất là tiếng muỗi rùng lộng hành kêu vo vo, thầy mơ lại những ngày năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không... lêu lổng nữa. Còn đâu mùi hương của những quyển sách mới bao bì kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bìa! Làm sao nghe được tiếng phập phồng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cởi áo phơi ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lâu lâu bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thầy xã, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá cay nghiệt đã dùng thước đánh vào những đầu ngón tay non yếu, hoặc hươi cây thước báng...

Dầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chụp cho được cây dùi trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ:

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

Thầy phái viên yên lặng, trời mới mưa, các chỗ trũng đầy nước cả nên cóc và nhái kêu ính ỏi.

Vài giọt mưa rớt nhẹ xuống đất... Và rơi trên rạch Cà Bầy Ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là

giọt nước trong lành đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chứa đựng rác rến, chảy hăng ra biển. Ư, họa chăng đó là con đường hiệu quả nhất là được sớm bốc thành hơi, dầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khoái mỉm cười ngồi dậy hỏi:

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thâm tiền.

- Đâu có! Đâu có! Mình là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi "đăng" là vì ái mộ báo Chim Trôi chớ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tính không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động:

- Thôi thầy ngủ lấy sức để mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo cộc kêu, thầy đừng giựt mình: Ở đây miệt rừng, không có... xa xa thì nghe tiếng chó sủa trắng.

Thầy phái viên cười dòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai "Ồi! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bê Ngọt sao mà buồn vậy!". Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao Vọng Cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.

Sơn Nam xuyên bờ: Tình nghĩa giáo khoa thư ở đầu thế kỷ 21 Đình Từ Bích Thủy

Đối với người làm văn chương, lắm khi thân xác còn đó, mạnh khỏe, nhưng cảm quan đã cần cỗi, không lột da được. Kinh nghiệm bản thân của tôi là nên "tập dưỡng sinh" cho con tim, cho bộ thần kinh trong suốt thời gian quyết định: Giữa 55 và 60 tuổi. Thấy cho được cái mới, vì đời luôn luôn đổi mới, đồng thời thấy cho được cái cũ đang được sơn phết, tự nhận là cái mới. Tò mò, với nụ cười khoan hoà, không nên luyến tiếc những gì gọi là thơ mộng của thời Trung cổ, đầy rẫy sự áp bức đối với người lao động để đem lại cái địa vị cho kẻ sĩ...."

Sơn Nam

Sơn Nam (tên thật Phạm Minh Tày) định nghĩa một người viết truyện ngắn như họa sĩ "vẽ tranh tứ bình, vẽ đóa hoa, vài chiếc lá để cho người xem thấy cả một vũ trụ hoặc trang trí cho cái chén trà nhỏ, phải gọn, nét rõ rệt và phạm vi hoạt động lại bị hạn chế." [1] Từ cách phân tích tỉ mỉ từng khía cạnh tâm lý của dân miền Nam sinh sống ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhà văn đã tạo cho độc giả, trong và ngoài nước, một khái niệm đặc trưng, nhưng bất hủ và đa hóa về con người Việt Nam nói chung. Chính bút hiệu của ông đã lấy họ Sơn từ tên một bà vú người Khmer, là người đã nuôi nấng ông suốt quãng đời ấu thơ. [2]

Trong lúc sinh thời Sơn Nam sáng tác khoảng 300 truyện ngắn, bao gồm tuyển tập *Bên Rừng Cù Lao Dung*, được đoạt giải nhất trong kỳ thi văn chương Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 1951. Một tuyển tập truyện ngắn khác, *Tây Đầu Đổ*, cũng đoạt giải văn chương năm 1952. *Hương Rừng Cà Mau*, có lẽ là tuyển tập truyện ngắn nổi tiếng nhất của Sơn Nam, được xuất bản năm 1962. Hai truyện ngắn trong tập này, "Mùa Len Trâu," và "Một Cuộc Bể Dâu," được kết hợp thành kịch bản cho phim "Mùa Len Trâu" của đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh, ra mắt năm 2004 và đã đoạt nhiều giải liên hoan phim quốc tế.

Sơn Nam, ngoài nghề viết văn, còn có biệt tài "đi bộ" qua những vùng quê miền Nam và được coi như một học giả chuyên môn về văn hóa miền Nam qua nhiều sách biên khảo: *Văn Minh Miệt Vườn*; *Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam*; và *Đồng Bằng Sông Cửu Long: Nét Sinh Hoạt Xưa*. Nhờ kinh nghiệm phong phú, nhà văn đã được cử làm cố vấn cho phim *Người Tình (L'Amant)* phỏng từ tiểu thuyết của nhà văn Pháp Marguerite Duras, và ra mắt năm 1984. Trước năm 1975, Sơn Nam cũng xuất hiện trong phim *Đất Khổ* của đạo diễn Hà Thúc Cần, đóng vai một phóng viên thích ngồi lê đôi mách về những dư luận của Sài Gòn trong thời loạn. Người đọc ở đầu thế kỷ 21 có thể đọc những tác phẩm của Sơn Nam như một cách "khẩn hoang" và định giá lại quá khứ của một thời. Những truyện ngắn của Sơn Nam, như truyện *Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư* (lần đầu tiên xuất hiện trên tuần báo *Nhân Loại* vào khoảng năm 1957-1958 và về sau được in lại trong tuyển tập *Hương Rừng Cà Mau*-một truyện mà Sơn Nam rất thích và tự nhận rằng ông phải "suy nghĩ rất kỹ, nghiền ngẫm mơ hồ để một vài năm sau mới viết ra") nên được đọc lại và thảo luận trong bối cảnh văn chương mạng của ngày hôm nay.

Trong truyện, thầy phái viên nhà báo *Chim Trời* ở Sài Gòn xuống tận xóm Cà Bầy Ngọt ở Rạch Giá tìm ông độc giả Trần Văn Có để tìm hiểu tại sao ông độc giả chưa chịu trả hai đồng sáu cắc rưỡi tiền mua báo dài hạn. Truyện có không khí đậm thắm, nhưng cũng buồn buồn cay đắng. Thầy phái viên thành thị và ông độc giả miệt vườn, thay vì đề cập thẳng đến chuyện trả tiền báo, tạo được mối tương quan đậm đà qua chữ nghĩa và tranh minh họa như được sống dậy từ những tập *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* mà cả hai đã học và nhớ lại từ thời thơ ấu. Cái "buồn buồn cay đắng" là sự tương phản giữa niềm tin trong trắng của ông độc giả nhà quê về sức mạnh của chữ nghĩa và guồng máy thông tin, với quan điểm nửa nhẩn nhục, nửa *cynique* của thầy phái viên về nghề làm báo mà thời nào cũng bị hạn chế vì thiếu tài chính, nhiên liệu và kỹ thuật:

- Nhà báo *Chim Trời* đồng người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được?
- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.
- Trời thần ơi! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm Còn mấy ông chủ tiệm, chủ bút, phóng viên Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sực nhớ đến tình trạng leo heo của tòa soạn, lại gật đầu lần nữa.[3]

Một đoạn trao đổi súc tích, nhưng vẫn thắm thía cho đến ngày hôm nay. Tôi tưởng tượng, lúc này, thay vì phải chèo thuyền như thầy phái viên đến vùng Rạch Giá Cà Mau để tìm mối tương phùng với độc giả, tôi có thể ngồi trước máy tính, đánh điện thư đến thẳng một độc giả, sống ở một nơi xa xôi hẻo lánh nào đó ở bên kia địa cầu. (Da Màu, với chủ trương văn chương không biên giới, có lẽ cũng như tờ *Chim Trời* của Sơn Nam bay vào ... thế kỷ 21. Tôi không hiểu người độc giả vô hình này có những khái niệm gì về Da Màu: họ có nghĩ, như ông độc giả ngây thơ miệt vườn của Sơn Nam, rằng chúng tôi là những ảo thuật gia thêu dệt những thế giới không tưởng trên mạng, hay họ đã biết tông tông rằng chúng tôi chỉ là những con người bị ... mất ngủ kinh niên, hoặc vẫn mộng du giữa những quãng thời gian hỗn tạp, hàng đêm gõ lạch cạch trên những phím của máy tính để trốn thoát cái khe hẹp của đời sống thường nhật?) Trở về thời gian của hơn 50 năm trước: vào năm 1956, tờ báo *Nhân Loại* ra đời, quy tụ nhiều nhà văn có tiếng của miền Nam như Bình Nguyên Lộc, Trang Thế Hy, Ngọc Linh, Lê Vĩnh Hòa, Sơn Nam.... Võ Phiến nhận xét trong quyển *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*:

Vì lý do chính trị, những người trong nhóm Nhân Loại về sau bỏ trốn theo Cộng sản, rồi tờ báo cũng đóng cửa luôn. Như đã nói, chính sách Việt Minh từ liên khu VI vào Nam không giống từ liên khu V trở ra, như vậy thái độ chính trị của đồng bào ta ở hai nơi không giống nhau Cái khuynh hướng chính trị của Nhân Loại không thích hợp với không khí của Sài Gòn vào độ ấy. Duy Sơn Nam, như Bình Nguyên Lộc, suốt 20 năm trước 75 vẫn giữ sự dè dặt, không đề cập đến chuyện chính trị

[Sau khi báo Nhân Loại đóng cửa], cả hai vị cũng không có chủ tâm kỳ thị, đối với bạn bè Trung Bắc rất hòa nhã, thỉnh thoảng vẫn có bài đăng ở các tạp chí do người Bắc chủ trương.[4]

Tôi thích truyện *Tinh Nghĩa Giáo Khoa Thư* vì ngay trong truyện, từ hơn 50 năm trước, Sơn Nam đã cố trám lại những dị biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ đọc, giữa ngôn ngữ "miền Nam" và ngôn ngữ "miền Bắc," giữa ngôn ngữ thành thị và ngôn ngữ thôn quê, giữa khái niệm "tiền" như một đơn vị đổi chác trong một xã hội văn minh và khái niệm trao đổi dựa trên nền văn hóa nông thôn tràn đầy tình cảm, với những sản phẩm như "cá lóc, rùa, mật ong," hay một bữa cơm ngon với "cá lóc nướng trui và rượu "ông Cọp" mà ông độc giả miệt vườn đã thết đãi nhà báo. Thầy phái viên và ông độc giả, cả hai là người miền Nam, hình như không thấy sự khôi hài mâu thuẫn trong cách gọi nhớ lại đoạn văn ...rất tính chất Bắc Kỳ, trích từ Quốc Văn Giáo Khoa Thư:

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ

-Hay quá! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người

Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. Trời nắng to.

Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trói, bụng phơi và mồm kêu eng éc[5]

Đọc xong đoạn trên, tôi tưởng tượng nghe được giọng người Nam hồn nhiên phiên âm chữ "lợn" và "mồm." Tôi tin rằng đây chính là "cái cảm động lòng người," cũng là cái bùi ngùi ngọt đắng ... khi ngôn ngữ "giáo khoa" của miền Bắc không còn là một cản trở cho sự tiếp cận của người miền Nam, khi những mảnh đất khẩn hoang của miền Nam đã được đồng hóa (thống nhất?) và lúc đó, không hiểu ông độc giả nhà quê có còn "ngây thơ trong trắng?" Sơn Nam dùng truyện ngắn ở giây phút lửng lơ của giao cảm (vì trong đời sống thực tại, "miệt vườn" vẫn còn xa "kẻ chợ"):

Thầy phái viên cười dòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai. "Ôi, cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bê Ngọt sao mà buồn vậy!" Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao Vọng Cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.[6]

"Tinh nghĩa giáo khoa thư" vào thời của Sơn Nam là cái tình tương trợ, đoàn kết của một dân tộc cùng nói một thứ tiếng, cùng chia xẻ một văn hóa, bất kể yếu tố địa lý, giai cấp xã hội hoặc trình độ kiến thức. Tuy nhiên, ngay trong thời điểm này, Sơn Nam đã nhận thức đây là một tình nghĩa được lý tưởng hóa, vì sự tương đắc của thầy phái viên và ông độc giả nhà quê chỉ là mối giao cảm ngắn ngủi, tồn tại không quá một buổi tối. (Ngay trong lúc chia sẻ quan điểm, ông độc giả nhà quê cũng nhận định rằng, "Phần nhiều bài vở của [Chim Tròi] viết cao quá.") Sáng ra, mỗi người lại trở về đời sống và nghề nghiệp thường nhật của họ, và có lẽ họ cũng sẽ không bao giờ gặp nhau lại. Mối giao cảm tương phùng đó có thể chỉ là một kỷ niệm đẹp, hay một khát vọng (không khác gì số mệnh ngắn ngủi của tờ báo *Nhân Loại* do khuynh hướng "nhập bưng" của ban biên tập đã không hòa hợp với không khí thành thị đợt sống mới của người Sài Gòn thời đó.)

Vượt thời gian khoảng hơn 30 năm, ở một môi trường hợp chủng, đa văn hóa, cách xa vạm dậm môi trường đồng bằng Cửu Long của Sơn Nam, nhà văn Trần Vũ, trong bài nhận định *Những Vòng Tường Ghetto* xuất bản năm 1991, tỏ thái độ bi quan trước hiện tượng "sáo" là hiện tượng mà anh cho rằng đã ăn sâu vào dòng "hoài cảm" của nền văn học hải ngoại tự coi mình là "chính thống." Trần Vũ chỉ trích sự tự mãn của dòng văn học này vì nó không chất vấn hay lật đổ những nền nếp cũ, mà còn xây thêm nhiều vòng tường để chôn sống sự sáng tạo, cho đến lúc "người ở trong và kẻ ở ngoài không còn nhìn được thấy nhau." Theo Trần Vũ, trong thập niên 1990, một số người viết thuộc dòng miệt vườn/hoài cảm, trong tinh thần muốn "về nguồn" (bằng cách "tự lập lại chính mình" trong cách pha chế, hâm nóng lại những bồn xưa, với "ý tứ đơn giản đến độ bần cùng ... [và] những câu văn [cố tình] viết sai chính tả, chen nhiều thổ ngữ ...[lúc thì] chân chất, lúc bạt mạng ...") đã trở thành những anh nhà quê, dù ở trong xứ sở tự do.[7] Ngược lại, những nhà văn trong nước, trong cách viết "bồng rập, tàn bạo," đã đoạt chức vị tiên phong. Trần Vũ cảm nhận hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp, một nhà văn trước là:

Người giáo viên miền núi, đèo heo hút gió, nơi của những bằng làng tàn tạ xác xơ, không có gì ngoài những ngọn gió Hua Tát. Không sách vở, không thư viện, không trường đại học, lấy đầu

để viết những giòng chữ kinh khiếp như Không Có Vua? Thiên tài, thi sĩ, họa sĩ, văn hào là ở bẩm sinh mà có. Không có gì dạy dỗ, nuôi nấng, đào tạo, "vỗ" cho béo được. Viết văn là một hành động tự phát. Sự thức giấc của tiềm thức. [8]

Tuy nhận định của Trần Vũ không hoàn toàn sai, cái nhìn của anh phản ánh khuôn khổ của một thời đã qua, và cũng có phần lãng mạn hóa những yếu tố đào tạo nên một nhà văn. Viết văn không hẳn là hiện tượng "tự phát," mà đúng ra là chuyện thai nghén cưu mang qua nhiều năm tháng. Nguyễn Huy Thiệp thật ra cũng có một kiến thức văn hóa giáo dục sâu rộng hơn "những ngọn gió Hua Tát." Theo lời học giả Greg Lockhart, trong thời điểm cải cách ruộng đất ở miền Bắc vào thập niên 1950, dù ở giữa những xáo trộn đói khổ, Nguyễn Huy Thiệp đã được mẹ gửi cho về sống trong một ngôi nhà thờ Thiên Chúa Giáo ở vùng quê. Tại đây ông đã được học đạo và đọc Kinh Thánh trước năm lên mười. Sau đó Nguyễn Huy Thiệp trở về Hà Nội để theo học cấp Trung Học và sau đó đã theo môn sư phạm. Ở đại học, nhà văn đã đọc và thấm nhuần kinh sử Tư Mã Thiên, truyện Tam Quốc Chí, và những tiểu thuyết nổi tiếng của những văn hào người Nga.[9]

Truyền thống văn học của một dân tộc là một quãng đường dài, với nhiều khúc quanh, ngõ rẽ, không phải là một hình chụp nhất thời. Chính Trần Vũ, trong một điện thư gửi ngày 19/8/08 cho người viết, cũng nhận thấy rằng, "nhánh phong tục miệt vườn là một nhánh sáo nhất, và như tiên đoán đã chìm xuống, suy thoái, gần như biến mất trong dòng văn chương di dân bây giờ." Nguyễn Huy Thiệp vào năm 2008 cũng không còn viết những giòng chữ kinh khiếp nữa. (Từ lúc "tiềm thức được đánh thức," hiện giờ nhà văn đang làm gì?)

Tương phản với lời nhận định ... hơi thái quá của Trần Vũ về thiên tài bẩm sinh của một văn hào, đoạn văn trong *Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư* của Sơn Nam có thể áp dụng vào trường hợp của những nhà văn Việt ở ngoài nước, sống mòn mỏi như đã trảng trong những thế giới hệt hẵng, cách biệt:

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì: kẻ mền cái thú ở nhà quê, người lặn độn với cái thú ở kẻ chợ. [10]

Tuy đoạn văn trên của Sơn Nam vẫn còn là một hình ảnh trung thực về thân phận nhà văn Việt lặn độn với chuyện sinh nhai nước người và nghiệp viết văn trong tiếng Việt bên lề nền văn học bản xứ, hình ảnh này không nên được coi là một tình trạng bất di bất dịch. Nếu sợi dây đứt thì chuyện gì sẽ xảy ra? Trên một hành trình dài ... vô tận, biết đâu sợi dây đứt sẽ được thay bằng một sợi dây khác, mới và "tân tiến" hơn, và cứ như thế, lần lượt, hết sợi này đến sợi khác, tiếp nối, cho đến lúc gỗ đứt? Như nước sẽ chảy mãi, cho đến lúc đá mòn? Sơn Nam, cho dù với những nhận xét sâu sắc, cũng không thể tiên đoán được thời đại "văn chương không biên giới," khi mạng lưới thông tin và quá trình di dân đã chất vấn hoặc định nghĩa lại những khái niệm về "thành thị," "thôn quê," trong, "ngoài." Hơn nữa, cái ranh giới giữa thành thị và thôn quê thực ra không nhất thiết chỉ áp dụng cho ranh giới trong và ngoài nước mà ngay cả trong bất cứ một nội địa nào giữa các "vùng" khác nhau.

Đồng thời, các nhận định dựa trên sự cách ly về mặt không gian của những thập niên trước đây không còn thích hợp với tình cảnh trong ngày hôm nay. Liệu chúng ta phải có mặt ở Việt Nam để "về nguồn"? Hoặc những người đang sống ở Việt Nam phải ra khỏi nước để "xuất ngoại"? Liệu khái niệm khẩn hoang của Sơn Nam có thể vượt qua bối cảnh đồng bằng Cửu Long, để áp dụng trực tiếp vào vận mệnh của tiếng Việt, của bất cứ xã hội Việt nào trên hoàn cầu?

Nền văn học trong tiếng Việt, ở đầu thế kỷ 21, cũng cần đến những người trẻ chào đời và lớn lên ở ngoài lãnh thổ nước Việt. Trong một lớp hệ tiếng Việt, các em học sinh mặc dù chưa thấm nhuần văn phạm tiếng Việt, chưa vượt qua trình độ sơ đẳng của những sách dạy tiếng Việt sao lại từ chương trình Quốc Văn Giáo Khoa Thư của thế kỷ trước, vẫn tự tin để mơ ước đến một ngày nào đó, tiếng Việt, với những dấu, những âm trầm bổng, sẽ được người Mỹ áp

dụng như một cách chữa bệnh. Em Benjamin Nguyễn Minh Khánh, 12 tuổi, học sinh lớp 6 theo học trường hè tiếng Việt ở vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, đã viết như sau:

Con mong là mai một người Mỹ sẽ học tiếng Việt. Tuy học tiếng Việt cũng khó, nhưng nếu người Mỹ già mà học nó thì nó sẽ làm họ suy nghĩ nhiều. Nếu họ suy nghĩ nhiều, thì chính tiếng Việt sẽ giúp họ chống bệnh lú lẫn trí nhớ như bệnh Alzheimer.

Đây là tinh thần tự tin của giới trẻ Mỹ gốc Việt. Được rèn luyện trong một môi trường hợp chủng được ví von như cái nồi "tả pí lù" (melting pot), tinh thần này không có một mặc cảm tự ti về văn hóa Việt, vì thế sẽ mang tiếng Việt, văn chương Việt qua vòng rào ghetto của những thập kỷ trước. Một ngày nào đó trong tương lai, tiếng Việt, văn chương Việt, sẽ không còn ở bên lề văn hóa Hoa kỳ, mà sẽ trở thành một lựa chọn trong giòng văn hóa được coi là "bản xứ." Tệ trạng "sáo mòn" mà Trần Vũ đã coi như một khía cạnh tiêu biểu của nhánh văn chương miệt vườn/hoài cảm, nếu vẫn còn vương vấn trong nền văn học hải ngoại, chỉ hiện hữu ở trong những tác phẩm nửa mùa, không Tây mà cũng chẳng ta, vẫn luyến tiếc thời quá khứ cũng chẳng có gì là vàng son, đượm đầy mặc cảm tự ti của thân phận nàng Kiều. Chính vì tính chất nửa mùa, mặc dù cũng được nhiều dư luận khoa động khi ra mắt, thậm chí còn "ăn khách," những tác phẩm này tự chúng sẽ bị tuyệt giống như những con khủng long trong quá trình tiến hóa của nền văn học Việt.

Sơn Nam, khi viết về "tinh nghĩa giáo khoa thư" như một khuôn mẫu lý tưởng nhưng trên đà lạc hậu, hình như đã cảm nhận, đồng thời tiên đoán những mất mát khủng khiếp của con người Việt Nam trong những thập niên tiếp nối. Tuy vậy, "tinh nghĩa giáo khoa thư" trong ngày hôm nay không nên bị khoanh vùng bởi lăng kính "cổ, sáo," mà cần được định nghĩa lại như hiện thân của sự tự trọng, bao dung, khoáng đạt — một tinh thần được đúc kết từ những giao cảm văn hóa bình đẳng.

Sơn Nam cho biết rằng vào khoảng 1957-1958, ông viết truyện *Tinh Nghĩa Giáo Khoa Thư* "một mạch tại tòa soạn [Nhân Loại], cỡ 14 trang giấy học trò, với tiền nhuận bút là 200 đồng Hồi ấy 200 đồng là nhiều lắm...." [11] Tiền nhuận bút, nói rộng ra là các chi phí và khuyến khích tinh thần dành cho những đầu tư văn hóa, để duy trì một nền văn học độc lập, vững mạnh, vẫn là những khát vọng cho nhà văn Việt, trong và ngoài nước, ở đầu thế kỷ 21. Sơn Nam đã nằm xuống, nhưng những khát vọng của cả một làng văn mang gánh nặng hậu chiến tranh và hậu thuộc địa, là những khát vọng dai dẳng, vượt thời gian và không gian. Đây dĩ nhiên không phải là những luyến tiếc mà Sơn Nam đã coi như những "thơ mộng của thời Trung cổ, đầy rẫy sự áp bức đối với người lao động để đem lại cái địa vị cho kẻ sĩ...."

Chú Thích:

[1] Sơn Nam, "Quan Niệm về Truyện Ngắn," trích từ lời giới thiệu *Tinh Nghĩa Giáo Khoa Thư*, tr. 506.

[2] Theo bản tin tiếng Anh của Thanh Niên Daily

[3] Sơn Nam, *Tinh Nghĩa Giáo Khoa Thư*, trong tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất của Quê Hương Chúng Ta* (nxb Sóng: 1974), tr. 511.

[4] Võ Phiến, *Văn Học Miền Nam Tổng Quan* (Văn Nghệ: 2000), tr. 240-241.

[5] Sơn Nam, *Tinh Nghĩa Giáo Khoa Thư*, tr. 512.

[6] Như trên, tr. 515.

[7] Trần Vũ, *Những Vòng Tường Ghetto*, Hợp Lưu (số 2 tháng 2, 1991)

[8] Như trên.

[9] Greg Lockhart, "Introduction," *The General Retires and Other Stories* (Oxford University Press: 1992), tr. 1-2. Người viết lược dịch.

[10] Sơn Nam, *Tinh Nghĩa Giáo Khoa Thư*, tr. 513.

[11] Sơn Nam, "Quan Niệm về Truyện Ngắn," trích từ lời giới thiệu *Tinh Nghĩa Giáo Khoa Thư*, tr. 506.

Năm tôi 19 tuổi

Trích hồi ký của Sơn Nam

Năm nay, nhà văn Sơn Nam đã 75 tuổi, nhưng viết vẫn sung sức. Năm tôi 19 tuổi là một đoạn ngắn trong Hồi ký Sơn Nam (NXB Trẻ sắp xuất bản). Ông nói: Bối cảnh xã hội thời 1945 dĩ nhiên như xa lạ đối với bạn trẻ bây giờ. Nhưng, hãy đọc, ta sẽ gặp được nhiều điều thú vị, bổ ích, trong thời kỳ cả dân tộc chiến đấu giành độc lập cho đất nước, thời kỳ tiền cách mạng tháng Tám và cách mạng tháng Tám lịch sử.
VNTP. HCM

Kiều Thu hề, trọng kiếp thương

Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô

Đã làm việc từ mấy tháng qua, hôm nọ tan sở, anh tổng thư văn (tùy phái) thân mật nói đùa:

- Tôi làm ở tầng trệt này, buồn bức lắm, lắm khi ban đêm tôi phải vào trức, chỉ làm quen được với một người lạ mặt này.

Anh ta đưa tôi đến góc phòng, với mở sách chữ Hán. Thoạt nhìn qua ngoài bìa, tôi biết là kinh Phật, nhưng phía sau dòng sách nhô lên một tượng bằng cây: đầu trọc, ngồi theo tư thế một căn một chái. Anh ta hỏi:

- Biết ai không?

Tôi mỉm cười:

- Làm sao biết được, chắc là một nhân vật, một pho tượng ở trong chùa.

- Đúng vậy. Ông hòa thượng Đồng, ở chùa Tam Bảo, một đệ tử hâm mộ tạc tượng ông lúc chưa bị bắt. Bây giờ thì bị đày ra Côn Đảo rồi. Chưa biết ra sao.

Hỏi qua nơi chôn cất của Nguyễn Trung Trức, anh tổng thư văn chỉ vào mấy cây cỏ thụ phía sau tòa nhà, nhưng chẳng ai đến gần được vì ở sát vài ngôi biệt thự của người Pháp. Tôi đoán chừng vào buổi xa xưa, cuối thế kỷ 19 (1868), Pháp muốn giấu xác ông, bảo vệ cẩn thận, để phòng trường hợp nghĩa quân lên lấy xác, đem về chôn ở vùng Bảy Núi, An Giang hẻo lánh rồi bày lễ Tế cờ, tiếp tục khởi nghĩa.

Rời khỏi Tòa hành chính, trên đường về nhà, bỗng đâu anh bạn đã đưa tôi vào làm việc gọi to, anh ta ngồi trên xe kéo, chặn ngang đường, chỉ vào cái quán ăn khá to bên lề. Chúng tôi vào, ăn uống khá sang trọng. Anh hỏi:

- Làm việc được không. Nếu làm thêm nữa, chẳng ai rầy rà hết vì chú mày là nhơn viên phụ của tao.

- Làm cũng cực nhưng lương ít quá, không dư để gởi về cha mẹ. Anh bạn bảo là vừa bắt được mối làm ăn lớn. Quân đội Nhật thu mua cá biển ở vịnh Xiêm La, nước Cam Bốt, thêm cá nước ngọt ở Biển Hồ, chở lên Sài Gòn, đem đi đâu mình không cần biết. Ngày mai tao đưa mày tới gặp ông bang Hoa kiều thầu vụ này. Phải có ghe lớn năm, bảy chiếc, có vốn lớn mới làm nổi. Mày lo giấy tờ, giấy phép chở cá khô từ đây đi Chợ Lớn, đơn xin bản chữ Tàu thì tụi nó làm, bản chữ Tây thì mày cứ dịch lại cho nó ký rồi gom lại trình với Đoan (hải quan) tỉnh là xong. Sắp xếp xong rồi, tiền bạc hồi lộ hai bên đồng ý, ăn tiệc hồi trưa này.

Tiền bạc thì rất cần, nhưng tôi vui mừng vì được cơ hội thấy rõ việc Nhật Bản và Pháp cấu kết nhau, Pháp tỏ ra ngoan ngoãn. Lần đầu tiên trong đời, tôi đã biết phân tích chuyện của xã hội, đã biết chính trị, thấy chính trị là chuyện cần thiết để tạm giải tỏa những thắc mắc.

Công việc được giao phó riêng là làm giấy tờ bằng chữ Pháp để xin chuyển hàng hóa lên Sài Gòn. Trong sổ hàng hóa với khối lượng to, tôi thấy vài mặt hàng:

Chankrasna, bó sẵn từng bành to, dường như là thứ vỏ cây nhẹ, màu trắng. Phu khuôn vác bảo đó là cây dó. Cây dó để làm giấy chằng? Chắc không phải.

Cá biển của vịnh Thái Lan, khai thác từ Cam-bốt là loại ghi tên trong hóa đơn là "plathou", hỏi thì biết là cá gọi Ba-thú, cá nhỏ con, đã hấp chín, để trong từng vỉ, muốn ăn, phải hấp lại.

Cá nước ngọt đáng giá: cá tra, lớn con, xẻ làm khô, gọi là "cá tra chai", chai phải chằng là

phương pháp muối, phơi gì đó.

Lại có cá về xù, phơi khô, phải chăng là tiếng xù mà ngày nay ta gọi kiêu "cá chiên xù"?

Chưa hết. Còn đưa về Sài Gòn loại dầu trong, ghi huile claire, dầu lấy từ cây dầu, chai bốt tán nhỏ để trét ghe, trét tàu. Lại còn thêm loại đuốc kết với vỏ cây trà, tẩm dầu chai.

Buổi ấy, những loại nói trên được xem là quốc cấm, nếu dự trữ với khối lượng lớn. Tôi hiểu quân đội viễn chinh Nhật đang lâm nguy, khánh kiệt, chúng đốn cây sao để đóng loại tàu nhỏ, trét chai, dùng vào việc quân sự. Hỡi viên thơ ký đàn anh của tôi, được trả lời::

- Cỡ này tao làm tiền khá hơn hồi Nhật Bản chưa tới. Nhưng rồi đây, ra sau? Từ bốn tháng nay, tao ghiền á phiện. Hút với mấy người Tàu ở chành lúa, tụi nó làm giàu, rồi xúm nhau hút. Đòi là vậy.

Bỗng dưng tôi nhớ đến mấy câu thơ của Vũ Hoàng Chương mà ngậm ngùi. Thế nhân ai cũng có chuyện vui buồn nhưng với nhiều lý do không khó hiểu cho lắm.

Viên thơ ký đưa tôi vào Tòa Bó để làm trợ lý đường như được viên Phó Chủ tỉnh tin cậy. Thầy ta ra vào phòng của viên Phó như tự do. Ngoài tiền trợ cấp, thỉnh thoảng tôi được mấy ông Bang người Hoa thưởng đôi ba đồng, số tiền khá to. Một đồng bạc đổi ra 100 xu, với hai xu có thể mua cái bánh bao lớn, có nhân trứng vịt, hoặc với hai xu ta mua được ly nước đá bào, rưới thêm sữa đặc có đường.

Một buổi sáng, đầu giờ làm việc, bỗng các thơ ký loan tin, khá lớn tiếng:

- Có khách quý.

Rồi họ rí vào tai nhau, nghe rõ to:

- Ông Nguyễn Văn Tạo.

Buổi ấy, nhờ phong trào Mặt trận Bình dân loan tin rầm rộ rồi im hẳn, người đọc báo đã loan truyền trong thời gian dài về sự tranh đấu đòi dân quyền, dân sinh chống thực dân Pháp. Thế là mặc nhiên tất cả các thơ ký đều đứng dậy, vì tò mò nhưng không phải thuần túy vì tò mò, động cơ lương tri dân tộc cần là chính. Không ai bảo ai, họ cúi đầu khẽ với nụ cười. Nguyễn Văn Tạo đến để trình diện, theo lịch của nhà cầm quyền Pháp. Ông bị giam quản thúc tại thị xã Rạch Giá, và ngày đầu tiên khi đến tỉnh, ông phải trình diện. Người tùy phái của Tòa Bó đứng cách xa ông vài bước. Ông trông yếu vì bị bệnh chẳng? Tay chống cây gậy ngấn mà thiên hạ đồn đãi rằng hồi bị giam thực dân đã chích thuốc cho ông bị tê liệt để cảnh cáo (?) lúc ông tuyệt thực trong khám đường. Cây gậy của ông ngắn, ông là người bam sinh mập mạp. Ông cười tươi, nhìn cử tọa hai bên. Đấng kia, viên chánh chủ tỉnh bước ra khỏi phòng làm việc, bên cạnh là viên thơ ký riêng đặc trách an ninh. Khách và chủ vào phòng nói chuyện giây lát rồi khách trở ra, đi chậm rãi. Các thơ ký cũng đứng dậy, cúi đầu khẽ.

Bấy giờ, Nguyễn Văn Tạo với chút ít vốn mở ra một cửa hàng nhỏ bán sỉ nước mắm Phú Quốc và Sơn Rái, trước sân nhà chông chắt đôi ba đồng tin có khách hàng trả lại, như bao bì, trắng xóa vì bằng đất nung, bên ngoài phết vôi cho hợp vệ sinh. Hôm đó, ông chủ tiệm mà tôi làm việc lại được đặc quyền về xà-bông, đường cát trắng do hiệu Phước Lai chành tân ký ở Chợ Lớn làm trung gian. Ai muốn mua đường cát trắng phải xin phiếu do Tòa Bó cấp. Một phụ nữ ăn mặc đứng đắn đến xin phiếu mua đường cát, thay mặt chủ tiệm, tôi ra tiếp khách thì mới hiểu đó là bà Nguyễn Văn Tạo. Lập tức tôi bảo nhân viên bán cho bà, tôi chịu trách nhiệm đem sự việc trình lại với viên thơ ký ở Tòa Bó. Từ đó về sau, bà được quyền mua đường, như những công chức và nhân sĩ của tỉnh. Bấy giờ, dầu lửa, dầu xăng đều bị quản lý chặt chẽ, dầu xăng chỉ là rượu còn chế biến lại, có màu tím dợt. Xe ô-tô chở khách phải dùng "ga", hiểu là than củi tràm, bỏ vào cái thùng tròn đặt bên hông xe, phía sau, trước khi cho xe khởi động thì quẹt lên cho than tràm cháy, hơi ga ấy bị đốt, gây sức ép cho máy xe chạy, gọi "Autogène", theo mô hình của kỹ sư Trịnh Hưng Ngẫu sáng tạo ở Sài Gòn.

Tình hình thế giới như biến chuyển mạnh. Buổi nọ, máy bay Mỹ, sơn màu trắng bay đến chợ, bắn phá kho dự trữ gạo của quân đội Nhật gần nhà vừa nước mắm của ông Nguyễn Văn Tạo, bắn vài loạt, hú vía. Ông ngỡ ý nhờ tôi dạy kèm chữ nghĩa cho hai đứa con bé bỏng, một trai một gái, đại khái theo chương trình lớp một (đồng ấu). Tôi hơi do dự. Ông bảo là dạy ở trước sân, trống trải để người hàng xóm và kẻ tò mò đừng nghi k >>>>>>>>> Bản nhạc Sina no yoru

của Nhật khá hay được phổ biến mạnh. Tại chợ, có lệnh chính thức cấm bọn thợ nhuộm (nhuộm quần áo, thường thường là nhuộm màu đen cho dễ giặt) không được chào hàng với cái trống nhỏ, lúc lắc nghe lung tung, thiên hạ bảo đó là kiểu làm gián điệp, ra dấu hiệu cho máy bay đồng minh (?). Lại có chuyện bọn quân cảnh Nhật lập tòa án tại chỗ để chặt tay một kẻ ăn trộm áo quần của bọn Nhật (quần áo phơi ngoài sào, gần nơi chúng trú đóng). Nghe nói vậy chớ tôi không thấy nhưng tôi tin là có thật.

Ngày lại ngày, tôi cứ chờ đợi, buổi chiều nọ, vì quá thèm đặc sản quê hương, tôi vào sạp chợ ăn tô bánh hời, tôm càng luộc, giá khoảng 3 đồng bạc. Tôm tươi, mới luộc còn bốc khói, lại chang nước mắm Phú Quốc. Hai ba người Hoa làm công trong tiệm đi ngang qua, chào tôi. Họ đang áp tải năm bảy bao gì đó, đoán chừng là đường cát trắng, đoán chừng là đưa xuống các chợ ở quận ~~l~~án chợ đen. Lại thêm hai ba xe khác, loại xe bò, bánh lớn, do người đẩy, phía trước có người lực lưỡng dang hai cánh tay nắm lấy hai càng xe, toàn là bao bố đựng món gì căng đầy. Đến mé rạch để hóng mát, tôi hơi ngạc nhiên thấy vài chú lính mã tà nai nịt gọn gàng, xếp hàng xuống chiếc tàu nhỏ, theo sau là vợ con đứng méo máo, khóc trên bờ. Tàu chạy chậm rãi. Lính được người Pháp đưa đến nơi nào, không rõ, nhưng theo lộ trình xuất phát từ phía khu vực nhà máy. Tôi đoán không lầm là phía Nam, vùng U Minh chẳng?

Dân U Minh thừa thớt, thiếu tổ chức, cán bộ Cách mạng xuống đó làm gì cho mệt, muốn vậy, phải xuất phát từ tỉnh ~~l~~;ch Giá này mới có hiệu quả. Nghĩ vậy, tôi tự hào một mình rằng mình đã có trình độ, đúng hay sai thì chưa biết. Suốt ngày tôi cứ ngêu ngoài quán cà-phê để trốn lánh công việc. Nhìn xéo về phía tiệm, bỗng nhiên thấy vài người lính Nhật mặt mày hung hãn đang tràn vào. Và đúng lúc đó, người chủ tiệm của tôi, đại lý phân phối đường cát, cà-phê ra ngoài, theo cửa bên hông, chiếc xe kéo đang chờ. Người Việt Nam mặc sắc phục quân đội Nhật, có mang gươm đứng trong tiệm, múa men tay chân, lát sau được mời lên lầu của tiệm. Tôi đã hiểu: Họ đang điều đình, dứt lốt cho bọn Nhật số tiền hoặc vàng không nhỏ cho xong chuyện.

Tối đến, tôi không về nhà, về tiệm tạp hóa gì cả, cứ rong chơi, nói theo danh từ ngày nay là "cảnh giác". Rủi bị mật thám Pháp hay Nhật bắt lúc này, oan ức quá, hầu hết các tiệm quán lớn do người Hoa kiêu làm chủ đều đóng cửa sớm, số người Việt Nam làm công chức cũng vậy, không thức khuya.

Rồi hừng sáng đến. Tiếng tàu thủy chạy xình xịch. Cầu bắc ngang rạch được quay lên cao, tàu chạy ngang qua. Tàu cỡ nhỏ, kiểu tàu đồ ngự trang lá dừa, không là lá dừa nước mọc ở mé rạch nhưng là tàu lá dừa ăn trái, chúng tỏ họ đã ngự trang từ xa đến. Ống khói tàu phun lên từng vầng khói đen đúa. Tôi đến xem, thấy rõ hai chữ LEE HUYỀN với chữ Hán Lợi Nguyên. Tàu đậu bên bờ đối diện, khu vực tòa tỉnh trưởng. Chưa chi khoảng mười tên lính Nhật nhảy lên, hợp đồng với bọn Nhật đã phục kích tự bao giờ. Sau chừng mười phút, bọn Nhật trở xuống tàu, dắt theo chừng hơn 20 người Pháp, sắp hai hàng. Đi đầu là viên chủ tỉnh Pháp và vợ, theo sau là bọn chỉ huy Sở Trước Bạ, Địa Chính, Kho bạc cùng vài viên chức to người da màu làm việc ở Tòa án. Một người Pháp bị còng hai tay, không phải là chánh sở mật thám, ai nấy suy luận có lẽ họ đã chống cự bọn Nhật. Viên Chủ tỉnh mặc quần cụt, áo thun ngắn, đi đứng khoan thai, có vẻ tự trọng. Sau chót là những bà đầm và trẻ em Pháp. Mấy bà đầm mang theo nhiều gói to, có lẽ là quần áo.

Viên chủ tỉnh Rạch Giá lúc bấy giờ là M.V. thuộc vào hàng cấp bậc cao, già dặn kinh nghiệm, dạo trước ở Sài Gòn đã lắm khi thay mặt Thống đốc Nam Kỳ ký tên một số công văn. Ông ta đi chậm rãi, thỉnh thoảng nhìn về phía bên kia rạch, nơi ông biết chắc còn một số người đang theo dõi. Nhưng lát sau, đoàn người đầu hàng này xuống chiếc tàu LEE HUYEN nhỏ bé mà quân đội Nhật đã xung công.

Cùng lúc ấy, với sự yểm trợ của vài tên lính Nhật, vài người Việt mặc thường phục đem dán những yết thị chữ to, nội dung đại khái là kêu gọi mọi người nên giữ sinh hoạt làm ăn bình thường, công chức người Việt phải trở lại nhiệm sở như cũ, nước Việt Nam được độc lập, người Pháp đã đầu hàng, vân vân và vân vân.

Nhưng một vài tên lính mã tà bị Pháp bắt lừa đi hôm trước xuống phía rừng U Minh đã lén trở

về, có đưa dẫn đường cho quân đội Nhật xuống U Minh vây bắt bọn Pháp đang lập "chiến khu". Với giọng mỉa mai các người lính mã tà này kể lại:

- Bọn Pháp ở chợ Rạch Giá, chợ Cần Thơ và lính mã tà kéo xuống rừng quá hấp tấp, ngờ ngác. Súng đem theo khá nhiều nhưng chúng chẳng dám giao cho dân địa phương. Trước khi vào ven rừng, chúng đành ném bỏ hàng trăm cây xuống sông. Lát sau, có người đoán chừng là trộm cướp nhảy xuống sông mà lặn hụp, tìm được một mớ. Vừa vào rừng, bọn Pháp vừa chạy, vừa mang theo lương thực, nạo cà-phê, thuốc lá và đôi ba thùng cây, thêm bao bì kín đáo. Đó là những thùng giấy bạc mỗi tờ 500 đồng (tương đương với vài chục triệu ngày nay). Đó là loại bạc làm phát mà Pháp cho in hối hả với tranh vẽ mấy người nông phu đang tát nước với gàu dai, do Phạm Ngọc Khuê vẽ. Thấy suốt ngày mà người Pháp cứ di chuyển gần xa. Nhiều người trong xóm ven rừng nghĩ rằng Pháp không có hoàn cảnh nấu cơm, thiếu nồi niêu nên thử nấu cơm, đổ ra trong thúng, đội đầu mang đến, hiểu là thương tình mà tiếp tế, cứu giúp. Nhưng thấy người Việt chúng khoát tay. Đành đặt thúng cơm xuống đất rồi rút lui, nhưng bọn Pháp cho người đến, đổ bỏ cơm vào những lỗ khoét dưới đất rồi lấp lại. Họ sợ người Việt Nam đánh thuốc độc để trả thù sự cai trị của chúng. Xế chiều, chúng vào mấy đám rẫy trồng khóm (loại dứa ngon), hái từng trái mà ăn thử. Nhưng khốn nỗi dứa có lớp vỏ dày dính vào ruột. Không có cây dao gọt lớp vỏ, đành đưa lên miệng mà cắn. Khốn nỗi, vỏ của khóm gồm những mảng tròn, tua tủa những gai nhỏ, dói quá đành ăn, miệng rướm máu. Vài người trong rẫy đem cây dao tới, loại dao nhỏ thôi, nhưng bọn Pháp lại dè dặt, sợ bị giết, liền trốn mất, huơ nòng súng. Rồi vài người dân khách thử lại gần, gọi là cứu giúp, thấy chúng quá dói, về nhà bảo vợ nấu cơm. Nồi cơm đem tới, chúng nhìn rồi khoát tay, phải chăng vì sợ bị đầu độc? Vài dứa bé trong xóm dạn dính hơn, nhỏ mấy góc khoai mì (sắn), đem nướng trước mặt mấy ông Tây bà đầm, mời ăn. Các vị nhai ngón nghiến, đem ra tờ giấy bạc màu xanh 50 ngàn, vẫy tay cho trẻ con lại gần rồi cong ngón tay trở mỗ xuống liên tục, miệng nhại giọng gà kêu "cót, cót". Gà đem đến, được trả cũng 50 ngàn. Chúng nó trao cho người Pháp để học pha chế, đại khái lột da, chặt hai chân, chặt đầu cổ đem bỏ, chỉ thích ăn đùi mà thôi.

Nhưng chưa chi máy bay Nhật đã đảo vòng tròn trên đầu, lại đến lượt vài ba tên lính mã tà □ đi giày bố, đội nón nỉ chạy đến, gương mặt như phấn khởi. Họ đã trốn về chợ, gặp bọn lính Nhật, báo cáo tình hình, rồi sẵn sàng chỉ đường cho lính Nhật vào đây, với lực lượng nhỏ bé cũng dư sức bắt sống cả bọn.

Tôi được may mắn chứng kiến cuộc đầu hàng có trật tự nọ, ở tại chợ Rạch Giá thân thương, nhỏ bé mà tràn ngập hào khí. Một chiếc tàu của Nhật chạy chậm chạp, như cố ý trình diễn cho dân "bôn phố" sự thắng trận này. Tàu cập bến phía dinh Chủ tỉnh, khu vực hành chánh đầu chừng đôi ba chục người lên bờ, có vài đứa trẻ con. Đồng bào ta sửng sốt vì đa số "ông Tây" trông lem lốc, đặc biệt là râu của họ mọc quá nhanh, cái mặt đen thui, dưới cằm thì dài cỡ 10 xăng-ti-mét, vài người cổ mang đôi giày dơ dáy hoặc đi chân đất, "cà nhót" như vừa bị thương, mấy bà đầm không trang điểm, bước đi hỏn hển, quần áo lem lấm, xách giày dép. Họ như không còn muốn giữ thể diện với dân chúng. Và người lớn tuổi ở chợ đã nhận ra: này là ông Cò rất hách dịch, nọ là viên Chủ sự sở đoan (hải quan), kia là viên xếp khám đường. Cái chốn U Minh quả thật là bí hiểm. Về sau, ta đến trú đóng, lập căn cứ Thành đồng tổ quốc, tổ chức trẻ con học chữ quốc ngữ, lập nhà bảo sanh, đêm đêm tổ chức ca hát diễn kịch chống Pháp.

Bình thơ Tôn Tử mà sách báo thường trích lại sáu chữ "Thiên thời, Địa lợi, Nhơn hòa" là đúng. ở rừng U Minh, giặc Pháp đã thử lập một căn cứ chỉ thiếu hai chữ quan trọng nhất: Nhơn hòa. Chúng nó và dân ta quả là xung khắc tới giờ phút chót. Rồi người Nhật hung hăng đến, lật đổ, như dễ dàng. Đồng bào ở xóm Dầu Doi cho biết chúng đã thương lá cờ của Nhật, bay phấp phới ở kho lúa gạo tồn trữ từ hơn năm qua để dùng vào chiến tranh, lính Nhật hơn mười đứa, bố trí súng đại liên chống máy bay đồng minh. Dân Rạch Giá đang xơ xác, ở miền quê, mặc áo quần với bao tải, với cà ròn, loại đệm đan với cỏ bàng. Nghe đâu ở ngoài Bắc, đồng bào ta chết đói khá nhiều, ở Sài Gòn đã tổ chức đưa gạo ra cứu trợ, gạo chở trên xe bò vì đường xe lửa đã

hư, không an toàn.

Người trẻ như tôi suy nghĩ gì đây? Uống cà phê trưa xong, đi dạo phố, chợt nghe tiếng gọi. Đó là đứa cháu của ông T., người Hoa kiều, chủ lò bánh mì. Tôi đã từng làm sổ sách chữ Pháp, theo qui chế, cho ông ta. Ghé vào, được đưa thẳng lên lầu, rồi vào phòng riêng.

Ông Hoa kiều này ngâm thơ, theo tiếng Hẹ, tôi không hiểu. Ông mời ngồi, lấy cái hộp to bằng chì, trút ra mớ trà mà nói:

- Trà này ở bên Tàu đem qua, để dành hai năm rồi, nó không quý bằng cái lon bằng chì này. Hơn trăm năm rồi, ông nội tôi mua ở Triều Châu giữ tới bây giờ. "Phạm ảnh bôi trung lạc" chữ viết bên hông của cái lon nghĩa là... cái bóng của cái buồm ngoài biển, trên chiếc ghe dọt xuống cái chén uống trà.

Tôi chợt hiểu ông nội của ông chủ tiệm này sang Nam Kỳ bằng ghe buồm, thủy thủ ngồi trên mũi ghe uống trà với gió biển tự an ủi rằng kẻ đi xa xứ cũng là khách phong lưu. Uống xong chén trà, tôi đã nôn nóng.

- Còn việc đang xảy ra, tụi Nhật Bản còn ở đây bao lâu?

- Năm 1945 này ứng với số 9, Việt Nam là con Rồng... tu lâu năm, đủ sức bay lên cao.

Rồi như thích thú, ông chủ tiệm pha thêm tuần trà thứ nhì, lục trong tủ một quyển sách cũ, ngâm nga lớn tiếng, có lẽ theo giọng Phước Kiến chẳng. lát sau, ông ta trao cho tôi quyển sách chữ Hán, chỉ vào trang giấy đã ó vàng. Với mớ chữ Hán "ba rọi", tôi cố đọc cho qua buổi. Đó là bài từ của Lý Thanh Chiếu, làm theo điệu Lâm Giang Nam:

... Như kim lão đáo vô thành...

Ông giải thích:

- Tôi đây tuổi đã già để hưởng thú vui ngâm thi. Nhưng chưa chịu già vì mấy năm nay bực tức lắm. Nhật Bản gây chiến bên Trung Hoa mấy chục năm. Bây giờ, thấy vui thì tôi già tự nhiên, nãy giờ ngâm thi phú.

Tôi thử hỏi: Nhật Bản tuy yếu nhưng chúng có máy bay. Làm sao cho chúng thua trận? Quả thật, hồi ở Cần Thơ mấy anh em tiền bộ tuy mến tôi nhưng chưa giải thích chuyện gì cho cận kề. Ngày càng lớn tuổi, tôi tự thấy vấn đề chính trị là khoa học khó khăn, đòi hỏi trình độ, biết đúc kết nhiều lượng thông tin toàn thế giới, biết địa phương mình. Không thể cao hứng một cách thật thà như nhà thơ, nhà văn. Trẻ lắm cũng phải ở tuổi trung niên.

Thử ghé nhà ông T. thấy dường như có khách lạ mặt đến. Bà vợ ra gặp tôi ngoài sân, bảo là không nên dạy mấy đứa bé, có dịp thì đem đến giúp bà vài ký lô đường cát trắng.

Văn chương thi phú "tiền chiến" được tạm dẹp một bên. Nhiều người dân quê từ vùng xa đến, khép nép xin quần áo cũ, quần cụt. Thảm hại nhất là quá nhiều người mắc bệnh ghẻ lở, từng mụn tròn, thấy thịt đỏ hói lộ ra, như vết thương cứ thế mà to dần, lấy vải bó lại để che bụi bặm thì cũng gây nhức nhối. Bệnh viện của nhà nước không đuổi họ được, đành bắt họ ngồi chồm hổm, xếp hàng, thoa cho ít thuốc đỏ. Chẳng công hiệu gì cả, hại thêm thì có. Họ gọi đó là ghẻ khuyết vì thịt của bệnh nhân cứ hừng thêm vào phía trong xương. Lại đặt giả thiết rằng loại ghẻ ấy do con rận sinh ra, gây ngứa ngáy. Rận thì gần như người ở miền quê ai cũng mắc phải, nhỏ li ti, sinh đẻ ở những bộ phận kín đáo của con người, trứng rận bám vào những lần kim mũi chỉ của quần áo may bằng vải ta (nội địa), giặt nước lạnh không sạch, muốn cho rận chết phải trụng quần áo vào nước sôi. Rồi lại phát triển vì rận và trứng rận bám vào bàn ghế, giường chiếu, mùng mền. Đã trở thành chuyện bình thường trong nam giới bình dân khi đến chơi nhà bạn mà bỗng dưng lũ rận rộ lên cắn. Đành xin phép chủ nhà để cởi áo ra, trải lên bộ ván, dùng cái ve chai "xá xí" mà lăn tròn như cái hủ lô (ống cán) của công chánh cán đá. Rận bị giết tại chỗ, nhiều đến mức vang lên tiếng lộp bộp khá thô bỉ, mất văn hóa. Vài người giải thích theo giọng của vị "thức giả" miền quê cho rằng rận dấy lên chẳng qua là trong xứ hết dầu hôi (dầu lửa), xưa kia rận phải chết vì mùi dầu lửa, mà dầu lửa là mặt hàng nhập từ các nước Tây phương. Dân miền quê, luôn cả thành thị đã dùng dầu trái mù u, dầu dừa, dầu cá thay thế.

Mấy anh bạn quen cùng học một lớp, một trường từ phía Gò Quao, ven rừng U Minh, bờ sông Cái Lớn cứ ra thăm tôi, với nụ cười và lòng tự tin mà tôi chưa có. Họ đưa tôi đến quán ăn trung lưu, của người Hoa, ăn toàn những "đặc sản" của miền nước phèn, bờ biển: cua biển xào mặn

(với nước mắm Phú Quốc), cá chẻm chưng tương, bông hẹ xào tôm... Họ thủ thi rằng đang cần gấp, với khối lượng to giấy hoặc vải màu đỏ, màu vàng. Vải đỏ khó kiếm, luôn cả vải trắng, vải đen. Hồi kỹ thì các bạn thân mến bảo là để làm lá cờ nhỏ, càng nhiều càng tốt để phân phát cho nhiều vùng, phải giữ bí mật tuyệt đối. Suy nghĩ hồi lâu, tôi nói khế rằng không có vải, chỉ còn cách là làm cờ bằng giấy, việc gấp rút, tùy theo tấm lòng của mình. Nên mua giấy màu đỏ, loại giấy để viết liễn đối dịp tết, có rải rác những đốm nhũ vàng. Còn màu vàng thì ta dùng loại giấy mà các pháp sư dùng để viết bùa chú, mua về, ta tùy hoàn cảnh mà cắt nhỏ hoặc lớn. Anh em vui mừng khôn xiết, cứ gọi thêm rượu đến. Ba ngày sau, nhờ nhiều người mua lẻ tẻ, gom lại điểm hẹn. Bảo rằng đem về rừng U Minh nhưng vài tháng sau mới vỡ lẽ rằng anh em cho mấy người bạn tâm huyết làm cờ ở ngoại ô chợ Rạch Giá này chớ không ở đâu xa, chẳng qua là chia cắt công việc để giữ bí mật. Dịp này, anh em trao cho tôi một tập mỏng tư liệu nhan đề "Công tác cách mạng", đại khái phải có năm bước Điều tra, Tuyên truyền, Tổ chức, Huấn luyện, Tranh đấu...

Tôi có tặng cho anh em hai mặt hàng thời thượng lúc bấy giờ. Một là thuốc nhỏ mắt Rhoto, hay tuyệt diệu, không cần sử dụng cái ống nhỏ giọt, cứ để sát mí mắt là thuốc tự chảy ra. Hai là loại bột ngọt hiệu Ajinomoto, thiên hạ bảo đó là kết tinh của vài trăm kí lô cá và thịt, bột này hột to. Rõ ràng là ngày nay loại bột ngọt này đã sản xuất đại trà, hột mịn màng hơn, sản phẩm ấy phải trải qua mấy mươi năm điều chỉnh mới được ổn định, pha chế từ bột mì (?), chớ nào có thịt cá nào trong đó.

Máy bay thả bom kiểu tối tân nhất của Mỹ lúc bấy giờ là B.26 và B.29 xuất hiện trên bầu trời chợ Rạch Giá, chẳng rõ từ đâu bay về đây rất cao nhưng trông tỏ rõ vì toàn thân có lẽ làm bằng nhôm hoặc kền gì đó, thu hút ánh sáng mặt trời, chói loà. Không thấy máy bay Nhật đuổi theo hoặc cao xạ bắn lên. Ngoài biển Rạch Giá, ngư dân đã vớt đôi ba lần những khúc gỗ giá tị (gỗ teck), thêm những bành cao su mũ, chưa chế biến, gọi cờ-rếp. Rõ là những tàu của Nhật đã chìm, làm trôi những mặt hàng mà chúng đã vơ vét ở Thái Lan, Mã Lai. Cờ-rếp để làm đế giày, cây giá tị quý và khó kiếm hơn, nghe đâu có đặc trưng là lâu mòn nên được dùng làm bá súng. Quân đội Nhật rất ít, võ trang đầy đủ, chiếm giữ chiếc cầu sắt quan trọng của chợ và vài trục lộ, ở ngã ba, ngã tư. Lính cảnh sát của Pháp dạo trước vẫn làm việc cầm chừng, mất khí thế, trong khi ở Tòa bố, một đốc phủ sứ người Việt lên làm tỉnh trưởng, mặc nhiên dưới sự chỉ đạo của quân đội Nhật. Dân ở vùng sâu vùng xa ra chợ đông hơn trước, vì tò mò để "xem thời cuộc". Tuy không có lệnh chính thức, ai nấy cho rằng không còn chuyện xét giấy thuế thân như trước. ở vài tiệm hớt tóc, thanh niên tụ tập đờn ca vọng cổ, không hò hét. Bọn mật thám của Pháp để lại đường như "hiền lành" hơn, chúng đến nhà giàu có để bàn chuyện linh tinh rồi xin chút ít tiền. Tin tức từ Sài Gòn thì mơ hồ. Vài viên công chức già thì bảo rằng Pháp tuy yếu ở Việt Nam nhưng nhờ đứng theo phe Đồng minh nên có thể trở lại Việt Nam, với quân hùng tướng mạnh, của tướng Đờ Gôn. Ngay tại ngoại ô chợ Rạch Giá, nhiều người từ phía biên giới Bảy Núi đôi khi mặc áo ngũ sắc, xõa tóc, hoặc áo quần giống như đào kép hát bội đi rao giảng về cuộc "đổi đời", "ngày Tân thế". Dường như những phe phái này không thuận với nhau. Điều thú vị là còn học cấp I ở chợ Rạch Giá, ông Đạo Ngồi đã xuất hiện: ngồi xếp bằng trên mặt nước, ở trần, hai bàn tay thì vỗ mạnh xuống nước nghe âm âm, theo nhịp điệu không gấp, ấy thế mà thân ông đạo cứ nổi, giây lâu ông chấp tay như niệm Phật. Người xem có thể lợi xuống kiểm soát để thấy hai chân của ông đạo xếp lại như ngòi thiên, không cựa quậy, chòi đạp để giữ sự thăng bằng. Thấy lạ, nhiều người đến xem, cho tiền bạc chút ít. Bọn đệ tử đi theo bảo rằng với tiền của bá tánh, ông sẽ xây dựng một "cõi tiên" trên vùng Bảy Núi. Nhưng lần này người trình diễn được giới thiệu là đệ tử của ông đạo năm xưa. Bọn cảnh sát tới xem rồi xua đuổi theo lệnh của lính Nhật, phải chăng vì địa điểm ở sát bên căn cứ của tàu chiến loại nhỏ của Nhật, gần đó. Tôi hiểu đây là sự rối rắm ở vùng xa của Tổ quốc, nơi dân chúng cư ngụ chưa định hình. Nhưng đại đa số cá nhân, đứng về cuộc đời chìm nổi riêng rẽ cũng đã từ lâu rồi có một mẫu số chung là đánh đổ ngoại xâm, làm công việc lớn mà cha ông thời xưa đã ao ước, hy vọng rồi thất vọng.

Nhật hứng chịu mấy quả bom nguyên tử, dân Nhật chết nhiều lắm. Tin tức chỉ nghe ngắn gọn như thế. Nhưng bản đồ của nước Nhật, bao nhiêu người biết, khái quát. Và người được ăn học, có tư liệu lúc ấy, chưa ắt họ tham gia phong trào háng hái như kẻ không biết tí gì. Bom nguyên tử ra sao? Nghe nói rằng nó... nguy hiểm lắm, nhiều người gọi nó là bom liên tử. Tuổi trẻ của tôi, cũng như nhiều người khác được may mắn chứng kiến ngày Cách mạng tháng Tám ở một tỉnh lẻ, nay thử ghi lại vài ấn tượng sâu đậm, nhưng rõ ràng là ghi lại vài sự kiện nhỏ. Về vấn đề văn nghệ, mãi về sau này - tôi chưa nói đến thời chống Mỹ, tôi thấy vài nhà phê bình, nghiên cứu mãi chê trách rằng giới văn nghệ không làm tròn nhiệm vụ, chưa mô tả được những phong trào lớn. Theo ý tôi, sự chê trách ấy không công bình. Người làm công tác nghiên cứu họa chẳng đúc kết được, với lý trí, tư liệu trong nước ngoài nước, nhưng người làm văn nghệ - hiểu theo nghĩa hư cấu, sáng tác - là người làm việc cá nhân, không sáng tác với một ban sáng tác tập thể. Sáng tác phẩm là một tiểu vũ trụ, khi hoàn chỉnh thì có thể hòa hợp với vũ trụ lớn. Không ai sáng tác về Thái Bình Dương cho trọn vẹn, nhưng chỉ cần mô tả một con cá ở đáy biển sâu với sức sống của nó là đủ, cũng như chỉ cần làm được một tác phẩm ngắn như "Ngư ông và biển cả" như Hemingway. Chỉ cần tác phẩm văn nghệ mang đầy đủ thần lực, thần lực của con người và thần lực của xã hội phải chan hòa nhau. Đóm lửa nhỏ và đám cháy lớn là một. Tiểu ngã và đại ngã là một. Thí dụ như gương tranh đấu bất khuất của Võ Thị Sáu, qua bức tượng dựng ở Đất Đỏ quả là đạt rồi. Mỗi người chỉ thông cảm, hấp thụ phong trào lớn qua công việc khiêm tốn của mình.

Một ủy ban khởi nghĩa đã đi ô tô đến Tòa Bỏ tỉnh để gặp Tỉnh trưởng, người do Nhật chỉ định. Sau vài phút cãi vã không gay go cho lắm, hấn ta chịu rút lui trong khi dân chúng kéo tới hô khẩu hiệu, gây sức ép như vũ bão. Lính Nhật còn lại rải vài đũa, phần lớn dường như đã tự động gom về Sài Gòn để đầu hàng Đồng minh. Riêng ở kho lúa gạo phía đầu Doi, chừng năm tên lính Nhật cứ ở đó, tử thủ, đồng bào gần đấy cho biết thỉnh thoảng chúng dùng dây xích sắt khóa chân nhau, ngụ ý thề sinh tử để bảo vệ, không một ai được chạy trốn. Mặc kệ. Hôm sau cử hành một cuộc mít tinh lớn, chưa từng có. Bởi vậy bảo là dự mít tinh, được may mắn là dự mít tinh nhưng chẳng ai hiểu nó là tiếng gì, trừ một số rất ít cán bộ. Chứng kiến cuộc mít tinh ở Rạch Giá năm ấy (1945) có lẽ nhiều người không còn, người còn sống phải ít nhất hơn 70 tuổi. Năm ấy, tôi 19 tuổi, với trí nhớ tôi còn giữ được vài ấn tượng cho riêng mình, và đây là sự hãnh diện. Nhớ những gì bây giờ? Chẳng lẽ dùng chữ mô tả đám đông với khí thế như Hoàng Cầm sau này trong bài Đêm liên hoan: "Đầu nhấp nhô như sóng biển ngang tàng". Đồng bào từ các vùng gần xa trong tỉnh lần lượt đến, tương đối có trật tự, phần lớn mặc quần áo đen, có trẻ em khoảng 15 tuổi, thêm nhiều bà, nhiều cô mặc áo dài tươm tất. Mặt bằng là sân đá bóng của tỉnh, luôn luôn bị gió biển thổi tạt vào đất liền. Sân quá rộng, thiên hạ chen chúc tràn sân. Trời cao, biển rộng rừng cây bản, cây giá, cây vẹt. Khán đài dựng lên, đơn sơ, với sự hiện diện của ủy ban Việt Minh, gồm khoảng 7 người, tham dự như khách quý còn có một vài nhà sư, linh mục, sư sãi Khơme... Không có máy vi âm, làm sao nói cho cả vạn người nghe? Đành dùng kỹ thuật thời xưa là nói trong ống nghe bằng thiếc. Sau phần giới thiệu, đến lượt diễn giả chính, không ai khác lạ, người mà từ hơn năm qua đồng bào đã nghe tên: Nhà báo Nguyễn Văn Tạo mặc nhiên được tự do, sau thời gian bị quản thúc. Nguyễn Văn Tạo mang kiếng trắng, chống gậy, nói không có giấy viết sẵn, giọng không to lắm, ấy thế mà cả khu vực nghe khá rõ. Nhờ gió biển thổi vào chẳng? Theo tôi nhờ gió phần nào, nhưng điều quan trọng là ai nấy đều lắng tai nghe, trân trọng. Nói về độc lập và thống nhất đất nước, lấy chuyện cụ thể là Nguyễn An Ninh từng tranh đấu và hy sinh. Chuyện nhà báo Trương Cao Động viết báo chống thực dân ở Sài Gòn đã bị thực dân trục xuất về Trung kỳ. Nói thêm về trẻ con thất học, sưu cao thuế nặng... Khi kết thúc, ai nấy vỗ tay vang dậy. Có hô khẩu hiệu Việt Nam độc lập, đả đảo Việt gian bán nước và chánh quyền về tay Việt Minh. Nhưng buổi nói chuyện vẫn chưa giải tỏa nỗi thắc mắc lớn. Trong người dự thì thảo, loan truyền riêng rằng ông Hồ Chí Minh là người đứng lên lãnh đạo Mặt trận Việt Minh. Nhưng Hồ Chí Minh phải chăng là Nguyễn ái Quốc chưa muốn ra công khai?

Rời sân vận động, về nhà, dọc đường gặp một ông lão quắc thước đang thao diễn để tập võ

nghệ cho đám thanh niên. Vừa tập vừa xướng lên những câu "thiệu" để giữ nguyên tắc. Tôi nhớ mãi đại khái hai câu: "Bái tổ song âm, bái tầm lòng thế...", hai bàn tay vỗ vào nhau để lấy khí thế. Đầu cũng hơn năm mươi năm sau, tra cứu bộ Minh Mạng Chánh yếu, bản dịch của Sài Gòn, thấy ghi lại và chú thích ở mục Thi võ. Nghĩa là bái tổ với hai tiếng vỗ tay, rồi quỳ xuống theo tư thế con rồng sắp dấy lên. Như kiểu tập quân sự ngày nay, lúc đi mấy bước đầu phải đệm "một, hai..." Hình ảnh xa xưa ấy giúp tôi sau này sáng tạo ra truyện ngắn "Đảng cánh buồm đen" trong "Hương rừng Cà Mau". Đi ngang đình Nguyễn Trung Trực, thấy hai ông kỳ lão đứng khoanh tay trước cái lư đồ rực nhang và nến. Nào phải mời bà con đồng bào vào cúng tiền (vì không chưng bày cái thùng Phước sương) nhưng là bồn phần, ngày vui của đồng đảo đồng bào, chắc hẳn linh hồn ông Nguyễn Trung Trực cũng hả hê. Trước sân đình, hai cần xé đầy bánh tét, bánh ít và cái lu, cái gáo dừa để đồng bào tùy ý dùng. Cờ đồ sao vàng bay phất phới sau lái chiếc tàu tuần biển của Pháp mà ta cũng đã xung công. Vài tốp thanh niên xếp hàng hai đang tập đi, với phong cách quân đội chánh qui, vài cậu xách lựu đạn nội hóa, hình bầu dục, đúc bằng đồng, phía sau có cái đuôi khá dài, khi ném, nắm cái đuôi như nắm sợi dây, quay tròn, lấy trớn rồi buông tay, trái lựu đạn sẽ đi xa và rơi vòng cầu, nhờ cái đuôi điều chỉnh. Họ hát: "Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đảng", mặc quần cụt, chân mang dép bằng nhựa cao su còn tươi, chưa sơ chế (cờ-rếp). Nhựa này cất để dành, khi cần ráp nối cứ để hai mí gần nhau rồi lấy búa đập mạnh thì dính khắn. Ngày nay, nhớ lại, quả kiểu dép có quai hậu ấy giống như mô hình của dép râu mà cụ Hồ ưa thích.

Nhiều công việc diễn ra dồn dập. Thí dụ như thành lập Quốc gia Tự vệ cuộc, tức là Công an của tỉnh. Ngành tuyên truyền, ngành thuế vụ, giao thông đường thủy, đường bộ, giữ liên lạc với trung ương, với quân đội ở chiến khu, tích trữ lương thực. Anh em lại mở cuộc hội nghị kiểm điểm nội bộ, mời đích danh tôi. Tôi từ chối nghĩ mình còn quá trẻ, bảo gì thì tôi làm chớ tranh luận thì ngại quá. Rốt cuộc, tôi phải dự, anh em bảo rằng hội nghị ngắn lắm. Thật ra, phần thứ nhì của hội nghị mới là quan trọng và bí mật vì liên quan đến việc đón tiếp "bộ đội hải ngoại", đang mang khí giới từ Thái Lan về Rạch Giá, sau này tôi mới hiểu.

Cuộc kiểm điểm đối với tôi chỉ vấn tắt vài lời. Anh em khen ngợi vì trong buổi gặp mặt viên chủ tỉnh (do Nhật chỉ định) để bắt buộc hẳn phải trao trả chánh quyền cho Mặt trận Việt Minh, hẳn giựt mình, như hoảng sợ, đứng dậy bắt tay từng người, trong đó có tôi là một thành viên trẻ nhất. Hẳn ta nhớ mặt tôi từng là thơ ký dưới quyền nên hỏi: "Bữa nay, em cũng đi theo hả?" Tôi phản ứng lập tức, bảo rằng ngày hôm nay, tôi là đại diện cho những thanh niên đã nổi dậy, làm cách mạng, không ai được phép xem tôi là đứa em.

Anh em cán bộ cho rằng sự phản ứng của tôi rất đáng giá, chứng tỏ tôi là người yêu nước nồng nhiệt. Anh em lại bảo rằng tôi có tật ham chơi, khi cần, chẳng biết tôi đang ở đâu. Tôi trả lời rằng từ khi nước nhà độc lập, thấy cái gì cũng lạ. Thí dụ như ở bờ biển, hôm qua có mấy đứa bé nhờ người lớn hướng dẫn đang cố làm một con diều bằng vải, vẽ cờ đồ sao vàng, thả lên cho bay thật cao. Vào chùa của người Hoa, cứ dạo để xem thờ ông gì, và tìm hiểu về thất tiên bát hiền. Lại xem mấy người bạn đang gọt nhiều trái khóm (dứa), bày ra cái bàn để ép nước, bán rẻ cho khách qua lại. Anh em trong hội nghị cứ cười và thúc hỏi:

- Làm việc phải có trọng tâm. Thôi, tỉnh mình mở thêm lớp học chống nạn mù chữ. Đi kiểm mấy người giáo viên, ban đêm dạy i, tờ cho người nghèo. Mai chiều, học thêm chủ nghĩa Mác Lênin vì làm cán bộ thì phải có "căn cơ".

Tôi được ra về sớm. Ngoài chợ đang chuẩn bị "Tuần lễ vàng". Không dám tò mò, tôi đi đến xóm "Nhà máy xay lúa", vì sức nhớ trước đó không lâu, đã có cơ sở dạy "bình dân học vụ". Mấy thầy giáo già và nhiều cô giáo đang gom lại, nôn nóng. Thấy tôi đến, họ mừng rỡ cho rằng tôi là một "cán bộ" đáng tin cậy vì có mặt trong ban đại diện của mặt trận Việt Minh để "lật đổ chế độ cũ". Đêm đến, đồng bào tập nập đến bờ rạch, chờ đón xem chuyện lạ, bí mật. Mãi đến hết canh một, một chiếc ghe to, phủ kín lá dừa nước, kiểu ngụy trang. Nhìn kỹ, đó là chiếc xà lan to, chở một vật gì to lớn. à, cây súng "đại bác thần công". Đưa về đây để gom về phía rừng U Minh. Chẳng lẽ ta đã tịch thu của giặc, bấy giờ Sài Gòn và vùng Mỹ Tho? Hàng chục người ở trên, cố gắng chèo chống. Có người bàn tán: nó hư, ta đem sửa lại, nay mai, sẽ dùng nó mà đánh về

mấy chợ bị chiếm đóng. Lại có tiếng cười dòn, từ một trong các nông dân lớn tuổi: Tây có món gì, mình có món đó. Một sự ngây thơ "có chiều sâu", lạc quan. Chính sự ngây thơ này đã là niềm tin của thế lực cách mạng đang lên.

Lại có tin; nhấn riêng cho tôi rằng phải đến chợ, gặp anh em cán bộ, việc gấp. Vụ tiếp đón các anh em từ Côn Đảo về, đã đến Sóc Trăng, sẽ đưa qua Rạch Giá vài mươi người. Bố trí chiếu đệm, nhất là thức ăn cho anh em lấy lại sức khỏe, quần áo đã có người lo, quan trọng nhất là mừng mền. Nơi tập trung anh em là một biệt thự cũ của Pháp, kang trang nhưng đồ trang trí nội thất đã bị nhiều người tẩu tán tự bao giờ. Anh em tù vừa nghỉ dưỡng sức, vừa dạy chính trị tạm gọi là trung cấp cho cán bộ địa phương chân ướt chân ráo như tôi chẳng hạn. Đêm đến, trải chiếu trên nền gạch để nghe. Phần lớn anh chị em ở Côn Đảo về đều ốm o, bệnh tật, sủng sinh trong bộ quần áo may không vừa ni tất. Nhiều người trẻ nhưng tóc đã rụng, hư hỏng hàm răng, quê ở Rạch Giá chẳng mấy ai. Có cán bộ vốn là phu đồn điền cao su miền Đông, bị bắt thời phong trào Đông Dương Đại hội, đòi tự do báo chí, tự do hội hiệp hội 1936 - 1939, nay khó về quê, nếu về thì vợ con đã thất lạc. Có anh quê ở tận Hải Dương, Nam Định bị địch đưa vào. Phần lớn bài học chính trị được các anh nhớ nằm lòng, nay giảng lại, vài anh ghi chép với nét chữ li ti, trong cuốn giấy nhỏ, khổ giấy cuốn thuốc lá rời. Chương trình xem như dài dòng lắm, từ sự thành hình của giai cấp công nhân bên Anh đến triết học Đức, xã hội học Pháp. Mấy ai tiếp thu được nhưng ai nấy lắng nghe. Rồi đến Công xã Pa-ri, Đệ Nhị quốc tế, Đệ Tam quốc tế, sang Đảng Cộng sản Trung Quốc, rồi Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội... ở giữa biển khơi, mây nước muôn trùng, ăn uống cực khổ, bị bệnh tật chết lúc nào không hay mà cứ giảng cho đồng chí nghe, để rồi Cách mạng tháng Tám thành công tận vùng đất xa xôi lại trở về. Thử hỏi, vào trình độ người người có cảm tình buổi ấy mấy ai tiếp thu được? Cái ý chí vẫn là quyết định. Các anh buổi ấy, giảng chính trị cho một nhóm người ở ven biển Rạch Giá vẫn tin tưởng: một người chết, trăm người nổi bước. Hân hạnh cho tôi là người thỉnh thoảng đã chất vấn, phát biểu. Các anh cười vui, khuyên tôi nên học thêm về chính trị, để rồi sẽ giảng lại ở mức độ khác cho bà con nông thôn nghe. Sau mỗi buổi học, Tỉnh đã chu đáo lo lắng về cháo gà, cháo thịt... nhưng về thuốc lá, dường như không có. Thuốc lá khan hiếm từ lâu rồi. Các anh ấy phần lớn chết bệnh, thêm chết vì giặc sát hại khi ra trận chống Pháp những năm đầu tiên. Chắc chẳng còn ai.

Phụ đính I :



Sơn Nam Võ Phiến

Khảo với luận ông có *Lịch sử khẩn hoang miền Nam, Đồng bằng sông Cửu Long, Cá tính của miền Nam, Tìm hiểu đất Hậu Giang, Nguyễn Trung Trực, anh hùng dân chài* (cùng viết với Ngọc Linh), *Người Việt có dân tộc tính không?* v.v.

Nhưng viết truyện mới là cái sở trường của ông, nhất là truyện ngắn. Truyện dài, ông viết không xuất sắc (...) Truyện ngắn của ông, nó vượt truyện dài cả về phẩm lẫn lượng (...) Cuối năm 1965, trong cuộc nói chuyện với Ngu Í, ông bảo rằng trước cuốn *Hương rừng Cà Mau* đã đăng trên *Tiểu thuyết thứ năm* gần năm chục truyện ngắn khác. Rồi sau *Hương rừng Cà Mau*, ông đang còn trong tay một số truyện đủ in thêm ba cuốn nữa, dày bằng *Hương rừng Cà Mau*. Như vậy từ *Hương rừng Cà Mau* đến cuối 1965 non trăm truyện; trước *Hương rừng Cà Mau*, non năm chục truyện. Thế rồi từ 1966 đến 1975, trong chín năm ấy hãy cho là Sơn Nam viết ít hơn: chừng trăm truyện nữa thôi. Vị chi hai trăm rưỡi cái truyện ngắn. Ấy là chưa kể những cái viết trước 1955 và sau 1975 (...)

*

Văn Sơn Nam hai loại, nhưng lòng ông chỉ có một thiết tha: là quê hương. Dù ông viết gì (truyện ngắn, truyện dài, khảo luận), dù ông viết tại đâu (bên ni, bên tê), đề tài cũng chung quanh một đề tài ấy mà thôi.

- Gì chứ quê hương, ai mà không thương yêu, không thiết tha? Nhất là khi quê hương đang hồi tràn ngập khói lửa?

- Không phải thế. Đây không phải chuyện Việt Nam quê hương máu lửa. Cái quê hương nói đây không chỉ vào toàn thể nước Việt Nam. Đây nói về một địa phương thôi.

Chuyện thương nhớ quê hương, nó có nhiều thứ bậc lắm. Có cái thương nhớ của kẻ lưu lạc tận một lục địa xa xôi hướng về đất nước đã xa lìa hàng mấy thập niên kỷ, như đám dân di làm ăn ở Tân thế giới trước kia, như chúng ta bây giờ. Có những người sống ngay tại Việt Nam mà nhớ Việt Nam, như dân di cư sau hiệp định Genève, như ông Vũ Bằng, sống Nam nhớ Bắc. Lại có những hạng người khác sống ngay tại Miền Nam mà nhớ Miền Nam, sống tại Nam phần mà nhớ Nam phần. Sơn Nam thuộc hạng ấy.

- Ủa, thương nhớ gì kỳ cục vậy?

- Nghe qua thấy kỳ, xét lại không kỳ đâu. Khi Ngu Í đến phỏng vấn, Sơn Nam... đố khách: “Đố anh biết nguyện vọng thiết tha nhất của tôi lúc này là gì?” Đố xong, ông tự trả lời ngay: “Được trở về sống dưới mái nhà xưa, rồi có nhắm mắt thì gửi thân cho cái đất U Minh ấy giữ!”

- Ôi, ông Sơn Nam. Ông ấy thật là một nghệ sĩ đa sầu đa cảm.

- Không phải mình ông Sơn Nam như thế. Đám ấy đông. Mỗi hạng có lý do riêng để xa quê. Có hạng bỏ nơi “mệt mỏi” tìm chốn “yên thân”. Có hạng đi làm ăn lang bạt kỳ hồ, bỏ quê lên chỗ thị thành mấy mươi năm chưa về được, như ông Tư, chiều chiều ngậm ngùi trên cầu chữ Y nhớ về Năm Căn, đọc “vè Tà Lơn”:

“Xứ lạ lòng con có một mình,
Cơn nguy hiểm lấy ai phò trợ.” (Thơ Núi Tà Lơn)

Lại có hạng như Tư Có bỏ Vãng Long xuống tận xóm Cà-bây-ngọt xa xôi, “tính bề” dạy học mà chưa có chỗ dạy, cuộc đời tàn dần, gặp bạn “*Quốc văn giáo khoa thư*” động tác lòng quê, mừng như gặp cố tri. Lại cũng có hạng như cha con cô Hoàng Mai, tặng tổ họ Trần từng vênh vang áo mào tại triều, nhưng vì quốc sự đã xiêu lạc ẩn mình tận U Minh hạ, ngậm ngùi buồn tủi. Lại nữa cũng có hạng như anh hề hát bội bể hội Kèo Xanh ở Vũng Liêm, trốn lánh nơi rạch Tà Tung v.v. Ôi thôi, chỉ trong phạm vi một mảnh đất Nam phần mà kẻ quê nhớ tình người tình nhớ quê, kẻ nhớ cây bần cây đước người nhớ về phố xá xe cộ... Cái nhớ cái thương nào cũng thiết tha cả. Trong rừng U Minh hạ, ông Năm Hên bắt sấu hàng đàn, dất sấu đi mà hát những câu rừng rợn:

“Hồn ở đâu đây?

Hồn ơi! hồn hỡi!

Xa cây xa cối,

Xa cội xa nhà,
Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha sáu bắt,
Bởi vì thất ngật
Manh áo chén cơm,
U Minh đồ ngòm
Rừng tràm xanh biếc...” (Bát Sáu Rừng U Minh Hạ)

Trong khi ấy, trên cầu Chữ Y ở Sài Gòn ông Tư Cà Mau lại than thở:
“Bởi thiếu thốn bao nhiêu đồng nợ,
Nay thân con phải chịu hoành hành...
(...) Việc ở ăn nhiều nổi đắng cay,
Vái Trời Phật xin về quê cũ...” (Thơ Núi Tà Lơn)

Còn chính Sơn Nam, mở đầu cuốn *Hương rừng Cà Mau*, ông đã nảo nuốt:
“Ray rút mãi đời ta
Nắng mưa miền cổ thổ
Phong sương mấy độ qua đường phố,
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê...” (Thay lời tựa)

Hạt bụi còn nhớ quê nữa là người. Và chính nỗi niềm nhớ quê ngay tại quê hương, nỗi nhớ nhưng ngay tại chỗ ấy đã làm nền tảng sự nghiệp văn chương của Sơn Nam. Tất nhiên không thể bảo lúc nào ông cũng than thở một điệu như thế. Soạn một bữa tiệc thịnh soạn người ta còn nghĩ ra tới bảy món, huống hồ trước tác văn chương. Nhớ quê, một tình cảm ấy có thể xuất hiện dưới nhiều dạng vẻ khác nhau. Khi thì Sơn Nam trình ra những cái lạ lùng, ngoạn mục, xảy ra ở chỗ quê mình, làm thiên hạ trở mắt nén hơi mà xem: Hoặc ông dắt ra giới thiệu mấy người dân trần truồng ở hòn Cổ Tron, ngộ quá chừng (Ông Già Xay Lúa); hoặc ông kể chuyện những sân chim ở vùng Thầy Quơn, Cái Nước, Cái Lớn, rộng mười ngàn thước vuông, qui tụ hàng vạn con chim to lớn: bồ nông, già sói, chàng bè, chó đồng v.v., những đêm tàn sát chim con, vất xác từng đồng vun lên như những đồng lúa ba, bốn trăm gạ (Tháng Chạp Chim Vè); hoặc ông thuật chuyện hát bội ở rạch Tà Tưng, khán giả ngồi xuống xem hát trong rào, sáu và cạp lượn ngoài vòng rào (Hát Bội Giữa Rừng) v.v. Khi khác, ông nhấn mạnh vào cái nghèo cái khổ cái thê lương của dân Miệt Dưới: Lão Bích lúc chết chỉ có chiếc áo mặc trên người, muốn cởi ra để lại cho con mà yếu quá không cởi được, lão chết giữa đồng nước mênh mông, chôn bằng cách bó thầy, buộc vào nửa thớt cối xay vất xuống nước (Một Cuộc Bể Dâu). Khi khác nữa, Sơn Nam nói về tấm lòng yêu nước, về gan dạ anh hùng của bà con nơi quê ông, về sự tàn bạo dã man của thực dân Pháp (Miếu Bà Chúa Xứ). Lại có khi khác nữa, ông kể chuyện người tài giỏi nghĩa khí ở quê ông, tài đức đến nỗi ông Tây Rốp phải bái phục sát đất (Sông Gành Hào). Rồi lại có khi khác nữa, ông xoay qua chuyện hò hát lãng mạn tình tứ trên sông trên rạch, có trăng có nước, có trai bình bông bốn biển là nhà, có gái đẹp bù ngùi tấc dạ (Con Bầy Đưa Đò) v.v.

Cứ thế ông thiên biến vạn hóa, đọc tới mê tơi luôn. Cho hay không cần phải chuyện Tây du thỉnh kinh xông pha vào rừng ma động quỷ, chiến đấu với yêu với tinh, không cần phải là chuyện di tản buồn lưu lạc khắp năm châu v.v... Di tản dù tới tận cùng quả đất mà nói huyền thiên vụng về, không khéo có kẻ ngờ vực, khế thác mắc kêu: “Phét!”, đâm buồn lòng nhau thôi. Cả đời chỉ quanh quẩn từ Cà Mau lên Sài Gòn mà vẫn có chuyện lạ làm say lòng người, ấy mới tài. Vả lại, Sơn Nam không phải chỉ yêu mến địa phương mà thôi. Ở ông còn có một niềm tin tưởng sâu xa gần như kỳ bí vào địa phương mình. Ông bảo: “Chẳng biết có phải tôi nặng tình địa phương không mà tôi cứ tin tưởng miền lưu vực sông Cửu Long là miền phước địa (các tu sĩ thì cho là thánh địa)(...) Và miền trù phú đặc biệt này sản xuất ra những nhân vật lạ lùng,

khác thường (...) Dân gian dưới ấy tin rằng thánh nhân sẽ xuất hiện miền này để cứu dân cứu nước, chẳng phải là không có lý. Phần tươi trẻ, liều lĩnh nhất của dân tộc ở vào cái thế được ưu đãi đặc biệt thì chắc chắn thế nào cũng sản xuất những đứa con phi thường” (trong *Sống và viết với...* của Nguyễn Ngũ Í). Có lẽ sức lôi cuốn của ông một phần do cái mê say kỳ bí của “đứa con phi thường” đối với địa phương mình chăng?

*

Về kỹ thuật, Sơn Nam có hai chủ trương.

Nói chuyện với Ngũ Í, ông tiết lộ rằng khi sáng tác để đăng báo hàng ngày ông tập trung viết loại truyện rừng rợn, ma quái ở đồng quê, cho dễ ăn khách. Ông mong “anh em” hiểu giúp cho hoàn cảnh của ông, đừng trách ông “chậm tiến” hay “xuống dốc”. Chỉ khi viết bài cho các tạp chí ông mới được chọn lựa đề tài rộng rãi, nhờ đó may ra có được một số truyện “sống đời” (...) Những truyện “sống đời” của ông thực ra lắm truyện cũng chứa yếu tố quái lạ. Quái mà do ma thì “chậm tiến. Nhưng có những cái quái cái lạ không cần đến ma: chỉ là người cũng quái chán, lạ chán. Cảnh “len” trâu trên núi Ba Thê thật lạ; chuyện người tay không bắt sấu thật lạ, người trói sấu đất đi từng đàn vừa đi vừa hát thật là quái đản; chuyện nửa đêm giông đốc bắt chim vặn cổ ào ào thật lạ...

Cái quái lạ của sự việc, kể được cái đó một cách có nghệ thuật đã là hay. Nhưng hay hơn tài hơn, là bắt được nói được cái quái lạ trong lòng người.

Một phái viên từ Sài Gòn xuống Cà Mau, tìm một độc giả để thu tiền báo thì có gì là quái? Hai người nhớ lại mấy trang sách học ngày nhỏ, đọc nghe chơi, thế có gì là quái? Vậy mà từ đó Sơn Nam dựng lên được một thiên truyện vừa ngộ nghĩnh lôi cuốn vừa cảm động. Mấy câu sách giáo khoa khơi động cả một cõi tâm sự sâu xa mông lung. “Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì: kẻ mền cái thú ở nhà quê, người lặn đạn với cái thú ở kẻ chợ.” (Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư). Thành linh đặng đầu với một khía cạnh bất ngờ như thế của tâm hồn mình, không chừng người độc giả thích thú không kém khi nghe chuyện bắt chim bắt sấu.

Như vậy, truyện “sống đời” của Sơn Nam không luôn cần đến yếu tố bất ngờ, mà có thể sống chỉ bằng cái thâm thúy.

Có khi Sơn Nam “dám” đem ra viết truyện những cái hết sức bình thường. Đám hành khách gồm những thầy thợ từ quê ra tỉnh làm ăn, cứ mỗi trưa thứ bảy là ra bến xe, lên chiếc xe hàng quen thuộc về thăm gia đình. Chiếc xe đồ cũ kỹ, già nua, đời CU. Người chủ xe kiêm tài xế cũng già trên ngũ tuần. Xe chạy lắc la lắc lư. Khách hàng ngồi kể chuyện xưa cho nhau nghe đỡ buồn dọc đường. Gần đến nhà, có người nóng ruột nhắc tài xế cho xe chạy lẹ một chút. Ông ta buồn buồn: “Con ngựa này già quá rồi. Vài năm nữa cho nó vô nhị thì xe hơi của chệt ve chai ở đường Cây Mai. Còn tôi thì về vườn, xuống lỗ...”. Tới đây tác giả có mấy lời kết thúc: “Nhưng khách bộ hiền (?) sẽ về đâu? Họ cúi đầu xuống, hình dung cái lúc mà xác chiếc xe CU này hóa ra con quỷ vô thường, từng bộ phận của nó sẽ trở thành những mảnh sắt vụn, cái đục, con dao yếm, như khi con trâu chết thì phân thải ra làm con cò, lược chải đầu, mặt trống. Sanh kế sẽ đưa đẩy họ về đâu? Họ còn được về quê hương mỗi cuối tuần một lần, đúng ngày thứ bảy. Hay là họ sẽ phát tài, dời cả gia đình lên thủ đô để ngày đêm đắm đắm trong cửa rộng nhà cao? Hoặc là một trường hợp nào lòng sẽ xảy ra. Họ không về quê nữa, phó mặc việc sinh sống của vợ con cho vợ con đảm nhận. Rồi họ lê gót khắp đô thành, từ Bàn Cờ, Phú Nhuận, Hòa Hưng, Tân Sơn Nhứt, ăn gỏi nằm nhờ, nhìn lá me rụng bên vệ đường, nhìn bóng mát cây trướng cá nhà ai rồi hững hờ dang tay hái trộm thử một trái để tự an ủi.” (Đường Về Quê)

Chao ôi, bù ngùi thương cảm biết chừng nào cái hình ảnh bàn tay dang ra hững hờ hái thử một trái trướng cá “nhà ai”. Xin thú thực là ngót bốn chục năm xa làng xóm quê nhà, tôi vẫn bị

hình ảnh nọ ám ảnh dai dẳng (Sơn Nam viết truyện này năm 1955).

Sơn Nam có nhiều truyện như thế. Ông Từ Thông ra hòn Cổ Tron ở từ nhiều thập kỷ. Thui thui một mình. Một hôm, ông thấy rạo rức, nảy ý muốn về đất liền thăm bà con. Vừa tới bờ, ông bị bắt giữ vì thiếu giấy tờ. Cò đưa qua quận, quận chuyển xuống xã, xã giao cho hương quản, hương quản đố lại cho hương tuần v.v., ông Từ Thông lần nữa bị giam hoải. Riết rồi người ta chán sự giam giữ, bèn thả ông ra. Ông tìm ghe về hòn Sơn Rái. Từ đó, ở chỗ quê hương, “chiều chiều khi ra biển để câu cua, đẩy xấp, người ta nhớ ông Từ Thông như nhớ một cái vỏ ốc xa cừ ngũ sắc tấp vào bãi bùn. Như nhớ vài trang sách Phong thần tinh cờ lược được trong ngăn tủ bỏ quên, những trang sách rách nát hơi khó hiểu vì thiếu hồi thứ nhứt và không có hồi sau phân giải” (Hòn Cổ Tron).

Rời khỏi một thiên truyện như thế, độc giả cũng cảm thấy băng khuâng như rời khỏi các truyện Ông Già Xay Lúa, truyện Một Cuộc Biển Dâu, truyện Con Bầy Đưa Đò v.v.

*

Truyện ngắn của Sơn Nam (...) cái rớt cuộc để lại dư vang lâu dài trong lòng người đọc, để lại một rung động sâu xa và kín đáo (...) là một cảm tưởng ngậm ngùi trước những thân thế tàn phai, trước những suy lụn theo thời gian (...)

Sơn Nam bảo mình vững một niềm tin vào miền phước địa; nhưng cái tin tưởng lạc quan ấy không xúc động người đọc, mà đọc ông ta lại thấy thấm vào tâm hồn một nỗi buồn man mác. Những truyện sống đời, nó sống đời vì cái man mác ấy, có thể chăng? (...)

10 – 1993

Năm 1962, khi cuốn *Hương rừng Cà Mau* vừa ra đời, chúng tôi có mấy lời nhận xét.(1) Hơn ba mươi năm sau, xin nêu lại cái nhìn buổi ấy, vào ngay lúc xuất hiện tác phẩm thành công nhất của Sơn Nam (...)

Giọng kể truyện của tác giả thường khi rất giản dị, không có chút gì trau chuốt. Ông bắt đầu: “Câu chuyện xảy ra tại rạch Bình Thủy, làng Lung Truyền, tỉnh Cần Thơ, đầu cũng vào khoảng năm 1939 hoặc 1940 gì đó” (Cô Út Về Rừng) (...) Tác giả kể thoăn thoắt rất nhanh: trong vòng 171 trang giấy, ông kể đến 18 câu chuyện! (...) Đôi khi cuối những truyện vắn tắt ấy tác giả rút ra một bài học (...) có vẻ như hơi vội vàng, cạn cợt.

Nhưng chỗ tài tình của Sơn Nam là sau cái bề ngoài giản dị như vậy, ông vẫn tỏ ra là một người hóm hỉnh sắc bén, ông diễn tả được những sự thực tâm lý tế nhị. Trong truyện *Tinh Nghĩa Giáo Khoa Thư*, một thầy phái viên nhà báo ở Sài Gòn xuống thu tiền từ một độc giả ở tận một miền quê heo hút dưới Rạch Giá. Đôi bên gặp nhau lần đầu, sau bữa cơm chiều, độc giả buông mừng mời thầy phái viên cùng chun vào trò chuyện cho vui. Thầy phái viên ngượng nghịu, nhưng rồi cũng rón rén dờ mí mừng chun lẹ vô, vì ở đây muối nhiều quá. Hai người cùng thuộc lâu nhiều đoạn trong sách *Quốc văn giáo khoa thư*, kẻ này đọc “Chốn quê hương là đẹp hơn cả” người kia tiếp đọc “Ai bảo chẵn trâu là khổ”, cả hai vui thích, “tâm đầu ý hợp” như đôi bạn chí thân. Nhưng sau khi vui vì có dịp gặp lại nhau ở cái tuổi thơ ấu, cùng nhau gọi lên những ngày xa xưa hồi còn cắp sách tới trường, sau đó, “không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì...”. Nỗi vui của họ thực hồn nhiên, mà nỗi buồn của họ cũng thực là thấm thía. Ít khi một cảnh “không có gì” như thế lại gợi được một cảm tưởng mênh mông đến thế về đời sống. Cho nên tác giả chỉ vài nhanh nhẹn quá mà đôi khi “có vẻ” cạn cợt, kỳ thực ông thực là tinh tế.

Đi tiên phong lập nghiệp ở đất mới, có kẻ buồn vì tàn một cuộc đời lận đận ở xóm Cà-bây-ngọt xa xôi. Lại có kẻ cuộc đời kết thúc quá thâm trầm.

Truyện *Một Cuộc Biển Dâu* kể một cậu bé chèo xuồng chở người cha bị bệnh qua vùng ruộng sạ đang ngập nước không bờ không bến. Người cha chết, quạ kéo tới quanh xuồng. Cậu bé

gặp người giữa đường có lòng tốt lo liệu việc chôn cất thân cha mình. Cậu hỏi: “Thưa bác, chôn ở đâu?”. Người kia đáp: “Nói là chôn cho đúng tục lệ chớ đất ở đâu mà chôn? Tư bề là nước. Có hai cách: Một là xóc cây tre ở giữa đồng rồi treo trên mặt nước, chờ khi nước giạt mới đem chôn lại dưới đất. Như vậy mất công lắm, điều quạ hoành hành. Chi bằng bó xác lại rồi dẫn cây dần đá mà neo dưới đáy ruộng...”.

“Thằng Kim đập đầu xuống sân nhà, hai tay bứt tóc:

- Trời ơi, phải biết vậy, ba tôi đi tới xứ này làm chi...

Bà Hai Tích rưng rưng nước mắt:

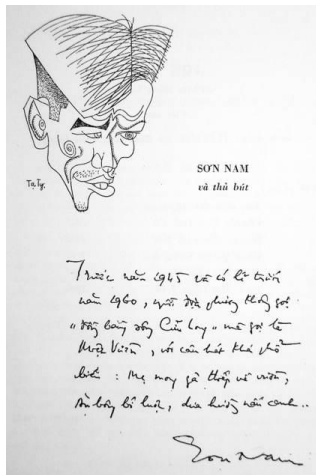
- Cháu đừng khóc. Trời định vậy. Ở đây ai cũng vậy; người có của, ai tới xứ này? Trách cha, trách mẹ, trách Trời, là thậm tội. Cháu thấp nhang đi...”.

Xác người chìm dưới nước, rữa ra, xương người lẫn với xương trâu rả rác. Mỗi mùa cày ruộng người ta mỗi gặp những bộ xương ấy, đành “cứ tưởng đó là xương của người hồi đời Bàn Cổ”. Tưởng như vậy cho khỏi phải đem suy nghĩ về phận làm người của chính mình! (...)

Truyện của Sơn Nam viết tuy giản dị, nhiều chỗ dễ dãi nữa, nhưng phần nhiều có thể làm bận trí người đọc bằng những suy nghĩ (...) về miền Nam (...) (và về) đời sống (...)

(Trích bài viết về Sơn Nam trong bộ Văn học Miền Nam)

Hơi thở của miền Nam nước Việt Tạ Ty



Nội dung thủ bút:

Trước năm 1945 và có lẽ trước năm 1960, người địa phương không gọi “đồng bằng sông Cửu Long” mà gọi là Miệt Vườn, với câu hát khá phổ biến: Mẹ mong gả thiệp về vườn, Ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh...

Sơn Nam

Sơn Nam (Phạm Minh Tài): Viết văn. Sinh ngày: 11-12-1926, tại Rạch Giá, Kiên Giang

Tác phẩm: *Tìm hiểu đất Hậu Giang* 1959, *Chuyện xưa tích cũ* 1958, *Hương rừng Cà Mau* 1962, *Chim quyên xuống đất* 1963, *Hình bóng cũ* 1964, *Vạch một chân trời* 1968

Sơn Nam, một trong những nhà văn có giá trị của miền Nam nước Việt. Hôm nay, tôi viết về Sơn Nam không phải là cuộc đối thoại giữa hai người làm văn nghệ mà chính thực chỉ nói lên vài cảm nghĩ của người đọc sách đối với người sáng tác.

Sơn Nam đến với tôi không đem theo gió bão hoặc nổi quần quai, ray rứt, chua xót của con người thời đại. Sơn Nam đến với tôi bằng hơi thở, bằng nụ cười hồn nhiên, bằng nhớ thương nhẹ nhẹ, bằng những ngón tay giao cảm chạy dài theo những con rạch giăng mắc như mạng nhện khắp vùng châu thổ miền Nam nước Việt.

Sơn Nam, một tâm hồn đơn thuần, chất phác như luống cày. Sơn Nam sống như con chim rừng nhỏ nhoi lác vào thành phố. Có những chiều, không gian cảm nín tựa phiến đá, thời gian lắng đọng trong khung trời thép rỉ, người đọc Sơn Nam mới cảm thấy tự đáy lòng dâng lên từng đợt sóng u hoài. Đã nhiều lần, đêm trắng không kêu vào giấc ngủ, tự nhiên mấy câu thơ thay lời tựa của Sơn Nam trong tác phẩm *Hương rừng Cà Mau* lại vang vang trong hồn tôi như hơi kèn đồng lên qua khe cửa vũ trường bay vút lên trời cao tím ngắt:

*“Muối, vắt nhiều hơn cỏ
Chướng khí mù như sương
Thân không là lính thú
Sao chưa về cố hương?
Chiều chiều nghe vượn hú
Hoa lá rụng buồn buồn
Tiễn đưa về cửa biển
Những giọt nước lìa nguồn
Đôi tâm hồn cô tịch
Nghe lắng sâu cô thôn
Dưới trời mây heo hút...
Hơi vọng cổ nương bờ tre bay vút
Điệu hò... ở theo nước chảy chan hoà...”*

Sơn Nam sinh trưởng tại miền Hậu Giang, nơi muối, vắt nhiều hơn cỏ. Hơi thở của Sơn Nam hôm nay là hơi thở của miền Nam nước Việt hôm qua. Chính vì đó, Sơn Nam đã dẫn dắt chúng ta qua tác phẩm để tìm lại sức sống, một sức sống tiềm tàng, phong phú của những con người coi nhẹ gian lao, cực khổ, khinh cái chết, trọng tiết tháo và giàu lòng nhân từ trong buổi đầu đi tìm đất mới. Tâm hồn Sơn Nam không bị ánh sáng phù phiếm của đô thị chi phối. Những phát minh về cơ khí cũng như mọi phát minh khác do sự cố gắng của con người hiện đại tạo ra với mục đích làm cho con người được hưởng một phần an nhàn của thể xác, đối với Sơn Nam, có lẽ chẳng làm anh thích thú. Sự kiện này được chứng minh xuyên qua những suy nghĩ của anh trong tác phẩm.

Người đọc Sơn Nam không hề tìm thấy dấu vết của đại lộ, không một ánh sáng điện, không cả những công viên với hàng ghế sơn xanh đậm, có những chiếc lá vàng rơi – như cánh bướm lạc loài – trên bồn cỏ mát mùi da thịt, mà các nghệ sĩ hôm nay thường dùng như biểu tượng sinh hoạt văn nghệ với chiều sâu ý thức. Ở Sơn Nam, đại lộ là những con rạch, những con rạch Thuồng Luồng, rạch Cái Cau, rạch Bình Thủy và nhiều con rạch khác có những tên nghe lạ tai nhưng gọi lên từng âm hưởng xa vời. Và ánh sáng của đời sống chỉ là cái thép đèn thắp bằng dầu cá, còn công viên là những cánh rừng tràm xanh ngắt, nơi *“chướng khí mù như sương”* và xác lá ngập cao hàng mấy thước đã bao nhiêu ngày tháng chẳng ai buồn nhặt. Sơn Nam, với tâm hồn cổ sơ luôn luôn nuôi tiếc quá khứ. Anh coi quá khứ là lẽ sống duy nhất, nên anh bầu vú quá khứ như đứa trẻ dang mười ngón tay bé nhỏ ôm chặt lấy mẹ hiền, e sợ nếu lỏng tay

người mẹ sẽ chạy trốn. Sơn Nam thiết tha với con người cũ, yêu mến mảnh đất “*chôn nhau cắt rốn*” vì thế, tuy giam thân ở trong lòng thành phố đầy cám dỗ của vật chất, của tiến hóa, mà mỗi khi nhúng bút vào mực thì nỗi buồn sâu xứ lại ứ nghẹn trong máu, trong tim, rồi than vãn:

*“Thân không là linh thú
Sao chưa về cố hương?...”*

Về cố hương để làm gì? Nếu không phải là sống với hòn Cổ Tròn, vùng Mã Lan, với những xóm Khoen Cà Tung, xứ Cà Bậy Ngộp, với cảnh “*dưới sông sáu lội, trên bờ cạp đưa*” với cây Huê xà, trái Mù u, lá Năng kim, Ô rô và cỏ ống, hơn nữa còn có thể chuyện trò với những nhân vật như ông Từ Thông, ông Năm Xay Lúa, chú Xôi, con Bầy đưa đồ, chú Tư Dinh, lão Bích và các nhân vật rất xa lạ đối với dân thành phố nhưng rất gần gũi với cuộc sống nông thôn.

Mỗi câu chuyện của Sơn Nam là một bức họa đặc biệt và khác biệt từ hình thể tới màu sắc. Đọc Sơn Nam, ta có cảm tưởng như chính ta đã sống, đã đi vào từng chi tiết của nếp sống đó. Con người hôm nay bị chi phối quá nhiều bởi dục vọng. Sự đấu tranh của con người trong cuộc sống hôm nay quả thật xa cách, xa cách như con đường thiên lý không có trạm dừng chân, đối với con người hôm xưa, những con người “*trên phá sơn lâm, dưới đầm Hà Bá*” đã có công làm cho mảnh đất miền Nam được phì nhiêu bằng cách bón vào lòng đất mới, xương máu của mình. Người xưa ra đi với chí hướng quyết liệt, vì sự sinh tồn của kiếp người, những kiếp người nói theo văn chương hôm nay – *sinh ra đời dưới ngôi Sao xấu* – nhưng tâm hồn người xưa thật bao dung, độ lượng. Dòng máu du mục chắc hẳn còn xao xuyên ở trong mỗi phân vuông trên da thịt, nên bản chất của người dân miền Nam vốn hiếu động. Nhưng trường hợp Sơn Nam là ngoại lệ. Sơn Nam từ chối hiện tại bằng cách một mình lững thững đi sâu vào dĩ vãng. Cuộc sống nội tâm đã thúc đẩy, dồn ép Sơn Nam vào chiều hướng nhất định, anh vui vẻ nhận lấy và tự kiêu hãnh vì mình đã tìm thấy hồn mình trong đó. Anh kể lại nếp sống xa xưa ấy với tất cả say mê, cõi mở. Sơn Nam viết văn giản dị như nói chuyện. Câu chuyện tuy quê mùa nhưng không kém tế nhị, sâu sắc. Những nhân vật của Sơn Nam, trên thực tế, chưa cách biệt với cuộc sống hôm nay bao nhiêu, mới chỉ độ 3, 4 chục năm trời mà sao, những hình bóng ấy, qua lời văn của Sơn Nam lại xa ta như những nhân vật trong truyện cổ tích? Chúng ta vẫn thường gặp họ lang thang trên khắp nẻo đường miền Hậu Giang, trên các sông ngòi. Chúng ta đã từng ca ngợi họ và viết tên họ bằng chữ hoa trong trang sử đấu tranh của dân tộc. Mà sao, mà sao ở giữa lòng thành phố, dưới ánh sáng chói chang do điện lực tạo nên, nhìn họ qua trang giấy trắng, mực đen, chúng ta có cảm tưởng như nhìn thấy bóng ma, hoặc những hình thể xa mờ, chập chờn ẩn hiện sau lớp sương mù dĩ vãng? Chính vì lo sợ một ngày nào những hình bóng thân yêu ấy sẽ biến mất đi, mất đi vĩnh viễn như xác người, xác vật nát rữa trong mùa nước lụt, Sơn Nam không thể tàn nhẫn đến độ dừng dừng để mặc cho sự đổ vỡ của nếp sống xảy ra sau mỗi cơn nước giựt, nên Sơn Nam đã cố gắng làm cho họ, lớp-người-đi-trước, sống lại trong văn chương, để ghi nhận sự có mặt của quá khứ, sự có mặt oai hùng và hiển hách. Sơn Nam đã tận dụng tài hoa: với những ngón tay phù thủy anh nhào nặn ra những nhân vật sống động phản ánh đúng lẽ lối sinh hoạt của miền Hậu Giang trong giai đoạn chót của đời sống nô lệ, trong đột khởi của ý thức đấu tranh đòi trả lại tự do cho kiếp người, đã từng nhân danh con người mà tranh đấu.

Nhưng, điểm cao quý nhất trong tác phẩm của Sơn Nam vẫn là tình thương đồng loại. Trong cảnh sống cơ cực của bước đầu khai phá, những con người thương mến nhau qua hoạn nạn, cùng cảm thông với nỗi cơ cực, bần hàn trong hoàn cảnh luôn luôn bất lợi cho con người vì một lúc phải đối phó với hai kẻ thù: thực dân và thiên nhiên. Sự kiện chua xót này được thể hiện trong truyện ngắn “*Một cuộc biển dâu*”.

Nội dung truyện đó tóm tắt như sau: Lão Bích bị ho lao mười mấy năm trời vì cuộc sống quá

đầy ải, biết rằng mình sắp chết mà vẫn phải bỏ chòm xóm ra đi vì thiếu thuế thân, và không biết trông cậy vào đâu mà sống.

Ra đi với cái gì? Chỉ có đứa con nhỏ với chiếc xuồng nát.

Sau cuộc vượt đòng đêm tránh thuế, lão Bích chết giữa dòng nước mênh mông, xác neo dưới ruộng. Trước khi chết, lão nhớ mình còn cái áo đang mặc, bảo con cởi ra lấy dùng, mình chết trần cũng được, chúng ta hãy nghe Sơn Nam diễn tả trạng huống đó:

Thằng Kim bò trên xuồng, hơi dầm định đập lũ quạ đang liều lĩnh bu lại mũi xuồng. Lão Bích lắc đầu:

“Nó muốn rửa xác tao thì cứ rửa. Coi chừng chìm xuồng, rán bơi tới nữa... con ơi!”

Rồi lão nắm tay nó mà kéo lại sát mặt:

“Thấy chòm cây, xóm nào trước mặt không? Hừng sáng rồi hả?”

Thằng Kim hoảng hồn, đoán rằng cha nó hấp hối. Mặt trời sắp lặn. Nó bơi mạnh, qua lượn sóng to, nó hồi hộp, chưa kịp nghỉ tay là lượn sóng khác tràn tới. Đàng xa kia, ẩn hiện trên ngọn sóng, lúa xanh rì. Từ hồi sáng, mặc dầu nó bơi liên tiếp, cảnh vật xung quanh vẫn y hệt. Nước chảy hăng, tràn lan từ bờ sông Hậu Giang ra vịnh Xiêm La, chảy mãi về hướng Tây. Nó thắc mắc: nước ở đâu mà nhiều quá, ngập đòng ruộng, sâu cỡ hai thước mênh mông không bờ, không bến như biển khơi. Hồi hôm lão Bích dẫn giải:

“Đây vùng ruộng xạ thuộc tỉnh Long Xuyên. Hằng năm, nước lên vài tháng rồi giựt xuồng. Đi tắt như vậy hơi cực, nhưng không ai xét giấy thuế thân.”

Giờ đây nó mới hiểu rõ sự thật của tiếng “hơi cực”.

... Mặt trời xuồng, ngày một thấp. Và rặng cây ban nãy biến đâu rồi? Sóng gió đã dịu. Phía trước mũi xuồng, ló nhô những đống đen ngòm, chuyển động như giăng ngang kín chân trời.

Lão Bích nói với giọng yếu ớt:

“Thấy bờ bên gì chưa?”

Nó nghiêng tai nghe tiếp:

“Ba để lại cho con chiếc áo này... Yếu quá... Ba ngồi dậy cởi áo không được... Con...”

Nó trở mắt. Hai chân của cha nó im lìm như khúc gỗ, bỗng nhiên cựa quậy, giãy giụa.

“Sao... sao không cha?”

Lão Bích không nói nên lời, môi mấp má. Đôi mắt lão trợn trắng, rồi nhắm lại, sâu hoắm.

Thằng Kim la rú lên, bò tới. Tay chân ba nó đã lạnh ngắt, mặt thì xanh đen. Nó khóc không nên tiếng, nước mắt, nước mũi cứ tuôn xuồng...

Lão Bích đã chết rồi qua những câu văn thật mộc mạc và vô cùng cảm động của Sơn Nam.

Nhưng chết đã vậy, việc chôn cất thì sao? May mắn thay, thằng Kim đã được sự giúp đỡ của những con người tuy không ruột thịt nhưng tình thương đồng loại đã gần như một bồn phận thiêng liêng đối với họ. Sơn Nam nói với chúng ta nỗi cay đắng ấy:

Nghe thằng Kim thuật lại hoàn cảnh của cha nó, ông Hai Tích thở dài, gọi bà Hai nấu thêm cơm để thằng Kim cùng ăn. Thằng Kim nuốt không vô, hỏi xé trưa đến giờ, tâm trí nó bận rộn vì một câu hỏi mà nó không dám thốt ra: “Chôn ba nó ở đâu? Làm sao mà chôn?”. Bà Hai gọi ông Hai ra phía sau. Hai vợ chồng nói qua nói lại thì thào. Ông Hai trở ra:

“Ý của cháu thế nào? Miệt này, mùa này ai rủi ro cũng vậy. Bác coi cháu như người nhà nên mới nói thiệt. Phải chôn gấp nội chiều nay, lòng vòng chờ sáng mai không ích lợi gì.”

Thằng Kim hỏi:

“Thưa bác, chôn ở đâu?”

Đoán được về lo âu sợ hãi ấy, ông Hai Tích ngập ngừng:

“Nói là chôn cho đúng tục lệ chứ đất đâu mà chôn?”

Tứ bề là nước. Có hai cách: một là xóc cây treo ở giữa đồng rồi treo trên mặt nước, chờ khi nước giạt mới đem chôn lại dưới đất. Như vậy mất công lắm, điều quạ hoành hành. Chi bằng bó xác lại rồi dằn cây, dằn đá mà neo dưới đáy ruộng...

Thằng Kim đập đầu xuống sàn nhà, hai tay bức tóc:

“Trời ơi, phải biết vậy, ba tôi tới xứ này làm chi...”

Thế là xác lão Bích được neo ở dưới ruộng, thằng Kim đau xót nhìn mặt nước như con ác thú khổng lồ há miệng nuốt trọn thân xác cha nó một cách ngon lành, để rồi mai đây tới mùa nước giạt, thịt da của lão Bích tan vào lòng nước, còn lại nắm xương tàn cũng bị đồng hóa với xương trâu “len” đi xa chết bệnh dọc đường, không còn ai nghĩ tới, nhớ tới và bị những luồng cày lấp đi cho lúa xạ mọc lên.

Tâm hồn Sơn Nam nghiêng xuống nỗi đau của cuộc đời với lối hành văn đặc biệt. Người đọc có cảm tưởng nỗi đau ấy là của chính anh. Nhưng không phải truyện nào của Sơn Nam cũng mang sắc thái u buồn ấy, có truyện anh viết thật dí dỏm như truyện “Bác vật xà-bông”, có truyện nhẹ nhàng, súc tích chứa ẩn một triết lý nhân sinh như truyện “Cô Út về rừng”. Có truyện gần giống truyện cổ hoang đường quái dị của vùng Thất Sơn kỳ bí như truyện “Miếu Bà Chúa Xứ”. Có câu chuyện tình buồn man mác, thắm thía và đẹp như thơ. Họ yêu nhau vì câu hò, tiếng hát. Họ gặp nhau như cơn gió, rồi xa nhau cũng nhẹ như một cơn gió. Tiếng hò tha thiết ấy, qua lời văn của Sơn Nam, hình như đến bây giờ vẫn còn bay bằng bạc trên mặt sông Cái Lớn, trong rạch Cái Ca để nuôi thương mối tình đã mất.

Dưới ngòi bút Sơn Nam, không phải đời sống của nông dân miền Nam hoàn toàn hiền lành và bao dung tuyệt đối. Họ cũng biết áp dụng triệt để “*luật sống*” trong những tháng ngày phải tranh giành miếng cơm, manh áo. Họ cũng biết dùng thủ đoạn, mảnh khốc hiểm độc để hạ nhau như thầy Rắn Năm Điền ở trong truyện “Cây huê xà”. Nhưng luật nhân quả đã được Sơn Nam tôn trọng để đi đến kết cuộc: kẻ nào làm trái, kẻ ấy sẽ gặp không hay.

Sơn Nam viết thật phong phú. Anh dắt người đọc đi từ trạng thái này qua trạng thái khác, ở mỗi

trạng thái lại nảy ra cá tính riêng biệt như truyện “Hát bội giữa rừng” đã làm người đọc nửa say mê, nửa bối ngỡ với không khí sặc mùi văn nghệ giữa chốn rừng sâu, chỉ có cá sấu và cọp. Mà lạ thay, cái “*văn nghệ rừng*” ấy lại cảm hóa được chúa sơn lâm, đến nỗi khi gánh hát đi rồi, sên khấu đã tốc nóc, bao nhiêu nọc làm hàng rào đã ngã nghiêng trên dòng nước, mà đôi cọp vẫn thường tới lui ngồi ủ rũ dựa gốc cây dừa bên bờ rạch như nhớ tiếc. Có người cho rằng nếp sống văn nghệ của Sơn Nam không theo kịp thời đại, thời đại đầy dẫy phi lý thoe quan điểm Camus, thời đại hưởng thụ của Sartre, thời đại đam mê của Sâng hoặc xa hơn nữa, thế giới trừu tượng của thi ca và hội hoạ, thế giới của những con người sống vội vã, cuồng nhiệt chạy theo dục vọng qua ánh đèn xanh đỏ. Nói một cách chính xác hơn, Sơn Nam đã từ chối vòng hoa ân thưởng với tất cả can đảm vì đã dám sống và sống thực với cảm nghĩ của mình. Sơn Nam làm văn nghệ vì sự thôi thúc của bản năng, vì nỗi dằn vặt của nội tâm. Càng đọc anh, chúng ta càng nhận thấy rõ rằng thân phận con người Việt Nam được phản ánh qua những khung cảnh khắc khổ của thiên nhiên, của xã hội, cái thiên nhiên và xã hội dưới thời nô lệ như a tòng với nhau để đè nén con người. Sơn Nam đã truyền vào máu ta từng hơi thở, hơi thở oai hùng, bất khuất của lớp người đi trước để làm vốn cho người hôm nay, cả lớp người ngày mai nữa.

Tâm hồn Sơn Nam bình dị, thật bình dị như cỏ cây và thanh thoát như khí trời. Những lời nói và hành động trong văn chương cũng như giữa cuộc sống đều toát ra sự hiền hoà, chân thực chẳng riêng với mình, còn với người. Quê hương miền Nam và kích thích của miền Hậu Giang như gói trọn trong cơ thể Sơn Nam, nó là những vi ti huyết quản, nó là xương máu, da thịt. Nó là sự “bất khả lià”. Nó có đây, còn đây và mãi mãi còn đây. Sự kiện này được chứng minh ở tâm sự của mỗi nhân vật hiện diện trong văn chương Sơn Nam. Nói đến văn chương, đích thực Sơn Nam không làm văn chương mà chỉ sử dụng văn chương để gửi gắm nỗi khắc khoải, nỗi nhớ thương quê cha đất mẹ, qua những cơn phong ba thời đại.

Không một nhân vật nào trong tác phẩm Sơn Nam lại chẳng “*để đầu tư có hương*” dù gặp hoàn cảnh, trường hợp khó khăn đi nữa. Từ giáo Sĩ – chàng thanh niên có học, trong rương có sách của Nietzsche, của Kant, hai triết gia Đức, dạy truyền bá Quốc ngữ ở đất Tân Bằng – qua bao nhiêu nổi trôi rồi cuối cùng cũng lại tấp về đất cũ, vì làm sao mà quên được ngọn núi Ba Thê, núi Tà Lơn và kho tàng Ốc eo với nếp sống hiền hoà và gan dạ của Bảy Thích. Làm sao quên được hình ảnh ông giáo Kiến, con người yêu đất nước như yêu thân mình, khi bị tình nghi làm cách mạng đã trốn tránh và tự thiêu ở hòn Thỏ Châu để khỏi bị bắt bởi tên cò “Mạc-Te” để giữ tiết tháo của kẻ sĩ Việt Nam oai dũng trong giai đoạn thê thảm mà thực dân Pháp cùng phát xít Nhật hè nhau bóc lột, đàn áp dân ta vào những năm 1943-45. A tòng tội lỗi, còn có những bộ mặt giáo Ngọc, Liễu Hương tiếp tay với giặc để ức hiếp anh em chòm xóm. Liễu Hương – đưa con gái đáng thương – hơn một lần lỡ dở tình duyên, bỏ lên Sài Gòn làm đi rồi quay về nơi “*chôn nhau cắt rún*” để gây rắc rối về tình cảm và khuấy động làm ngầu đục nếp sống cổ sơ của vùng đất Tân Bằng.

Trong tác phẩm “Chim quỳên xuống đất” các nhân vật kể trên tuy không sống trọn vẹn một đời sống nguyên thủy và đặc biệt như các nhân vật của “Hương rừng Cà Mau” thuở miền Nam mới hình thành, nhưng không vì thế mà Sơn Nam coi nhẹ những mũi nhọn nghệ thuật xoáy vào tiềm thức người thưởng ngoạn. Người đọc bắt gặp luôn những hình ảnh sống động và thật dễ thương dù là văn tả cảnh:

Sương cuộn cuộn tràn tới từ lượn sóng dài. Hàng cây so đũa khuấy hẳn. Rặng trâm bầu có lẽ lù mù đằng kia. Sĩ nhớ kỹ chỗ đó, từ hai năm nay, lúc mới trồng, cây to le te đâm chồi... Lốp sương trôi đến đó dội lại, rồi rầm như dải lụa nhàu nát. Qua rặng trâm bầu, con đường ngoằn ngoèo không thấy gì rõ rệt nữa. Phía xa kia, trước mặt anh là phía mái trường thân yêu...

...Tháng này, tháng năm rồi mà sương còn mịn trời như hồi tháng giêng. Thứ mù sương ở miệt Tân Bằng này, chỗ khác không có. Dày đặc không thấy đường... không thấy sao trên trời, không thấy trăng, ngoại trừ đêm rằm.

"Chú biết cái gì sanh ra sương mù không?"

Câu hỏi của người nông dân đặt ra, giáo Sĩ trả lời qua sách vở tiểu học:

"Hơi nước trong không khí gặp gió lạnh, hơi đọng lại từng hạt nhỏ, nếu gió lạnh hơn nữa thì thành giọt lớn. Đó là mưa. Như cơm sôi, đọng mồ hồi trên nắp vung phải không bác?"

Người nông dân không chịu:

"Chưa đúng lý. Hơi lá cây trong rừng xông ra thành mù sương chú à. Tại sao nơi khác sương mù ít mà đây nhiều? Vì mình gần rừng. Hơi rừng ban đêm đọng lắm".

Cái môi giao tình thân mật và đơn sơ ấy là tượng trưng của nguồn thương mến vô hạn giữa những con người cùng chịu chung cảnh ngộ. Nếu có sự xáo trộn nào đó, chẳng qua chỉ như một hòn đá ném xuống ao, làm rung động mặt nước một chút rồi thôi.

Trong tác phẩm "Chim quyên xuống đất", Sơn Nam áp dụng kỹ thuật viết truyện dài với những gút thắt, mở, với tình tiết ly kỳ để "bắt trớn" và đôi khi rời bỏ quê hương – sở trường – để thử sức với đôi cánh. Đường bay tuy không duỗi nhưng nó làm người đọc bơ vơ, nhức mòi.

Sơn Nam quả có tâm hồn phong phú, sự phong phú bẩm sinh hơn nguy tạo. Sơn Nam dẫn lộ cho người đọc đi vào những bí mật và bí ẩn của miền Hậu Giang màu mỡ nhưng không kém phần gai góc và cái "bất đắc chí" của một kiếp những tự cảm thấy bất lực trước thời thế ở đoạn tả ông giáo Kiến đánh cờ trong thảo am trên hòn Thổ Châu cô quạnh giữa biển khơi. Giáo Sĩ hỏi Bầy Thích:

"Ông đánh cờ với ai? Trên hòn Thổ Châu, ai là người lạ nữa đâu? Hoặ đánh cờ với hồn ma?"

Bầy Thích chắt lưỡi:

"Tôi đồ chú nói mười tiếng nữa."

"Tôi chịu thua bác."

Bầy Thích thốt nhiên cười to:

"Ông giáo Kiến đánh cờ với ông giáo Kiến để giải trí cho... ông giáo Kiến. Mình cứ tưởng tượng: ông đi một nước bên đen rồi đi một nước bên đỏ. Suy nghĩ hồi lâu, ông đi thêm một nước nữa; lâu lâu hồi một nước với ông. Rút cuộc ông cho bên này thắng, bên kia thua..."

Biết mình là kẻ phạm thượng, tôi vào thảo am, lập tức chấp tay xin lỗi. Ông giáo Kiến ban đầu giận lắm, nhưng rồi lại cười, cười ra nước mắt. Ông nói: "Đời tôi ích kỷ quá. Tôi muốn bao trùm thiên văn địa lý nhưng tôi chưa hiểu gì cả. Tôi thương cả loài người, nhưng ra đây rồi cuộc tôi chỉ thương tôi. Đánh cờ tướng như tôi... chỉ là trò cười... với tôi! Thẹn thường quá".

Ông giáo Kiến thương cả loài người, không sai đâu vì ông là đại diện cho lớp nông dân miền Nam của thời đại mới, nghĩa là lớp nông dân đã ý thức được vai trò lịch sử của mình. Như vậy,

dù ông hay Bảy Thích, giáo Sĩ và ai ai nữa cũng vẫn chỉ là một.

Người nông dân Việt Nam căm thù Pháp qua hình ảnh cò Mạc-Te, Lơ-Hia, căm thù Ngọc qua giáo Nhật, Liễu Hương, nhưng luôn luôn che chở và thương xót kẻ thù khi kẻ thù thất thế. Ôi! Cao cả thay tinh thần dân Việt. Đây, thái độ của Bảy Thích đối với kẻ sa cơ, dù kẻ đó đã ngự trị và khống chế dân ta gần một thế kỷ:

Bảy Thích và dân ở gần đó cứ chạy về phía súng nổ, họ bàn tán rồi gọi to:

“Ai đánh với ai? Nhứt Bồn tới hồi nào/ Ông cò Mạc-Te ơi! Ông ở đâu? Tụi tôi chẳng bao giờ trả thù kẻ sa cơ thất thế! Ông ở đâu?”

Vậy đó, lòng bao dung và độ lượng ấy chẳng phải trường hợp hi hữu mà nó có thường trực ở trong mỗi con người Việt Nam thuần túy. Ngay cả Liễu Hương cô gái giang hồ đã gieo rắc nhiều tội lỗi trong lúc sống, đã trả nợ tội lỗi bằng chính viên đạn của kẻ cùng phe, lúc chết vẫn được tha thứ như thường.

*Phải chi ngoài biển có cầu
Anh ra mức nước giải oan sâu cho em.*

Từ “Chim quyền xuống đất” đến “Hình bóng cũ”, Sơn Nam vẫn mang một nỗi niềm. Nỗi niềm đó là chống đối ngoại bang và cả những kẻ lợi dụng uy quyền ngoại bang để bóc lột, chà đạp lên nỗi oan khổ của người dân quê ngàn năm còn đó.

Nhân vật Henri Nhan và vợ, trong “Hình bóng cũ” đại diện cho lớp “côn đồ ác ôn”, thời nào cũng có. Chúng không ngại nhúng tay vào những việc như bắt, bắt nhơn, bắt nghĩa miễn sao được lợi riêng mình. Chúng bắt thân với uy quyền để tạo thế mạnh. Chúng xảo trá, lưu manh. Chúng là quân giết người, quân khốn nạn. Chúng là vết nhơ của xã hội. Chúng ích kỷ, đê hèn. Chúng nguy tạo danh nghĩa để che đậy sự thối tha, như nhớp do chúng tạo nên. Chúng muốn người đời giương danh bằng “*tiểu sử danh nhân*” trong khi chúng kéo lê tâm hồn trong sự tủ nhục và đốn mạt.

Nhưng chúng không đánh lừa ai được vì chúng ta còn có lão Tư Hiếm ở vùng Mốp-Giăng, chúng ta có cô Thừa dám cởi hết áo quần trước mặt quan kinh lý che ngang ống kính đặc điền và cãi lý vì quyền lợi chung:

“Làm cái gì vậy? Trần trường như nhộng giữa đám đông chẳng biết mắc cỡ à?”

Cô gái đáp:

“Mắc cỡ gì? Hễ cái miệng đời thì cái... mông cũng chết! Xưa nay, chưa có người nào chết đời mà cái mông còn sống được. Tôi làm vậy đó. Không mắc cỡ gì hết!”

Sau câu nói đó, số phận cô Thừa kể như đã định đoạt. Cái vùng Mốp-Giăng nằm dưới chân núi Ba Thê, cạnh kho tàng Óc Eo, cạnh bờ biển đen ngòm, lâu lâu vượn hú, khỉ kêu nghe thảm thiết bên rặng cây bần. Mưa lạnh lâu ngày, vin mãi trên cành, khỉ vượn vừa sợ đói vừa sợ té, rớt cuộc vẫn té vì đói, vì lạnh để rơi xuống bãi bùn trầy xước lại trở lên cành mà vin mãi.

Vùng Mốp-Giăng còn sống nhờ chuột. Mùa nước nổi, chuột cắn đuôi nhau nối liền thành một sợi dây dài, chẳng biết nó từ xứ nào tới và đi về đâu. Tụi nó lợi chạp chững, con này nương sức của con kia... Mỗi tháng có năm sáu bầy như vậy. Nước giựt xuống, chuột làm ổ; trời sa

mưa, cỏ non mọc nhú lên, tha hồ xây rọ mà bắt. Dân ăn chuột trừ cơm. Đó là hồi xưa, bây giờ đất Mốp-Giăng đã “thuộc” rồi nên Henri Nhan mới phải đến nhờ quan Tư Ca-Rê và lũ lính Lê Dương để tranh phần ăn của dân nghèo với những xác chết kèm theo.

Dưới ngòi bút Sơn Nam, mọi sự bất nhân đều không được dung tha. Mọi việc, mọi tình, Sơn Nam đều giải quyết đúng với tinh thần phương Đông, nghĩa là “*ơn trả, nghĩa đền*” thật sòng phẳng. Do đó, người đọc Sơn Nam bao giờ cũng ở trong một tư thế thoải mái.

Sở dĩ Sơn Nam có thể làm chủ bút pháp của mình trong nhiều tác phẩm chuyên viết về đồng ruộng, là vì Sơn Nam đã am hiểu đất Hậu Giang thật chu đáo. Sinh trưởng tại Hậu Giang, lớn lên tại đó, rồi chạy giặc, kháng chiến và viết văn cũng ở đó, nên miền Hậu Giang đối với Sơn Nam như hơi thở của mình, nếu mất nó Sơn Nam cũng chẳng còn.

Qua cuốn *Tìm hiểu đất Hậu Giang*, Sơn Nam chứng minh với người đọc về giá trị hiểu biết trong vấn đề địa lý, nhân văn, kinh tế cũng như cơ cấu xã hội của miền “*trái ngọt cây lành*” từ buổi đầu khai phá. Biết bao nhiêu công trình nghiên cứu, bao nhiêu sách vở và Sơn Nam, anh hãy cho chúng tôi biết đã bao nhiêu đêm trắng qua đi bên thếp đèn dầu cá anh suy tư, hoài cổ?

Trong bài tựa cuốn sách trên, giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu viết:

“Miền Hậu Giang là miền đồng bằng, rất rộng ở về phía Nam con sông Hậu. Con sông này là chi nhánh của sông Cửu Long chảy từ Nam Vang xuống nước ta, hướng Tây Bắc – Đông Nam. Từ biên thủy Cam-Bốt đến cửa biển, sông dài độ hai trăm hai mươi cây số... Miền Hậu Giang là 1/3 đất miền Nam. Toàn đồng bằng rất thấp, trừ mấy ngọn đồi ở An Giang và Hà Tiên nổi lên như để làm cảnh. Trừ Ba Xuyên và An Xuyên, tức miền Bạc Liêu và Cà Mau trước thời 1/3 là bùn lầy, đầy rừng nhưng nhúc nhúc rấn”.

Và Sơn Nam viết về săn chim, trong cuốn *Tìm hiểu đất Hậu Giang*:

Hồi trước năm 1945, nhiều người dân ở U Minh còn mạo hiểm vào giữa rừng tìm săn chim. Họ khởi hành từ xóm Tân Bằng đi thẳng về phía Đông chừng 10 cây số... Việc khai thác rất gay go. Từng đoàn người mang gùi, búa, rử nhau vạch một con đường giữa các bụi tràm thủy, dây bít. Hai người đi tiên phong cầm hai đầu cây cán cỏ, dè bẹp sậy, choại xuống. Bọn đi theo sau đó mà tiến lên rất chậm chạp. Phải đi gần hai ngày mới tới săn.

Cũng theo lời thuật lại, săn chim rộng hơn 10 mẫu, nồng nực mùi phấn, mặt đất như bốc khói vì hơi thở của bao nhiêu con chim mẹ đang hò hét hoang hôn. Loại lông ô rất thính hơi người, ai nấy phải cởi áo ra để giấu mùi mồ hôi. Đêm đến, họ ra tay giết chim, nhổ lông rồi kéo xác chim bỏ xa.

Mỗi năm, họ vào săn lấy lông chừng đôi ba lần, cũng từ tháng giêng, tháng hai, tháng ba... Huê lợi tuy to tát nhưng phung phí nhiều sức khỏe nên ít ai muốn mạo hiểm.

Ngày nay loại lông ô, chó đồng, già sói, bò nông của săn chim ngày xưa đã thành giai thoại...

Chẳng cứ gì săn chim mà còn nhiều thứ khác cũng mất dần đi theo thời gian và tiến bộ chung của quốc gia, nhưng chúng ta còn Sơn Nam, tức là còn tiếng nói cổ sơ của miền Hậu Giang yêu dấu ngàn đời không phai lạt qua “*Vạch một chân trời*”, “*Cô gái Phù Nam*” và “*Nhà ông Cả*” đang sinh động quanh đây.

Cây huê xà

Cây huê xà là thứ cây gì? Hình dáng ra sao? Có thiệt hay là bịa đặt? Nó có lợi hay là có hại cho loài người? Bao nhiêu câu hỏi ấy dồn dập, lẫn quẩn trong trí tưởng tượng Lợi hằng năm nay mà nó không tài nào trả lời nổi.

Cây huê xà vốn là vị thuốc chánh trong toa thuốc ngựa rấn của ba nó. Nhờ đó mà đi đến đâu người ta đều khâm phục, ba nó nổi danh là thầy Hai Rấn. Được nổi danh là một chuyện khó vì lẽ ở vùng Rạch Giá, Cà Mau thầy rấn xưa nay cũng nhiều người tài. Họ có thể cứu sống nạn nhơn, bảo đảm trăm phần trăm, nếu người bị cắn không để lâu quá hai giờ đồng hồ. Họ dùng toa thuốc Nam để kiếm như gừng, cỏ ống, vôi, trấu, nhựa ống điếu, trứng rệp... Họ lại còn dám nuôi trong nhà vài con rấn để bắt chuột. Lúc họ uống nước trà, rấn nằm vắt vẻo trên đôn đồng nhà, nhìn xuống gục gặc đầu. Đêm nào có trăng thì rấn đi ngao du, lên tận trên đọt lá dừa để bắt chim trong ổ hoặc rình mổ mấy con dơi rượt muỗi bay qua chớp nhoáng.

Ba thằng Lợi nổi danh hơn các thầy rấn vừa nói trên. Thuốc của ba nó vò viên sẵn, khỏi tốn thời gian tìm kiếm. Thuốc ấy mạnh lắm, trừ tuyệt nọc, nghĩa là một hai năm sau đi nữa bệnh nhơn không cảm thấy nhức xương sống mỗi khi lập đông trở về. Phi thường nhất là có toa thuốc khi thoa vào tay, rấn không bao giờ dám mổ.

Hồi mới xuống rạch Thuồng Luồng này, ba nó đã có lần thí nghiệm cho các thầy thuốc trong xóm coi thử.

Ba nó – thầy Hai Rấn – loan tin:

“Tôi có bùa bắt rấn. Bùa này của Phật Thầy Tây An ở núi Sam truyền lại.”

Ai nấy phản đối:

“Nói dóc! Chân ướt chân ráo mới tới xứ này mà không để cho người ta thương! Phật Thầy Tây An xưa kia bao giờ làm bùa bắt rấn. Ngài lo giữ mỗi giềng đạo lý, sao cho ai nấy ăn ngay ở phải, đừng vì tiền tài mà nói dóc với chúng sinh.”

Mỉm cười, thầy Hai Rấn mời bà con đứng giờ Thìn sáng mai đến cây thị, trước miếu ông Tà. Cây thị này hồi năm ngoái bị trời đánh sét làm hai. Thiên hạ đồn rằng: Có điềm trời! Không vậy sao trong ruột cây có cái bọng đen ngòm. Dưới đáy bọng, một đống đất khô... Ngạc nhiên làm sao! Đất nhúc nhích từng cục, một con rấn hỏ óm nhom vùng góc đầu lên cao, phùng mang chồm tới, giống hình cái bàn nạo. Rấn nhìn người chung quanh, huyết gió rồi rúc xuống đất vụn để ẩn mình.

Sáng hôm sau, đúng giờ Thìn, thầy Hai lại gốc cây thị với mọi người. Lấy tay vỗ mạnh vào gốc cây, thầy nói:

“Ông xà ơi! Ra đây nói chuyện chơi.”

Ai nấy trố mắt, ngạc nhiên. Có tiếng huyết gió như đáp lại rồi từ miệng bọng cây, cái bàn nạo lần lần nhô lên.

Thầy Hai lấy tay vạch vòng tròn dưới đất, vỗ xuống mạnh:

“Tôi muốn mời ông xà lại đây, ngồi trong vòng này với tôi.”

Rắn nọ bò xuống, men vào vòng đã vẽ. Thầy xòe tay ra, để cách miệng rắn chừng một tấc mà thét:

“Cắn thử coi!”

Rắn không nhúc nhích.

Thầy thét lớn hơn:

“Áp khẩu tay tôi nè! Cắn ngay đó thì tôi chết liền. Tôi đổ ông dám cắn!”

Ai nấy phập phồng chờ đợi. Rắn cục cựa, thối lui, ngóng mở lên cao, day qua day lại. Thầy Hai trợn mắt, đưa tay xít lại gần hơn nữa. Bỗng nhiên, rắn huýt gió một tiếng rồi quay mình phóng vào bông cây, mất dạng.

Thầy đứng dậy, vắn điệu thuốc. Vừa hút phi phà, thầy giảng rằng:

“Chém ruồi ai dụng gương vàng làm chi! Nói thiệt cho bà con thương, tôi đây cực chẳng đã mới ra nghề. Tôi biết trong số bà con đây có người tài giỏi hơn tôi nhưng giỏi về môn khác. Thứ bùa này ít ai biết. Lúc ban sơ, tôi dùng nhơn lực để kêu rắn ra khỏi bông cây. Kế đó, vẽ vòng tròn tức là tôi dùng thần lực. Đến khi chuyển qua thiên lực, rắn nọ phải chạy trời chết... Nhân lực, thần lực, thiên lực, đó là ba chặng đường mà tôi phải trải qua. Phần đông bà con mình xưng là thầy nhưng chỉ mới bước tới nhơn lực.”

Tài của thầy Hai Rắn, ai lại chẳng phục. Ngặt thầy kiêu hãnh quá nên hôm đó không ai muốn thụ giáo, họ bực tức ra về. Trong số ấy có Năm Điền là thầy rắn bấy lâu lừng danh ở xóm Thuồng Luồng này. Năm Điền cảm thấy bị sỉ nhục. Về nhà chú nằm suốt đêm không ngủ được, tâm trí bận rộn, cố nhớ lại mấy toa thuốc. Chú biết đây là một mưu mô của thầy Hai Rắn. Nhứt định thầy Hai có thoa vào tay một thứ thuốc đặc biệt. Ngửi nhằm mùi đó, rắn chịu không nổi, phải mờ mắt hoặc ê răng mà chạy trốn. Ăn cắp cái toa thuốc đó là diệu kế nhứt. Nghĩ vậy, chú sực nhớ tới con Lài, đưa con gái khá nhan sắc của chú.

Bấy lâu nay, chú thường để ý: Thăng Lợi, con thầy Hai Rắn, thường bèn mảng lại đây để trò chuyện với con Lài.

Năm Điền bèn kêu đưa con gái vào:

"Lài à!"

"Dạ!"

Nhìn trước cửa thấy không có ai, chú nói nhỏ với con:

"Bấy lâu cha sống ở rạch này cũng là nhờ nghề trị rắn. Bây giờ, thầy Hai Rắn tính đập bể nồi cơm của cha con mình!"

Con Lài hỏi, ngây thơ:

"Sao vậy ba? Người ta lạ, mới tới..."

“Bởi vì nếu trời đã sanh Châu Do thì không có Gia Cát Lượng.”

“Gia Cát Lượng là ai vậy ba?”

Năm Điền đổ quạu:

“Không biết gì hết. Ngu quá! Mà biết thầy Hai Rắn là cha của ai không?”

“Dạ... của anh Lợi.”

“Thằng Lợi tới lui đây hoài. Điều đó ba biết hết. Ba nào cấm cản. Nó nói gì với con...”

Con Lài bẽn lẽn:

“Anh nói muốn làm quen.”

“Ờ! Ba nói thiệt với con làm thân con gái phải giữ gìn thân thể. Không khéo, lỡ bề gì như nhuốc danh giá dòng họ. Con thương nó thì phải cho ba hay để bắt buộc nó thương con...”

Con Lài buộc miệng:

“Đừng... Tội nghiệp người ta.”

“Không sao đâu. Chiều mai, con rử nó lại ăn cơm. Sẵn dịp ba mời nó uống rượu, thứ rượu rần giao đầu”.

Nghe đến rượu “rần giao đầu”, con Lài liếc nhìn chai rượu thuốc để trên bàn thờ. Trong chai, ngâm hai con rắn mà ba nó lượm được hồi năm ngoái! Con rắn nước nuốt con rắn trun, có lẽ nuốt không vô nên hai con đều chết. Ba nó lượm đem về ngâm rượu.

Nó hỏi:

“Uống chết không ba? Con sợ quá.”

“Gì mà sợ. Rượu nó làm cho trai với gái thương nhau như rắn. Uống vô, thằng Lợi không bao giờ bỏ con được. Trăm sự, nó đều thiệt tình. Con nhớ hỏi nó một điều này mà thôi...”

“Điều gì ba?”

“Cái toa thuốc thoa vô tay rắn mà không cắn, của ba nó vài hôm trước, đằng cây thị trước miếu ông Tà. Nhớ hỏi cho kỹ được. Bằng không, ba giết chết cả hai đứa như giết rắn. Từ nay hai đứa bây là hai con rắn... vì chất rượu này...”

Lá rụng ơi là lá rụng!

Từng chiếc lá tràm bay tung tăng như bướm bướm mỗi cánh, đáp nhẹ xuống mặt nước từ trong ngọn rạch trôi dài ra.

Con Lài nhìn dòng nước uốn khúc qua voi, qua vịnh như con rắn bò, thứ rắn có khoang màu vàng, con rắn hổ sơn. Nó bụm mặt lại để che cái hình ảnh đó. Nhưng nào được! Kìa chiếc

xuồng của thằng Lợi bơi lướt tới, vạch ra hai làn bọt nước lổm đổm trắng như con bạch hoa xà. Lập tức nó xuồng bển, bơi theo, mãi đến khi xuồng thằng Lợi ghé bên bờ đìa, kề gốc cây bình bát.

Thằng Lợi day lại cười:

“Đi đâu vậy cô Hai... rần bông súng?”

Con Lài sực nhìn chiếc áo có bông đang mặc.

Nó e thẹn, liếc thằng Lợi:

“Em giống như con rần bông súng. Còn anh, áo đen mốc giống con rần hổ đất. Cười em làm chi.”

“Rần đâu dám cười rần.” – Nó vừa nói vừa nắm tay con Lài.

Con Lài rút tay ra cho có lệ. Nó bước qua xuồng, ngã vào lòng thằng Lợi.

“Anh à!”

“Cái gì đó, hở rần?”

“Thiên hạ thấy, họ cười chết.”

“Ai thấy mà cười? Chung quanh đây cái gì cũng là rần như hai đứa mình. Thí dụ như mấy sợi dây choại, dây bông bong kia...”

Con Lài gật đầu:

“Phải, dây choại, dây bông bong giống như rần lục, nó xanh tươi. Còn đám cỏ bòn bòn đằng kia, nó đẹp lép quả thật là rần lá... Nhánh củi khô, ké đó, anh thấy không, anh Lợi?”

“Nó là con rần nẹp nia, da nó xù xì...”

“Em suy nghĩ thấy sao kỳ quá, anh à. Rần có thù oán gì với loài người, cứ sao loài người thù oán rần. Như dây choại, cỏ bòn bòn, nhánh củi khô rất ích lợi cho con người.”

Thằng Lợi vuốt mái tóc con Lài:

“Vậy nên rần mới buồn bực trong lòng, tụ họp lại. Con rần này tìm con rần kia làm bạn với nhau cho vui. Rần với rần thương nhau lắm.”

“Nó có cắn nhau không anh?”

“Đâu có. Mà nó cũng muốn cắn loài người. Người nào biết điều thì rần không cắn.”

“Biết điều là sao?”

“Là biết nói chuyện với rần. Nói chuyện bằng hơi tay, thí dụ như ba của anh...”

Con Lài cố giữ trầm tĩnh, nó biết nãy giờ nó đã nói nhảm vì uống rượu rần giao đầu, nhưng nó nhớ lời ba nó căn dặn...

"Hơi tay của ba anh có gì mà nói chuyện được. Anh có cái hơi đó không? Tay anh đâu rồi?"

Thằng Lợi xoa tay rồi đưa ra trước mặt con Lài:

"Phải có ngải mọi. Em biết thứ ngải đó không? Múc bột nó làm bánh ăn ngon lắm. Ăn bánh ngải rồi phải uống nước chanh. Xong xuôi, nằm xuống hút một điếu á phiện với cái dọc tẩu làm bằng sừng con đinh."

Con Lài lắng nghe từng tiếng rồi hỏi tiếp:

"Hút á phiện rồi làm gì nữa?"

"Rồi thì vợ chồng dắt tay nhau dạo kiếng, ngắm cái bông huê xà..."

"Bông huê xà là thứ gì?"

"Huê xà là huê xà. Ba của anh nói lại sau rớt."

Con Lài lẩm bầm:

"Ngải mọi, nước chanh, á phiện, sừng đinh, huê xà. Toa này năm vị. Mình nhớ đủ hết."

*

Năm Điền với đứa con gái bỗng nhiên chết ngã lãn tại nhà.

Tin đó truyền ra nhanh chóng. Cả rạch Thuồng Luồng, ai nấy chung hửng. Mấy ông thầy rần xúm lại khám nghiệm rồi quả quyết:

"Chết vì rần. Dấu răng rần hổ. Chắc chắn có rần hổ nuôi trong nhà, nó phản lại chủ."

Chờ cho thừa khách, thầy Hai Rần tới, cầm bàn tay của hai nạn nhân nọ mà ngửi. Nước mắt của thầy bỗng dung tuôn xuống. Chợt nhìn chai rượu thuốc "rần giao đầu" trên bàn thờ, thầy lắc đầu, thờ dài.

Đêm đó, kêu thằng Lợi ra sân mà nói:

"Mai này cha phải đi. Con ở lại một mình. Cha buồn lắm. Họ dụ dỗ con để khám phá bí mật, cha biết vậy. Nhưng trăm sự cũng vì toa thuốc nọ thiếu cây huê xà nên không linh nghiệm. Cây đó khó kiếm lắm. Cha con Năm Điền tưởng là cha nói gạt chớ thật sự nó có: dây đỏ tròn bằng mút dứa, vằn vện như da rần. Phải tìm ở chót núi ông Cẩm, tìm cả tháng trời mới gặp một cây. Con Lài chết, có lẽ vì Năm Điền không tin con gái nên cho rần cắn nó trước. Chừng thấy nó chết, y buồn quá nên tự tử theo, không muốn chuyện đổ bể ra e mất thể diện với bạn đồng nghề. Nghề rần nó nghiệt như vậy đó."

Đêm sau thầy Hai Rần trốn xóm giếng, trốn đứa con trai mà đi mất.

Còn thằng Lợi ở lại. Tội nghiệp biết chừng nào! Nó nào hiểu tại sao loài người bày đặt ra thuốc rượu "rần giao đầu" để dụ dỗ lẫn nhau, trong khi cái tình yêu tự nhiên còn keo sơn hơn gắp

mấy! Nó không hiểu sở dĩ ngày nay nó cô độc, vắng cha, vắng tình nhân như vậy chỉ vì mối ganh tị giữa hai người đồng nghề là cha nó và cha con Lại.

Nó thơ thẩn như người mất hồn, khóc không ra nước mắt mỗi khi ra thăm nấm mộ của người tình xưa, thấy mấy dây rau muống bò lan bên cạnh.

Cây huê xà là gì? Có thiệt hay không? Lắm đêm, nó nằm chiêm bao thấy một thứ dây lổm đổm trắng mọc cheo leo ở chót núi ông Cẩm, tiếp với trời xanh. Trên cảnh xa vời không như bọn đó, dây huê xà nhờn như uốn éo với gió núi. Giữa lòng rừng chiếc lá, hiển hiện kia trăm ngàn gương mặt của con Lại, tươi tắn, cười riêng với nó, trẻ mãi không già...

Hình bóng cũ : Sơn Nam Nguyễn Ngọc Trụ



Trong những tác phẩm của Sơn Nam, có một, ít được nhắc tới, nhưng đối với cá nhân người viết, có lẽ đây là cuốn hay nhất của ông: Hình Bóng Cũ. Những tác phẩm như Hương Rừng Cà Mau, Chim Quyên Xuống Đất... là một Miền Nam sau này, hoặc vẫn tiếp tục còn đó, tuy đã tang thương đau bể. Hình Bóng Cũ là một Miền Nam đã mất hẳn, như một Viễn Tây của lịch sử Hoa Kỳ. Ở đó, huyền thoại lẩn át thực tại, và khi huyền thoại biến mất, nó kéo theo cùng với nó, những con người nửa hư nửa thực. Tất cả biến thành thần. Những vị phúc thần (anges gardiens).

Tôi đọc cuốn sách đã lâu. Sau cố tìm gặp lại nhưng không thể. Như thể cái duyên giữa cuốn sách và tôi đã trọn vẹn: Một đứa bé di cư, một mình xuống tàu há mồm vào Nam tìm gặp Hòn Ngọc Viễn Đông, vô tình khám phá viên quặng làm nên hòn ngọc đó.

Câu chuyện một xóm nhỏ, có một "thầy ký nhật trình", như dân trong xóm vẫn thường trầm trồ về một anh chàng ngụ cư. Bản thân anh ta lâu lâu có một thơ được nhà báo thương tình đăng lên, thay vì để trống một khoảng nhỏ.

Một bữa có một bà tới kiếm, tính mượn anh viết hồi ký cho "bả". Người đàn bà ôm trong mình cả một kho tàng. Đã từng là đào hát, chủ gánh, sau bỏ hết, gá nghĩa cùng một ông tây thuộc địa, một trong những người khai phá ra những cánh đồng thẳng cánh cò bay, tiền thân của những ông Hương, ông Cả trong những cuốn tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, tiền thân của những cô Ba, cô Tư trong những câu chuyện ngồi lê đôi mách, cà kê, dè ngỗng của một số tác giả Miền Nam hiện nay. Một nhân vật kiểu Faulkner, sự tàn bạo, dã man không thua, số người bị giết do ông, bởi chính ông chắc cũng không kém. Người đọc chỉ đoán lờ mờ những chi tiết "thực" đó. Chỉ lờ mờ biết được quá khứ của một Lọ Lem một bữa biến thành Công chúa Thuộc địa. "Bả" có cay đắng khi phải "bỏ thân về với triều đình", khi phải đồng hóa Miền Nam với chủ

nghĩa thực dân khai hóa... nào ai biết được. Tất cả chỉ là những "tầng kiến giải" về một huyền thoại. Về một Hình Bóng Cũ.

Người xưa thường nói, nếu vẽ rồng chớ có "điểm nhãn". Vẽ mắt rồng, bữa nào húng lên, rồng vàng, hạc vàng... bay mất, để trơ lại một thành Thăng Long mất cả Gươm Thiêng lẫn Rùa Thần, một Hoàng Hạc Lâu biến thành tiệm chả cá Lã Vọng...

Tôi nghĩ, Sơn Nam đã quên lời dặn đó của cổ nhân, khi viết Hình Bóng Cũ.

Mối tình đầu của tôi với Miền Nam ngày xưa ngày xưa chỉ có vậy. Số mệnh khiến tôi suốt đời lèo đèo chạy theo mối tình đầu đó, khăng khăng cứng đầu, cố biến nó thành hiện thực. Sau này, đọc những nhà văn Miền Nam, cũng là để cố tìm lại chút văn minh, "tư tưởng man rợ" (pensée sauvage, chữ của C. Lévi- Strauss), của một thuở miệt vườn.

Nhưng có lẽ không giản dị như vậy, Miền Nam, mối tình đầu, và tôi.

Ngay từ khi học trung học ở Hà-nội, đọc Tô Hoài, tôi đã cố mường tượng ra một "nước Nam Kỳ" xa xôi, chốn đầy ải, nơi trốn chạy của những anh đàn ông, con trai "Bắc Kỳ" của một Xóm Giếng, một Trăng Thề, một Quê Người - một làng Nghĩa Đô đã không còn là quê mình - nên đành hy sinh đi làm phu đồn điền cho Tây, nếu không may thì làm phân bón cây cao su, còn may ra thì lại có phen áo gấm về làng. Có thể khi xuống tàu há mồm vào Nam, giấc mơ của chú bé di cư vẫn chỉ là giấc mơ cũ kỹ đó. Giấc mơ của một Nguyễn Hoàng về một Hoàng Sơn nhất khoảnh, hay khiêm tốn hơn, một tương lai bên ngoài lũy tre làng.

Khi còn ở Trại Cấm, nhân có một cán bộ Cộng Sản thất sủng, bị anh em đồng chí tính cho đi mò tôm, nên đành phải vượt biển, và được đậu thanh lọc, rồi sau đó xảy ra một cuộc tranh luận gay gắt giữa một số người. Người cán bộ đã nói thẳng ra một điều: tại sao các anh không giải phóng chúng tôi, tại sao các anh tạo ra tình cảnh cả nước phải đi ăn mày tình thương của toàn thể nhân loại... Khi lấy được Miền Nam, có thể giấc mơ muôn đời của Miền Bắc đã được thực hiện: Giải phóng cho chính mình, rồi sau đó, cho cả nước. Đối với lịch sử, Miền Nam chỉ có công: Thất trận.

Qua đây, đọc những nhà văn hải ngoại, tôi nhận thấy chỉ có dòng văn chương chứa đựng tư tưởng "miệt vườn" là không bị cuộc chiến làm xấu đi, huỷ hoại, hoặc tiêu diệt. Như là một đối trọng với gánh nặng hội nhập.

Ở trong nước, dòng văn chương hiện thực tiền chiến, ở những tác giả như Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Tô Hoài... đã đầu tư hết mọi ước mơ, hoài vọng và năng lực cho những ngày đầu cách mạng, đã hy sinh hết cho Đảng, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, đã bị kiểm thảo, học tập nghị quyết, học tập cách ngồi, cách suy tư, cách đi thực tế, cách viết dưới ánh sáng của Đảng... cuối cùng nhường chỗ cho dòng văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa, chết bất đắc kỳ tử ngay những ngày đầu chiến thắng Miền Nam.

Độc giả trong nước bây giờ đồ xô tìm đọc những tác phẩm của Hồ Biểu Chánh... là cũng nằm trong ý nghĩa đó: Tha hóa không phải chỉ ở đây, vào lúc này. Chất nghĩa khí, cõ công bằng, tình bà con lối xóm... vốn đầy rẫy trong những tác phẩm của Hồ Biểu Chánh là những hình bóng cũ mà người dân hai miền đang trân trọng.

Hát bội giữa rừng

Người Việt gặp giống thủy quái đó hai lần, ở hai đầu đất nước. Tổ tiên gặp nó ở châu thổ Bắc bộ, lúc ấy còn sinh lây. Mấy ngàn năm sau, con cháu nam tiến xuống tới Cà Mau lại gặp. Làm như cá sấu không thôi chưa đủ rắc rối, ở Cà Mau còn thêm giống "địa quái" cũng rất nguy hiểm, là cọp. Cách nay có lẽ mới chừng một thế kỷ, ông bà ta coi "hát bội giữa rừng" có sấu hà miêng cọp nhe răng ngay đằng sau lưng! Thoắt cái mà trọn "gánh" sấu, cọp, hát bội, rừng đã vào cổ tích... Hương rừng Cà Mau!

(Thu Tứ)

Rạch Khoen-tà-tưng ngày...

Cháu X.,

Hèn lâu, bác mới nhận được thư của cháu gửi xuống thăm bác.

Dưới này, xóm riêng đều được vạn sự bằng an. Trong thư, cháu hỏi về sự tiêu khiển của người mình hồi mới khai thác đất hoang, năm sáu chục năm về trước. Cháu nói hồi đó dân mình ưa hát đối, hát huê tình. Không phải vậy đâu! Hát đối cần có sông rạch thông thương để bên trai bên gái tự do bơi xuống song song nhau mà hát. Đằng này, “dưới sông sáu lội, trên rừng cọt đưa” có ai dám bơi xuống ban đêm bao giờ ! Việc hát đối cần có phải ít nhiều tiền bạc để làm tiệc tùng thết đãi tất cả những ai có mặt cho vui với nhau. Đằng này dân mình hồi đó còn nghèo lắm, ruộng chưa hết phen, đình chưa cất, hương chức làng chưa có.

Bởi vậy chỉ có hát bội là cách giải trí độc nhất của người đi khai phá đất mới.

Ai hát bây giờ? Lẽ tất nhiên không phải mấy người trong xóm. Họ không biết chữ nho, tiền Đường hậu Tống gì hết.

Phải mời gánh hát bội từ xa lại hát chơi một đôi tháng. Nói đúng hơn, ông bầu gánh đích thân tới xóm mình. Năm đó nhớ kỹ lại... bác chừng mười bảy tuổi, xóm Khoen-tà-tưng mới có hai mươi căn chòi lá.

Ông bầu gánh tới bàn với mấy ông kỳ lão:

- Bà con tôi muốn lại đây hát giúp vui.

Hát bội mà ai không ham, ngặt ông bầu nợ buộc nhiều điều gắt gao quá. Như là phải nuôi cơm toàn ban nam nữ. Như là phải cất rạp sẵn cho mấy ông hát.

Nghe qua, mấy ông kỳ lão lắc đầu vì đào kép toàn ban hát họ đông gần bằng dân số xóm này... Hơn nữa rạp cất giữa vùng cọt beo, nghĩ cũng khó bảo toàn tánh mạng cho người hát và người đi coi hát. Ông bầu đành năn nỉ:

- Bà con thương giùm, anh em tôi cực chẳng đã mới chạy xuống miệt này ! Không lẽ bà con bắt nạt cho Tây chớ anh em tôi ở miệt Vũng Liêm vô hội “Kèo Xanh” rồi bị đổ bể.

Động lòng trắc ẩn, mấy ông kỳ lão đồng ý. Rồi thì mõ đánh chuyễn rao cho đầu trên xóm dưới hay rằng:

“Nay mai có hát bội tới, trước mua vui sau làm nghĩa, mỗi nhà nên tùy hỷ góp vài vùa gạo để nuôi họ. Đồng thời, tất cả thanh niên trai tráng phải vô rừng đốn trầm, vạt nhọn dưới gốc sẵn”.

Hỏi:

- Hát ban ngày hay ban đêm?

Ông kỳ lão nói:

- Hát ban đêm mới vui chứ, ban ngày để làm công việc đồng áng.

Có người cất vấn về vụ cạp ăn thịt người, ông kỳ lão nói:

- Bà con đừng lo. Cứ đốn tràm về đây, nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Phen này, mình mời cạp và sáu tới coi hát với mình cho vui luôn thể.

Tràm đốn về chất đống. Ông kỳ lão đích thân đốc suất việc xây rạp. Cơ mưu của ông như vậy: cất một cái nhà sàn ở giữa sông, theo kiểu ba căn hai chái. Ba căn giữa dùng làm sân khấu, hai chái dành cho đào kép ăn ở, nấu cơm. Như vậy, nhứt cử lưỡng tiện chứ chòi trong xóm nhỏ quá, đâu đủ chỗ cho họ ở đậu.

Hỏi:

- Dân tụi tôi đứng đâu mà coi hát?

Ông kỳ lão nói:

- Bà con dốt quá! Chung quanh sân khấu nọ, mình xóc cừ làm vòng thành, gốc cừ này khít gốc kia chừng một gang tay. Ai muốn coi cứ việc bơi xuồng vô vòng rào nọ. Xong xuôi đóng cửa lại. Cạp phải bơ vơ ngồi trên bờ rạch. Sáu thì đành ngóng mỏ, ngoài vòng. Trong này, mình ngồi trên xuồng mà coi sáng đêm ăn thua gì. Tuồng Tàu dài lắm.

Xóm Khoen-tà-tưng rộn rịp còn hơn Tết, suốt ba bốn ngày liên tiếp họ dựng rạp, xóc nọc dưới sông. Mấy anh chị đào kép mới tới vô cùng mừng rỡ, họ cởi áo ra tiếp tay.

Nhà cất xong. Bây giờ tới lượt lợp lợp lá, lót sàn. Lá dừa mọc sẵn dựa mé. Tràm nhỏ cây, ở đâu mà chẳng có, cứ đốn về lót thế cho ván. Đêm hát ra mắt, vui quá đổi là vui! Đào kép thì áo mào xanh đỏ, đầu giắt lông trĩ, ngật hai bàn chân thiếu hia, thiếu hài. Trống đánh thùng thùng. Kèn thổi tò tí te.

Hai bên rạp chong bốn ngọn đuốc sáng rực.

Họ hát tuồng Phong Thần, lớp lập Bá Lạc Đài. Tuồng nhắc lại khi Tử Nha còn hàn vi nhờ người bạn là Tống Dij Nhơn cưới vợ cho. Vợ tên là Mã Cơ. Rủi thay, cô vợ này có tật thô lỗ, xúi giục chồng đi ra chợ kiếm tiền cho cô ta xài phí. Tử Nha ra chợ làm thầy bói, gặp con Tỳ Bà tinh là chị em của Đắc Kỷ, Tử Nha biết đúng chơn tướng con yêu nọ, nên xin phép Tỳ Cang thiêu sống nó. Tỳ Bà tinh hoàn nguyên hình cây đờn tỳ bà bằng đá.

Giáo đầu là lời chúc mừng nhà vua. Sau đó, Dij Nhơn múa mà rằng:

*Sông Hà Lạc, qui trình tám quẻ,
Cửa Võ Môn, cá nhảy ba từng.
Trẻ ngậm cơm ngả ngón đèn Xuân,
Già vỗ bụng chinh chông cõi Thọ,
Miếng Trì là quê ngụ,
Dij Nhơn thiệt tên già!*

Tử Nha bèn bước ra, xưng danh, than thở rằng mình chưa gặp vận. Dè đâu bà vợ là Mã Cơ xấn xả chạy lại mắng Tử Nha:

*Bớ ông Tử Nha này :
Tôi, cầm khỉ không tường khỉ múa,
Còn chẵn voi chẳng biết voi lung.
Hay mần răng! Này tôi nói cho :
Bảo đừng về tiên ngộ tiên khùng
Khá kiếm chỗ ở thuê ở mượn,
Để trả tiền đường, tiền đậu cho mụ đây... à!*

Tức quá Tử Nha ra chợ ngồi làm thầy bói. Tỳ Bà tinh bèn tới thử tài. Biết chân tướng yêu tinh của mình không qua được cặp mắt thần của Tử Nha, Tỳ Bà tinh bèn tri hô lên, vu cáo rằng Tử Nha toan hiếp dân nó. Ông trùm xóm hạ lệnh cho dân chúng rượt bắt Tử Nha:

*Tốc ôn tri, tốc ôn tri!
Lai ứng tiếp, lai ứng tiếp!
Lão nào già hãm hiếp, hãm hiếp!
Bắt gái trẻ hoang dâm, hoang dâm!
Quyết sanh cầm, quyết sanh cầm!
Nan dung thứ, nan dung thứ!*

Tuồng này nghĩ thiệt lạ, thiệt hay. Nhiều người ba bốn chục tuổi mới được xem hát bội lần này là lần thứ nhứt. Họ thức sáng đêm ngồi dưới xuồng, khi mệt mỏi thì nằm xuồng. Rồi lại ngồi dậy. Hai ba đêm đầu, cọp sáu không dám lại vì tiếng trống, phèng la, đuốc lửa.

Việc gì cũng vậy, riết rồi sanh chán. Xưa kia, ông Tử Thức cưới vợ tiên ở Bồng Lai mà còn đòi trở về dương thế, hà huống chi xem đoàn hát Bầu Tèo này biểu diễn.

Mấy đứa con nít xem một chập, ngồi ngủ gục. Chừng trống đánh giựt mình, tụi nó dụi mắt, cần nhần: “Cái gì mà tốc ôn tri, tốc ôn tri hoài! Cả thảng rồi không có gì mới. Cứ con yêu Tỳ Bà tinh churen căng có ghẻ ngứa”. Tụi nó xúm nhau bơi xuồng về. Hỡi ôi! Hai ba ông cọp chạy dài theo bờ rạch! Thôi thì đành trở vô vòng hàng rào nọ mà chờ đợi tới sáng.

Cũng chuyén nọ, con Tỳ Bà tinh đang hát bỗng nhiên mặt mày xanh lét, tay run run chỉ xuồng sông rồi chạy trở vào buồng. Rõ ràng là Tỳ Bà tinh thấy hai con sáu đang ngóng mỏ vô hàng rào. Ông kỳ lão ra lệnh giồng phèng la. Sáu lặn mất.

Lần lần, dân chúng thôn mỏn về số gạo đóng góp nuôi đào kếp. Ba chục ngày là ba chục vùa gạo ! Ông bầu tìm cách sáng chế tuồng mới nhưng quanh đi quẩn lại chỉ bấy nhiêu đào kếp, bấy nhiêu áo mào. May thay, lúc đó dân xóm Khoen-tà-tưng có sáng kiến qua xóm Tà-lốc mời mấy người Miên bên đó đến xem hát trước mua vui, sau nữa là chia sót gánh nặng lúa gạo. Người Miên rất đổi hoan hỷ. Họ giúp sân khấu nọ vài điệu múa “rằm” lúc sửa soạn vô tuồng. Gắn văng hát, họ đưa lên một anh hề Miên giễu bằng tiếng Việt Nam. Chuyện giễu của họ như vậy: Anh nọ ở bên này sông, có cô tình nhân ở bên kia sông. Không biết cách nào qua được, anh dậm chân:

- Cô Hai ơi! Sông sâu sào vắn đâm không tới! Muốn qua thăm bậu ngật không có chiếc “re”!

Lúc đầu nghe giễu như vậy ai nấy cười như nắc nẻ, lần hồi sanh nhàm. Vì vậy, gánh hát bội phải từ từ rút lui qua xóm gần đó, cách chừng ba chục cây số.

Trời bắt đầu sa mưa. Gánh hát ra đi, nghĩ cũng hợp thời cho dân xóm này nhưng bất lợi đối với

họ. Họ rã gánh lần lần, lưu lại khắp trong vùng hoang vu này nhiều chuyện hay hay. Dân xóm Khoen-tà-tưng bị ảnh hưởng của họ đậm quá ! Mấy đứa con nít chần trâu nhái lại giọng hát bội, thét lên inh ỏi ngoài đồng:

- *Muôn tâu bệ hạ! Muốn yên nhà lợi nước, nên trồng được với dà. Mai sau có hư cửa hại nhà, đốn nó làm kèo làm cột...*

- *Muôn tâu bệ hạ! muốn yên nhà lợi nước, nên trồng được với su, bắt khi đột bỏ tù, ắt yên nhà lợi nước...*

Có một anh hề trong hánh hát trốn ở lại. Người đó sau này là ông Biện H. Ông biết chút ít chữ nho. Nhờ ông mà xóm này có viết liễn. Nghe đâu chú của ông hồi trước phò ông Phan Thanh Giản thủ thành Vĩnh Long. Ông phải giả danh kép hát chạy xuống miệt này. Trước khi làm biện ở đình, ông nổi danh một thời nhờ tài hát huê tình. Ông nói: phải nhái theo lời văn của hát bội, thí dụ như: “*Cả tiếng kêu...! Ở này em Hai ơi! Sách có chữ thiện ác đảo đầu...*” thì câu hát mới vui, có tinh thần.

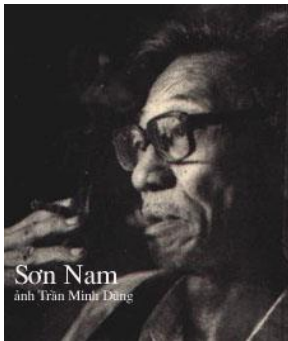
Ý kiến đó được anh chị em hát huê tình khen là phải.

Câu chuyện hát bội hồi xưa tới đây cũng khá dài rồi. Nhưng chưa hết, vì còn mấy ông cọp nọ. Có lẽ mấy ông mê hát bội hơn loài người. Chừng một hai tháng sau, cái sân khấu nọ tốc nóc, bao nhiêu nọc tràm làm hàng rào đã lung lay ngã nghiêng trên dòng nước, chừng đó người ta thấy một đôi ông cọp thường tới lui ngồi cú rũ dựa gốc cây bên bờ rạch. Nhứt là đêm có trăng, mấy ông le lưỡi dài thòn, như nhớ tiếc bao nhiêu con mồi ngon, bao nhiêu tiếng kèn tiếng trống.

Biết đâu sau này mấy tiếng “coi hát cọp” là do sự tích của mấy ông hồi xưa không chừng!

Sơn Nam nhà văn không vượt được cái bóng của mình

Hồ Nam



Năm 1956 thế kỷ hai mươi trong một buổi mạn đàm về văn chương chữ nghĩa nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh nói với tôi rằng trong đám nhà văn Việt Cộng không đi tập kết ở lại miền Nam có Sơn Nam là đáng kể. Theo nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh thì Hương Rừng Cà Mau của Sơn Nam là một tác phẩm tâm cỡ cả về văn phong lẫn ngôn ngữ nhất là cá tính những nhân vật trong truyện.

Theo nhà văn Ngọc Linh thì Sơn Nam viết từ trong kháng chiến chống Pháp vào đầu thập niên 50 của thế kỷ 20 và ký tên thật Phạm Minh Tày nhưng đúng như Sơn Nam kể lại sau này thì

mãi 1955 ông mới viết truyện ngắn Sơn Nam tự thuật "Tôi sinh ra ở vùng đất U Minh, nơi đó là những cánh rừng tràm bạt ngàn kéo dài từ Rạch Giá qua Sóc Trăng, Bạc Liêu và đến tận Cà Mau. Tôi bắt đầu sự nghiệp viết lách bằng những truyện ngắn năm 1955 trên văn đàn Saigon để từ đó có Mùa Len Trâu, Hương Rừng Cà Mau được viết ra từ ký ức quê nhà mãi mãi không bao giờ phai nhạt"

Cũng theo tiết lộ của Sơn Nam thì cái tên này được đặt ra với họ Sơn là để nhớ bà "nhũ mẫu" người Miền cho ông bú "tháp" và mớm cơm cho ông ăn thừa ấu thời họ Sơn là một họ lớn của người Miền.

Năm 1964 làm tờ báo Quyết Tiến phụ trách phần văn học của tờ báo hàng ngày này tôi thường phải tiếp xúc với Sơn Nam nhận bài anh viết cho trang trong tờ báo tôi thấy anh có vẻ hơi lừ đừ nhà văn Đỗ Bá Thế giám đốc chánh trị của tờ báo nói với tôi rằng Sơn Nam là một trường hợp khá đặc biệt là "cộng sản nằm vùng nhưng lại *mê nàng tiên nâu* và bồ nhí.."

Năm 1968 tôi phụ trách tòa soạn báo Hòa Bình Ngọc Linh phụ trách trang trong tôi hỏi Ngọc Linh nghĩ thế nào về trường hợp Sơn Nam, Ngọc Linh cười rồi nói với tôi rằng "ông" biết tôi "nằm vùng", Sơn Nam cũng "nằm vùng", ông không tố cáo tôi cảm ơn nhưng tôi "nằm vùng" khác Sơn Nam tôi không trai gái hút sách còn Sơn Nam thì "đủ món" nói thì "ông" bảo phải làm ra vẻ trụ lạc để lừa "địch" nhưng mình không tin vì "bản lĩnh" đàn ông của Sơn Nam yếu lắm.

Sau Hương Rừng Cà Mau Sơn Nam viết nhiều có khi một ngày Sơn Nam viết tới ba truyện dài đăng báo hàng ngày nhưng càng viết càng xuống sức càng viết càng phơi bày sự hạn chế của ngòi bút cũng như chữ nghĩa chứng tỏ nội lực không có bao nhiêu mà Sơn Nam lại sai quá trợn nên hết v?

Trước ngày 30 tháng tư năm 1975 xảy ra. Sơn Nam nhiều lần bị cơ quan an ninh của VNCH bắt vì tội hoạt động Cộng Sản trong khi người chỉ huy Sơn Nam "nằm vùng" thì lại chẳng một ai đụng tới cả.

Sau ngày 30 tháng tư năm 1975 Sơn Nam được kết nạp vào Hội Nhà Văn nhưng không làm quan văn nghệ mà đi lang thang viết báo "châu" kiếm tiền nuôi mấy cô bồ nhí khiến bà vợ nổi nóng đăng báo cáo Sơn Nam mất tích trên đài truyền hình tới lúc này thiên hạ mới khám phá ra nhà văn của chúng ta thích đi lang thang trong thành phố Saigon là để sưu tầm "bồ nhí" chứ không hề đi thực tế gì ráo trọi, hẻm này ông có một cô "bồ nhí" hẻm kia ông bao một cô gái bán nước mía Sơn Nam bị xe đụng không có tiền chạy chữa báo chí phải lên tiếng quyên góp tiền chạy chữa cho ông Sơn Nam được "hóa giá" nhà nhưng vợ cái con cột của ông ở ông vẫn phải ở nhà thuê nay với cô bồ nhí này mai ở nhà thuê với cô bồ nhí khác.

Sơn Nam bán được toàn bộ tác phẩm cho nhà xuất bản nọ ai cũng tưởng túi Sơn Nam rủng rỉnh tiền bạc nhưng có ai ngờ vừa nghe tin ông bán bản quyền sách có tiền vợ cái con cột đã lại xâu xé khiến Sơn Nam lúc nào cũng rách bươm cái chân bị tai nạn xe cộ các bác sĩ" nhà thương thì" chữa chạy sao đó lành nhưng "dị dạng" đi lại khó khăn cần giải phẫu"chính hình "thêm m?t l?n n?a,nhưng túi Sơn Nam rỗng ông đành"chịu trận" đi "cà nhắc" cho qua ngày, báo chí lại can thiệp lại kêu gọi lòng hảo tâm của bạn đọc

Sơn Nam là anh nhà văn khá ly kỳ làm khá nhiều nghề nào cổ vấn về phong tục vùng đồng bằng sông Cửu Long cho đạo diễn phim Người Tình nào làm trợ lý cho quan chức tổ chức kỷ niệm Saigon 300 năm, nào tham gia các cuộc tế lễ các danh nhân kiếm chút cháo

Tâm hồn Sơn Nam là tâm hồn một thi sĩ những vần thơ mở đầu cho Hương Rừng Cà Mau thật bay bổng

"Muối vắt nhiều hơn cỏ
chương khí mù như sương
thân không là lính thú
sao chưa về cố hương
chiều chiều nghe vượn hú

hoalá rụng buồn buồn
tiễn đưa về cửa biển
những giọt nước lìa nguồn
đôi tâm hồn cô tịch
nghe lắng sâu cô thôn"

Sơn Nam đã viết xong bộ hồi ký đồ sộ tuổi đã trên tuổi "xưa nay hiếm "khá nhiều nhưng vẫn phải "cày" liên tục,viết đủ thứ theo đơn đặt hàng của báo chí viết báo tết từ lúc mới bắt đầu mùa hè

Theo lời tâm sự của Sơn Nam thì ông viết nhiều nhưng càng viết càng thấy những gì mình viết ra sau này thua xa Hương Rừng Cà Mau tác phẩm đầu đời

Sơn Nam đã nhìn lại mình khá chính xác cả đời văn của Sơn Nam chỉ có Hương Rừng Cà Mau và Mùa Len Trâu là đáng kể còn lại chỉ là những thứ ..mua vui, cho thiên hạ kiếm bạc sai chơi. Không hơn không kém

Giữa năm 2008 Sơn Nam bị vợ con bỏ rơi phải tá túc nơi thư viện quận Gò Vấp rồi suy tim suy thận viêm phổi phải vào cấp cứu ở bệnh viện Gia Định chỉ mấy ngày thì rời cõi thế. Thế là thiên hạ như lũ kên kên khai thác sác chết Sơn Nam tại nhà tang lễ nhưng không dám làm trái nguyện vọng người chết là xin miễn chôn ở nghĩa trang thành phố và chôn ở nghĩa trang tỉnh Bình Dương.

Cả đời viết về cuộc khản hoang Nam bộ Miêng

Không chỉ là một nhà văn, nhà khảo cứu với hàng chục tác phẩm được yêu thích, nhà văn Sơn Nam còn là một pho sử liệu sống về văn hóa, lịch sử, con người vùng đất phương Nam thời khản hoang. Mới đây, một bức tượng chân dung ông đã được đặt tại Làng du lịch Bình Quới như một sự ghi nhận những đóng góp của ông đối với văn hóa Nam Bộ.

** Thừa nhà văn, vì lý do gì mà những tác phẩm văn học cũng như khảo cứu của ông đều hướng về con người, lịch sử, văn hóa, địa lý... của vùng đất phương Nam?*

- Tôi bắt đầu viết từ những năm đầu của thập niên 50, viết trong khu kháng chiến. Tác phẩm của tôi chỉ được công chúng biết đến nhiều khi được in và phát hành ở Sài Gòn. Từ năm 1955, Hương rừng Cà Mau được đăng tải nhiều kỳ trên báo Nhân Loại .

Tôi định hướng ngay từ buổi đầu đến với nghề viết: viết về cuộc khản hoang miền nam. Cả đời tôi đã đi theo định hướng đó và bây giờ vẫn tiếp tục. Định hướng như vậy vì tôi đã sinh ra, lớn lên và sống ở vùng đất U Minh.

Cuộc khản hoang miền nam của chúng ta là một cuộc khản hoang rất đặc biệt – cuộc khản hoang hiền lành nhất so với bao cuộc khản hoang khác của thế giới, không tranh đoạt, không bắn giết... Những người đi khản hoang là những nông dân chất phác, ít chữ...

Tôi quan niệm: Viết văn để viết văn, để yêu nước chứ không nhằm một mục đích nào khác. Văn nghệ khác với văn hóa thông tin... Muốn viết văn tốt, cần phải khảo cứu. Miền nam chưa có lịch sử, cho nên tôi phải khảo cứu về con người và vùng đất Nam Bộ thì mới có thể viết về con người và vùng đất đó...

** Với ba tập hồi ký, hơn 30 đầu sách văn học và khảo cứu được công chúng yêu thích (Hương rừng Cà Mau, Âm dương cách trở, Ngôi nhà mặt tiền, Biển cỏ miền Tây, Lịch sử khản hoang*

miền nam, Bến Nghé xưa, Gia Định xưa...), ông có hài lòng với những gì mình đã viết? Tác phẩm nào là tác phẩm ông tâm đắc nhất?

- Tôi ưng ý tác phẩm của mình là một chuyện, công chúng có thích tác phẩm đó hay không, lại là chuyện khác. Vấn đề là, sự ưng ý của tôi và sự yêu thích của công chúng phải gặp nhau. Tôi nghĩ, đòi một người viết chỉ cần để lại một tác phẩm hay, có ý nghĩa là đủ. Cụ Nguyễn Đình Chiểu chỉ cần một Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là đủ.

* Không chỉ là một nhà văn, nhà khảo cứu mà ông còn như một pho tư liệu sống về con người, văn hóa, địa lý, lịch sử... của vùng đất phương nam. Làm thế nào ông có thể đạt được điều đó?

- Như đã nói, tôi sống, viết và làm việc có định hướng. Tôi tập trung tất cả sức lực và thời gian cho công việc mình theo đuổi, đến mức không làm tròn trách nhiệm của một người cha đối với con cái... Cả đời tôi đọc sách – các loại sách về phong tục, tập quán và văn học tiếng Pháp. Tôi tiếp cận và thâm nhập thực tế cuộc sống của người dân Nam Bộ...

* Con người Nam Bộ đã hiện ra trong tác phẩm của ông với những tính cách rất đẹp, rất đặc biệt. Theo thời gian, dường như những tính cách của người miền nam giờ đã thay đổi... Ông có e ngại những tính cách đẹp đó sẽ mai một theo sự biến động của xã hội?

- Đúng là sự biến đổi của xã hội đã ảnh hưởng và làm thay đổi tính cách của con người miền nam.

Tuy nhiên, tôi không bi quan, bởi tôi nghĩ, bản chất Nam Bộ sẽ không bao giờ mất đi. Ngay như hiện tượng người Sài Gòn hay ăn nhậu hiện nay cũng là biểu hiện cho việc làm kinh tế của người Sài Gòn. Không ăn nhậu thì không làm kinh tế được. Giao tiếp tại bàn nhậu cũng để làm kinh tế.

* Theo ông, nơi nào của TP HCM đáng được xem là phố cổ của Sài Gòn?

- Đó là Gò Vấp. Xét ở nhiều khía cạnh như kiến trúc, tôn giáo, ẩm thực..., Gò Vấp xứng đáng là phố cổ Sài Gòn, cần được đầu tư để là phố cổ Sài Gòn. Gò Vấp có nhiều kiến trúc cổ như các đình, chùa, miếu... Gò Vấp tập trung nhiều tu sĩ và đạo tỳ, có đủ các món ăn ngon của đất phương nam. Dân Gò Vấp làm từ thiện nhiều, nổi tiếng là bà Lệ Phát ở chùa Châu An. Thích làm từ thiện là một đặc điểm của dân khản hoang. Gò Vấp cũng có chùa Nghệ Sĩ, một hiện tượng độc đáo chỉ có ở Việt Nam...

* Không chỉ khảo cứu, viết văn, ông còn có nhiều năm viết báo. Ông nghĩ gì về sự khác biệt và mối tương quan giữa nghề văn và nghề báo?

- Trước 1975, tôi đồng thời viết cho bảy tờ báo. Sau năm 1975, tôi tiếp tục cộng tác với nhiều tờ báo. Thật ra, tôi mê viết văn hơn viết báo và với tôi, viết văn bao giờ cũng là trọng tâm. Tôi viết báo để kiếm sống và để giải trí...

Báo và văn là hai nghề khác nhau, đừng tưởng hễ viết báo hay là có thể viết văn hay và ngược lại... Người viết báo cuối đời còn lại cái tên, có mấy độc giả nhớ đọc bài báo cụ thể? Nhà văn thì được độc giả nhớ cả bút danh lẫn tác phẩm. Một điểm khác biệt nữa: nhuận bút báo bao giờ cũng cao hơn nhuận bút văn.

* Mới đây, Làng du lịch Bình Quới đã dựng tượng của ông. Ông có thể cho biết cảm tưởng về việc này?

- Tôi rất vui. Tôi nghĩ, làm tượng phải để cho công chúng coi chứ không phải để cho tôi coi...

** Cuộc sống hiện nay và sinh hoạt hằng ngày của ông như thế nào?*

- Tôi hiện sống cùng các con nhưng tự lo cho kinh tế của bản thân. Gần đây tôi ít viết báo, hầu như không viết. Tôi đủ sống bằng nhuận bút của những cuốn sách cũ.

Thật ra, nhu cầu vật chất của tôi rất khiêm tốn. Ăn một đĩa cơm bình dân từ 4.000 đồng đến 7.000 đồng, tôi cũng thấy ngon. Mỗi buổi sáng tôi thức dậy lúc 6g30, sau đó ra quán cà-phê ở Nhà Truyền thống quận Gò Vấp. Tôi rất thích không khí yên tĩnh của quán cà-phê này. Nơi đây đã trở thành một điểm hẹn để tôi gặp gỡ bạn bè, giới báo chí... Sau 8giờ, tôi lên xe ôm để bắt đầu một ngày rong ruổi ngẫu hứng với bạn bè, người dân... Đi để tìm niềm vui và cũng để giao lưu, học hỏi, thâm nhập cuộc sống... Chiều tối, tôi mới trở về nhà.

Ở tuổi này rồi, tôi cho phép mình tự do, cái gì vui, cái gì thích thì làm... Tôi hướng đến và ngày càng tin vào giá trị và sự cần thiết của văn hóa tâm linh đối với đời sống con người.

** Gần 80 tuổi, trải qua một đời dài với nhiều biến động, hạnh phúc lớn nhất mà ông cảm nhận được là gì ?*

- Với tôi, hạnh phúc lớn nhất là không gây thù chuốc oán với ai, không ai ghét mình... (Nếu lỡ người ta oán ghét mình thì cũng đành chịu!). Gần đây, tôi cũng vui khi làm được một số việc từ thiện nho nhỏ trong khả năng cho phép... Vui vì thấy mình đem lại niềm vui cho người khác.

(May 28-2010)

Phụ đính II:



Tháng chạp chim về

Đừng có đọc Sơn Nam rồi đâm ngực, vò đầu, bứt tai, trách sao mà cha ông mình ác quá. Ác là mấy, so với những thành tích giết hải cẩu, cá voi v.v. rất “vĩ đại” của người da trắng trước kia. Chuyện ác qua rồi. “Bạn giết (chim con)” ngắm con chim cha hay mẹ “kỹ từ nét mặt như hỏi han sức khỏe của người bạn già quen thuộc”, ngắm rồi nghĩ giữa mình với nó “không còn oán thù”.

Ừa, biết có thiệt không còn chẳng?

“Mặt trời gần lặn rồi, nền trời đỏ khé. Con già sói đứng sừng sững đó, im lìm như đúc bằng đồng đen, phía sau có hào quang.

Nó nhìn ông Tư, râu tóc bạc phều.”

Làm sao biết nó không phải đang muốn ăn tươi nuốt sống ông Tư để trả thù xưa?!

(Thu Tứ)

Nó hiện ra từ mí rừng phía đông. Ban đầu chỉ là một đốm đen. Ngõ đó là con chim đầu đàn, tôi chờ đợi những con khác bay theo sau nhưng tôi ngạc nhiên:

- Con diệc này sao bay về có một mình? Thường thường nó bay về nhiều lắm, sắp thành hai hàng như mũi tên, phải không ông Tư?

- Không phải! Không phải đâu!

Ông Tư trả lời cho có chừng. Mắt ông nhướng lên, theo dõi đốm đen cô độc nọ. Ông bước tới bước lui, quay tròn vòng rồi la lên mừng rỡ:

- Nó đó mà! Tội nghiệp quá. Năm nào cũng như năm nào...

Trên ngọn cây gòn, kia một con chim to tướng đen thui, đầu có đốm trắng, cao nghệu như đứa trẻ lên mười tuổi. Mặt trời đã gác lên mí rừng dội lên lông cánh của nó, mượt rượt.

- Năm nay nó già đi nhiều... Tội nghiệp! Khỏi cần lượn vòng quanh, nó cũng nhìn được con rạch Đường Sơn này...

Nóng ruột tôi hỏi:

- Con chim gì mà coi dữ quá vậy ông Tư?

- Con chim già sói. Thứ này bây giờ ít lai vãng tới miệt Cạnh Đền này, chớ hồi đó thì ôi thôi...

- Làm sao bắt nó xuống coi thử. Phải chi mình có súng...

Ông Tư nhìn tôi, nhãn mặt lác đầu:

- Súng với ống mà làm gì? Đừng nói bậy, nghe được nó bay đi luôn. Giống già sói gan dạ lắm. Cháu chưa biết sao? Hồi năm đó ông kiểm lâm Rô-be lại đây, cũng vào tháng này, gặp nó. Ông nổ nghe cái "rầm", con già sói không thèm nghe, cứ đứng im. Qua phát thứ hai nó ngóng mỏ, coi bộ tức mình bực bội. Tiếng súng thứ ba nổ lên. Già sói nhẹ nhệ cất cánh bay đi, buông xuống một cục phần, nhẹ cái nón của ông Rô-be mà rớt trúng. Báo hại ống mắc cỡ, tôi phải thay mặt con già sói nọ mà xin lỗi ông... Con già sói này sống ít nhất là năm chục năm rồi. Nó có nghĩa lắm, bỏ sân chim không đành. Hồi năm chục năm về trước, hồi trăm năm về trước rạch Đường Sơn ở Chắc Băng này phồn thịnh lắm.

*

Vùng Rạch Giá, Hà Tiên nổi danh là nơi tập hợp nhiều sân chim, của trời đất dành riêng cho. Từ vàm đến ngọn sông Cái Lớn, bao nhiêu là sân: sân Cái Nước, sân Thầy Quơn, sân Thứ Nhứt... Đó là chưa kể mấy sân ở giữa rừng mà chưa ai bước chân tới. Từng vùng rộng chừng mười ngàn thước vuông, tụ tập hàng vạn con chim lớn.

Chúng nó sanh sôi nảy nở, tạo lập một thế giới riêng biệt náo nhiệt, ở khắp nhánh cây và mặt đất. Dân chúng kéo đến các sân chim này để bắt chim, nhỏ lông bán cho ghe buôn từ Hải Nam

đến, họ mua về để kết quạt. Ta có thể chia hai loại chim: thứ làm ổ trên cây và thứ làm ổ trên mặt đất.

Làm ổ trên cây thì có chim chàng bè, chim già sói, chim chó đồng. Làm ổ dưới đất thì có chim bồ nông là đáng kể.

Chim bồ nông tụ tập nhiều nhất là ngọn rạch Chắc Băng đổ ra sông Cái Lớn. Ở đây hoàn toàn hẻo lánh, ít cây to lớn, ít cạp hoặc rắn. Hai loại này hay tìm chim mà ăn thịt hoặc ăn trứng. Ngoài ra trên mặt đất phủ dày nhiều dây choại, dây dớn để cho chim làm ổ. Nước dưới đất U Minh lại ngọt, xa xa lấp lánh nhiều vũng bùn chim tha hồ mà bơi lội.

Chim bồ nông giống hệt chim thằn bè nhưng lông nó nhuộm màu xám tro. Bắt đầu tháng Chín tháng Mười, chúng bay từ Biển Hồ hoặc từ sông Hậu về rừng U Minh để làm ổ. Chúng lấy chân đạp dây choại xuống sát mặt đất và dùng mỏ để dò xét bên dưới. Gặp nơi đất ẩm hoặc có trứng, chúng bỏ đi nơi khác vì e sau này trứng sẽ thối. Gặp chỗ vừa ý, chúng nhỏ cổ xung quanh, dọn một vùng nước khá rộng để bày con sau khi nở ra có chỗ bơi lội.

Tháng Mười Một, chim bồ nông đẻ ra ba trứng, lớn hơn trứng ngỗng chút ít. Sau đó, chim trống và chim mái thay phiên nhau ấp. Khi trứng nở, chúng tiếp tục ấp con dưới cánh cho ấm. Chờ khi chim con có lông óng thì chim trống lẫn chim mái bay đi tận Biển Hồ để tìm mồi nuôi con. Chừng hai ngày sau, khi trở về trong đay (bọc da dưới mỏ) mỗi con đều đầy cá. Cứ mỗi ngày chim con được đút mồi một lần. Lúc cha mẹ đi vắng bày chim con tha hồ đùa giỡn trong vũng nước đã dọn sẵn kế bên.

Ngày qua ngày, bày con lớn lên nhanh chóng, hể đỏi là la hét lên inh ỏi. Khi thấy cha mẹ đem mồi về, chim con đạp chân quạt cánh, bay sập sện lên không trung. Lúc chim bồ nông đút mồi cho con, chúng ta có thể nói là một trận giặc lớn. Hàng ngàn con già sói, con chim chó đồng bay lại để giựt mồi cho con mình. Vì vậy khi con cá ở Biển Hồ từ trong đay moi ra là chim bồ nông phải tranh đấu với ba loại chim kia. Và chính loại chó đồng, già sói lại phải đánh lộn lẫn nhau để giành giựt, như ăn cướp chia của...

Trứng bồ nông vừa nở, người chủ sân bắt đầu lo mướn “bạn giữ sân”. Nhiệm vụ của “bạn” là dọn một con đường tương đối trống trải từ mé rạch lên sân. Đồng thời, họ cất trại dựng hai vòng thành lớn bằng tre chung quanh sân.

Vòng thành thứ nhất hơi vuông, mỗi cạnh dài cỡ sáu trăm thước, cao hai thước tây.(1)

Kế đó là vòng thành thứ nhì bên trong là tường để xử tử loài chim. Nền đất dọn sạch cỏ. Giữa hai vòng thành có cánh cửa lớn bằng tre.

Đâu đó xong xuôi, chủ sân mướn chừng hai chục người bạn, khác, gọi là “bạn giết”. Họ ra tay khi đàn chim bồ nông con bắt đầu bay sập sện nghĩa là mọc lông cánh đầy đủ. Nếu để trễ, chim con sẽ bay mất.

Đêm ấy trời tối, vào khoảng canh ba. Sau khi được cha mẹ đút mồi, đàn chim bồ nông con vui chơi hả hê, bơi lội tung tăng dưới ao rồi trở về ngủ trên ổ. Mẹ cha của chúng đã đi vắng tận Biển Hồ, tìm mồi cho ngày mai.

Bỗng đâu từ bốn phía có tiếng la ó, gầm thét của loài người. Mở mắt ra, bày chim con phải choá mắt vì những đóm lửa đỏ rực. Mấy người bạn giết đã xông vào, hai tay cầm đuốc quơ qua, quơ lại. Đàn chim con chạy tứ tung, tìm một lối thoát tuyệt vọng. Chúng bắt đầu chạy dồn

vào một xó để lần lượt gom vào vòng thành thứ hai như cá vào rọ.

Cánh cửa tre hạ xuống, hàng chục người đứng bao vây phía ngoài pháp trường nọ, miệng la inh ỏi, tay quơ đuốc lửa.

Dầu muốn xé rào chui ra, lũ chim nọ cũng không dám. Khi ấy, hai chục người “bạn giết” bước vào pháp trường để thi hành nhiệm vụ đao phủ với hai bàn tay không. Quần áo của họ nai nịt gọn gàng. Ngang lưng thắt sợi dây nịt lớn làm bằng yếm dừa để đề phòng loại mòng chim chun vào người. Loại mòng này hay đeo theo cánh chim bồ nông để hút máu như chí, như rận.

Hai chục người phải đối phó với chín mươi ngàn chim bồ nông! Họ lạnh lẽo lắm, tả xông hữu đột như Triệu Tử Long, Đương Dương

Trường Bản, tay trái họ nắm cần cổ chim tay mặt nắm đầu chim. Họ vận lợi lại. Chim chết không kịp ngáp. Giết rồi quăng xuống tại chỗ. Phải lạnh tay lắm mới giết kịp. Để chậm trễ thì chừng mặt trời mọc, bầy chim lớn từ Biển Hồ sẽ chứng kiến cảnh tượng đẫm máu này. Chúng sẵn sàng đáp xuống chiến đấu một mất một còn với loài người để giải thoát cho đàn con.

Trời sáng. Thống thiết dường bao, tiếng kêu la của đàn chim lớn khi trở về không gặp con nghe vang dội cả góc rừng! Vài con may mắn hơn, tìm lại được bầy con nhờ chạy lạc nên thoát chết đêm vừa qua. Chúng tiếp tục đút mồi. Nhưng vài đêm sau, chủ sân mở cuộc tảo thanh lần thứ hai để tóm trọn gói.

Riêng về bầy chim mất con thì cứ bay tới bay lui trên sân, kêu la ba bốn ngày liên tiếp rồi trở về Biển Hồ với niềm oán hận, thề không bao giờ trở lại đất Kiên Giang này nữa.

Xong xuôi công việc, mấy người “bạn giết” về nhà uống rượu nghỉ ngơi. Giờ đây đến lúc người “bạn nhỏ” làm việc. Họ nhổ lông cánh từng con, xong một con là bó lại, giao nắm lông cho chủ sân. Chủ sân ngồi kế bên, trao cho họ cây thẻ để sau này làm bằng chứng tính tiền công... Xen vào đó, còn mấy người cán hôi. Mấy người này tình nguyện nhổ lông không ăn tiền. Họ xin xác chim bồ nông, đem về lóc mỡ ra, nấu dầu để thắp đèn.

Không cần nói rõ, ai cũng có thể hình dung được bãi chiến trường, hôm sau xác chim bồ nông vun lên cao ngất, như đồng lúa ba bốn trăm gạ.

Đó là cách giết loại chim bồ nông ở trên mặt đất. Đối với loại thằn bè, già sói, chó đồng làm ổ trên cây thì phải tốn công hơn. Vào khoảng canh ba, mấy “bạn giết” trèo lên tìm ổ chúng bẻ cổ từng con rồi ném xuống đất.

Lông chim bán cho ghe buôn từ Hải Nam đến. Họ mua về để kết quạt. Giá thị trường như sau:

- Lông bồ nông một bó một quan.

- Lông thằn bè, già sói thì hai quan mỗi bó.

Mỡ chim thì đem về nấu dầu như trên kia đã nói. Thịt chim đem xào sả nghệ, nước cốt dừa ăn cũng ngon ngon. Nhưng ai mà ăn cho hết? Có thể muối phơi khô. Thời bấy giờ, không ai cần làm chuyện đó. Họ thả bỏ xác chim dưới sông cho điều, cho quạ...

Đất hoang, rừng rậm lần lần được khai thác ở vùng Kiên Giang. Vì động đất động rừng, chim bay đi, bỏ sân cũ.

Chúng bị tiêu diệt lần lần. Số chim còn lại bay về đâu? Ngày nay vùng Rạch Giá, Cà Mau còn vài sân chim. Nhưng toàn là cò, diệc, cồng cộc, loại chim nhỏ.

Vài con chim còn nhớ sân cũ, hàng năm cứ tới tháng Chạp là bay về. Như con chim già sói này trở về rạch Đường Sân.

Và ông Tư – người giúp chúng tôi những tài liệu trên đây - hỏi còn trai tráng chính là người “bạn giữ sân” và người “bạn giết” – hai danh từ xa xăm mà không ai nhắc tới nữa.

*

Con chim già sói đứng cao nghệu trên cây gòn, day mỏ qua phía nhà ông Tư.

Ông Tư đứng tần ngần, lấy tay che mắt nhìn nó, cố sức nhìn kỹ từ nét mặt như hỏi han sức khoẻ của người bạn già quen thuộc, biết giữ thủy chung đạo bằng hữu.

Ông nói:

- Mấy chục năm rồi, năm nào tháng Tết nó cũng về đây vài ngày. Năm nay nó già nhiều rồi. Đầu sói hơn mọi năm, cháu thấy không?

Như lời ông Tư, tôi thấy rõ ràng một đốm trắng ở giữa đầu con chim nọ. Là kẻ sanh sau đẻ muộn tôi nào gặp con chim này hồi mấy mươi năm về trước để so sánh cho biết nó già nhiều hay già ít? Mặt trời gần lặn rồi, nền trời đỏ khé. Con già sói đứng sững đó, im lìm như đúc bằng đồng đen, phía sau có hào quang.

Nó nhìn ông Tư, râu tóc bạc phều.

Ông Tư nhìn nó. Có lẽ ông nghĩ đến phận mình mà nảy sinh ra bao mối cảm hoài. Trong con tim già, qua thời gian, giờ đây chắc chắn đã lắng xuống hết bao hung bạo của thời xuân xanh của ông và của đất nước hoang vu. Giữa ông và con chim nọ, không còn oán thù. Biển im lặng sau cơn giông tố. Đây là Bá Nha với Tử Kỳ cảm thông nhau. Cầu cho ông Tư với con chim già sói được sống lâu hơn trăm tuổi! Xin tạ ơn đất nước đã dành cho đất nước này bao nhiêu đặc ân như những sân chim đây là một. Hiên ngang thay! Đẹp đẽ thay! Hỡi người Việt đầu tiên đến vùng Kiên Giang hưởng ơn Trời lộc Nước mà khai phá miền Nam...

Hòn Cổ Tron

Ông Tư Thông ra hòn Cổ Tron cát chồi mà nường nấu không biết từ bao nhiêu niên kỷ rồi. Tóc của ông lốm đốm bạc, khi thì thả dài xuống khỏi lưng quần. Khi thì bới thành búi to sau ót, gài lại bằng một cọng gai kim quít. Một bộ quần áo nghĩ cũng hơi dư mặc đối với ông ! Nhiều khi năm ba tháng liên tiếp ông phơi lưng trần với nắng, bên mấy gốc sắn đá cổ thụ, lá cành xơ xác vì những cơn gió triền miên của biển khơi. Khi trời nực thì có những khe suối trong veo đón mời. Ông cứ ung dung mà uống, mà tắm một cách tự nhiên, vô tình khuấy rối giấc mơ của đàn bướm trắng đang xao động bay lên chập chờn như muốn rời mấy nhánh mai hoàng lơ thơ cúi nghiêng mình chấm mí nước... Hôm nào vui cho bằng hôm mười bốn, hôm rằm ! Ông Tư Thông ra sau rẫy, đào lên củ khoai môn to lớn, đem luộc chín. Ngồi trên vò cảm thạch. ông chậm rãi ăn buổi chiều, thỉnh thoảng rút từ miếng khoai, thả xuống nước. Loài cá nhỏ bu lại nhờn nhờn mỗi con khoe một vẻ riêng. Tận dưới đáy biển, loại sò, loại ốc, loại nhúm đáng há

miệng, le lưỡi bò chậm chạp trên nền đá tím nổi gân vàng, trên nền đá vàng nổi gân trắng. Hoàng hôn tràn tới chính là lúc cảnh vật dưới nước ngời lên, bóng mây phản chiếu lấp lánh như gấm. Đêm về, trăng mọc. Nơi thủy cung rộn rịp nào kém chốn trần gian ! Từng đợt rong chìm lững lờ mơn trớn, khoác thêm lớp xiêm lụa mỏng cho bầy cá hướng. Và muôn vì sao trên dải Ngân hà sa xuống đậu lấm tẩm khắp nhánh san hồ trắng bạc.

Ở hòn Cổ Tron giữa vịnh Xiêm La này, ông Tư Thông cơ hồ quên cả loài người và loài người cũng hầu như quên rằng mình có một đồng loại ở ngoài mỏm đá chơi vơi kia. Điều ấy, chúng ta không nên trách ai cả, chẳng qua là... hải giác thiên nhai. Không lẽ ông phải vượt bốn mươi cây số đường biển để tới công sở Lại Sơn, bên Hòn Rái mà trình diện. Chính quan chủ quận Châu thành Rạch Giá còn ngăn đi kinh lý đến làng Lại Sơn ! Từ dinh quận của ông đến công sở làng ít nhất cũng là năm chục cây số đường hải đạo mênh mông sóng cồn. Mấy chiếc "ca nôt" oai hùng trong sông rạch chỉ là cái vỏ trứng vịt giữa biển. Nhà nước thuộc địa nào chú ý đến việc cung cấp tàu đồng, tàu sắt để quan chủ quận đi cai trị dân ! Không lẽ ông quận lại cưỡi ghe bầu hàng trăm cây số. Và lại ghe bầu nào phải như chim trời mà bay thẳng một đường ngay. Ghe chạy theo đường gãy. Ngoài biển khơi, đường gãy là đường gần nhất giữa hai điểm cách nhau ; cái khoảng gần trăm cây số trên kia kéo dài gấp ba, gấp bốn.

Năm ấy, tháng ấy, ngày ấy... ông Tư Thông bỗng nghe chút gì bản khoăn, rạo rức trong lòng ông và ở ngoài đời. Từng đàn chim sắc đen ngòm như bầy quạ bay lượn quanh hòn Cổ Tron, rú lên, rít lên, lăm lăm như toan đáp xuống, đột nhiên đảo ngược, đi thẳng một mạch khuất trong mây khói.

- Bữa nay họ làm cái gì vậy cà ?

Ông Tư Thông hỏi hả trèo lên chót đá mà ngóng. Hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc không có gì lạ. Duy có hướng Đông : kia, sừng sững dưới ánh nắng mai năm ba hòn đảo nhô lên, những hòn đảo mới lạ. Ông trở mắt liên tưởng đến phép dời non lấp biển rất nhiệm màu của tay Thợ Trời khéo léo. Không thể làm lẫn được ! Hồi nào đến giờ, ông rất sành sỏi về vị trí mấy hòn đảo nhỏ án ngữ chung quanh đây. Từ hòn đảo mới nổi ấy, một đốm trắng người, một chiếc "ca nôt" rồi hai chiếc, ba chiếc đang rẽ sóng chạy phẳng lại nơi ông đang ở. "Tự năm bảy năm nay, mình chưa mắt lòng một con sâu, một con kiến, không lẽ bây giờ có kẻ báo oán mình ? Oán nào đã gây ra mà báo ?". Nghĩ vậy, ông trở xuống chân hòn sát mé biển, chờ đợi.

Chập sau, mấy chiếc "ca nôt" xấp gần bờ ; họ đưa tay ngoắc ông.

Người Việt Nam nọ lên tiếng :

- Ông già ! Lại đây quan lớn hỏi.

Ông Tư Thông nhìn năm sáu người mặc võ phục trắng đứng gần thầy thông ngôn.

Mấy người mặc võ phục nói riu rít. Ông đoán đó là "tiếng Tây"...

- Ông già ! Đây là Bu Lô Đa Ma ?

Ông đáp :

- Dạ không biết. Nó là hòn Cổ Tron. Chung quanh đây là mười hòn nhỏ khác. Không có nơi nào kêu là hòn Đa Ma...

- Vậy thì nó là hòn Nam Du. Trong bản đồ ghi rõ đường hoàng. Ông nói kỳ quá !

Ông Tư Thông lắc đầu :

- Dạ, lời thật khai ngay. Tôi không biết. Xung quanh đây là hòn Mẫu, hòn Dài, hòn Cổ Sơn, hòn Móng Tay.

Chập sau, thầy thông ngôn mới đồng ý :

- Đúng vậy, Bu Lô Đa Ma hoặc hòn Nam Du là tên theo sách chữ nho, theo nhà binh. Hòn Cổ Tron là tên tục của nó. Nè ông lão ! Quan lớn ra lệnh như vậy...

- Bẩm thầy, quan lớn là người của nước nào, tôi chưa rành.

- Ông giỡn sao chớ ? Hay là ông ngủ mê ? Cỡ này, nhà nước thuộc địa Tây đánh với nước Xiêm.

- Bẩm thầy, đánh ở đâu ? Tôi chưa được am tường.

- Đánh tại nước Cao Miên. Đánh luôn tại Bu Lô Đa Ma tức là cái hòn Cổ Tron này.

Ông Tư Thông cau mày :

- Mô Phật. Cầu xin Phật Trời...

Thầy thông ngôn đặc ý :

- Không sao đâu ! Hễ làm con dân thì phải gánh vác nghĩa vụ. Quan lớn muốn biết hòm rày có tàu bè lạ nào chạy tới đây do thám không ?

- Dạ, không thấy.

- Hòn này bao nhiêu dân đinh ?

- Bẩm thầy, có một mình tôi thôi. Còn mấy hòn gần đây, tôi không rành. Chắc là năm bảy người, toàn dân "An Nam" mình.

- Được, thôi bây giờ quan lớn muốn ông kiểm dùm trái cây, nước ngọt. Rồi quan lớn cho chút ít tiền... Thời buổi này ông nên xài phí. Việc sống chết bất thường lắm.

Có lẽ sợ ông Tư Thông trốn luôn trên chót hòn nên thầy thông ngôn đi theo sát bên ông, sẵn sàng giúp ông quảy mớ chuối, mớ mít. Trước lạ sau quen, ông Tư Thông hỏi dò sơ qua về tình hình trong bờ :

- Trận giặc này không biết dân "An Nam" mình hao nhiêu không thầy ?

- Hồi làm chi vậy ? Ở đây yên thân già của ông rồi. Nghe nói dân miệt Hốc Môn, miệt Long Hưng... nhộn dữ lắm. Tây không muốn nói chuyện đó.

Một mối buồn len vào tâm não ông Tư Thông. Ông nghe gió thổi bốn bề, lạnh lùng. Lương tri như rục sáng nhắc nhở ông món nợ gì đối với đồng bào, giang sơn. Không giúp nước được thì ít ra ông cũng cần biết những gì xảy ra đau buồn trong nước. Cây có cội. Nước có nguồn. Chi có tổ. Cá có hang. Đôi mắt già của ông Tư Thông ngẩn ngơ nhìn muôn lớp sóng cồn. Chân trời u ám, mấy đám mây tang bay thấp là đà... Ông hổ thẹn, túi bầy phạm mình không bằng con đĩ quyên đêm hè kêu khắc khoải.

Thầy thông ngôn nói ta khiến ông giựt mình :

- Quan lớn đi về. Ông muốn xin điều gì, vật gì không ? Ông tử tế lắm.

Ông Tư Thông chấp hai tay ra vẻ cung kính :

- Tôi muốn vô trong đất liền, miệt Rạch Giá hay Cà Mau gì cũng được để thăm bà con. Nhờ quan lớn cho giấy phép chớ thời buổi chiến chinh này... Tôi không có giấy thuế thân, hồi nào tới giờ.

Vị quan hải quân gật đầu. Thầy thông ngôn viết lia lịa rồi vị quan ký tên. Ông Tư Thông cầm miếng giấy thông hành hộ mạng nợ, vô cùng mừng rỡ :

- Chúc quan lớn đi bình yên. Mà... Quan lớn chạy "ca nô" về đâu ?

Thầy thông ngôn nói :

- Về tàu lớn. Mấy chiếc tàu binh... của tôi sơn có vằn có vện. Ông không thấy sao ? Họ sơn tàu lại cho giống cái hòn giữa biển. Hồi sáng tụi tôi bỏ ống dòm thấy rõ ràng ông đứng trên chót hòn này. Nhờ vậy mà ông khỏi bị bắn. Ban sơ, quan lớn tưởng đâu hòn này là chiếc tàu binh của kẻ nghịch. Ông hiểu chớ ?

Chưa vô tới bờ chợ Rạch Giá là ông Tư Thông cảm thấy cuộc đời đảo ngược, từ địa vị hoàn toàn tự do đến chỗ mất tự do. Ông trung thành với đất nước nhưng có sao đất nước đối xử với ông quá bạc bẽo, ghẻ lạnh ? Từ hòn Cổ Tron, ông quá giang tàu buôn Hải Nam đi một mạch tới hòn Tre, nhờ chiếc ghe câu kiêu đưa vào chợ. Dè đâu tàu của sở "đoan" xét hỏi. Miếng giấy thông hành nợ bị hồ nghi là giả mạo vì không có đóng mộc, vì đương sự không có giấy "lão" chứng tỏ rằng tên họ của mình đúng như trong giấy phép. Tàu "đoan" chở ông về giao cho ông cò Tây, Giam giữ ông được hai ngày, ông cò phú nội vụ qua dinh quận. Ông quận vốn là người mộ đạo Phật nên cho phép ông Tư Thông được tự do đi dạo chợ. Ông Tư Thông bày tỏ lý do :

- Dầu muốn trở về hòn Cổ Tron, không dễ gì kiếm được ghe xuống mà quá giang. Gió thổi Nồm rồi. Phải chờ mùa Bắc...

Dạo chợ mấy buổi, ông Tư Thông phát chán. Cầm mấy cắc bạc (của ông chủ quận cho) ông không biết nên mua sắm, ăn uống những gì. Rốt cuộc, ông mua tiền xu khoai môn mà ngồi ăn ngon lành nơi góc chợ. Còn dư, ông vào tiệm hàng xén mua nhang đèn cây để về cúng bà

Chúa Hòn mặc dầu ngoài hòn không có chùa miếu gì cả. Ông cũng thích chí sự nhớ lại mua vài cây kim, nửa cân đường cát trắng.

Nhiều lần quan chủ quận viết thư qua bót ông cò hỏi thăm nhưng không được sự giải quyết nào dứt khoát. Chẳng lẽ giam giữ ông Tư Thông mãi mãi ? Nhìn vào bản đồ vịnh Xiêm La, ông quận nảy sanh ý kiến :

- Hòn Cổ Tron tuy thuộc quận Châu Thành nhưng nằm gần phía làng Đông Hưng, quận An Biên. Ngày năm tây tháng tới, ta đón thầy xã trưởng Đông Hưng mà gọi ông đạo này.

Rừng của làng Đông Hưng âm u quá, khó mà nhìn ra xa quá vài công đất để tìm lại chân trời ; chạng vạng là un khói lên, không như hồi ở ngoài hòn Cổ Tron, hồi ông ngủ trần không cần mùng mền. Thầy xã trưởng giao trách nhiệm gìn giữ ông cho thầy hương quản. Thầy hương quản lại đổ gánh nặng ấy cho người em vợ là hương tuần Hay.

Người giam giữ và người bị giam giữ lần hồi cảm thông nhau. Chú hương tuần lo đặt rượu để. Ông Tư Thông đi cắm câu, kiếm "mồi" về nhậu.

- Ở đây vui quá phải không ?

Ông Tư Thông gất gù :

- Không được vui lắm. Coi bộ bà con mình nghèo hơn ở ngoài hòn Cổ Tron của tôi. Áo quần không có. Mình mấy bị ghê khuyết ăn lở lói thâm niên. Nhà cửa xiêu vẹo, nay ở mai dời... Chắc là tại giặc Xiêm.

Hương tuần Hay trả lời :

- Giặc đâu không thấy. Người ta đánh mà mình chịu cực mới đau thương cho chớ !
- Buồn quá, chú hương tuần à.
- Hơi đâu mà buồn. Xứ này chịu cảnh này không biết tự hỏi nào, từ hồi chưa có giặc Xiêm lận. Riết rồi quen, yên tịnh.

Ông Tư Thông thích chí :

- Thì ở ngoài hòn Cổ Tron của tôi, tứ bề sóng gió nhưng mà cũng yên tịnh. Có sao ? Vì chung quanh có hàng chục hòn khác án ngữ. Tôi là người chạy giặc, vô trong đất liền này thăm bà con... Nhưng mà cũng yên tịnh. Nhờ bà con thương tình.

Ngày tháng trôi qua đều đều. Hôm ấy không nhớ rõ hôm nào, thầy hương quản đọc báo Lục Tỉnh Tân Văn biết được tin trận giặc Xiêm đã chấm dứt. Tây và Xiêm dường như thủ huề. Thầy tự ý ra lệnh trả tự do cho ông Tư Thông.

Ông Tư Thông ngạc nhiên :

- Tôi bị giam hồi nào ?
- Ông chủ quận biểu tôi giữ ông lại để làm tù binh, chờ mãn giặc mới thả ông về Cổ Tron.
- Về thì về, không sao đâu - ông lắc bả.

Thầy hương quản hỏi :

- Hồi bị giam, ông có đồ đạc gì bị tịch thu không ? Tôi kêu nài giùm.
- Vài ộp nhang, đèn cây, kim may quần áo, đường cát trắng... Nhưng mà thôi. Ở ngoài, dầu không có mấy thứ đó... Nhưng cũng như có.

Gặp dịp thuận tiện, thầy hương quản tìm ghe cho ông quá giang ra hòn Sơn Rái.

Ông ra đi, hơi buồn.

Dư luận trong xóm nổi lên bàn tán. Người cho rằng ông muốn truyền bá một thứ tôn giáo mới, thí dụ như "Đạo Tịnh" bằng cách là ông ưa nói hai tiếng yên tịnh. Kẻ khác hồ nghi rằng ông ở Côn Nôn thả bè vượt ngục trốn về.

- Nè cha nội sành sỏi lắm ! Cây đèn "măng sông" của Chệt Kỳ hư "béc" đốt không cháy, vậy mà cha nội sửa lại được trong nháy nháy...

Lại còn nhiều giả thuyết khác ác độc hơn, cho rằng ông thường lân la mấy nhà có đàn bà góa, gái tơ, vân vân...

Nhưng thời gian là vị trạng sư hùng biện nhứt thanh minh cho ông Tư Thông. Dư luận bắt chánh bị đánh tan, lãng quên. Kỷ niệm lần lần trở nên trong sáng, tươi đẹp. Chiều chiều, khi ra bờ biển để câu cua, đẩy xip, người ta nhớ ông Tư Thông như nhớ một cái vỏ ốc xà cừ ngũ sắc tấp vào bãi bùn. Như nhớ vài trang sách Phong Thần tình cờ lượm được trong ngăn tủ bỏ

quên, những trang sách rách nát hơi khó hiểu vì thiếu hồi thứ nhứt và không có hồi sau phân giải.

Chiếc ghe “Ngo”

Thiên hạ đồn rằng lục cụ Tăng Liên có phép màu nghe được tiếng chim kêu, gió thổi và nghe cả đến tâm sự từng giọt nước, từng hạt bụi trong lòng đất.

Ngày hôm qua, theo sự hướng dẫn của cụ, chú phó hương quản Hem đã đào được một chiếc ghe ngo. Không biết ghe này chôn vùi từ bao lâu rồi ; chỉ biết là đất phù sa đã lấp lên gần một thước. Lục cụ Tăng Liên bèn thắp nhang giữa ruộng, đọc kinh lâm râm. Chập sau, cụ quì xuống trần trọng đặt tay lên mũi ghe. Ghe chưa quá mực, thân hãy còn ngời lên màu nước sơn đỏ chói. Cụ lẩm bẩm :

- Lâu lắm rồi... Hồi xưa kia, chừng năm bảy trăm năm qua, vùng này giàu có, sung túc. Cứ xem chiếc ghe kia cũng đủ biết người xưa tài giỏi hơn người nay...

Chú phó hương quản Hem nói :

- Thừa cụ, tìm được di tích này âu cũng là may mắn cho xóm mình. Không hiểu theo tục lệ mình có nên đào chiếc ghe này, đem xác nó về gần chùa mà thờ ?

- Không được. Chiếc ghe ngo dài trên năm mươi thước. Khoảng giữa, cây đã mềm, làm sao đem về chùa nguyên vẹn được. Không khéo, chúng ta hủy hoại công trình người xưa. Thà chúng ta đừng gặp chiếc ghe này còn hơn là gặp mà phá hủy. Chú biết ghe ngo là gì không ? Nó là hiện thân của rắn thần Naga, linh hiển lắm. Hồi đức Thích Ca ngồi thiền bên bờ hồ giữa rừng, rắn Naga là thần ác. Hôm ấy mưa to gió lớn, đức Thích Ca cảm hóa được rắn. Rắn bèn quấn tròn chung quanh và nâng đầu lên cao để che mưa gió cho đức Thích Ca. Từ đó về sau, người Miên khoét thân cây sao, theo hình rắn, hằng năm bơi đua trên sông để mừng mùa nước nổi...

Chú phó hương quản Hem đứng nghe, tỏ vẻ thành kính rồi đi theo sau lục cụ mà về chùa.

Chuyến về, cả hai im lặng. Nắng chang chang. Thỉnh thoảng, họ quay lại nhìn cánh đồng mênh mông, cỏ non vừa mọc xanh rờn. Nơi ruộng sâu, nước ngập lên khỏi mắt cá, lác đác vài người lo cày bừa. Lục cụ nhìn chú phó hương quản, chú phó hương quản nhìn lục cụ. Linh tính như báo trước với họ điềm gì. Điềm ấy lợi hay hại ? Một chiếc ghe ngo bị chôn vùi từ năm sáu trăm năm, nay bỗng nhiên hiện ra chào ánh mặt trời !

Như thường lệ, lục cụ Tăng Liên vào liêu an nghỉ. Phó hương quản Hem tỏ vẻ bối rối. Chú ngồi không yên. Chú không muốn về nhà khi bao nhiêu lo âu còn chong chát, xao động trong lòng.

Một ý nghĩ thoáng qua, chú lập tức bước qua bên hông chùa, nơi trại lá. Dưới trại, một chiếc ghe ngo dài kê lên cao, sơn phết kỹ lưỡng. Chiếc ghe này liên tiếp bốn mùa nước, đã làm vinh diệu cho chùa ; cứ mỗi kỳ đua là thắng giải nhứt. Chú nhìn chiếc ghe từ mũi chích lái : bề ngang chừng tám tấc nhưng bề dài đến năm mươi thước. Hình ảnh con rắn thần Naga mà lục cụ giảng giải khi nãy hiện ra trước mặt chú. Hai con mắt ghe chớp lên. Toàn thân ghe như rung chuyển, ngời từng đốm xanh đỏ như vảy rắn. Lái ghe, đằng xa kia, như quơ qua quơ lại. Gió thổi rào rạt vào trại lá. Ồ ! Ồ ! Hai tai chú nghe lũng bùng tiếng cồng, tiếng trống, tiếng hò reo. Ghe nọ run mình đòi phóng tới, gân cốt chuyển nghe răng rắc. Khiếp quá !

Lục cụ ngồi trong liêu, ngóng đợi phó hương quản Hem để ra ruộng nghiên cứu xác chiếc ghe thiên cổ nọ.

Trời quá trưa. Rồi mãi xế chiều, chú phó hương quản mới tắt tả bước vào, lạy cụ hai lạy như thường lệ. Đôi mắt chú phó hương quản sáng lên :

- Vì có lệnh ông Đốc Phủ chủ quận nên tôi phải đi hầu, về trễ.

Lục cụ sững sốt :

- Đòi việc gì ?

- Dạ, ông Đốc Phủ dạy chùa mình đúng ba ngày nữa phải đem ghe tới chợ Gò Quao mà đua với ghe của mấy chùa khác.

Không tuân thì có tội.

- Tội gì ? Mới tháng này, chưa tới mùa rước nước ! Đua ghe như vậy trái với tục lệ.

Chú phó hương quản cố suy nghĩ :

- Dạ nghe nói lễ lớn lắm. Lễ của Tây, ngày 14 tháng 7. Theo mọi năm, ở Rạch Giá mới có lễ. Năm nay, quận Gò Quao mình bắt chước phát phần thưởng.

Lục cụ Tăng Liên nghiêm mặt lại. Đem ghe ngo của nhà chùa để đua, ăn mừng một ngày lễ chẳng liên quan gì đến dân mình nghĩ cũng khó xử thật. Không tham dự là chống lại với nhà nước Lang Sa, còn tham dự thì mất cả ý nghĩa thiêng liêng. Lục cụ bước ra khỏi liêu, đi vòng qua trại lá để ngắm chiếc ghe ngo. Cụ nói :

- Đua thì cũng được. Ngặt mình không sửa soạn trước. Rủi thua thì mất danh xóm này. Phải bào lại cho láng, sơn hai lớp thật kỹ. Chú phó hương quản biết không ? Ghe không trơn láng đi chậm lắm, dầu mình cố sức bơi. Cầu thả như thế này...

Chú phó hương quản nói :

- Đây là chuyện cực chẳng đã. Chùa nào cũng vậy, họ đâu có thời giờ sửa soạn kỹ hơn mình. Dầu muốn hay không, mình cũng phải đua. Nghe nói thì quan trên giúp mỗi người một ổ bánh mì, mười người lãnh một hộp sữa. Ai về nhứt, được giải... thưởng danh dự.

Lục cụ gật đầu :

- Phải, nhưng mà... chú chắc mình thắng kỳ này không ?

Chú phó hương quản cười dòn :

- Dạ chắc. Dân xóm mình bơi giỏi lắm ; hơn nữa, mới tìm được xác chiếc ghe ngo xưa. Ghe có hồn, lục cụ à ! Hồn chiếc ghe xưa giúp chiếc ghe đời nay. Hồi hôm qua, hèn chi tôi nghe chiếc ghe ngo này chuyển mình rặng rặc như sung sức lắm.

Thế là sáng hôm sau lục cụ đích thân đọc kinh làm phép cho ghe ngo. Ghe đẩy xuống nước ; bao nhiêu trai tráng trong làng hò reo vang dậy như... lân thấy pháo. Sáu mươi bốn cây đuốc nhỏ phân phát ra, mỗi người một cây. Trước mũi ghe, cây lọng đỏ giương lên che một cái khay nhỏ đầy rượu, nhang, trầu, hoa quả và một ông Phật bằng vàng lớn cỡ ngón tay cái.

Chú phó hương quản được hân hạnh lãnh trách nhiệm chỉ huy cuộc chiến đấu sắp tới. Chú lạy lục cụ rồi đến ngồi nơi mũi ghe, dưới bóng cây lọng. Ba mươi cặp thanh niên lực lưỡng từ từ bước xuống, ngồi sắp hàng hai. Bè ghe khảm, ngang mí nước, tưởng chừng xô xích một phân nữa là chìm. Nhưng không đâu ! Chú phó hương quản đã vắn chiếc khăn nhiễu đỏ lên đầu rồi đánh vào cái cò nhỏ :

- Môn ! Môn ! Môn !...

Đoàn lực sĩ hạ đuốc xuống khoát nước, nhịp nhàng. Chiếc ghe ngo phóng tới từng bực rồi nổi lên cao khỏi mặt nước. Nước văng trắng xóa hai bên. Ta thấy chú phó hương quản nâng cây đuốc lên cao khỏi đầu, bơi trên không khí.

Tập dượt như vậy năm bảy bận, chú phó hương quản bắt đầu yên tâm. Lục cụ mỉm cười, ghé miệng vào tai chú mà căn dặn lần chót :

- Ngày mốt, khi sắp hàng, chú nhớ kỹ : nếu họ sắp cho mình ở phía bờ bên này thì mình phải lấn tới chừng một tấc. Nước ngược chảy bên này mạnh hơn. Chùa Sóc Ven có bùa. Tránh đừng cho bên họ đụng nhằm ghe mình : không khéo ghe mình đứt ra làm hai khúc. Có bè gì chú ngầm ông Phật vàng vào miệng. Nhớ dặn anh em bên mình uống rượu bớt một chút. Mỗi người, phần ba lít là vừa.

Tuy nằm nhà, lục cụ Tăng Liên vẫn theo dõi được cuộc đua ghe. Cụ nhắm mắt định trí, tai lắng nghe tiếng cò của ghe ghò chùa mình. Nó khác hẳn giọng cò của chùa khác, cao vút hơn, thanh tao hơn.

Từ sáng đến trưa, tiếng "môn, môn, môn" nghe đều đều. Cụ nhướng mắt, cau mày rồi chập sau ngáp dài, thông cảm : ngoài kia, họ "cáp" độ chưa được. Theo thường lệ, khi xuất phát hai chiếc ghe không ở lẫn mức nào nhứt định. Sông quá rộng. Hai bên cứ bơi chầm chậm lầy trơn

tới. hai vị chỉ huy liếc mắt nhìn nhau, khi nào đồng ý đưa thì mới bắt đầu. Họ mãi "so cựa" với nhau như vậy.

Bỗng giữa trưa, tiếng cồng thúc giục rồi im bật. Lục cụ đứng dậy, đọc kinh lâm râm, đi tới đi lui trước sân chùa. Chao ôi ! Ngoài sông Cái Lớn, hai chiếc ghe ngo đã biến thành hai con rắn thần bay trên mặt nước. Kia, phó hương quản Hem đỏ rục như cây đuốc : khăn đỏ, mắt đỏ và da thịt đỏ vì rượu, vì máu nóng, vì ý chí bảo tồn danh dự của chùa mình. Kia ! ghe của đối phương đang liều mạng xấn vào hông ghe bên này để được huề vì hai bên đều chìm. Nhưng người coi lái bên này nhanh tay. lách qua được. Phó hương quản Hem vội chụp lấy cây dầm nhỏ, nâng lên cao, bơi trên gió như thu hút tất cả sức mạnh của trời, của đất. Ghe vượt qua. Đoàn dũng sĩ ôm cán dầm sát vào ngực, ngã mạnh tới, chuyển tất cả nhân lực vào mái dầm. Nước bay trắng xóa. Sau cùng, phó hương quản vội cầm ông Phật vàng trong khay, bỏ vào miệng mà ngậm.

Lục Cụ Tăng Liên hình dung cảnh tượng dưới sông Gò Quao như vậy. Nó có thật không ? Mồ hôi tươm xuống lưng, thấm ướt áo cà sa. Cụ chấp tay vái Trời Phật rồi vào trong liêu nằm xuống thở mệt, đợi chờ.

Chiều hôm đó, tiếng hát vang dậy, tiếng cồng nhịp nhàng đưa đến ngày một gần. Lục cụ đoán đó là điềm chiến thắng. Cụ rửa mặt, lên chùa thắp nhang để tạ ơn đức bên trên.

Nhưng phó hương quản Hem bước vào lạy cụ. Gương mặt của chú lạnh như đồng, gợn chút gì buồn bã.

Lục cụ hỏi :

- Sao vậy ? Mình thua người ta à ?

Chú đáp :

- Dạ, mình thắng. Nhưng mà...

- Sao ?

- Nhưng mà được giải thưởng...

Lục cụ trở mắt :

- Được giải thưởng, có gì mà chú ngại. Tiền bạc hả ? Vải bô hả ? Nhang đèn hả ? Năm nay, nhà nước cho vật gì ?

Chú phó hương quản Hem im lặng, chập sau mới bước ra ngoài đem vào một gói giấy lớn, từ từ mở ra thì ô hô ! Đó là một lá cờ tam sắc to tướng.

Chú nói :

- Cái này của ông Đốc Phủ tặng chùa mình, phần thưởng hạng nhất.

Lục cụ không nói nữa tiếng, nuốt nước miếng như cổ nén chút gì tủi nhục, xót xa. Hồi lâu, cụ lắc đầu, cười xòa rồi đỡ chú phó hương quản đứng dậy. Hai người bước ra sân. Một quang cảnh náo nhiệt diễn ra : bao nhiêu trai tráng đang nằm trên bãi cát, trên đất bùn. Kẻ thì hát nghêu ngao. Kẻ thì ôm ngực mửa ra nào là rượu, bánh mì, kẻ thì vói tay lên như gào thét, đòi thêm rượu nữa.

Chú phó hương quản nói :

- Dạ, bây giờ mình khiêng ghe ngo lên trại, mai mốt sợ không ai rảnh.

Lục cụ nói :

- Phải. Rồi chú ở đây với tôi. Tôi buồn quá. Có chút chuyện cần.

Chú phó hương quản sực nhớ đến chiếc ghe ngo thiên cổ vừa tìm được mấy ngày trước. Nếu hôm rày không bận việc đưa ghe này, có lẽ chú xin phép đào nó lên được. Và lục cụ chắc cũng đã dạy chú nhiều bài học hay hơn.

Chú nói :

- Mình ra ruộng, tiếp tục đào chiếc ghe xưa coi thử, phải không lục cụ ?

Lục cụ đáp :

- Thôi. Mình cứ lấp đất lại cho chiếc ghe đó yên thân, khỏi bận hồn người xưa. Nay mai, vài chục năm nữa, chiếc ghe của chùa mình cũng vậy. Vạn vật đều biến đổi. Duy có nụ cười của đức Quan Âm bốn mặt... Bốn mặt của Ngài nhìn bốn phía để cứu khổ chúng sinh, khuyên ai nấy trầm tĩnh vì sự đời mãi đổi thay, thay đổi.

Cô Út về rừng



*Má ơi ! Đừng gả con xa.
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu...*

Câu chuyện xảy ra tại rạch Bình Thủy, làng Long Tuyền, tỉnh Cần Thơ, đầu cũng vào khoảng năm 1939 hoặc 1940 gì đó.

Trời sáng trăng. Thường lệ cứ đến chín giờ tối là nhà ông hương Cả Ba đóng cửa ngủ sớm. Đêm ấy, có khác. Cây đèn "măng sông" cất lâu trong tủ được đem ra lau chùi, đốt sáng lên. Ông Cả nheo mắt, nhìn đăm đăm ra sân tìm một góc tối om nào đó mà định thần hòng gỡ mối tơ vò rối rắm của gia đình. Ngoài sân, trăng sáng yên lành ; lớp thủy ngân xao động, nháy nhót, gờn gợn trên lá trên cành của vườn cam, trên ngọn tre mềm dịu đang chuyển động từng cơn.

Ông lẩm bẩm :

- Kia... mà gió trở ngọn. Gió chướng qua gió nồm. Hết nắng sang mưa.

Bà Cả lắc đầu :

- Ông này vớ vẩn. Gả con Út hay là không ? Sáng mai mình phải trả lời cho cậu Quỳnh biết. Ở đó mà lo gió chướng, gió nồm! Hai đứa nó đâu rồi ?

- Tụi nó ở ngoài sân nói chuyện rù rì, bà không nghe sao ? Thế nào tôi với bà cũng tính cho xong xuôi nội đêm nay.

"Tính" đây là cả một bài toán. Làm thế nào có lợi cho gia đình mình ? Gả cô Út cho cậu Quỳnh, ông bà rất đổi vui mừng vì gặp nơi môn đăng hộ đối. Nhưng về mặt tình cảm thì thiệt thòi quá. Gả con gái về chốn Cảnh Đèn xa xăm ! Tháng trước, ông xuống đó để dò xét thân thế gia đình của chàng trai : căn nhà ngói vách ván, xung quanh có vườn tược lai rai, xa xa nhô lên vài nhà của người Miên. Và rừng xanh một dãy che phủ tứ phía chân trời !

Ông đáp :

- Tôi nhứt định gả. Hai đứa nó thương nhau từ hồi còn đi học ở Sài Gòn. Bên chàng trai khá giả. Mình đòi bắt rể, ai mà chịu. Thôi đành vậy...

Bà Cả thở dài :

- Tôi ngại quá. Mình có mụn con gái. Gả đi xa xôi không nói làm gì. Ngặt xứ đó kỳ quái, hiểm nguy. Nội cái tên Cảnh Đèn nghe cũng dị hợm...

- Tưởng bà ngại điều gì chớ chuyện đó thì dễ. Dân ở dưới hiền lành lắm. Bộ thiên hạ ăn thịt con gái mình sao mà nguy hiểm?

- Tức chết đi ! Nói vậy mà không hiểu ! Ông không nghe người ta hát sao ?

*Xứ đâu hơn xứ Cảnh Đèn,
Muối kêu như sáo thổi, đĩa lội lênh như bánh canh.*

Ông Cả nghe qua, cười ngất hồi lâu. Bà Cả càng sôi gan :

- Ông cười tôi nói bậy à ? Ở xứ đó chàng vạng là ai nấy phải vô mừng để... ăn cơm
 - Nhưng sự thật là họ ăn cơm sớm, hồi cỡ bốn giờ chiều để khỏi cần vô mừng. Bà nghe ai nói lại vậy ?
 - Ông có tài binh vực cho xứ Cảnh Đền. Dẹp chuyện muối một bên, tôi bàn qua chuyện đĩa để ông có giỏi thì cãi. Nè, tôi nghe nói... phen đó cô dâu nọ ở chợ Cần Thơ gả xuống. Cỗ xuống bến làm cá, xong xuôi đem trút vô chảo, nấu canh chua. Dè đâu chừng con đĩa đeo trong khứa cá. Cô dâu nọ bị đuổi vì tội... nấu canh chua bằng đĩa. Oan ức quá. Xứ đĩa nhiều, đâu ai dè trước ! Tôi sợ con Út nhà mình phải bị đuổi trở về mà mang nhục với xóm riềng.
 Ông Cả cười dòn :
 - Thiên hạ đồn nhưng có thiệt lần nào chưa ? Tôi nói cho bà nghe : chuyện đó dỏc. Hồi xuống Cảnh Đền, tôi nhắc chuyện... "đĩa lênh như bánh canh". Thiên hạ ở dưới đó cất nghĩa : Cảnh Đền là nơi nước mặn gần mặn năm. Hơn nữa, ruộng ít khi cày trâu. Làm sao có đĩa ở vùng nước mặn ? Chẳng qua là mấy người đặt bài hát đưa em, thêm nhưn thêm nhụy để bắt vắn. Đĩa nhiều ở là xứ nước ngọt như Bình Thủy, Ô Môn đây nè ! Bà biết chưa. Ở đây, từ hồi nào tới giờ, có ai lỡ nấu canh chua đĩa không ? Bà chỉ cho tôi coi thử.
 Bà Cả đuối lý, cố suy nghĩ, tìm cách bảo thủ ý kiến của mình.
 Sau rốt, bà nói :
 - Gả con về rừng khổ lắm. Xưa nay, người ta hát :

*Mẹ mong gả thiếp về vườn,
 Ăn bông bí rợ dưa hường nấu canh.*

"Đảng này mình gả con về rừng... Bao nhiêu người chịu tai nạn đó rồi".
 Ông Cả hút điều thuốc, chập sau mỉm cười, đắc thắng. Bà day lại :
 - Ông gả thì gả đi. Đường xa xôi làm sao nó về thăm mình được. Nãy giờ tôi quên nói chuyện đó.
 - Để ợt. Miễn con gái của mình có hiếu... Gả con... ở trong nước Việt Nam chờ qua bên Tây bên Tàu gì sao ! Một khi quên cha quên mẹ thì dầu ở kế bên nhà nó cũng không thèm về thăm. Tôi thì tôi tin con Út lắm. Công cha mẹ nuôi dưỡng, cho đi ăn học lẽ nào nó quên.
 Bà Cả bỏ đi chỗ khác, nói lại một câu :
 - Để coi nó nhớ hay quên ! Xuống miệt Cảnh Đền, muối ăn thịt nó. Nó bỏ thầy ở dưới, hai ba năm chưa chắc về thăm mình được một lần. Làn hồi mát góc rể, nó nhè lấy tên mình, đặt trùng lại cho con cháu của nó mà không hay.
 - Tại sao vậy ? Bà này vô lý quá...
 Tuy cãi lời bà, trong thâm tâm ông cảm thấy chút gì buồn bực đuối lý. "Ông có lý luận đúng, nhưng bà... không lẽ nói sai". Nghĩ vậy, ông lại nằm nơi ghế trường kỷ, lẩm bầm :
 - Ông Tư xếp đặt rồi. Phận con Út vậy đành vậy.
 Thế là tháng chạp năm đó, nhà ông Cả treo bông kết tuội để gả con, giữa tiếng dị nghị của bao chàng trai tơ ở rạch Bình Thủy.

Cô Út về làm dâu đất Cảnh Đền.
 Hai năm qua.
 Ba năm qua...
 Chuyến đầu, đôi vợ chồng về thăm ông Cả bà Cả, đèo theo một đứa con gái nhỏ... sỗ sựa dễ thương.
 Chuyến sau họ về, lại thêm một đứa gái. và một đứa thứ ba nữa đang nằm trong bụng mẹ.
 Hai ông bà quá đổi vui mừng.
 Nhưng liên tiếp mấy năm sau họ bất tin, ngày Tết ngày giỗ cũng chẳng về. Lo ngại quá ! Có chuyện gì xảy ra bất lành không?
 Hai ông bà muốn xuống Cảnh Đền thăm con nhưng ngại mình già sức yếu, đường xa xôi, phải vượt qua sông Cái Lớn. Nằm đêm, lẩm khi bà khóc lóc mà trách ông :

- Tôi nói muối rừng ăn thịt hai đứa nó rồi. Xứ gì mà muối kêu như sáo thổi. Không đau bịnh rét thì cũng chói nước lớn bụng mà chết... Hồi đó ông cãi tôi, nhớ không ? Ông Cả vô cùng buồn bực. Nhứt là khi nghe con nít chòm xóm hát đũa em :

*Má ơi đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú, biết nhà má đâu ?*

hoặc :

*Thương chồng phải lụy cùng chồng,
Đắng cay phải chịu , mặn nồng phải theo*

Mỗi khi tiết trời lập đông là cơ thể rêm nhức, tuổi già của ông càng đè nặng hai vai. Não ruột quá những câu hát :

*Một mai ai đứng bên kinh,
Ai phò giá triệu, ai rình quan tài ?
Bên kinh đã có con trai,
Giá triệu con gái, quan tài nàng dâu
Hỏi nào chàng rể ở đâu ?
Chàng rể uống rượu đi sau nói xàm...*

Ông nhìn trời. Ngày nào đó ông chết, con gái không về kịp để phò giá triệu, càng không có chàng rể. Nhưng ông tin tưởng rằng đứa rể của ông ở vùng Cạnh Đền xa xôi kia, giờ phút này đang cặm cụi làm ăn nhớ cha mẹ vợ, không bao giờ uống rượu nói xàm vì chàng là kẻ có ăn học. Suốt tháng ngày, ông chống gậy đi quanh quán bên gốc tre già ở mé sông, mắt mòn mỏi nhìn bóng dáng các ghe thương hồ qua lại.

Trời đất nào phụ kẻ có lòng như ông !

Mãi đến buổi trưa đó, có chiếc ghe chèo chậm chậm ngang bến. Chồng trước mũi hỏi vợ sau lái :

- Phải chỗ cây mù u này không ? Cậu Quỳnh nói nhà bên vợ ở đâu đây.

Chị vợ đáp :

- Không chừng... Đúng quá, cách ngã ba, qua hai cây cầu khỉ, nhà ngói có vườn quít.

Anh chồng ngó tới ngó lui, cãi lại :

- Minh mới qua một cây cầu. Chèo tới trước chỗ cây cầu khỉ, đằng kia kia, họa may...

Ông Cả cố gom tất cả sức già, la lớn :

- Ở đây nè, bà con ơi ! Nhà vợ thằng Quỳnh ở đây nè...

Ghe đậu lại. Hai vợ chồng nọ được mời lên ăn cơm với thịt gà tại bộ ván gỗ giữa nhà ông Hương cả. Trong đời, họ chưa bao giờ được hân hạnh lớn như vậy ! Ông Cả, bà Cả, người lối xóm xúm lại hỏi nhiều câu quá. Họ bối rối, trả lời vắn tắt :

- Dạ, vợ chồng cậu Quỳnh mạnh khỏe. Nhờ trời sanh được sáu đứa con. Bốn đứa sau đều là con trai.

Bà Cả mừng quỳnh :

- Úy ! Bộ con út đẻ năm một sao ? Con nhỏ đó thiệt ...

Khách trả lời :

- Dạ, đẻ năm một. *Đứa ăn thôi nôi, đứa lôi đầy tháng. Mẹ tròn con vuông.* Hồi tôi đi đây, cô út gàn nằm chỗ một lần nữa. Thưa ông bà, miệt dưới ai cũng vậy. Như vợ chồng cháu đây có tám đứa con.

- Sao vậy cà ? Sao vậy cà ? Ở dưới cỡ này ra sao mà thiên hạ đẻ nhiều quá vậy ?

Khách ngượng nghịu, chập sau mới nói :

- Dạ ở miệt dưới muối dừ lắm. Chạng vạng là cả nhà, vợ chồng con cái rút vô mừng... nói chuyện. Ít ai đi đâu.

Ai nấy phá lên cười to. Đến lúc bấy giờ, ông Cả bà Cả mới hiểu thêm một sự bí mật quan trọng của tiếng "muối kêu như sáo thổi" ở Cạnh Đền. Nó làm hại sức khỏe con người. Nhưng nó gắn bó mối tình chồng vợ hơn ở xứ không có muối.

Để đánh trống lảng, ông nói :

- Ủ ! Phải vậy mới được. Xứ mình cần có dân đông để tạo lập thêm ruộng vườn, khai phá đất hoang.

Bà Cả nóng ruột :

- Anh chị đây có nghe vợ chồng nó nhắn chùng nào đem mấy đứa cháu ngoại của tôi về cho biết mặt ?

Khách trả lời :

- Dạ không nghe. Con cái lữ khữ cả bày, chắc vợ chồng cậu Quỳnh khó đi xa. Năm rồi mùa màng thất bát, ai cũng lo tay làm hàm nhai để nuôi con. Sông Cái Lớn mấy năm nay lại thêm sóng gió bất thường.

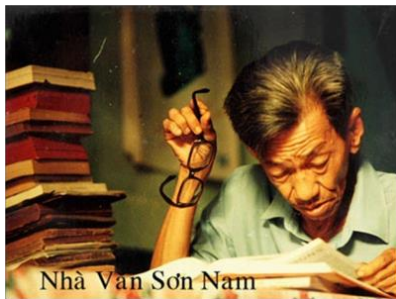
Bà thở dài, nói như rên siết :

- Nhớ mấy đứa nhỏ quá. Ông ơi ! Hồi đó ông cãi tôi...

Ông Cả im lặng, nghĩ đến cái ngày gần đất xa trời của mình. Nó không còn bao xa nữa. Ngày đó, ai phò giá triệu, ai rinh quan tài ? Nhìn bụi tre già dưới bến mà ông tủi thân : Măng non mọc kè bên gốc. Phận ông có khác ; con gái, con rể và đám cháu ngoại ở chốn xa xôi kia làm sao được gần gũi để ông thấy mặt lần đầu - và cũng là lần chót - khi ông tàn hơi. Nước mắt muốn tươm ra, ông cố dằn lại. Ông hiểu đời ông chưa tới mức đen tối, còn chút ánh sáng lập lờ trong tương lai vô biên vô tận :

- Ở... ở dưới nó có lập vườn chưa ? Lát nữa, anh chị chịu khó chờ về dùm cho vợ chồng con út một gốc tre Mạnh Tông để làm giống. Chùng thấy măng non cận gốc già, mấy đứa cháu của tôi luôn luôn nhớ ông ngoại bà ngoại nó trên Bình Thủy.

Bắt sấu rừng U Minh Hạ



Nơi sông rạch, cá sấu là giống hung hăng nhất. Có điều đáng chú ý là chúng không thích những chốn sông sâu nước chảy, có sóng gió. Chúng lên tận ngọn cùm, tìm nơi yên tĩnh, chật hẹp. Vùng U Minh hạ, sấu thường đi ngược sông Ông Đốc, rạch Cái Tàu vào giữa rừng tràm. Tại sao vậy ?

Tuy là thích ăn thịt người, loại sấu vẫn tìm cá làm món ăn chánh. Rừng U Minh hạ thuộc về loại tràm thủy (1) cá sanh sôi nẩy nở rất nhanh chóng ; lên đó tha hồ mà ăn.

Đến mùa nắng hạn rừng khô, sấu khỏi phải trở về sông Cái . Trong rừng có sẵn nhiều ao, nhiều lung (2), sấu cứ gom vào đó mà lập căn cứ sanh con đẻ cháu, năm này qua năm khác, cứ như vậy cho tới khi người Việt Nam ta đổ tràn xuống rạch Cái Tàu mà lập nghiệp. Ban đầu, họ ngỡ rằng sấu chỉ ở dưới sông, sau khi câu được chùng năm mười con sấu ở ngọn rạch họ định ninh cho là sấu đã giảm bớt... Mười phần chết bẫy còn ba. Mãi đến khi có người lên rừng ăn ong (3) chạy về loan báo :

- Sấu ở giữa rừng nhiều như trái mù u chín rụng !

So sánh như vậy, không phải là quá đáng ! Dân làng xúm nhau lên rừng để nhìn tận nơi. Cái ao lớn ước một công đất, bên bờ, dưới nước, toàn là lau sậy, dây cóc kèn (4). Sấu nổi lên, chen vào những bức tranh màu xanh ấy những vết đen chi chít : con thì nằm dài như chiếc xuồng

lường (5), con thì dùng hai chân trước mà vạch sậy, ngóng mỗ xéo lên trời như họng súng thần công đại bác. Biết có loài người đến quan sát, chúng vẫn điềm nhiên sượt nắng, bắt cá. Duy có con sấu già trợn mắt hướng về lũ người rồi bò thối lui vào giữa lòng ao, để thủ thế. Dân làng nhìn nhau như ra lệnh rút lui. Nghi ngờ gì nữa ! Con sấu nọ có đốm đỏ ngay giữa tam tinh (6). Nó là "sấu chúa" sống lâu đời, nhiều phen kịch chiến với loài người. Khi ở trên cạn, sấu không nguy hiểm bằng một con rắn hổ. Sấu chúa khôn lắm, nó toan dụ địch thủ vào hang của nó nơi nước sâu. Trong số người khi này, có kẻ cẩn thận mang theo mác thông (7), lao, ná lầy, nhưng họ dư hiểu rằng mớ khí giới ấy chỉ có hiệu lực đối với cọp, heo rừng. Đàng này, sấu lại là loài ở nước, ở bùn lầy. Chổng xuống vào thì ao quá cạn, còn đi bộ xuống thì lún ngập gối.

Cái ao sấu ở ngọn rạch Cái Tàu đã bị phát giác. Tin ấy đồn đãi lần lần, thấu đến tai ông Năm Hên, người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiên Giang đạo (8), tức là vùng Rạch Giá ngày nay Ông bơi chiếc xuống ba lá nhỏ đến địa phận làng Khánh Lâm, ngọn rạch Cái Tàu. Trong xuống, có vồn vện một lọng nhang trần (9) và một hũ rượu.

Từ sớm tới chiều, ông bơi xuống tới lui theo rạch mà hát :

Hồn ở đâu đây ?

Hồn ơi ! Hồn ơi !

Xa cây xa cối,

Xa cội xa nhành,

Đầu bãi cuối gành

Hùm tha, sấu bắt

Bởi vì thất ngật

Manh áo chén cơm

U Minh đỏ ngòm,

Rừng chàm xanh biếc !

Ta thương ta tiếc,

Lập đàn giải oan...

Giọng nghe ảo não, rùng rợn. Dân làng thấy chuyện kỳ lạ, xuống đứng dưới bến để nhìn kỹ. Đoán chừng ông lão nọ là người có kỹ tài, họ mời ông lên nhà, làm thịt gà, mua rượu thết đãi. Sau khi tự xưng danh tánh, ông bảo :

- Nghe đồn có ao sấu, tôi chẳng nệ đường xa để tới xứ Khánh Lâm này.

- Té ra ông thợ câu sấu !

Ông Năm Hên lắc đầu :

- Thợ bắt sấu chớ không phải thợ câu. Hai nghề đó khác nhau. Câu thì dùng lưới sắt, móc mồi bằng con vịt sống. Đó là ở dưới nước. Đàng này tôi chuyên bắt sấu trên khô, không cần lưới.

- Vậy chớ ông bắt bằng gì ?

- Tôi bắt bằng... hai tay không.

Ai nấy ngạc nhiên. Ông Năm Hên cười giòn :

- Bà con cô bác không tin sao ?

Ai nấy nửa tin nửa nghi. Họ cố nhớ lại cách bắt sấu của mấy người thợ nào đến giờ. Bắt sấu bằng hai tay không quả là phi phàm, thế gian hi hữu. Không lẽ ông Năm Hên này lại nói láo để lường gạt, ông nào đã mở miệng xin tiền bạc cơm gạo gì của xóm này ! Ai nấy nôn nao, thiếu điều muốn năn nỉ ông đi bắt sấu tức thì để coi thử cách thức.

- Thừa ông, chừng nào ông ra nghề để cho dân làng chúng tôi được mừng ? Nếu cần tiếp giúp chuyện chi, chúng tôi sẵn sàng. Ở xóm này thiếu gì trai lực lưỡng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng.

Ông Năm Hên đáp :

- Sáng mai sớm, đi cũng không muộn. Tôi cần một người dẫn đường đến ao cá sấu đó. Có vậy thôi ! Chừng một giờ đồng hồ sau là xong chuyện ! Sấu ở ao giữa rừng, tôi bắt nhiều lần rồi. Bà con cứ tin tôi. Xưa nay, bị sấu bắt là người đi ghe xuống hoặc ngồi rửa chén dưới bến, có bao giờ sấu rượt người ta giữa rừng mà ăn thịt ? Tôi đây không tài giỏi gì hết, chẳng qua là biết mưu mẹo chút ít, theo như người khác thì họ nói đó là bùa phép để kiếm tiền. Nghề bắt sấu có

thể làm giàu được ngặt tôi không mang thứ phú quí đó. Nói thiệt với bà con : cha mẹ tôi sanh ra chỉ có hai anh em tụi tôi. Anh tôi xuống miệt Gò Quao phá rừng lập rẫy hồi mười hai năm về trước. Sau được tin cho hay : anh bị sấu ở Ngã ba Đình bắt mất. Tôi thề quyết trả thù cho anh. Cực lòng biết bao nhiêu khi nghe ở miệt Rạch Giá, Cà Mau này có nhiều con rạch, ngã ba, mang tên Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, sau này hỏi lại tôi mới biết đó là nơi ghê gớm, hồi xưa lúc đất còn hoang. Rạch Cà Bơ He, đó là chỗ sấu lợi nhiều, người Miên sợ sấu không dám đi qua nên đặt tên như vậy, cũng như phá Tam Giang, trường nhà Hồ của mình ngoài Huế.

Sáng hôm sau, ông Năm Hên đi lên ao sấu, có Tư Hoạch một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu dẫn đường. Nhiều người nài nỉ xin đi theo. Ông Năm Hên cản lại :

- Đi nhiều chộn rộn lắm. Tôi không giầu nghề với bà con đâu. Có Tư Hoạch đi theo coi mà .
Đã quá giờ ngo.

Ngóng về phía ao sấu U Minh hạ, ai nấy đều thấy một làn khói đen bốc lên. Ban đầu ngỡ là cháy rừng, chập sau, khói lượn xuống. Trong lúc đó, bà con xóm Cái Tàu lo nấu cơm, mua rượu đợi chiều làm tiệc ăn mừng. Nhưng ngạc nhiên làm sao, trời về xế, lúc ai nấy đang nghĩ trên nhà, bỗng nghe tiếng kêu réo từng hồi :

- Bà con ơi ! Ra coi sấu. Bốn mươi lăm con còn sống nhần.

Rõ ràng là giọng Tư Hoạch.

- Diệu kè ! Diệu kè ! Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lợi có hàng dưới sông mình nè ! Một đời người mới có một lần.

Dưới sông, Tư Hoạch ngồi trên xuồng, bơi nhẹ như đi dạo mát.

Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nối đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc kê trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng như tiếp sức với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay là chiêm bao ? Người thì đứng há miệng sửng sốt rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khấn vái lâm râm, e nay mai xóm này bị trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn hơn, bơi xuồng ra giữa sông, nhìn bầy sấu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rồi rít.

Đại khái Tư Hoạch trình bày :

- Tới ao sấu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung rượu. Kế đó ông với tôi lấy xuồng (10) đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ ao lên rừng chừng mười thước. Xong xuôi, ông biểu tôi bứt cho ông một nắm dây cóc kèn. Phần ông thì lo đốn một đống cây mốp tươi (11), chặt ra khúc chừng ba tấc.

Lửa châm vô sậy để, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao. Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi tấp ông. Ông dứt vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu tấp lại, dính chặt hai hàm răng : như mình ngậm một cục mạch nha quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sau khi bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông Năm Hên xách cây mác nhắm ngay sau lưng sấu mà xấn nhẹ nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó lại, chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.

- Thực là bực thánh của xứ này rồi ! Mưu kế như vậy thực quá cao cường. Ông đâu rồi ? Sao không thấy ông về Xóm mình nhất định đền ơn ông một số tiền, nuôi ông cho tới già, ở xóm này. Bà con tính sao ?

Tư Hoạch nói :

- Mà quên ! Ông biểu tôi về trước cho bà con coi thử. Phần ông mắc ở lại cúng "đất đai vương trạch" (12) rồi đi bộ về sau.

Chưa dứt lời, bên sông nghe tiếng hát của ông Năm Hên, ngày một rõ :

Hồn ở đâu đây ?

Hồn ơi ! Hồn hồi !

Xa cây xa cối,

Xa cội xa nhành,

*Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha, sấu bắt,
Bởi vì thất ngật,
Manh áo chén cơm,
U Minh đồ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc !
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...*

Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phẫn nộ, bi ai. Ghê rợn nhứt là khi thấy ông đi ra khỏi mé rừng, áo rách vai, tóc rối nùi, mắt đỏ ngầu, bó nhang cháy đỏ quơ qua quơ lại trên tay.

- Coi tướng của ông ghê như tướng thầy pháp ! Một người thốt lên như vậy

Nhưng có tiếng khóc sụi sùi đầu đây. Đó là vài cụ già, bà lão chạnh nhớ đến tổ tiên, đến bạn bè của mình, biết đâu trên bước đường sanh nhai giữa chốn nước đổ rừng xanh, có thân nhân của họ đã bỏ thân vì đàn sấu này. Bó nhang đang cháy kia có giải oan được cái chết của họ không chứ ?

Chú thích :

- (1). Trầm thủy : Loại đất thấp ngậm nước.
- (2). Lung : đầm nhỏ, sinh lầy cạn (3). Ăn ong : lấy mật ong trong rừng
- (4). Dây cóc kèn : loại cây dây leo ở rừng nước mặn bền chắc, dùng để trói buộc rất tốt.
- (5). Xuồng lờng : xuồng được làm bằng một cây đực thành (xuồng độc mộc)
- (6). Tam tinh : điểm ở trán, giữa hai mắt.
- (7). Mác thông : mác có cán dài .
- (8). Kiên Giang đạo : đạo là đơn vị hành chính thời xưa tương đương một châu, một quận.
- (9). Lọn nhang trần : bó (lọn) nhưng không có bao (trần). Nhà nghèo dùng loại nhang này, vì rẻ tiền.
- (10). Xuồng : thuồng (dụng cụ để đào đất).
- (11). Mốp tươi : loại cây như cây vông, gỗ xốp, dẻo, có thể làm nút chai hay cốt mụ Cá sấu ngậm phải khúc gỗ mốp, hai hàm răng dính chặt không há miệng ra được nữa
- (12). Cúng "đất đai vương trạch" : cúng thần cai quản đất đai (vương trạch, thực ra là viên trạch, nghĩa là vườn đất, dân gian nói trạch ra là vương trạch)

Sơn Nam & Cách mạng tháng Tám ở U Minh Tưởng Năng Tiến

Mấy năm trước, sau khi ghé thăm giáo sư Lý Chánh Trung, giáo sư Nguyễn Văn Lục đã có nhận xét như sau về người bạn đồng nghiệp cũ:

"... sau 1975 ... có mấy mấy nhà văn, nhà báo trong Nam được cầm bút lại như Lý Chánh Trung. Con số đếm chưa hết một bàn tay... Trước 75, ông viết như thể một người nhập cuộc, kẻ lên đường, kẻ làm chứng, người trí thức dấn thân. Ông viết với một tấm lòng nhiệt huyết. Sau 1975, ông viết như một kẻ đứng bên lề, xem đá banh và vỗ tay"

Tôi có ngồi học với giáo sư Lý Chánh Trung đầu chừng cỡ... nửa giờ, ở trường Văn Khoa Đà Lạt. Nhất tự vi sư, bán tự vi sư. Tôi không dám bàn luận lời thôi gì (thêm) về chuyện viết lách của một người thầy học cũ.

Nhận xét dẫn thượng, chả hiểu sao, bỗng khiến tôi nhớ đến nhà văn Sơn Nam. Ông cũng là một trong những người may mắn hiếm hoi của miền Nam (trong "con số đếm chưa hết một bàn

tay”) vẫn được phép cầm viết, sau 1975, và là một trong những nhà văn mà tôi vô cùng mến mộ.

Tác phẩm (có lẽ) đặc ý nhất của Sơn Nam là cuốn Hương Rừng Cà Mau, trong đó có truyện “Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư.” Tác giả kể lại chuyện một người dân ở U Minh Hạ, đặt mua báo dài hạn nhưng không trả tiền nên nhà báo phải cử người đi đòi nợ. Xin trích vài đoạn đọc chơi cho nó ... đã:

- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bậy Ngọt lặn! Để tôi ra lệnh cho phó hương áp đòi tên đó lên công sở...

Thầy phái viên nhà báo “Chim Trời” giựt mình:

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý vị độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.”

[(Sơn Nam. “Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư.” Hương Rừng Cà Mau, tr.99) (*)]

Ấn bản 1972. Nhà xuất bản Trí Đăng: Sài Gòn.

Nhân vật chính trong truyện, ông Trần Văn Có, theo như lời dân cùng xóm, là một người độc thân, làm nghề giảng câu, nuôi heo, lấy tổ ong, và hơi ba hoa chút đỉnh: “Anh ta công kích tờ *Lục Tinh Tân Văn* của nhà nước Lang Sa gọi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít-le, chuyện nước Ý đánh nước Á, chùng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lồi nói lảng qua chuyện Tàu...”

Nghe nói vậy nhưng không phải vậy. Khi phái viên báo Chim Trời giáp mặt độc giả Trần Văn Có, ngay tại nơi cư trú của ông, cuộc hội kiến – rõ ràng – rất là trang trọng và (vô cùng) thấm thiết:

Ấn bản 1972. Nhà xuất bản Trí Đăng: Sài Gòn.

“Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu... Tư Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuống đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đi. Thếp đèn dầu cá kèo thêm một tim thứ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lưới tơ giăng bữa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Tư Có bỏ mừng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muối cắn. Khói như vậy mà muối cứ bu lại rớt lênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén đỡ mí mừng, chui lẹ vào ngồi kế bên:

- Xứ gì lạ quá! Anh Tư ở đây hồi sanh bịnh chết.

Tư Có đáp:

- Xứ Cà Bậy Ngọt, tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu “lên” tới đây thất bại, phong thổ ẩm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bịnh hoạn, thừa thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mắt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?

- Đông Thái, Đông Hồ, Đông Hưng, Vân Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo Chim Trời của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

...

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách Quốc Văn giáo khoa thư, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chứ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hát “ca rê”, tay xách toong teng bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc minh sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râu, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài ‘chốn quê hương đẹp hơn cả’ chứ gì?

Rồi chú đọc một hồi:

- Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: ông đi du sơn du thủy...

- Đó ă! Đó ă! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời: ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chứa chan... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chần trâu cầm roi: ai bảo chần trâu là khổ... Không, chần trâu sướng lắm chứ.

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất nghiêng ngồi trên mình trâu, tôi nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim...

Giọng Tư Có nói nhỏ:

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi nãy giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây trâu tiên.

- Đâu có! Đâu có! Minh là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi “đăng” là vì ái mộ báo Chim Trời chứ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mực Thư tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vỗ cùng cảm động...”

(sđd 111-116).

Tôi đọc truyện “Tình Nghĩa Giao Khoa Thư” khi còn ở tuổi đôi mươi. Tuổi trẻ bao giờ cũng nhiều lý tưởng. Tôi và bè bạn vẫn tâm nguyện rằng, sau cuộc chiến, thế hệ của mình sẽ cố góp hết sức để dựng xây những phần đất quê hương (bị lãng quên) như vùng U Minh Hạ. Hòa bình, tiếc thay, đã không mang lại cuộc sống an bình như mọi người mong muốn. Không những thế, nó còn khiến cho hàng triệu kẻ đã phải liều mạng rời bỏ quê hương, để mưu cầu một cuộc sống khả kham hơn – nơi đất lạ quê người.

Tôi là một trong những kẻ đã (đành đoan) bỏ đi như thế. Vài chục năm sau, khi tóc đã điểm sương, ở một góc trời xa, tình cờ đọc được bài báo (“Tiếng Kêu Giữa Rừng U Minh Hạ”) của phóng viên Hoàng Trí Dũng mà không khỏi bản khoăn nhớ về quê cũ:

“Tôi đã đến nhiều miền quê nghèo khó vùng sông nước ĐBSCL, nhưng có lẽ chưa lần nào tôi bị ‘sốc’ như chuyến đi lần này. Nơi tôi đến là một vùng quê giáp ranh giữa hai tỉnh Kiên Giang – Cà Mau, cách không xa trung tâm hai thành phố Rạch Giá và Cà Mau, vậy mà đã 30 năm sau

ngày đất nước thống nhất vùng quê ấy vẫn còn là bức tranh buồn thảm với nhiều nỗi bức xúc: không điện, đường, trường, không trạm xá, không hộ khẩu, không đất sản xuất...”

“Trái ngược với hình ảnh ấy là cơ ngơi của các quan chức địa phương – những người đang giành giật đất đai của dân. Đó là chuyện thật ở ngay một góc Lâm trường U Minh 2, ấp 4, xã Khánh Hạ, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.”

...
“Cách đây hai năm một cháu bé tên Hằng, 10 tuổi, con của hai vợ chồng trẻ không may bị bệnh viêm ruột thừa cấp tính, nhưng ở giữa rừng không có trạm y tế, mà lòng kênh trơ đáy khô queo, còn trên bờ thì không có đường đi rồi cuộc đành ngồi nhìn con chết mà bất lực vì không cách nào chuyển đi bệnh viện. ...”

“Ông chủ nhà Nguyễn Trung Liệt – một lão nông có uy tín trong vùng – vào chuyện: ‘Trên 60 tuổi rồi, hơn chục năm, ba thế hệ với hơn 30 người sinh ra và lớn lên tại khu rừng này, nhưng ngặt một nỗi nhà tui không ai có được tấm hộ khẩu, cũng chẳng hề có giấy chứng minh nhân dân. Người lớn còn đỡ chứ tội nghiệp sắp nhỏ, năm đứa cháu nội ngoại ra đời trong ruột rừng này hiện tại đều thất học như ông cha nó...’

Chú Ba Vinh thì kêu: “Cả trăm gia đình bà con ở đây khổ lắm, không thua gì thời kỳ Pháp thuộc...”

Chú Ba Vinh (nào đó) tuổi đời – ngó bộ – còn hơi ít nên không biết rõ cảnh sống của dân chúng ở U Minh Hạ vào thời Pháp thuộc. Chớ hồi đó, cứ theo như lời kể của ông già Nam Bộ Sơn Nam, nơi đây đã có người đặt mua dài hạn báo Chim Trời ở tận Sài Gòn, có kẻ giữa bữa giỗ (dám) bàn chuyện quốc sự và lớn tiếng chê bai tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang sa. Những chuyện “tầm ruồng” như thế, xem ra, có vẻ như một giấc mơ (đã) xa xôi lắm đối với người dân ở U Minh Hạ – bây giờ. Trong bài phóng sự (thượng dẫn) không nghe phóng viên báo Tuổi Trẻ kể lại chuyện có bữa nhậu lai rai mấy con cá lóc nướng trui với người dân địa phương, và dùng chung với họ một bữa cơm chiều (“ngon làm sao”) như đặc phái viên của báo Chim Trời – hồi đó. Chuyện người ta ăn ở cư xử tử tế với nhau, theo kiểu “Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư” (ngó bộ) cũng miễn có luôn.

Ở U Minh Hạ, ngày nay, theo như nguyên văn tường thuật nhà báo Hoàng Trí Dũng: “30 năm sau ngày đất nước thống nhất vùng quê ấy vẫn còn là bức tranh buồn thảm với nhiều nỗi bức xúc: không điện, đường, trường, không trạm xá, không hộ khẩu, không đất sản xuất.” Có chăng chỉ là tiếng kêu gào ai oán, của những người dân khốn cùng và uất hận, vì bị cướp bóc trắng trợn mà thôi.

Sơn Nam, có lẽ, vì tuổi đời đã cao nên không còn nghe và thấy được những tiếng kêu thương và cảnh đời vô vọng (đến thế) từ nơi sinh trưởng của ông. Ngày 18 tháng 8 năm 2008, trên diễn đàn talawas, tôi nghe nhà văn Lê Phú Khải kể chuyện này:

“Có lần tôi nhờ ông viết một bài cho Đài Tiếng nói Việt Nam để kỷ niệm Cách mạng tháng Tám ở Nam bộ. Mấy ngày sau, cũng tại quán café ở Gò Vấp, ông đưa tôi bài: ‘Nhớ ngày Cách mạng tháng Tám ở U Minh’, đánh máy bằng cái máy chữ, chữ nhỏ li ti như con kiến. Đài phát xong tôi thấy ‘tiếc’ quá! Vì chữ nghĩa phát lên trời rồi gió bay đi... Tôi bèn gửi bài đó cho báo Cà Mau.

Khi bài báo đó được in trên giấy trắng mực đen ở Cà Mau thì bạn đọc, cán bộ, đồng bào và các nhà nghiên cứu của vùng đất này đều kinh ngạc về trí nhớ của Sơn Nam. Bài báo đó là một tư liệu lịch sử sống động về Cách mạng tháng Tám ở U Minh, chưa từng được ai ghi chép lại sinh động như thế. Thư gửi về toà soạn tới tập... Xin trích đăng lại đoạn cuối của bài báo đó:

“Tại dinh chủ quận trước kia, cờ đỏ sao vàng bay phấp phới. Từ những thôn xóm hẻo lánh, đồng bào đến dự ngày lịch sử trọng đại. Đã có ban trật tự sắp xếp chỗ đậu xuống ghe. Đồng bào người Khmer cũng đến dự với các sãi áo vàng. Xuồng ghe đậu dài hàng kilômét. Nhiều người trung niên ‘quần bao áo bố’ cõng con trên vai để nó trông lên khán đài. Tiếng loa phát ra vang vang, báo tin đại diện của tỉnh bộ Việt Minh đã đến. Có múa lân. Vài ông lão tụ tập lại, dạy võ thuật cho thanh niên. Loa lại vang lên, khuyên đồng bào yên tâm, cứ chịu đói buổi sáng, sau

đó sẽ có phân phát bánh tét, ăn thay cơm. Trời chuyển mưa. Đồng bào vẫn đứng chịu mưa tại chỗ.”

Câu chuyện này cũng lại khiến tôi liên tưởng đến nhận xét của giáo sư Nguyễn Văn Lục về một vị thầy học cũ của mình:

“Trước 75, ông viết như thể một người nhập cuộc, kể lên đường, kể làm chứng, người trí thức dẫn thân. Ông viết với một tấm lòng nhiệt huyết. Sau 1975, ông viết như một kẻ đứng bên lề, xem đá banh và vỗ tay.”

Sơn Nam qua đời vào ngày 13 tháng 8 năm 2008 nhưng ông đã chết (trong tôi) hơi lâu, trước đó.

© Đàn Chim Việt

Chuyện rừng tràm

Rừng Cà Mau âm u và mênh mông đến mức nào? Để trả lời câu hỏi đó, người ở địa phương thường xúm xít lại để kể cho nhau một câu chuyện giải trí như vậy:

Năm đó thầy đội kiểm lâm X. vừa đáo nhậm ở lô rừng 321. Thầy ta thích bán chim nên luôn luôn đích thân bơi xuồng đi rong khắp đường quanh nẻo tắt trong rừng. Cho đến ngày nọ, thầy nghe có tiếng chim gõ kiến, thứ chim chỉ ở vùng đất cao chớ không bao giờ ở nơi rừng tràm trầm thủy. Lầy lầm lạp, thầy từ từ bơi xuồng lại ngay hướng đó, lắng tai xác nhận rõ ràng:

- Cóc! Cóc! Cóc! Cóc!

"Chắc là chỗ này chim gõ kiến nhiều lắm." Thầy đội nghĩ thầm như vậy. Mái dầm khoát nước càng lúc càng hăng. Và ngạc nhiên làm sao, tiếng "cóc cóc" lần lần nghe trầm xuống, thở thành tiếng "cum cum" giống na ná tiếng mõ của đình làng.

Trước mặt hiện ra một cảnh lạ mắt khiến thầy ngỡ như hai chàng Lưu Nguyễn khi già từ non cao để trở về gặp trần gian. Cảnh rừng tràm dày bịt "cây chen vạn gốc" không còn nữa. Một vòm trời xán lạn hiện ra. Hàng trăm mái nhà cát san sát thành một xóm lớn, trong bản đồ tự hồi nào đến giờ chưa có ghi vào. Chừng điều tra lại thì ô hô! Đó là một số người lén lút vào đây cất nhà phá rừng để bán củi lậu thuế đã ba năm qua mà nhà cầm quyền không bao giờ hay biết.

Sau khi thương lượng, họ đồng ý chịu cho thầy một số tiền "trà nước" hai ngàn đồng, hồi xưa đó là số vốn khá to. Nghe nói nhờ đó mà thầy đội sắm được chiếc đồ máy và đến năm sau, thầy đâm đơn lên quan trên để xin từ chức, dưỡng già.

Sở dĩ nãy giờ chúng tôi đi hơi xa vấn đề là cốt ý giúp độc giả hiểu tối thiểu về lối sinh hoạt của một số người khá đông sống bằng nghề phá củi lậu thuế thời Pháp thuộc.

Anh Tư Hưng ở trong số người ấy.

Qui mô làm ăn của anh so với xóm trên kia thì nhỏ bé hơn nhiều. Anh đã được người bạn giới thiệu vào kinh Mười Lăm. Ở đấy, chỉ có bốn gia đình, thêm anh nữa là năm. Nhờ họ khéo che đậy bằng hình thức giảng câu bắt rắn, nên lính kiểm lâm thời đó ít chú ý.

Hừng sáng, họ đi vào rừng đốn củi. Gặp cây nào to lớn, ngay thẳng họ hạ xuống lột vỏ, ngâm bùn chôn giấu để làm cột nhà, bán với giá đắt hơn. Cứ mười bữa, họ cho người chở củi ra chợ Thới Bình giao cho nhà vựa củi. Vựa này có giấy phép của nhà nước. Đường đi thật gay go. Lắm khi họ phải chịu trần tròng nhảy xuống bùn, đẩy xuống củi xuyên qua rừng hàng năm, ba cây số. Đêm hôm tăm tối, họ phải nhìn hướng sao trên trời mà đi. Lắm khi đi lạc đường trở về xóm cũ, họ chờ ngày khác. Mùa mưa thì trên rừng có nước, việc đi lại tương đối dễ. Qua mùa hạn, muốn buôn bán lặt huế như vậy phải vác củi đi qua nhiều khu rừng nổi tiếng có rắn và cạp.

Sống như vậy lâu ngày, anh Tư Hưng lần lần mền người mền cảnh.

Ngày nào bán được củi là nhóm người nọ chở về một xuồng đầy gạo, đường, trà, vải.

Lúc nào bán được một bộ cột nhà thì đó là phần thưởng chung. Họ mở tiệc ăn uống suốt ngày, thâu đêm, mời người ở xóm khác tới dự. Anh Tư Hưng thích dự những cuộc ăn uống đó.

Đây là Hai Đẹt, người đã từng nhậu ba lít rượu để với ba yếm khô cá sặc rằn.

Đó là Bảy Vĩnh, người hồi tháng trước đã ăn một lượt ba kí-lô mỡ heo luộc chín, chấm với muối ớt. Sau khi ăn xong, anh còn đòi uống thêm bốn gáo nước lạnh.

Lại còn Tư Cần, đối thủ lợi hại của Bảy Vĩnh, Chính Tư Cần đã ăn bốn chục viên bánh xôi nước và một con vịt luộc, Bảy Vĩnh đáp lại, sẵn sàng ăn tám kí lô sầu riêng. thứ trái này khó kiếm ở rừng Cà Mau, phải gởi tàu đò ra chợ Rạch Giá mua về.

Ngày hôm sau đúng lời hứa, Bảy Vĩnh ăn tất cả. Có điều lạ là sau đó anh trọn trắng, mưa ra toàn sầu riêng, khiến cho cử tọa phải một phen khó xử vì cái mùi "thơm béo" không đến nỗi khó chịu.

Nói chung, anh Tư Hưng không chịu tham dự các cuộc tiêu khiển ấy, không phải anh không có tài ăn nhiều như thiên hạ, ngại vì anh muốn giữ thể diện để mưu cầu chuyện khác.

Trong số người tụ họp, anh chú ý đến cô Một, cô gái thùy mị của ông lão Bích.

Lão Bích là người đứng tuổi nhất trong xóm. Lão thường đến chung vui với tư cách người thạo chữ nho. Phen đó thấy lão đến, có người dùng chữ nho để cười cợt với lão:

-Tử viết thiện giả, có con không gả; tích thiện phùng thiện, để lâu sanh chuyện; tích ác phùng ác, để lâu tác hoác.

Lão nâng tô rượu mà cười.

- Tôi chỉ có mụn con gái nên phải kén rể đồng sàng cho kỹ lưỡng. Cậu nào biết văn chương mới mong.

- Văn chương là thể nào? - người nọ hỏi.

- Là biết hát đối. Đây tôi ra một câu, ai đối được tôi gả con gái cho:Thấy anh hay chữ em hỏi thử đôi lời, thuở tạo thiên lập địa, ông trời do ai sanh?

Anh Tư Hưng xiết đổi vui mừng sực nhớ hồi nhỏ anh đã từng nghe câu trả lời như sau, nên anh lập tức lên tiếng: Nghe em hỏi tức, anh trả lời phức cho rồi, thuở tạo thiên lập địa, hai đứa mình chưa sanh!

Ai nấy vỗ tay hoan nghinh. Cô Một e thẹn, cầm đầu chạy về nhà.

Từ đó về sau, anh Tư Hưng thường gặp cô Một để trò chuyện. Lão Bích khuyên anh nán một đôi năm, chờ khi là ăn khá. Anh vui mừng nhận lời. Từ sáng đến chiều đôi trai trẻ cố sức đốn củi để đi bán. Nhưng phen đó, rủi bị lính kiểm lâm bắt được, tịch thu chiếc xuống. Vô cùng buồn bực, lão Bích chạy mượn cho Tư Hưng số vốn nhỏ để anh ta xoay qua nghề buôn nôi. Nồi trách, cà ràng ở Hòn Đất giá rẻ, chở về Cần Thơ bán lại lời gấp ba gấp tư. Nhưng họa vô đơn chí, vì chở quá cao nên khi ghé đến Cần Thơ thì bị sóng đánh chìm...

Nghĩ rằng đã đến lúc mặt vận, anh Tư bèn lên chợ tìm nhà anh em bạn quen nhờ bảo lãnh để mượn chiếc xe kéo. Không còn cách nào nhấn tin về gia đình lão Bích, anh hằng yên tâm suy nghĩ rằng:

- Năm xưa mình hứa một hai năm sau mới cưới cô Một. Chờ năm mươi tháng nữa, mình dành dụm số tiền mượn trở về rừng cũng không thất hẹn.

Như chim gãy cánh, vào một chiều tháng ba năm sau, anh Tư cùng một người bạn ở Cần Thơ trở về kinh Mười Lăm để thăm viếng lão Bích và cô Một.

Rừng tràm không có mùa hạ hay mùa thu rõ rệt. Mãn năm, luôn luôn lá xanh tươi và lấm tấm vài chiếc lá vàng sắp rụng. Anh Tư và người bạn hối hả bơi xuống vào ngọn kinh. Lòng anh khắp khởi mừng thầm. Nhưng dòng nước hôm nay có khác, nó chảy lờ đờ, trong veo không một miếng xác mía, một manh lá chuối trôi ra. Điều ấy chứng tỏ không còn người nào ở trong ngọn kinh.

Đến xóm cũ thì hơi ôi, ai nấy đều dòi mắt chỉ còn sót lại vài căn nhà hoang xiêu vẹo, cát xa nền nhà lão Bích chừng non công đất. Hỏi ai bây giờ? Cây cỏ toàn là lạ, căn nhà xưa đã đóng cửa. Anh in trí rằng gia đình lão Bích đã dời đi nơi khác. Không còn đủ thời giờ để cho anh buồn tủi nữa vì mặt trời sắp lặn sau rừng. Làm sao tìm chỗ ngủ gấp ở chốn rừng này? Người bạn của anh quá nóng lòng đòi trở ra sông Cái, nhưng trở ra sao kịp? Thôi thì đành đi sâu vào rừng tìm nơi nào có đất trống, có củi mục để đốt ngửa rần rít, cạp beo.

Anh Tư khuyên bạn nên vào gần rừng với anh để giấc ngủ bảo đảm hơn. Cách đó không xa, đúng như anh ao ước, có một đồng củi lớn chắc là của ai đốn lậu thuế chưa kịp lưu đi.

Hai người trải nóp ra, nằm hút thuốc. Chập sau vì quá mệt mỏi không ai bả ai họ chui vào nóp ngủ say.

Một tiếng hú lớn khiến cây cối vang dội. Anh Tư giật mình, hé nóp. Bên ngoài trắng sáng vàng vạc, không biết rõ vào canh mấy, anh Tư lắng tai định thần, để tìm hiểu tiếng hú quái dị đó. Anh ngỡ là tiếng chim ụt. Mà kìa! Có bóng trắng thấp thoáng từ xa len lỏi vào rừng tràm và tiếng cườì rú lên:

- Hả! Hả! Hả!

Lập tức, anh Tư Hưng gọi bạn:

- Mày! Mày thức hay ngủ?

Bạn đáp liền, giọng run run:

- Tao thức nãy giờ.

- Mày nghe gì không?

- Nó hú, nó cười phải không? Chắc mình gặp con xà niên rồi.

Anh Tư Hưng quả quyết rằng này âm thấp, không bao giờ có xà niên như ở vùng núi cao. Anh nhướng mắt lên. Bóng trắng ban nãy đang lù lù tới quá rõ rệt.

Chắc chắn đó là một người con gái bỏ tóc xõa, mình mẩy trắng ngần, tay cầm một món gì ngắn, lòng thông tựa như cây phát trần...

Anh buột miệng:

- Ma... ma thiệt rồi. Mày tinh trí không? Mày nằm sát xuống coi chân nó có đụng đất không? Ma thì đi hồng chân khỏi mặt đất.

Bạn anh trả lời:

- Tao coi kỹ nãy giờ rồi. Nó đi hồng mặt đất.

Bóng trắng nọ dường như chỉ còn gần đề anh chừng một công đất, hai tay quơ lên rồi lại cười lớn. Làm sao bây giờ? Tâm trí đang bối rối lại càng bối rối hơn. Anh vụt đứng dậy khi nghe từ trong rừng có tiếng hú thứ hai đáp lại:

- Hú... Hú...

Anh Tư Hưng ra lệnh cho bạn cùng tẩu thoát sau khi cuốn nóp thật gấp, e bóng ma nọ nhìn được dấu người mà truy nã theo. Họ núp trong bụi rậm, thủ trong tay khúc trầm ngắn để tự vệ.

Bóng trắng nọ là một cô phụ nữ.

Cô ta ngồi xuống đồng trầm mà hai người vừa trải nóp ngủ khi nãy. Cô ta vẻ giận dữ; đôi tay cấu xé vào đồng trầm nghe rột rột. Chập sau ông lão hiện tới, mặc áo ngắn, quần đùi đen.

Anh Tư Hưng đứng dậy nắm tay bạn:

- Phải chạy mới được, mau!

Bạn cãi lại:

- Để tôi ăn thua với nó...

Bỗng dưng, ông lão đứng ngoài đồng trầm la lớn:

- Ai đó? Bà con nào đó? Phải mày đó không Tư Hưng? Tao là Hai Bích đây...

Nhờ vậy mà anh Tư nhận được bóng ma nợ: cô Một, người hứa hôn với anh ngày nào.

Lão Bích cho biết thêm giọng méo máo:

- Bây giờ nó điên rồi. Mày đi vài tháng nó mang thai. Nó chờ mày về, chờ hoài. Rồi nó để trong rừng, không ai làm mụ bà. Tao làm mụ cho nó... Mày tưởng tượng cái cảnh nào nề. Con mày chết non. Kiểm lâm vô đây với hương quản để bắt củi xét thuế thân. Xóm mình tản lạc, tao với vợ mày phải chạy vô trong này. Mày coi vợ mày không thêm bận quần áo nữa mà có bận thì cũng không mua nổi. Nó khóc, nó cười, nó chửi tao. Ban đêm muỗi mòng quá, nó cầm cây xơ quất này đập muỗi. Nó điên vì tình, vì đời...

Anh Tư Hưng khóc không ra nước mắt. Anh cũng không còn mặt mũi nào để nhìn mặt cô Một ngày xưa.

Chắc chắn là anh không cưới cô Một. Năm sau có người gặp anh chạy xích lô ở Sài Gòn. Hỏi anh về vấn đề vợ con, anh đáp:

- Khổ quá. Tôi bây giờ là thằng khùng. Vợ con gì.

Nhứt phá sơn lâm

Trời vừa hừng sáng là khu rừng bắt đầu huyền ảo. Từ sáu tháng nay, trước sự xâm chiếm của lớp người "tay riu" bao nhiêu chim cò, rắn, rít, khỉ, chồn, heo rừng phải nhượng bộ rút lui.

Bọn tay riu vào rừng kinh ngang kin dọc dưới sự điều khiển của cặp rặng . Tất cả cặp rặng đều do một ông "chủ đường" chỉ huy. Đường có nghĩa là con kinh lớn tập trung bao nhiêu củi đã cưa sẵn thành từng khúc hai tấc rưỡi hoặc một thước. Muốn có một đường củi như vậy phải là tay rất có thể lực đối với nhà cầm quyền thực dân thời bấy giờ.

Họ đấu giá một lô rừng cúp, loại rừng mà nhà nước cho phép khai thác cứ hai mươi hoặc hai mươi lăm năm một lần.

Sau khi đấu giá được, việc cấp bách nhứt là mộ nhân công (tay riu) vì chung quanh khu rừng nói trên rất ít dân cư. Phải có nhân công thật nhiều mới khai thác xong đúng thời gian cam kết với nhà nước. Vì vậy, người chủ đường phải mộ nhiều nhân công từ Cần Thơ, Hà Tiên, Long Xuyên... đem xuống tận cái lô rừng cúp rạch Thứ Sáu, làng Đông Thái, tỉnh Rạch Giá này.

oOo

Anh Tư Bình Thủy tốc nóp, ngồi dậy. Anh ngáp dài, nhìn rừng, nhìn nước rồi từ từ nả lưng xuống với ý định dỗ lại giấc ngủ, bụng nghĩ thầm:

- Làm thêm đôi ba thước củi cũng chưa đủ trả nợ. Không khéo, lại lao lực sanh bệnh tim, bệnh phổi mà mang khốn...

Cum! Cum! Cum!

Tiếng búa bổ vào gốc tràm bắt đầu vang lên từ đầu đến cuối rừng nghe còn nhạt hơn tiếng mõ thầy chùa tụng kinh.

Đùng! Đùng! Đùng!

Tùng thân cây ngã xuống liên hồi mặt nước rung chuyển, sóng gợn lên chạy dài, vỗ vào vách chòi của anh nghe lát chát.

Các "tay riu" bắt đầu nói chuyện cho qua cơn mệt nhọc. Anh Tư Bình Thủy nghiêng tai vào đầu nóp, lắng nghe tỏ rõ từng tiếng một:

- Rừng này gốc của ông Gia Long. Hồi xưa Gia Long cũng như mình...

Đó là giọng của Hai Cờ Đỏ. Gọi là Cờ Đỏ không phải vì cầm cờ Cộng sản đi biểu tình, nhưng vì quê quán anh này ở Cờ Đỏ - một địa phương thuộc đồn điền của Tây "Emory." Anh có giấy chứng nhận riêng biệt của hãng Tây. Theo lời anh khoe khoang thì giấy đó mạnh hơn giấy thuế thân, bảo đảm không sợ bất cứ một thầy hương quản nào. Giọng Hai Cờ Đỏ nói sang sảng:

- Đố các cha vậy chớ rừng này hồi đời xưa có vua Gia Long đi ngang qua không?

Có tiếng cãi lại:

- Túng tiền thì lại đây, tôi cho mượn đờ vài cắc, chớ đừng nói dóc. Nói phải có sách, mách phải có chứng...

- Dân ở Cờ Đỏ không bao giờ nói dóc. Để tôi nói lại. Số là xưa kia... Gia Long bị Tây Sơn rượt, ngài phải dùng ghe biển mà chạy từ Cà Mau ra Phú Quốc. Chiếc ghe của ngài gọi là long thuyền... Ngài đứng trước mũi ghe, ngóng vào bờ mền tiếc lắm, vì ngài muốn làm vua ở đất liền chớ nào có mộng làm chúa ở cù lao...

Ai nấy nhón nháo lên:

- Nghe lòng vòng quá. Nói cho lẹ thử coi... Muỗi cắn gần chết đây nè? Bà con nào cho tôi mượn bếp un, quạt khói lên dùm...

- Tôi nói ông Gia Long ngóng vô bờ, dòm dáo dác cái cụm rừng của tụi mình đương đứng bây giờ. Rồi ông day qua nói với đình thần tả hữu: "Sơn bất cao, thủy bất thâm, phù sa chi địa nhơn tác bất thành tu hú giả. Nhứt phá sơn lâm, nhì đâm Hà Bá, cao phi viễn tẩu giả nan tàng..."

- Cắt nghĩa cho mau. Ở đây ai mà biết chữ nho.

Hai Cờ Đỏ cười dòn:

- Câu đó ngụ ý về địa lý. Gia Long nói xứ Nam Kỳ này không có núi cao, không có sông sâu. Còn đất phù sa thì dờ quá, vô dụng. Đến đổi móc đất lên nắn con tú hú để thổi cũng không kêu. Đó là "bất thành tu hú giả." Duy có hai nghề phá sơn lâm đâm Hà Bá là dễ làm ăn. Nhưng lưới trời lồng lộng không ai chạy khỏi: phá rừng, chà cá khiến con người phải nghèo mặt...

Cả bọn cười vang lên:

- Hay! Hay! Bây giờ tới phiên ông Tư Châu Xương nói cho anh em nghe một chuyện khác.

Nghe đến tên ông Châu Xương, anh Tư Bình Thủy chợt sáng mắt lên. Ông này nước da đen

ngậm, mặt mày hung tợn nhưng lòng dạ thiết tha. Trong số tay rìu quen biết chỉ có ông là tử tế với anh nhất. Bằng có là hôm trước lúc anh đau rét suốt ba, bốn ngày, ông cho đưa con gái lại nấu cháo và cho tiền để mua mấy chai thuốc phát lãnh hoàn. Cô gái ấy tên là Mịn, tuy đen đúa nhưng có duyên. Lúc ban đầu Mịn kêu bằng chú. Anh phải đính chánh lại rằng tuổi anh còn nhỏ, mới có hăm ba vì quá lăn lóc với sanh kế nên mau già đó thôi.

Sau rớt, Mịn chịu gọi anh bằng anh, Mịn săn sóc châu đáo lắm, nhiều đêm ngồi quạt khói un muối cho anh đến quá mười giờ đêm mà không về. Những đêm về khuya đó, anh không bao giờ nghe tiếng ông Tư Châu Xương rầy con gái. Trái lại, có đêm nhiều khi cô Mịn bơi xuồng đến thăm anh một lần thứ hai.

- Ba của em sợ anh đắng miệng, biểu em đem qua anh điều thuốc rê này. Ba nói hễ khi nào anh hút thấy ngon là trong mình bớt đau.

Đêm thanh vắng, giữa tứ bề rừng bụi, anh Tư lúc ấy thấy vui sướng không cùng. Anh cố tình nói một câu để dọ thử tấm lòng cô Mịn:

- Làm ơn thì làm ơn cho trót. Không lẽ tôi phải bước xuống sàn lại đặng bếp un để châm thuốc hút. Nhờ em đốt dùm.

Mịn e thẹn:

- Hồi giờ, em đâu biết đốt thuốc. Hay là em gấp cục than cho anh.

- Tội nghiệp. Bộ cô muốn đốt tôi luôn sao? Có gì là đắng. Cô cứ ngậm vô miệng, hút một hơi cha cháy trước.

Và Mịn đã ngoan ngoãn nghe lời của anh. Điều thuốc rê hôm đó ngon làm sao!

Cô Mịn đã xuống về từ lâu mà anh còn ngồi đó, tiếc cái tàn thuốc đã cháy tới da tay, tâm trí mơ màng nhớ đến đôi mắt của Mịn, đôi mắt đen như nước rừng, có đôi vì sao chiếu xuống ngồi lên lấp lánh...

Ông Tư Châu Xương bắt đầu kể chuyện. Anh Tư Bình Thủy lập tức ngồi dậy. Nghe có tiếng cưa củi, anh đoán chắc hôm nay thế nào cũng có cô Mịn đến giúp cha.

Ông nói:

- Hai Cờ Đỏ nói dứt cái sấm truyền của vua Gia Long. Bây giờ tôi xin nói tiếp về lúc Tây qua đánh thành Long Hồ tức Vĩnh Long bây giờ. Tôi cắt nghĩa tại sao lính Tây có mang mỏ neo ở bầu nói, tại sao trên đồng bạc trắng của Tây có chạm hình người đàn bà...

"Năm đó, Tây kéo tàu binh tới bến Long Hồ. Tụi nó bắn súng lên. Bên này, binh của An Nam mình lập tức nã đại bác thần công xuống. Hai bên kịch chiến khá lâu. Lính Tây chết nhiều quá. Quan đề đốc của Tây ra lệnh kéo neo rút lui về Mỹ Tho.

Thừa cơ, bên mình bắn súng như mưa bấc. Lính thủy Tây ráng sức kéo neo nhưng không xuể. Vì vậy, tàu chạy thối lui không được. Dè đâu, lúc đó trên tàu Tây một con đàn xuất hiện ra, tay cầm cờ phát tới. Đó là vợ của quan đề đốc đứng ra thay chồng để xua binh đồ bộ lần thứ hai. Nhờ vậy, Tây thắng, chiếm thành Long Hồ. Sau đó, tụi nó nhớ ơn cái mỏ neo với con đàn nên mới ra lệnh ghi lại kỷ niệm... Bởi vậy, đàn ông nhiều khi cần có đàn bà giúp mới làm được việc

lớn. Và ở đời, nhiều khi cái chuyện rủi ro như cái mỏ neo nọ lại biến thành dịp may..."

Ông Tư Châu Xương dứt lời, ai nấy cười vang. Có người chêm vô một câu:

- Bây giờ tới phía Tư Bình Thủy. Tư Bình Thủy đâu rồi? Nó mê ông lắm đó ông Tư.

Anh Tư ngồi trong này nín khe, lắng nghe ngoài rừng thiên hạ gọi anh ngày một gấp!

- Đâu rồi? Hay là thua bài cào hồi tối rồi ngã luôn. Hồi tối, tôi thua hai chục đồng, nó thua có năm đồng, nhằm nhè gì. Ông Tư Châu Xương đâu? Kêu... thằng rẻ của ông thức dậy coi...

Anh Tư Bình Thủy lắng nghe chờ sự phản ứng của ông Tư Châu Xương. Nhưng êm tịnh, chập sau, thấy Hai Cờ Đỏ chống xuống tới chòi. Anh giả vờ như ngủ mới thức dậy mà nói:

- Bữa nay bệnh quá, tôi muốn ngủ luôn. Kêu ra có chuyện gì không?

- Ra rừng rồi hãy biết. Ông già vợ của mày chờ ở ngoài.

- Đừng nói bậy, ông bắt lỗi thì sao?

- Cam đoan không bắt lỗi. Thằng Tư mày biết không? Hồi nãy ông nói: đàn ông cần có đàn bà mới lập sự nghiệp được. Chắc là ông muốn mở hơi gả con gái cho thằng Tư mày.

Anh Tư Bình Thủy lội xuống rừng. Nước rừng quá lạnh, ngập khỏi lưng quần, khiến anh tỉnh táo lại. Anh cầm búa lội qua gốc tràm gần đó. Nể lời yêu cầu của người chung quanh, anh không thể chối từ:

- Tôi chỉ biết bài thơ ông Tiều. Bà con có đọc Lục Vân Tiên đều biết. Tôi không muốn nói ra vì nó chua chát quá. Tay rìu đời nay là ông Tiều đời xưa đầu thai lại chớ gì...

Tiều rằng: Vốn lão tinh thông,

Một mình thơ thần non lòng hôm mai.

Tám lòng chẳng muốn của ai,

Lánh nơi danh lợi chông gia mặc lòng.

Kìa non nọ nước thông dong,

Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.

Công hầu phú quý mặc ai,

Lộc rừng gánh vác hai vai tháng ngày.

Giọng của Tư Bình Thủy khá trong trẻo nên hấp dẫn được người nghe. Mặc dầu đó là tâm sự của người xưa nhưng những người lưu lạc ngày nay cũng nhờ đó mà sống lại đôi phút giây mát mẽ, thơ mộng. Họ im lặng nhìn nhau, chờ đợi lời bình luận sôi nổi. Cô Mìn liếc qua Tư Bình Thủy như khâm phục, hãnh diện.

Nhưng từ trong rừng, kia tên cặp rằng Be chống xuống ló ra. Hấn mặc áo bành tô vàng, miệng ngậm ống vố, hắt hàm lên:

- Ê Từ Bình Thủy nói dóc cái gì đó? Thằng này bữa nay bày đặt o mèò nữa hả? Thi phú của mày ăn nhập vào đâu?

Từ Bình Thủy trợn mắt nhìn cặp rằng Be. Hấn nhếch mép:

- Nói chơi không được nữa hả? Tao cho mày hay: Cô Mịn muốn có hạnh phúc thì hãy tìm một người giống như tao. Cô sẽ có áo bông quần lãnh.

Rồi hấn day lại cô Mịn mà cười:

- Phải vậy không cô Mịn? Cửa cử làm chi mà áo rách vai, rách ngực. Người ta thấy da, thấy thịt của cô kia... Cô dòm lại coi... trắng xát.

Nhanh như chớp, Từ Bình Thủy xách búa lợi nước đùng đùng lại gần xuống cặp rằng Be mà chửi:

- Ý làm cặp rằng hả? Đồ tục tũ! Tao chém mày!

Cái chuyện cầm búa hăm he chém người như thế ra rất thường giữa cuộc làm ăn hỗn độn này. Ông Châu Xương, ông Hai Cờ Đỏ thấy chưa cần can thiệp, vì ông biết cái tật xỏ lá của cặp rằng Be. Đúng vậy, hấn vội vã chống xuống ra xa rồi dừng lại, nói vài câu để cứu vớt thể diện:

- Bà con ơi! Thằng con nít thất học này làm gì mà biết thi phú, kinh sử. Nó nói dóc.

Từ Bình Thủy nói lớn:

- Thằng nào nói dóc? Chú mày mới là thằng nói dóc. Hỏi qua Bình Thủy rủ tao xuống đây, mày nói ở dưới này sượng lắm. Sao mày không nói ở dưới này muối mòng đĩa vắt nước ngập ngang lưng quần, nhà cửa không có. Mày lại còn bày đặt chửi bài cao lầy xâu. Mãn mùa, mồ hôi nước nạt của dân tứ xứ bị mày cướp ráo.

Cặp rằng Be đành đuối lý, chống xuống đi. Hấn nói với lại:

- Tao cho Tây hay. Nó vô bản nát óc mày. Xứ này, xứ của tây mày biết chưa?

"Xứ này, xứ của Tây." Mấy tiếng đó khiến cho ai nấy cười rộ lên, cười chua chát thiếu điều ra nước mắt. Gió rừng ngừng lại. Nước rừng bưng tỉnh soi rõ từng lá cây, dáng người. Chập sau, ông Từ Châu Xương nói ôn tồn:

- Mình dốt nát không biết tích Gia Long tẩu quốc, tích Tây đánh thành Long Hồ, nhưng chắc chắn mình không bao giờ nói một câu quá trật lất như thằng cặp rằng đó. Hơi đâu mà phiền, Từ Bình Thủy ơi! Trăm sự chỉ vì sinh kế. Ông Tiều này xưa nào có lúc rảnh rang tâm trí. Hồi này đọc thơ Lục Vân Tiên, cháu quên mấy câu trước: Minh rằng: đây đó hỏi han, xin vào chùa sẽ luận bàn cùng nhau. Nhưng ông Tiều không được rảnh:Tiều rằng: chẳng dám nói lâu, bởi vì còn phải vào rừng đốn củi bán hầu chợ phiên.

Trăm sự cũng bởi đồng tiền. Bây giờ, mưu kế hay nhất là tối nay cháu lại nhà bác. Bác chỉ cho ni tắc từng cây cột, cây kèo. Mình nén thừa dịp này mà ăn cắp... của Tây một bộ cột. Cứ đốn

sẵn, nhận lấp dưới sinh. Hôm nào thuận lợi, mình sẽ lưu đi. Mai kia mốt lại, cuộc phá sơn lâm này mãi, chắc chắn thế nào mình cũng lời được một cái sườn nhà. Cháu chịu vậy không?

Anh Tư Bình Thủy liếc sang cô Mịn rồi cúi đầu trả lời nhỏ:

- Dạ, bác thương con cháu. Con cháu đội ơn bác không hết chớ có dám cãi lại bao giờ.

Con rắn ri voi

Một buổi trưa, vào năm 1937, chú biện Tống đang đánh tứ sắc cầu vui với vài người bạn, chợt nghe tiếng canô chạy âm âm, ngày càng gần. Chú biện giật mình, buông tay bài, neho mắt:

- À! Ông cò Lơ Hia lòng bắt chuyện gì đó...

Một người đưa ý kiến:

- Chẳng lẽ ông cò bắt bọn mình. Chú biện quen thân với ông mà?

Biện Tống lắc đầu:

- Ông Lơ Hia lợi hại lắm. Tôi làm biện làng, tức là làm thư ký cho thầy xã trưởng vậy thôi. Bất cứ giờ phút nào tôi cũng có thể mất chức, bà con dư biết: lương bổng của tôi có bảy đồng năm cắc. Mấy người giăng câu, bắt cua hàng tháng huê lợi nhiều hơn tôi.

- Nhưng mà thầy được ngồi trong mát, khỏi dầm sương dãi nắng. hể cúng đình thì thầy ngồi gần mâm của mấy ông hương chức hội tề.

Tiếng máy canô im bật. Cả bọn ngỡ ngác. Ông cò Lơ Hia mặc quần áo kaki và đội kết trông oai vệ làm sao: dấu hiệu trái lựu đạn đặc biệt dành cho ngành cảnh sát thời Pháp thuộc... chói ngời màu bạc. Theo sau ông cò là một người mặc quần áo xá xầu bằng lụa trắng.

Chú biện Tống thủ lễ, chấp tay xá theo phong tục An Nam, nhưng ông cò Lơ Hia đã vui cười, đưa tay bông rua:

- Rảnh chưa? Chú biện. Dường như chú đánh bài tứ sắc với mấy người kia hả?

- Dạ, đâu có...,

- Đừng chối. Dòm bộ tịch của mấy người tôi đủ biết. Từ xưa tới giờ, tôi bắt hơn... ngàn vụ cò bạc rồi. Lần này là vụ thứ một ngàn lẻ một.

Biện Tống nài nỉ:

- Xin quan lớn thương dùm.

- Nếu không thương thì nãy giờ chú biện phải bị còng rồi. Còng rồi đem xuống canô, đem về nhốt tại khám đường ở chợ Ngã Năm. Bây giờ, chú biện theo tôi, khỏi còng. Chú là người ốm yếu, còng tay làm chi thêm vô ích.

Nói xong, ông cò Lơ Hia khoát tay, ra lệnh giải tán đám người hiếu kỳ đang dục năm, dục bảy từ phía xa xa. Thật là hồn phi phách tán. Chú biện Tống riu riu bước theo ông cò. Người Huê kiều nói tiếng Việt khá rành:

- Đừng sợ. Đừng sợ. Thầy Hai đừng sợ. Thầy Hai làm việc ở xóm này lâu mau rồi?

Biện Tống liếc qua ông cò Lơ Hia như để xin phép trả lời. Là người am hiểu chút ít việc quan việc làng, biện Tống đã thuộc lòng nguyên tắc: khi bị bắt thì tội hơn chẳng được quyền nói chuyện với kẻ khác, nhất là khi quan trên chưa lấy khẩu cung.

Đến bờ kinh sáng, ông cò Lơ Hia nói nhanh:

- Chú biện gặp dịp may rồi đó. Tôi làm bộ như vậy để dân làng đừng nghi kỵ. Thôi, chú cứ xuống canô uống rượu chát, bàn chuyện riêng với người này, ông Xin Phúc, làm má chín giàu có lắm, ở Sanh Ca Bo mới qua.

Xuống canô, biện Tống mừng rỡ vì thoát nạn. Nhưng mấy tiếng má chín, Sanh Ca Bo mơ hồ quá. Bấy lâu nay, biện Tống ăn học rồi giao thiệp lẫn lẩn với những người làm ăn bậc trung ở chợ Gò Quao mà thôi. Người tên là Xin Phúc tỏ bật thiệp, vui vẻ. Ông ta mở cặp da - thứ cặp da hơi lạ - đem ra tấm danh thiếp:

- Thầy Hai uống rượu đi. Làm quen với thầy Hai, tôi mừng lắm.

Trong khi hai người đàm đạo với nhau, ông cò Lơ Hia ra sau lái canô ngắm cảnh rồi đem máy ảnh ra mà bấm. Xin Phúc mới giải thích rõ ràng hai tiếng má chín. Biện Tống tỏ vẻ... lạnh lợi, nói mơ hồ:

- Vậy mà tôi tưởng má chín là kẻ làm công hạng sang trọng, bạn thân của chủ tiệm hoặc có phần hùn trong công ty nào đó.

- Má chín, đúng ra là người mại bản, tiếng Tây kêu bằng côm ra đo. Tôi làm côm ra do cho hãng buôn lớn nhất ở Sanh Ca Bo, thuộc về miền Hạ Châu. Hãng này giàu bạc triệu chớ đâu phải ít. Phen này, nếu chịu hợp tác làm ăn với tôi thì thầy Hai lời bạc ngàn...

"Làm ăn" chuyện gì đây? Biện Tống chợt nghĩ đến những giai thoại về buôn lậu quốc tế, bọn ăn cướp biển ở vịnh Xiêm La. Xóm này, ai nấy kiếm đủ côm gạo qua ngày, tư bề là vườn rậm, nước mặn đồng chua. "Hay là Xin Phúc muốn tổ chức gián điệp quốc tế? Ông cò Lơ Hia đưa hấn đến để gài bẫy mình chăng?" Biện Tống thở dài:

- Cám ơn má chín. Tôi dở lắm. Xóm này đâu có huê lợi gì. Dân chúng lo đặt lương, bắt rùa, bắt rắn...

Xin Phúc gật đầu:

- Ông cò chỉ dạy tôi điều đó. Tôi tới đây, sau khi hiểu rõ tình hình. Nhưng còn chuyện này... nhỏ xíu thôi, tôi muốn nhờ thầy Hai giúp sức. Tôi ở lại đây với thầy Hai, bàn tính sau.

Ông cò Lơ Hia nhìn đồng hồ, nói nhanh:

- Đủ rồi. Má chín với biện Tống quen biết rồi hả? Nay chú biện Tống.

- Dạ quan lớn dạy điều chi?

- Dịp may hiếm có. Nếu má chín bị cướp bóc, bắt cóc thì chú hoàn toàn chịu trách nhiệm nghe chưa? Má chín ở lại đây chừng một hoặc hai - ba tháng.

◦ ◦
◦

Xin Phóc nhờ biện Tống tìm cho kỳ được một con rắn "quí báu" có vảy nhỏ và mịn giống như miếng da rắn đã thuộc xong làm kiếu. Xin Phóc đem trọn con rắn ấy về Sài Gòn rồi trở xuống, mang theo khá nhiều tiền.

- Thầy Hai ơi! Con rắn đó... trúng lắm, tốt lắm. Chẳng hay ở xứ này bà con bắt nó dễ dàng không?

Biện Tống cười dòn:

- Loại rắn ri voi, hàng hà sa số. Nó lội dưới sông rạch trong rừng vào tháng ngập nước như vậy.

- Bên Sanh Ca Bo, ông chủ tôi muốn đặt mua chừng bốn ngàn miếng da rắn thứ đó, chở gáp về bến, trong vòng hai mươi bữa. Bảo lãnh nổi không? Cứ một miếng da rắn, tôi để cho thầy một đồng xu tiền huê hồng. Lần đầu tiên trong đời, biện Tống mới gáp một trường hợp may mắn như vậy. Từ trăm năm rồi... nghe ông già bà cả nói lại thì rắn ri voi là loại vô dụng. Nó sống dưới nước, mỗi con to bằng bắp tay, cắn không chết ai cả. Mấy tay bợm nhậu chê rắn ri voi, thịt nó ăn không ngon bằng rắn hổ đất. Thịnh thoảng, nếu bắt được rắn ri voi, mấy tay nhậu ăn tạm hoặc thả nó xuống nước, phóng sanh. Xin Phóc quả quyết da rắn rất có giá tại Sanh Ca Bo. Người ta mua nó đem về, thuộc lại làm bóp đằm bán giá cao. Rắn ri voi có vảy mịn, vảy ấy bảm sát vào da, nổi hột sáng ngời: Người Âu châu xem da rắn ri voi là bảo vật, quí gáp mấy lần da bò, da ngựa.

- Được không? Một miếng da rắn, tôi chịu hai xua huê hồng!

Biện Tống nói, thật thà:

- Một xu, hai xu huê hồng tuy là số tiền khá to nhưng làm sao tôi nói cho bà con lối xóm nghe. Họ bị gạt nhiều lần rồi. Năm xưa, có người đến mua con cắc kè, bảo rằng đem về lột da bán ra ngoại quốc cho Tây với đằm làm bóp, làm dây nịt. Hấn cho hàng mấy chục tay em vào thôn quê, mua cắc kè với giá hơi cao...

Người khá giả trong vùng nghĩ ra cách: xuất tiền mua cắc kè của bọn tay em này bán lại cho tay đầu nậu ở chợ Gò Quao. Bọn tay em này làm giàu. Nhưng số cắc kè dự trữ ấy chỉ bán được lần đầu mà thôi vì tay tổ lưu manh làm đầu nậu ấy chỉ mua một lần đầu lấy lệ. Mấy người khá giả làm trung gian đành ôm bụng kêu trời với số cắc kè quá nhiều dự trữ trong nhà, mua bằng giá khá cao, tưởng rằng bán lại thì lời to nhưng chẳng ai mua lần thứ nhì. Tay tổ lưu manh và số tay em nợ đã cao bay xa chạy... một cách hợp pháp.

Má chín Xin Phóc cười dòn:

- Cắc kè là chuyện khác. Rắn ri voi là chuyện khác. Thầy Hai hãy cầm số tiền này, mua về cho tôi.

- Tiền nhiều quá, nếu tôi giữ trong mình, tui bắt lương dám cướp bóc bắt tử...

- Thầy Hai quen với họ, chẳng lẽ họ giết thầy Hai...

Biện Tống nhận số tiền hơn ngàn đồng - số tiền to tát, thời bấy giờ. Xin Phóc xem kỹ lần nữa. Đứng lẩm. Rắn ri voi của miền U Minh đã được các nhà thuộc da ở bên Ấn Lê gọi là "Acrochordus javanicus" với lời chú thích: serpent - éléphant d'eau douce (rắn voi ở vùng nước ngọt). Ông ta chỉ dạy cho biện Tống về giá cả, cách lột da... Đâu đó xong xuôi, ông ta nằm nhà, chờ ngày gom góp da rắn, đem về Sanh Ca Bo. Nếu biện Tống giựt tiền thì ông ta sẽ nhờ sự can thiệp của tên cò Lơ Hia.

Hôm sau, biện Tống trở thành nhân vật quan trọng nhất trong xóm. Bà con bao vây chú ta, để mượn tiền trước. Biện Tống báo tin long trọng: - Xứ người ta có mỏ vàng. Xứ mình có rắn ri voi, quý như vàng. Da rắn này đem về thuộc lại, bán cho ông hoàng bà chúa ở bên tây. Hồi mấy năm trước, đã xảy ra vụ mua các kè. Lần này khác hẳn. Các kè nhỏ quá, lột da nhỏ xíu. Da rắn to hơn da các kè gấp bội, đẹp hơn da trần. Bấy lâu nay, người Huế kiêu mua da trần, bà con dư biết điều đó.

Lời giảng giải ấy được đa số tán thành. Họ xin lãnh tiền trước. Biện Tống cho mượn, mỗi người năm đồng để làm sở phí, chừng nào nạo da rắn thì trả thêm. Tuy nhiên, điều kiện nêu ra khá gay go:

- Da rắn bán mắc hay rẻ, tùy theo bẻ ngang. Nếu bẻ ngang không đủ một tát thì bị loại.

- Da phải lột sạch sẽ, cạo hết mỡ rắn.

- Nếu da bị lủng lỗ thì mất giá. Miếng da nào lủng năm lỗ thì kể bỏ.

Làm sao tìm ra da rắn cho thật nhiều, thật tốt để bán? Thiệt là thế gian hi hữu. Rắn ri voi vì nó to lớn (như con voi!), da nó mang nhiều vảy rắn ri, đẹp hơn da trần được nâng lên hàng đầu, quý hơn rắn hổ, rắn mái gầm hoặc cá tôm. Nó quý hơn con gà con vịt, gà vịt phải nuôi, ấp trứng... tốn thì giờ. Đàng này rắn ri voi thuộc vào loại chim trời cá nước, ai bắt được nấy hưởng, khỏi đóng thuế cho sở kiểm lâm. Mọi người đều mặc nhiên được quyền truy kích rắn, chẳng cần xin phép hương chức làng, chủ đất, chủ vườn!

Bình thường dân trong xóm ưa... cờ bạc, đờn ca vọng cổ mùi mẫn hoặc hát huê tình đối đáp. Giờ đây, ai nấy đều bận việc, bất luận già trẻ bé lớn, chẳng ai thèm cờ bạc vì bắt rắn của trời đất, lột da nó ra, bán bằng giá quá cao... Cũng là hình thức cờ bạc tinh vi mà mọi người trong sòng đều hưởng lợi.

Vui sướng quá! Biện Tống lấy làm hãnh diện. Chú tìm ra công ăn việc làm cho bà con lối xóm. Số da rắn mua được tuy nhiều nhưng vẫn còn ít.

Ngày đầu, hai trăm miếng da.

Ngày kế đó, ba trăm miếng da.

Ngày kế, năm trăm miếng da.

Đến ngày kế, năm trăm miếng da... thứ thật to.

Thật là kỳ lạ, đáng suy nghĩ. Làm thế nào dân làng tìm ra năm trăm con rắn mỗi ngày? Ban đầu. Xin Phóc sanh nghĩ, ngỡ là loại rắn khác. Nhưng sau khi xem kỹ, anh chàng má chín gặt đầu xác nhận:

- Đó là rắn ri voi thứ thiệt. Dịp này, ta nên mua da rắn với giá thấp hơn. Thầy Hai nghĩ sao? Rắn ri voi ở xứ này sao mà mau lớn quá. Nè, mỗi tấm bề ngang hơn ba tấc!

Biện Tổng đáp:

- Để tôi dạo khắp xóm làng rồi cho ý kiến sau.

Xin Phóc ghé tai nói nhỏ với biện Tổng:

- Hai người mình làm giàu rồi. Nếu rắn quá nhiều, tôi mua tám ngàn tấm da thay vì bốn ngàn như đã định. Đừng nói họ biết, họ làm núng. Luôn dịp, thầy Hai ghi chép cách bắt rắn của họ để sau này tôi qua bên Xiêm, qua Miến Điện dạy cho dân chúng. Dân Việt Nam giỏi quá.

Ban đêm hàng trăm chiếc xuồng tới lui khắp hang cùng ngõ hẻm. Dân làng đốt đèn như mở hội hoa đăng. Từ hồi lập quốc, khai hoang, chưa lần nào vùng rừng tràm U Minh Hạ lại tưng bừng như vậy. Biện Tổng đã hiểu: dân làng không bắt bằng tay hoặc dùng mũi chĩa mà xom. Phương pháp ấy quá chậm chạp, làm hỏng da rắn, mất giá. Xưa nay, họ quen nghề câu: câu giăng, câu cắm. Mỗi người sắm hàng trăm cần câu, móc mỗi cá sặc rồi cắm xuống bãi bùn, tùy thích. Cứ năm bảy phút, họ bơi xuồng trở lại chỗ để gỡ rắn.

Rắn vi voi đớp mồi chậm chạp, lưỡi câu mắc vào mép miệng rắn. Nếu gỡ ra quá chậm thì rắn sẽ sứt mép, tẩu thoát.

Biện Tổng đến gặp Hai Kỳ, người đó bán trên hai trăm miếng da rắn. Nhà Hai Kỳ trở thành một cái xưởng khai thác rắn sống. Trước sân, hàng chục tấm da, căng ra, đóng đinh cho thẳng thớm. Trong nhà, Hai Kỳ đang lui cui lột da rắn. Rắn bị siết cổ, buộc vào gốc cột nhà. Bàn tay khéo léo của Hai Kỳ cầm dao nhỏ, rọc một đường dài từ cổ tới hậu môn rắn. Lột da là chuyện dễ, đàn bà có thể làm được.

Biện Tổng hỏi:

- Xác rắn đâu hết rồi?

- Dạ, mấy bữa đầu thì tôi nướng, nấu cà ri, thắng mỡ để dành. Mỡ rắn làm thuốc dán trị ghẻ, trị phỏng lửa. Lâu ngày tôi đào lỗ mà chôn... Uổng quá.

- Làm cách nào bắt rắn cho nhanh?

Nghe câu hỏi ấy, Hai Kỳ nghĩ hồi lâu:

- Khó nói lắm. Tôi chỉ biết câu rắn mà thôi, câu cắm như chú biện thấy. Đằng xóm, có ông Bảy Đăng câu rắn theo kiểu này lạ lắm.

- Kiểu gì?

- Ông ngồi một chỗ, thả cần câu xuống nước, tay ôm cần như ông Khương Thượng trên thạch bàn. Kế bên có chai rượu. Vậy mà mỗi ngày ổng câu hơn ba chục con rắn, giỏi hơn tụi trai tở,

tụi này buồn bã suốt ngày, cảm hàng trăm cần, bơi xuống tới lui vất vả quá.

Bảy Đăng là một ông lão khật khùng, uống rượu, li bì, say té lăn, ngủ bò ngủ bụi. Riết rồi bà con hàng xóm chẳng ai màng săn sóc lão. Biện Tống bơi xuống đến gần chòi Bảy Đăng buông cần câu, nói vồn vã:

- Vui lắm. Nhờ ông má chín Xìn Phóc mà sau này, tôi chết trong hòm. Mai chiều tôi mua cái hòm (quan tài) thứ tốt cho bà con ngán chơi. Nếu má chín Xìn Phóc ở đây vài năm, tôi sắm cái hòm bằng vàng.

- Ông làm cách nào mà câu rắn giỏi hơn thiên hạ?

Bảy Đăng cười khi:

- Tôi câu bằng thuốc mê.

- Thuốc gì? Dùng chất... hoá học hả? Hay là ông làm bùa?

- Đây nè!

Bảy Đăng chỉ vào chai rượu:

- Nó là rượu đế, thứ ngon.

Nói xong, lão mời biện Tống uống. Biện Tống từ chối. Lão nốc một hơi rồi để chai rượu xuống bãi cỏ. Chai rượu nằm hơi nghiêng, không đập nút.

- Lát nữa, chú biện coi!

Hai người im lặng. Từ mé nước, một con rắn ri voi trườn lên... đến gần miệng chai rượu rồi thập thò, rút lui như hoảng sợ. Bảy Đăng nâng chai rượu, nhều vài giọt xuống nước, trên cỏ. Con rắn... háng hái bò trườn, đến gần miệng chai. Bàn tay lạnh lẽo của Bảy Đăng chụp xuống, bỏ rắn vào giỏ.

- Rắn xưa kia không biết uống rượu. Nhưng mà cho tụi nó tập tánh nếm mùi... cay đắng. Bữa đó, tôi uống rượu, ngủ quên rồi quơ tay kiếm chai rượu đổ hết. Chừng thức dậy, tôi thấy rắn bò lại để hửi hơi.

Biện Tống như phát giọng điều gì quan trọng:

- Té ra cái chai rượu là cái cần câu rắn.

Bảy Đăng vội đính chính:

- Là cái bẫy thì đúng hơn. Cần câu này, tôi cầm trong tay để che mắt thế gian, vậy thôi. Rắn mê rượu. Nếu giàu thì tôi giữ độc quyền bắt rắn, ngặt vì tôi nghèo. Tôi sẽ mua vài ngàn lít rượu, đổ xuống rạch. Rắn trồi đầu lên mà nhậu, lờ đờ ai muốn bắt thì bắt.

Nhưng biện Tống vẫn chưa thắc mắc. Mớ rắn của Bảy Đăng đều nhỏ. Làm sao mà lột được tấm da ba tấc bề ngang? Bảy Đăng gật gù:

- Chuyện đó bí mật. Muốn am tường thì nên tới nhà Sáu Kiến. Tôi bán cho Sáu Kiến. Thằng cha đó chuyên môn lột da.

Biện Tống đến nhà Sáu Kiến. Hắn đang làm việc trong căn chòi bí mật, sau hè, nài nỉ lắm vợ con hắn mới chỉ rõ địa điểm, Sáu Kiến trợn mắt:

- Ủa! Chú biện, làm sao chú biết tôi ở đây?

- Thì vợ con của anh nói.

- Đồ mắc dịch! Vợ con tôi báo hại tôi...

Vừa nói Sáu Kiến vừa liếc lên trần nhà. Ô hô! Biện Tống ngỡ mình lạc vào một cái hắc điếm trong truyện Tàu, loại hắc điếm làm thịt người mà bán cho thân chủ. Hàng chục con rắn no tròn, bón lảng, treo lủng lẳng, đong đưa, như những khúc dồi to tướng. Sáu Kiến nói lẩn thẩn:

- Này chú biện. Chẳng lẽ tôi bắt buộc chú uống máu ăn thề. nếu chuyện này tiết lộ ra, chắc tôi giết chú.

- Sao? Nói gì ghê quá vậy? Giữa anh em mình nào xảy ra chuyện xích mích. Treo mấy con rắn đó lên nóc nhà để làm gì? Sao mà nó lớn quá vậy? Hèn gì mỗi tấm da lột ra ba tấc.

Sáu Kiến đưa ra một cái ống bơm xe máy:

- Đó! Chú hiểu chưa. Tôi buộc lỗ đít rắn lại rồi thì bơm hơi vô miệng rắn. Con rắn trở thành cái ruột xe máy, căng thẳng, no tròn và chẳng bao giờ nở. Tôi bơm hoài, bơm mãi rồi vuộc miệng rắn lại, treo tòn ten. Tới nước nào đó, tôi lột da, tấm da rắn bề ngang hai tấc sẽ trở thành ba tấc, nhờ khí... của trời.

Biện Tống cười chua chát:

- Bà con mình sáng chế nhiều kiểu hay quá.

Sáu Kiến nói:

- Cho thằng má chín Xìn Phóc nó biết một trận. Nếu bị bơm hơi, da rắn phải mỏng. Hễ mỏng thì Tây với đầm xài cái bóp mau rách hoặc sợi dây nịt mau đứt. Tụi nó phải qua đây mua thêm nữa...

Nhưng Sáu Kiến làm to.

Phen đó, Xìn Phóc mua mấy ngàn tấm da rắn, trả tiền sòng phẳng, đi biệt tích. Mùa rắn năm sau, bà con lồi xóm có lòng mong đợi nhưng hắn không trở lại. Hỏi lý do thì biện Tống không biết. Đến tết, tình cờ biện Tống ra chợ Ngã Năm gặp ông cò Lơ Hia. Ông cò cho biết:

- À! Cái ông má chín Xìn Phóc. Ông gởi thơ cho tôi, chúc mừng năm mới. Ông nói da rắn ở xứ U Minh mỏng quá, chuyến đó đem về, ổng lỗ vốn.

Biện Tống giả bộ ngây thơ:

- Tại sao lỗ vốn?

- Xin Phóc nói: khi đem ngâm chất hoá học thì da rắn cũng như giấy hút thuốc, nhiều chỗ bị đứt theo lần ngang, lần dài. Thay vì làm được sợi dây nịt cho người lớn thì da nó chỉ dùng làm dây đeo đồng hồ tay. Thay vì làm bóp cho đàn bà thì da nó chỉ dùng làm bóp cho con nít. Mà con nít bên Tây đâu có xách bóp.

Bốn cái ngu

Mấy người hàng xóm la hoảng lên:

- Tư Hưng đâu rồi! Nuôi heo bầy mà bỏ nó chạy cùng đường cùng sá. Sao không nhốt lại? ... Thiệt hết nói. Tanh rình tanh ói, chỗ nào cũng một đồng, ai hơi đâu mà hốt. Nó còn ủ nèn nhà, phá mấy liếp cải. Nói ra thì mịch lòng, để trong bụng thì ảm ức.

Tư Hưng từ đầu xóm chạy lơn tơn về, lên tiếng thanh minh:

- Bà con ơi! Tôi nhốt heo lại rồi. Chắc lại vợ tôi quên... Vợ tôi nó dại dột thì tôi chịu tội.

Nói xong, Tư Hưng chạy lừa ba con heo nái. Heo chạy tán loạn, đâm ngay vào vách lá, chui vào trong nhà. Anh ta nói to:

- Em ơi! Coi chừng heo chạy bẻ đồ đạc.

Nhưng hỡi ơi! Trong nhà không có một tiếng trả lời. Anh ta vào nhà, chạy tới trước cửa ngõ nhìn dáo dác. Vợ anh đâu rồi? Hay là đã xách gói trở về nhà cha mẹ ruột? Bốn tháng qua, vợ chồng anh ta gây lộn liên tu bất tận, tính đồ đồng hai ngày là xảy ra một cuộc cãi vã.

Tư Hưng nói:

- Đi đâu đi phút cho rảnh. Gặp con vợ như vậy mau tàn mặt lắm. Thật là...

Vừa lúc ấy, ông Hai Kiểm đi ngang qua, lên tiếng:

- Chuyện gì đó Hưng? Vợ chồng mới cưới, nếu cơm không lành canh không ngọt thì đóng cửa dạy nhau...

- Dạ, chuyện rắc rối lắm, đồ bể tùm lum.

- Cái gì đồ bể?... cháu nói mau.

Ông Hai Kiểm xụ mặt, tưởng tượng đến những hậu quả tai hại mà ông gánh lấy. Chính ông đã làm mai mối cho Tư Hưng cưới vợ. Bên gái đòi một đôi bông búp, hai chiếc vòng đúng một lượng vàng. Vì muốn tác hợp cho hai trẻ là người dưng nhưng ông Hai Kiểm vẫn làm gan lãnh nợ, vay dùm cho gia đình Tư Hưng số tiền khá to. Chủ nợ hỏi: "Rồi làm sao vợ chồng nó đủ sức trả?" Ông Hai Kiểm đáp: "Vợ chồng nó sẽ nuôi heo nái, bán heo con lần hồi."

Những chuyện đáng buồn đã xảy ra, đến tai ông Hai Kiểm. Dư luận hàng xóm đã đồn đãi quá nhiều. Ban nãy ông gặp cô vợ trẻ của Tư Hưng ở bờ chuối, sát ven đường. Ông hỏi:

- Cháu làm gì vậy đó?

Cô vợ nó đáp:

- Dạ, cháu cắt lá chuối khô đem về bó lại, làm ụ cho heo ngủ.

- Cháu biết lo xa, bác mừng lắm. Xứ này nhiều muỗi, để heo ngủ trần mà mang tội. Làm sao heo mau lớn đúng tạ được? Sao thằng Hưng không ra đây làm công việc tiếp với cháu?

Cô vợ nọ ôm mặt khóc. Bấy giờ, ông Hai Kiểm mới nhìn tường tận: gò má cô ta bầm tím. Ông thở dài, định tìm Tư Hưng để dẫy dỗi. Dè đâu vừa đi ngang cửa là nghe giọng nói vô lễ của anh ta.

Ông Hai Kiểm vào sân, nói lảm bảm:

- Làm gì mà quát nạt? Cái gì đổ bể?

- Dạ, mời bác vô nhà, cháu nói hết đầu đuôi cho bác nghe.

Rồi Tư Hưng tố cáo bao nhiêu sự lơ đãng của vợ: nào vợ ngủ trưa, nào vợ kho cá ăn mặn đắng, nào vợ lười biếng nuôi heo. Và nhứt là ưa cãi vã với chồng. Hể giận hờn, lập tức cô vợ bỏ nhà ra sau vườn.

Ông Hai Kiểm dùng tình cảm để khuyên nhủ:

- Nó lo cắt lá chuối kho chớ đâu phải dạo xóm ngồi lê đôi mách hoặc đánh bài tứ sắc. Cháu hãy bình tĩnh. Vợ nó có lỗi thì dạy dỗ bằng lời nói nhỏ nhẹ.

Tư Hưng nói nhanh:

- Dạ, nó cứng đầu lắm. Hễ cháu đánh thì nó đứng lì một chỗ, không thềm chạy.

- Ừ... Nhưng mà cháu đừng đánh ngay con mắt vợ.

Tư Hưng phục thăm sự nhận xét của ông Hai Kiểm:

- Sao bác biết?

- Trời đất xui kiến như vậy. Bác sống tới năm nay là sáu chục tuổi rồi. Đàn ông ưa bạt tai vợ, táng ngay con mắt. Rùi đui con mắt thì sao?

◦ ◦
◦

- Cục cu cu... cu! Cu!

Ông Hai Kiểm bước tới lui, ngắm nghía con cu mới mua ở Xẹo Bàn với giá là mười gạ lúa. Ông bác ghé, đứng lên, mang cặp kiếng, nói thì thầm:

- Ồ! Con cu hai cốt. Chưa chắc! Hồi bữa hôm, nó gáy tới bốn cốt.

Rồi bác đưa tay lên miệng, bụm lại, nhái giọng gáy:

- Cục cú cu... cu!

Tức thời con cu mồi nhảy nhót, vỗ cánh, đòi bay ra khỏi cái lồng bằng tre. Nó đứng lại, há mỏ, ưỡn ngực:

- Cục cú cu... cu! Cu! Cu!

Ông Hai Kiềm cười dòn:

- Giải quá! Trót làm thằng ngu thì ngu luôn cho trọn kiếp. Sáng mai, mày nhớ gáy đủ bốn cốt cho tao!

Từ ngoài cửa, Tư Hưng bước vào. Anh ta nghe lóm tiếng được tiếng mất:

- Bác Hai ơi! Nói chuyện với ai vậy?

- Tư Hưng đó hả? Bác nói chuyện với con cu mồi. Gần tết rồi. Cu gáy vang dậy ngoài đồng, bác tính cho con cu mồi này ra nghề. Mua tới mươi giạ lúa đó.

Tư Hưng vẫn thắc mắc:

- Con cu này mua quá mắc nhưng tại sao ngu dại. Nếu nó khờ thì luyện tập lại. Bác rành nghề gác cu lắm mà.

Một dịp may để ông Hai Kiềm giải toả bao nhiêu thắc mắc. Ông rót nước trà ngồi cao hứng rung đùi:

*Ở đời có bốn cái ngu,
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu...*

- Máy câu đó ý nghĩa như thế nào?

- Khó lắm. Nói ra sợ cháu hiểu lắm. Ông bà mình hồi xưa hồi xưa đặt để câu đó, nhấn nhủ mấy người lớn tuổi mà ưa làm chuyện bá vợ như bác. Cháu thử nghĩ: bác ở không suốt ngày, chỉ còn biết tiêu khiển bằng cách thăm viếng người chòm xóm, giúp đỡ lật vật. Rồi thì dưỡng nhàn. Cháu biết tại sao làm mai là cái ngu dại thứ nhất?

Tư Hưng đáp:

- Dạ cháu hiểu mơ màng thôi...

- Nói ra, cháu đừng giận nghe không. Mình làm mai, giúp hai gia đình bên trai, bên gái kết tình thông gia. Nếu con cái họ ăn ở với nhau êm ấm thì thôi. Nhược bằng gặp thứ trai lỗ mãng, thứ gái lười biếng hỗn hào thì thế nào bên trai hay bên gái cũng trách móc mố ông mai. Nào là thằng rể hoặc con dâu đó tệ quá. Không khéo, vài ngày nữa, nếu vợ chồng cháu chưa hoà thuận với nhau được....

Tư Hưng cúi đầu:

- Dạ, cháu hứa...

- Đây là cái ngu thứ nhì của bọn già cả, có chút ít thể diện hoặc điền sản như bác. Minh lãnh nợ dùm cho thiên hạ, nếu con nợ trả đủ thì chủ nợ vui sướng, hưởng tiền lời. Bằng không, họ lại mắng vốn... Còn cái ngu thứ ba là gác cu.

Nghe đến đó, Tư Hưng mỉm cười. Gác cu tức là đem con cu mồi ra ngoài ruộng để cho cu gáy lên, như bắt con cu rừng. Mấy ông cai tổng, ông hội đồng địa hạt thường gác cu vào mùa này. Tư Hưng còn nhớ năm ngoái ông cai tổng đi gác cu với vài đứa tiểu đồng, mang theo nào trả ẩm, thịt gà, cơm nếp. Tại sao gác cu là cái ngu đại thứ ba? Anh ta hỏi mãi nhưng Hai Kiểm cứ lắc đầu. Sao rồi, anh ta gợi ý:

- Đạo này, hễ ở nhà thì gây gỗ với vợ. Cháu muốn theo bác, làm đứa tiểu đồng để học nghề. Hồi đó tới giờ, cháu ưá đá gà, đá cá thia thia. Mai kia mốt nợ, về già, cháu sẽ gác cu như bác.

- ĐỪNG, cháu ơi. Đại dột lắm.

Con cu mồi gáy vang lên. Ngoài bờ tre xa xôi dường như có tiếng đáp lại. Khiêu khích -"Cu kêu ba tiếng cu kêu, cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè." Ông Hai Kiểm căn dặn Tư Hưng nên về nhà giúp công việc lật vật cho vợ bớt mệt. Nhứt là sửa các chuồng heo, đừng để lổ xóm phiền hà...

Sáng hôm sau, Tư Hưng đã có mặt tại nhà ông Hai Kiểm. Hai người ăn cơm rang dần bụng rồi lên đường. Ông Hai Kiểm đi trước, xách cái lụp, tức là cái lồng bằng dây chì, trong đó có để con cu mồi. Tư Hưng theo sau, vác một cây sào dài, đầu cây sào có cái móc nhỏ bằng sắt. Lại còn có cái bình tích, đầy trà nóng, hộp quẹt và chiếc chiếu.

Gió chướng thổi lao xao mang hơi lạnh từ phía tây bắc, báo hiệu ngày gần Tết. Mặt trời lên cao, bầu trời vẫn chưa trong sáng. Vài đám mây đen bay lờn vờn, thứ mây chuyển mưa còn rơi rớt. Mùi lúa chín xông lên vừa nồng vừa ấm. Qua khỏi bờ ven, hai người đều xắn quần lên tận gối. Lá lúa cứa vào da, hơi rát. Đôi khi, bùn ngập tới nửa ống chân. Vài con cò trắng đáp xuống vũng nước cạn, rình cá tôm. Ông Hai Kiểm bước khá nhanh, dõm mắt nhìn đăm đăm về hướng cây gáo cổ thụ, giữa đồng.

Đến nơi, Tư Hưng đứng lóng nhóng. Ông Hai Kiểm nói:

- Trái chiếu ra, ngồi xuống. Nếu khát nước thì uống trà cho thấm giọng.

Trèo lên cây gáo, bẻ vài nhánh cây nhỏ, quăn xuống cho bác.

Ông Hai Kiểm đem lá cây ghim lên cái lụp:

- Nhờ làm như vậy để cho cu rừng không thấy cái lồng bằng dây chì. Lát nữa, cu rừng sẽ bay tới, đậu trên cái sàn, trước mặt lụp.

- Còn mớ lưới này?

- Minh giương lưới lên, gài chốt. Cu rừng đến trước mặt cái lụp, khiêu chiến. Nếu cu đập nhằm cây chốt, lưới chụp xuống cái sàn, túm con cu rừng.

Đâu đó xong xuôi, ông Hai Kiểm dùng cây sào có móc sắt mà đưa cái lụp lên gần trên ngọn cây gáo. Ông bước ra xa, nhìn đôi ba lần khen ngợi:

- Được rồi, Cu rừng chẳng bao giờ biết con cu mồi đang bị nhốt trong cái lụp. Và trước mặt lụp là cái sàn nhỏ, có lưới giương lên. Êm lắm!

Hai người rút lui vào lùm cây mua, hơi thấp, vạch một lỗ khá to trong lùm rồi chui vào. Tư Hưng nói nhanh:

- Giống như ngồi trong hang...

- Ô! Người gác cu ngồi ngoài bờ ngoài bụi như vậy. Nếu đứng lom khom ở ngoài chỗ trống trải, cu rừng đâu thèm tới nạp mạng.

Ngồi giữa lùm cây, ông Hai Kiểm hút hết điếu thuốc này qua điếu thuốc khác. Con cu mồi bị nhốt trong lụp bắt đầu gáy vang:

- Cúc cù cu... cu! Cu! Cu!

Ông cười dòn:

- Giải quá! Ra đây, nó gáy tới ba cốt.

Tư Hưng hỏi:

- Dạ, cốt là cái gì?

- Theo tiếng lóng của nhà nghề, mấy tiếng cúc cù cu, gọi là tiếng cốt. Con cu mồi này gáy ba cốt. Bảnh quá! Cháu nghe lại thử. Nó gáy kìa!

Từ ngọn cây gáo, con cu mồi cất tiếng thanh thót:

- Cúc cù cu... cu! Cu! Cu!

Ông Hai Kiểm như óng mắt!

- Đó... Nó gáy đủ bốn cốt. Loại cu nào nhiều cốt thì được cu mái say mê. Lúc lúa chín, cu rừng bắt đầu "phân động" mỗi con cu trống, chiếm một khu vực riêng biệt, từ cây này qua bờ tre bên kia. Nó tha hồ ăn lúa chín và tình tự với bọn cu mái. Nếu con cu trống nào toan vào khu vực của nó, nó sẽ đánh đuổi, đá và cắn tới bời. Thí dụ như khu vực này, từ cây gáo qua bờ tre, đã có sẵn một con cu trống làm bá chủ. Minh đem con cu mồi này tới để xâm chiếm. lát nữa, con cu trống sẽ ra tranh cãi, đánh đuổi con cu mồi này để rồi bị lưới chụp xuống.

Thời khắc trôi qua chậm chạp. Tư Hưng bắt đầu nản chí, muốn xin phép rút lui về nhà để... nuôi heo trả nợ đám cưới. Bỗng đâu từ phía bờ tre đối diện có giọng gáy thanh tao:

- Cúc cù cu... cu cu!

Ông Hai Kiểm ngồi nhồm tới, nép sát vào bụi cây mua, mang kiếng, nhìn qua kẽ lá:

- Đó! Con cu rừng lên tiếng, đòi đá lộn với con cu mồi của bác.

- Sao nó chưa qua?

- Cháu nên bền chí. Cu rừng khôn ngoan lắm. Nó hồ nghi điều gì... bất an. Nhiều con cu rừng đã bị lưới chụp hụt vài trận rồi. Nó còn dè dặt, dò xét tình hình.

Trên ngọn cây, cu mồi gáy lên, thúc giục:

- Cú cù cu... cu! Cu! Cu!

Từ phía bờ tre, cu rừng bay nhanh qua cây gáo, đảo hai ba vòng, toan đáp xuống.

Tư Hưng nói:

- Nó tìm kẻ thù hả bác?

- Nói chuyện nho nhỏ một chút. Coi chừng nó nghe. Nó tìm kẻ tinh địch. Cu rừng này cho rằng con cu mồi trong bụi là kẻ từ nơi xa lạ đến xâm chiếm cánh đồng lúc để ăn no và chiếm đoạt người yêu của nó.

- Tại sao nó bay qua đây! Hồi nãy bác nói con cu rừng này đầy đủ kinh nghiệm, chết hụt nhiều lần nên khôn ngoan....

- Lời tục thường nói: Biết chết nhưng cũng nhào vô. Con chim ghét nhau vì tiếng gáy. Cu rừng gáy hai cốt ghét con cu mồi gáy tới bốn cốt. Nó cho rằng có kẻ bảnh trai hơn, toan chiếm đoạt sự sống của nó... Im đi.

Qua kẽ lá, Tư Hưng thấy rõ ràng con cu rừng. Nó thuộc loại cu cườm, mớ lông chung quanh cổ nhuộm màu hường dợt, lấm tẩm những điểm trắng tuyết, mỏ và đôi chân đỏ sậm, nhứt là con mắt tròn xoe, sáng ngời lấp lánh như giọt máu tươi.

- Nó khôn quá. Nó nhảy trên nóc lợp chớ không thềm nhảy trước cái sàn để vướng vào bẫy!

- Cháu nói đúng. Nhưng con cu mồi của bác còn khôn hơn!

Con cu mồi nhảy nhót, vỗ cánh ngược lên trời... nhưng bầu trời của nó quá hẹp, nó té xuống. Nó bước tới sát lưới, quơ chân. Cu đá nhau như gà, dùng mỏ mà cắn, đưa chân mà quào. Con cu rừng cứ bay quanh quần rồi đứng trên lợp mổ xuống, để khỏi Sa trại chủ vào cạm bẫy. Lát sau, nó bay lên trên cao... trở qua bờ tre gáy inh ỏi, thứ tiếng gáy kék đẹp, có hai cốt "cu, cu" khi chấm dứt.

Ông Hai Kiểm đưa tay lên miệng, nhái tiếng gáy để thúc giục cu mồi. Cu mồi lại gáy, khoe giọng thiên phú, đến bốn cốt. Nắng lên cao. Cu rừng dường như còn phân vân, chưa chịu xáp chiến.

Tư Hưng thở dài:

- Chừng nào nó bay qua đây...

Ông Hai Kiểm đáp:

- Bữa nay không xong thì chờ ngày mai, ngày mốt không xong thì ngày nọ, ngày kia... Gác được một con cu rừng khôn ngoan, mình vui hơn là gác con cu rừng thứ đại dột. Cháu mệt rồi hả?

Tư Hưng ngáp dài:

- Để cháu về nhà, lo cái chuồng heo.

- Cháu muốn về thì cứ về. Bác không dám cản cháu.

Nghe vậy, Tư Hưng lật đật cầm cây sào, bước ra khỏi lùm cây. Ông Hai Kiểm kêu lên thất thanh:

- Làm gì vậy? Cháu về thì về một mình. Để bác ở lại...

◦ ◦
◦

Bảy ngày sau, Tư Hưng đã quên hẳn chuyện gác cu của ông Hai Kiểm. Hàng ngày, anh ta lo nuôi heo, quét nhà, sửa sang bờ đặng lúa. Vợ chồng đối xử với nhau êm ấm.

Lúc vợ chồng Tư Hưng đang ăn cơm chiều, bà Hai Kiểm chạy vô sân, nói hơ hãi:

- Tư! Mà thấy bác Hai mà ở đâu không?

Trời mưa lất phất, lạnh lẽo. Trận mưa bắc dai dẳng, còn rơi rớt. Tư Hưng nhìn bà Hai Kiểm, thương hại:

- Chuyện gì mà bác gái dầm mưa? Lâu rồi, cháu không gặp bác trai.

- Ông đi gác cu với mà! Mỗi ngày mỗi đi, từ bữa đi chung với mà! Đó.

- Dạ, cháu theo bác trai có một buổi đầu mà thôi...

- Kiểm bác trai mà dầm mưa! Tao hồ nghi quá.

Lập tức, Tư Hưng buông chén đĩa, chạy ra sau vườn. Trời vẫn mưa. Mặt trời khuất đâu mất, cảnh vật tối om. Cây gáo đứng trơ vơ giữa đồng như bóng ma trôi. Tư Hưng lục soát bụi cây, chẳng có cái lụp nào cả. Tư Hưng thất vọng, trở về. Bỗng dưng, anh ta nhớ tới cái bờ tre bên kia, đối diện với cây gáo. Anh ta chạy qua, nhướng mắt: giữa bụi tre, cái lụp gác lơ lửng, trên đó có con cu mồi và một con cu rừng bị lưới chụp.

Cu rừng và cu mồi đều cú rữ, bắt phân trắng bầy nhục, lông cánh lù xù vì dầm mưa quá lâu. Nhưng ông Hai Kiểm ở đâu? Tư Hưng toan kêu lên nhưng sợ làm lộ bí mật nhà nghề. Anh ta bèn đưa hai tay lên miệng, bùm lại, nhái tiếng cu kêu:

- Cúc cù cu... cu! Cu! Cu!

Bỗng nhiên, bụi nhẵn lồng nhúc nhích. Có tiếng rên hừ hừ. Tư Hưng ngỡ là ma nhát, sửa soạn co chân tẩu thoát. Nhưng giọng run rẩy của ông Hai Kiểm vang ra từng đợt:

- Cứu... tao... tao gần chết... á khẩu...

Tư Hưng công ông Hai Kiểm vào nhà, đốt lửa hơ, cạo gió, mua thuốc cảm mạo, nấu cháo thương hàn... vài phút sau, ông Kiểm mới tỉnh táo, nói thân mật:

- Tao chờ đợi... mặc mưa suốt buổi. Con cu mồi bay quá. Rốt cuộc con cu rùng chịu đá lộn, mặc dù bị gài bẫy nhưng cũng đá. Vui quá... Ừa! Ngu quá. Con cu rùng đó, tao cho vợ chồng bậy nướng ăn. Hồi xưa, nhiều người đi gác cu như tao, ngồi rình mò dè dặt phía sau lưng có con cạp đang chờ ăn thịt họ. Gác cu không đem lợi lộc gì ráo mà mình ham. Cái thói phong lưu đó nguy hiểm lắm. Nếu mày không ra ngoài cứu kịp thì tao á khẩu, chết luôn ngoài bụi tre rồi. Đó là cái ngu thứ ba: "Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu mà!"

Tư Hưng mỉm cười, nhờ đến cái ngu thứ nhứt, thứ nhì:

- Dạ, hai vợ chồng cháu cỡ này đề huề lắm. Ba con heo nái đang có chữa, món nợ mà bác bảo lãnh hồi cháu sửa soạn cưới vợ...

- Tao hiểu rồi. Ráng mà làm ăn. Thôi tao về kéo bác gái mày trông đợi.

- Dạ, trời còn mưa lai rai. Để cháu nhắn tin cho bác gái hay... Còn cái ngu thứ tư nó ra làm sao bác?

- Cầm châu hát bội. Rằm tháng giêng, cháu sẽ thấy. Hề mình ít "châu" bọn đào kép cho rằng mình là thằng già cầm châu khó khăn, phách lối, khinh khi kẻ xướng ca vô loại. Nhưng nếu mình đánh châu đúng điệu thì có kẻ gièm siểm, cho rằng mình là thằng già dê, cứ định chửi khen ngợi mấy cô đào trẻ mà quên mấy cô đào già.

Tư Hưng nắm bàn tay gân guốc của ông Hai Kiểm:

- Bác tử tế quá.

- Sao mày biết? Đừng nịnh tao. Vợ chồng mày nên ăn ở thuận thảo đi.

Giọng Tư Hưng như ngậm ngùi:

- Bác dám lãnh đủ bốn cái ngu trên đời... Không màng tiếng bác, tiếng chi. Cái tiêu khiển của bác không làm hại cho ai. Và bác dám gánh trách nhiệm để cho kẻ khác vui sướng. Cháu phục mấy ông già xưa quá trời.

Con heo khịt

Từ hồi tháng mười một năm ngoái, mấy người cuốc rẫy ở ven rừng Ngã Bát không ngớt bàn tán xôn xao:

- Con heo Khịt về đây rồi. Nó lớn bằng con bò con lợn mà.

- Phải! Tôi nghe danh nó từ lâu. Chú vợ của tôi ở Rạch Ruộng có nói lại: nộ một đêm, nó ủi phá gần hai chục công rẫy khoai mì. Củ lớn ăn đã đành, củ nhỏ cũng không thừa.

- Sao không đâm nó? Thợ săn ở dưới Rạch Ruộng coi bộ dở quá, chưa xứng đáng là thợ rừng. Rầu lắm. Coi chừng con heo Khịt phá hại mùa khoai ở xóm mình. Nó đâu phải cạp mà mình sợ!

- Nói bậy đi. Chừng nào con heo Khịt phá hại, đụng chạm tới tài sản của mình thì hãy hay. Nói trước, xui xẻo lắm. Thợ săn ở Rạch Ruộng giỏi lắm chớ. Một người bị đồ ruột. Một người khác bị tét đuôi. Phen đó, con heo Khịt mắc bẫy dây chì. Vậy mà nó tẩu thoát được.

- Bằng cách nào?

- Nó cắn một khúc giò, bỏ lại coi chơi. Khúc giò còn dính trong cái vòng dây chì. Coi mà phát ón. Nó cắn giò nó cho đứt, một mình nó đánh chết bốn con cho săn. Tôi đoán chừng con heo Khịt này ít nhất đã bảy - tám tuổi, nanh dài trên một tấc, mình mẩy nổi dẫu chì. Thôi chuyện đâu còn đó. Nó chưa tới nhà mà bàn tán hoài, ngán lắm. Cứ lo làm ăn cho vợ con nhờ.

Chuyện ấy thấu đến tai ông Hai Cháy và ông Năm Tự. Vốn là thợ săn chuyên nghiệp, hai ông giữ vẻ mặt trầm tĩnh nhưng làm sao che giấu được bao nhiêu nỗi lo âu áy náy trong lòng.

Tháng này nhằm mùa hạn, rừng khô nước, heo rừng không ngủ nơi nào nhất định, chi bằng chờ lúc Sa trại chũmừa, nước nổi chừng ba tấc, heo rừng phải tìm nơi gò đất cao ráo mà ngủ, để tìm tông tích nó. Nhưng phải đề phòng! Mặc dầu mình nặng nề, chân nhỏ thó, heo rừng lội nước khá nhanh. Đối phó lại, thợ săn nên tìm loại chó săn biết lội nước. Đã có người chống xuống căn chận đầu con heo rừng đang lội. Heo thản nhiên, hụp đầu xuống rồi hất lên như cõng vào chiếc xuống nọ lên vai.

Ông Hai Cháy đến nhà ông Năm Tự mà nói:

- Mình ăn thịt hơn trăm con heo rừng. Nhưng mà chuyện này coi bộ khó nuốt.

Năm Tự cau mày:

- Sao vậy? Tôi dọ kỹ rồi. Nó thành danh con heo Khịt vì nó dữ, khi dod63 quạu là sôi bọt mồm, khịt lên một tiếng lớn. Vậy thôi. Mình chưa ngán nó...

Ông Hai Cháy đáp lại chậm rãi:

- Bà con ở Rạch Ruộng cho biết: nó là heo độc giác. Theo chữ nho, chẳng hiểu nanh heo kêu bằng gì. Mình tạm kêu là "giác" đi. Trâu độc giác, voi một ngà, heo một nanh và ... người một mắt đều là thứ dữ.

Năm Tự im lặng:

- Ờ! Nếu con heo Khịt lên tới xóm này, nên lo liệu...

- Đánh nó cho chết chớ lo liệu cái gì. Tôi dám liều chết nếu nó là heo Khịt. Rủi gặp heo nhỏ, tầm thường thì uống công quá. Năm nay, gần sáu mươi tuổi rồi, tôi làm biếng lắm.

Năm Tự nói nhanh:

- Miễn là ông anh đi theo để làm quân sự, thằng em này vui vẻ ăn thua. Ông Anh cứ nhường cái bổng phạn đó cho em. Em nhờ bà con dọ thám thử.

Giết heo là chuyện khó. Rình xem heo là chuyện dễ. Đêm đó, theo lời yêu cầu của Năm Tự và Hai Cháy, một đám con nít xúm nhau rình bên giếng khoai mì đã bị heo phá hại đêm trước.

Đêm sáng trăng. Mù sương rắc xuống nhỏ từng hạt trắng mỗi lúc thêm dày. Biết chống muỗi, vắt, lũ trẻ xúm nhau ngồi quanh gốc cây tràm. Cảnh rừng đêm mờ hồ. Ngồi hồi lâu không thấy gì lạ, lũ trẻ ngóng lên trời nhìn sương mù đang trôi gợn gợn như chất gì lỏng lẻo. Thích chí quá. Như ngồi dưới đáy biển sâu mà lớp sương kia là sóng gió trôi trên đầu. Nhìn mãi sanh chán. Vài đứa ngủ gục ngáy to tiếng.

Bỗng đầu sậy để gãy nghe rôm rốp. Rồi một bóng đen lộ ra đứng sát bụi mì ngóng mở rồi quay lưng, chạy về phía rừng tràm.

Lũ trẻ lập tức cho ông Năm Tụ hay:

- Nó rồi! Nè ông Năm, nó như con bò con. Tưởng sao chứ vậy tụi tui đầu sợ. Nó chạy cong đuôi.

Ông Năm cười:

- Tại tụi bây đứng trên gió, nó đánh hơi được. Nó đầu sợ, nó xáp tới nhưng nó quay lưng vì sợ sụp nhằm bầy hoặc hầm hổ.

Nghe đến sáng kiến làm cần bầy, bọn trẻ mừng quýnh. Vài đứa có kinh nghiệm lập tức bơi xuống ra chợ Thới Bình để mua dây chì làm vòng bầy. Gặp thầy đội kiểm lâm có mang súng, chúng nó mời thầy vô xóm Ngã Bát để bắn con heo Khịt. Nghe tin ấy, ông Năm vô cùng mừng rỡ. Nếu bắn được con heo ghê tởm ấy, ông khỏi ra tay. Và lại, bắn sớm chừng nào hay chừng ấy. Từ bây giờ cho đến mùa mưa. Khi thời cơ thuận lợi. Còn năm - sáu tháng nữa lận. Biết đâu tới chừng đó; con heo Khịt sẽ bỏ xóm Ngã Bát, sau khi phá hại mùa màng.

Trời chạn vạng.

Thầy đội kiểm lâm tới xóm. Đêm đó, thầy ta hăng hái lắm vì mới vừa mượn được cây đèn pin, loại năm pin của ông xếp kiểm lâm. Dịp may để thầy ta luyện tập về cách săn đèn!

Lại một đêm đầy sương, thứ sương mù khét lẹt, lạnh lẽo của rừng tràm U Minh khi mặt trời vừa chen lặn. Thầy đội mang đèn, ánh sáng chói mạnh tới trước soi một vòng tròn thấy rõ rết từng nhánh cây chiếc lá từng con muỗi.

- Tao làm gì thì làm. Tụi bây đừng nói chuyện. Đứa nào sáng mắt, coi chừng tiếp với tao. Hai đốm đỏ tức là con mắt ông hổ. Nếu hai đốm vàng tức là mình chiếu ngay mắt con heo Khịt. Tao nghe đồn đái như vậy.

- Kia! Hai đốm vàng hiện ra.

Thầy đội từ từ bước tới.

Một bước rồi hai bước.

- Đùng!

Súng nổ chát chúa, xé rừng. Một tiếng kêu rống. Lạ quá! Tiếng rống ấy nghe một chỗ và con thit run rẩy, chẳng vang ra tiếng... khịt nào cả. Chừng xúm lại coi thì ô hô, thầy đội vừa bắn trúng một con heo rừng bé tí teo vừa mắc bầy, chân còn treo lủng lẳng trên cây cần. Làm sao bây giờ. Ai dám gỡ nó xuống? Ấu là bồi thêm một phát nữa.

Đằng xóm, ai nấy đều thức giấc, chờ kết quả. Sau khi nghe hai tiếng súng, họ đốt đuốc, chạy tới nơi, hô to:

- Rồi rồi. Xong rồi. Con heo Khịt đi dodò!

Chừng đụng đầu với con heo nhỏ bé, ai nấy cười ngã nghiêng.

Ông Năm Tự đổ quạu:

- Làm chuyện bá lạp! Mấy đứa con nít thì rình trene gió. Người lớn thì bắn trúng cảm ơn heo" hà nàm" mắc bẫy. Không khéo, ai nấy là hề hạng bét. Bà con ở dưới Rạch Ruộng hay được là cười cả đám, chê đất này thiếu nhân tài.

Ông uống chút xiu rượu để rồi hét to:

-"Vực một" đâu?

Từ ngoài sân, một con chó săn chạy vào đứng ngay trước mặt ông, phía tay mặt.

-"Vực hai" đâu?

Con khác chạy vô, đứng im bên trái.

-"Vực ba"!

Nó đứng ngoan ngoãn phía sau, và con chó"Vực Tư" giành góc còn lại. Cái bộ ván nhỏ bé mà ông đang ngồi trở thành cái ngai vàng.

Vỗ đầu từng con, ông bảo:

- Hồi nào tới giờ, tụi bây ở nhà, chưa bao giờ ra trận đủ bốn đứa. Mai này, Vực một, Vực hai phải ứng phó cho lanh:"Vực" là cánh, mỗi đứa là một cánh quân. Vực ba, Vực tư cũng vậy. Dường sức đi. Thôi đi ngủ sớm, mùa nắng khó săn heo lắm. Đây là thể diện của ta.

Bốn con chó vẫy đuôi, ra chiều hăng hái. Chúng ra ngoài hàng ba, trước khi nằm xuống, mỗi con đều quay tròn dodò ba vòng, nhìn kỹ chung quanh. "Chó ba khoanh mới nằm." ông Năm Tự lẩm bẩm như vậy, tự hào cho rằng cho săn của mình là giống tốt nhất. Còn lại năm - sáu con chó nhỏ đứng xớ rớ chung quanh bộ ván, sủa gâu gâu, như kêu nài, bất mãn, ông nói:

- Còn tụi bây nữa. Chưa tới tuổi ra nghề. Tao lo cho tụi bây mà. Đi chỗ khác!

Gày gáy dứt canh hai. Sương lùa vào đầy nhà, vậy mà ông Năm Tự chưa nhắm mắt ngủ. Dựng đứng gần vách, ông ngắm nghía rõ ràng kia... Một cây lao cổ phụng, một cây lao bay một cây mác thông. Tất cả khí giới này từ bảy tháng qua chưa xài tới mà vẫn sáng chói, không một bợn sét, nhờ ông lau chùi hằng ngày.

"Hùng đông, mình đi kêu Mười Hy phụ lực với mình. Khởi cần bận rộn tới ông Hai Cháy, ông già rồi."

Nghĩ vậy, ông Năm Tụ ngủ yên. Ông có biết đâu là sự bố trí chua đáo ấy không được đúng với tình thế và đem lại nhiều hậu quả mà ông không đoán nổi.

- Tu... Tu... u...

Còi vừa túc lên. Bốn con chó Vực và năm con chó săn nhỏ bé đồng hè nhau chạy miết vô khu rừng tràm gáp ranh với đám rẫy khoai mì. Ông Năm Tụ nói với Mươi Hy:

- Chú Mươi thấy chưa! Chó mà ăn cơm nguội thì lạnh lẽ. Ăn cơm nóng, nó hư lỗ mũi đánh hơi hờ ẹt. Cây lao bay với cây lao cỏ phụng của tôi đây nè chú cầm dùm. Tôi hô lên cây nào chú nhớ đưa cây đó cho kịp.

Chim rừng hót vang. Bước chân của hai người dẫm lên mớ lá vàng ẩm ướt. Muối, bù mắc... động ồ bay lên. Họ chen vào khoảng giữa chặt hẹp mấy gốc tràm chòi. Nắng lên chui vào vòm cây lộ ra những đốm vàng tươi. Cá lóc, cá trê mắc cạn lăn tròn trên bùn non, mọi khi hể gặp mỗi nhậu thì hai người bắt liền. Hôm nay có khác. Ông Năm Tụ thỉnh thoảng tháo khăn trên đầu, bịt lại chặt hơn, quần xà lỏn được vo lên sát vào bắp đùi. Ông như óng mắt:

- Lâu quá vậy!

Rồi túc còi. Trong phút giây đàn chó gom lại. Ông căn dặn:

- Đừng sửa bậy nghe! Tụi bây gặp trăn sửa cách khác, gặp rùa sửa cách khác. Giải lằm. Nhưng bữa nay, khi nào gặp heo rừng thì hãy sửa. Làm động rừng con Khịt đi xa.

Dứt lời, bầy chó tản ra. Hai phút sau, phía Lung Cây Kè, có tiếng chó sửa to, ba tiếng còi túc lên liên hồi. Ông Năm Tụ và Mươi Hy vạch lau sậy, chạy đến.

Con heo Khịt đứng sững, hai chân trước cao nghệu, mình mẩy đen thui, hơi nanh. Tiếng đồn không sai: nanh dài trên một tấc, con heo Khịt như con bò nhỏ, mớ lông gáy dựng lên vàng hực, lấp lánh.

- Vực một!

Ông Năm quát to.

Con Vực một nhảy vô cắn chân phía trước, bên hữu của con Khịt. Con Khịt vừa quay đầu là ông Năm ra lệnh:

- Vực hai!

Con Vực hai xốc tới cắn chân trước, bên tả. Con Khịt trở mình ngó phía sau tìm cách thủ thế, lui vào lùm cây!

- Vực ba! Vực tư!

Bị vây bốn góc, Khịt đứng nhóng lên. Thật ra răng của chó đầu bẹn nhọn nhưng làm sao cắn lũng da nổi chì của con Khịt được. Con Khịt lại đầy đủ kinh nghiệm: đây là thợ săn lão luyện và bầy chó hung hăng.

Nó tìm cách chạy tới. Mươi Hy trao ngọn mác cho ông Năm Tự. Ông Năm ghim ngọn mác trước ngực.

Heo Khịt thối lui, dùng hai chân sau bươi đất làm cái hố nhỏ, tạm che khuất cái mông dưới đất để hạn chế sự tấn công của Vực ba và Vực tư. Nhưng đất cứng quá. Nó quỳ hai chân sau. Mấy con chó nhỏ bao vây, đứng ngoài xa, sủa vang lên nhưng hưởng ứng, thúc hối bốn con Vực đang quyết chiến.

Bỗng nhiên, con heo Khịt thờ mạnh nghe... khịt một tiếng. Ông Năm Tự thối lui. Heo Khịt trợn mắt trắng, miệng sôi bọt, đang lướt qua phía Vực một, bắt chập Vực hai.

Lẹ như chớp, con chó Vực một nhảy dựng đứng lên không trung ngang tầm đọt sậy. Nó vừa rớt xuống là con heo Khịt chĩa nanh lên, hứng ngay bụng.

Vực một giãy đành đạch, lũng ruột. Thừa cơ hội ấy con Khịt phá vòng vây, chạy nhanh.

Thấy con chó thân yêu vừa thiệt mạng, gan mật ông Năm Tự sôi lên. Chụp ngọn lao bay trong tay Mươi Hy, ông phóng mạnh, buông tay. Ngọn lao ghim vào ngực con Khịt.

Nó mang ngọn lao mà chạy.

Nhanh như hớp, ông Năm vớ cây lao cỏ phụng - Loại lao cong, giống như cỏ con phụng, có ngạnh như cái mòng - Mũi lao ghim vào hông con Khịt, đúng như sự tính toán của ông.

Bị đau điếng, con Khịt chạy nhanh, bắt chập cây cối, lau sậy, gò nổng, ao vũng. Bầy chó sủa vang, cố chạy cho nhanh hơn để chặn đầu, cản mũi con Khịt. Nhưng may quá! Ông Năm Tự nói với Mươi Hy:

- Nó chịu trận rồi

Mươi Hy hơ hã:

- Nó chạy như vậy, làm sao chịu trận. Bầy chó của mình đuổi sức rồi.

Ông Năm Tự nói:

- Kia! Cây lao cỏ phụng này... hay quá. Con Khịt chạy không lâu đâu... Mình ráng theo nó cho kịp.

- Làm sao theo kịp được? Nó mất dạng rồi. Mấy con chó làm sao dám xáp vô để ăn thua?

- Thằng Mươi này dở hơi quá. Chưa biết cây lao cỏ phụng sao?

Chớ cứ sủa, ngày càng xa, xa dần. Con Khịt đã khéo léo chọn phương hướng, tìm nơi rậm rạp mà chui, mà nhủi. Trong khi đó, hai người thợ săn chạy chậm hơn, và chạy vòng quanh tránh mấy bụi chà là gai. Gai chà là đâm nhức nhối, mỗi bẹ chà là là một cái bàn công.

Chó sủa rộ lên, càng gần, Mươi Hy nói:

- Coi chừng! Hay là con Khịt trở lại ăn thua với anh em mình. Còn cái gì không!

Ông Năm Tự nói gắt:

- Bộ thằng Mươi mất trí rồi sao? Có ba cái "bửu bối," xài hết hai rồi. Còn cây mác thông này mà thôi.

- Tôi ngán lắm. Tôi... chạy à! Hai bàn tay không, làm sao tôi dám đứng lại.

- Ai biểu mày ăn thua với nó. Đứng ngoài xa mà coi. Chạy mau. Câu lao cổ phụng "ngon" rồi đó!

Phía trước mặt họ, con heo Khịt xuất hiện. Ngọn lao cổ phụng gồm hai bộ phận rời: Lưỡi và cán. Hai bộ phận này dính nhau nhờ một sợi dây dài. Lúc phóng tới, lưỡi và cán dính nhau, tạm thời nhờ cái khâu lỏng lẻo. Vì nhúc nhích, lưỡi cứ ghim vào hông con Khịt trong khi cái cán sút ra, tòn ten, lê lét trên mặt đất, có sợi dây nối liền.

- Nó kìa!

Ông Năm Tự la to trong khi Mươi Hy sợ sệt. Cái cán lao bị kéo dài... Nhưng vài phút sau, vô tình con heo Khịt chui vào bụi rậm.

Cái cán trở thành chướng ngại vật, day ngang giữa hai gốc cây, trở thành một cái neo...

Con heo Khịt đứng lại, trì nứu. Hai gốc cây tràm rung chuyển... Nó kêu rống vì càng trì nứu thì ngọn lao càng xoáy bên hông, giữa hai cái be sườn rướm máu.

- Chết cha mày!

Cây mác thông của ông Năm Tự lại cắm vào hông con heo Khịt, làm lủng da.

Con Khịt cảm ơn chân, phóng tới, ghé thật. Ngọn lao cựa quậy từ bên hông con Khịt vì cái ngạnh lút khá sâu.

Ngọn lao sút ra, làm gãy một khúc như be sườn. Nhờ vậy, con Khịt thoát nạn.

Bầy chó xáp lại hiểu rằng con Khịt đã đổ máu quá nhiều... Chó bao vây con Khịt.

Lúc con Khịt bối rối, ông Năm Tự đến trước mặt nó, cắm một mũi mác vào ngực. Khịt gào thét nhóng lên. Tay ông Năm ghì xuống chịu đựng.

Và cứ như vậy suốt mười phút, con Khịt chưa chết, nhưng ông Năm đã run tay, mồ hôi xuống ướt mặt. Mươi Hy đứng xơ rớ chưa biết liệu lẽ nào.

Lâu lâu con Khịt rống lên xoay trở. Ông Năm Tự quỳ xuống hai tay bám chặt cây mác. Bầy chó giữ phía sau khiến con Khịt hết đường tháo lui. Hai hàng nước mắt tuôn ra tràn trên má ông Năm. Ông dự hiểu: nếu con Khịt chạy vượt thì nó sẽ cắm đầu phóng cái nanh "độc giác" vào bụng ông trong tức khắc.

Mắt ông đổ hào quang, cảnh vật chập chọi đất trời nghênh ngửa, cây rừng như trở gốc lên trời dang ngọn xuống đất. Nhưng may thay từ xa có bóng người chạy tới:

- Dữ ác hông? Sao không cho tôi hay trước?

Ông Hai Cháy xuất hiện như một vì cứu tinh, phóng vô yết hầu con Khị một lưỡi mác, ghim vô thật sâu gần lút hết lưỡi thép.

Con Khị ngã lẩn và ông Năm cũng ngã ngửa, xuôi tay thõn mỏn.

Hôm sau, ông Năm Tự nằm mê man tại nhà, cơm ăn không trôi, phải nuốt nước cháo cầm hơi. Nhưng khi có ông Hai Cháy tới, ông Năm ngồi dậy như cái máy:

- Sao?

Hai Cháy đáp:

- Một trăm bảy chục ký lô! Cái nanh dài hai tấc.

Ông Năm Tự gật đầu lia lịa:

- Non ba tạ hả? Sướng quá! Cọp mà gặp con Khị thì cọp đã rút lui. Tôi cầm cự chừng nửa giờ rồi anh tới... tiếp cứu đó. Mộ Di Phật! Hú hồn.

Cao Khì U Minh

Tôi ngã lưng vào gốc cột, nằm lim dim. Mùi rượu đế xông lên khiến mắt tôi lơ đờ, hơi thở bắt đầu nóng như sắp nhiễm bệnh cảm cúm. Ông Tư Huỳnh nói to:

- Thầy Hai bỏ cuộc rồi sao? Ăn thêm nữa chớ. Rừng U Minh thiếu gì cá.

Tôi đáp:

- Dạ, ngán quá. Ăn nhiều sanh bệnh.

- Thầy nói vậy đâu được. Ăn nhiều để trừ bệnh tật. Xưa nay, kẻ ăn ít thường chết sớm.

Ông Tư Huỳnh vớ tay ra sau lưng đập muỗi, xoè bàn tay lóm đốm máu tươi cho tôi xem rồi tiếp lời:

- Mỗi ngày mình mất bao nhiêu máu, nếu không ăn nhiều để tắm bổ thì chết luôn. Hơn nữa, mùa này mà nhịn thì đợi bao giờ mới ăn!

Lý luận của ông Tư Huỳnh khiến tôi ngồi dậy, ăn thêm, ăn mãi. Từ phía nhà bếp con gái ông Tư Huỳnh lui cui nướng cá. Chúng tôi đã ăn tuốt năm con cá lóc to, gọi là cá lóc nái, mỗi con nướng chín thơm phức, nằm trên miếng lá chuối tươi. Sau khi dùng đĩa xẻ một lần dưới bụng cá, chúng tôi trải con cá ra, gắp chừng ba bốn đĩa là quăng bỏ cái xương sống cá, mặc dầu trong xương còn dính khá nhiều thịt. Ông Tư Huỳnh lãnh phần thanh toán bộ ruột, nuốt gan và mật cá:

- Ô! Cái mật cá đằmng thiệt nhưng vị đắng đó ngọt xót, trị bệnh yếu mật. Còn cái đầu cá, ngon lắm, thầy Hai ăn đi. Cứ gắp hai cục thịt ở gò má con cá là đủ. Nghe đâu ở Biển Hồ Nam Vang,

người ta đem thú gò má ấy phơi khô, nhậu rượu ngon lắm.

Chập sau, tôi ngán ngẩm, sợ mang chứng trúng thực. Ông Tư Huỳnh nói:

- Chưa hết. Bây giờ mình ăn qua món cá sặc rần...

Mỗi gấp là bốn hoặc năm con cá, mỗi con sặc to bằng bàn tay xoè, tươm mỡ. Ông Tư Huỳnh mời mọc:

- Ăn thêm nữa đi.

Tôi cầm đũa, chưa gấp miếng cá nào chợt nghe ông nói to với đứa con gái;

- Nướng thêm một chục con cá nữa. Nghe chưa con!

Tôi vội cản ngăn:

- Thừa ông, đủ rồi.

- Chưa đủ đâu, thầy Hai. Ăn nhiều cho đủ sức lực. Bà con xứ này nhờ ăn cá mà khỏi chết vì bệnh rét rùng. Muối cần sanh bệnh rét. Nhưng nhờ muối mà cá được mập mạp. Cá U Minh lớn con nhờ ăn muối. Tóm lại, vì muối mà mình mang bệnh, vì muối mà mình có đủ cá để ngừa bệnh...

Vừa rồi, ông Tư Huỳnh vừa dạy tôi cách ăn cá sặc rần nướng, "mỗi con ăn hai đũa." Ta cứ cầm đũa, giẻ một bên, đưa vào miệng rồi thì trở con cá, giẻ thêm đũa nữa, giẻ xong, cứ quăng cái xương cá... Tôi ngậm ngùi nhìn đống xương cá vun lên khá cao, nếu rửa cho kỹ, trong đống xương đó còn dính chừng một ký lô cá.

- Mình lãng phí quá, thừa ông.

Ông Tư nheo mắt:

- Ăn theo kiểu ông bà để lại. Ở sau hè này, còn một cái nền nhà xưa, từ đời nào không ai biết. Tôi đào nền nhà đó, tìm vàng bạc. Biết đâu hồi xưa, Gia Long tẩu quốc đã hạ trại đó rồi bị quân Tây Sơn rượt, bỏ quên nhiều món ngọc ngà châu báu. Rồi cuộc tôi gặp từng đống xương cá. Thầy hai hiểu chưa? Hồi xưa, họ ăn như bọn mình từ nãy giờ.

Tôi mang tật hiếu cổ nên mừng quýnh:

- Vậy hả ông? Lát nữa, nhờ ông dẫn tôi ra nền nhà đó.

Ông Tư Huỳnh nói:

- Cổ mọc um tùm như trước sân nhà này, vậy thôi.

- Nghĩa là rần ở đó chớ gì!

- Rần thì không đáng ngại. Chỉ ngại một điều khó nói trong lúc đang ăn...

- Thừa ông, chuyện gì quan trọng?

Ông Tư ghé miệng sát bên tai tôi, nói thật khẽ:

- Mấy cha nội giảng câu, đón củi thường tới cái nền nhà xưa đó mà ... phóng uế. Hôi hám lắm.

Tôi thất vọng, buột miệng nói một câu sàu thảm:

- Uổng quá. Nếu ở xứ khác, có lẽ cái nền nhà xưa đó trở thành nơi quan trọng, được các nhà bác học chiếu cố tới.

- Thầy Hai nói thiệt hay nói chơi đó?

- Dạ, nói thiệt chớ. Mấy đống xương cá vụn đống là những "sử liệu biết nói." Nó ghi lại hình ảnh oai hùng của người... di khai hoang. Và biết đâu, nói đánh dấu những nơi của loài người ở rừng U Minh từ ngàn năm về trước. Ở xứ Đan Mạch, các nhà khảo cổ đã gặp nhiều đống vỏ sò vỏ ốc quén cục với nhau, chôn vùi trên bờ biển. Bên cạnh vỏ sò vỏ ốc đó còn nhiều thanh củi, tro bếp. Họ phỏng định: xưa kia hồi thời cổ sử, loài người tới đó cư trú... Lại còn nhiều món đồ gốm thô sơ nữa. nếu tìm cho kỹ, biết đâu cái nền nhà sau hè này là...

Ông Tư Huỳnh cười dòn:

- Thầy Hai điên chữ rồi? Thầy muốn nói đó là dấu tích của người Bàn Cổ hả? Ăn cá là kiểu săn bắn, hái trái cây chớ gì?

- Dạ, ông nói đúng. Ở xứ sinh lầy, phù sa mộ địa, người Bàn Cổ bắt cá ăn thay thịt nai, thịt chồn và hái rau rừng ăn thay cho trái cây...

Hồi lâu, ông Tư Huỳnh nói:

- Dễ lắm. Ở xóm này có Hai Khị là người già nua, hiểu rành chuyện xưa tích cũ, ăn nói có đầu có đuôi. Nếu muốn biết về những Bàn Cổ ở rừng U Minh, thầy Hai nên tới thăm Hai Khị một phen. Như vậy chắc ăn hơn là đào cái nền nhà sau hè. Nhưng tôi căn dặn thầy một điều: Hai Khị nói hơi nhiều... Thầy ráng mà nghe một lần. Tôi nghe nhiều lần quá rồi...

Tôi nài nỉ ông Tư Huỳnh:

- Nhờ ông dẫn tôi tới nhà Hai Khị. Ông Hai Khị chắc già lắm rồi hả? Ông tới đây lập nghiệp từ bao giờ?

- Thời giờ rảnh rang, tôi sẵn sàng... Hai Khị đã lớn tuổi... Ủ! Cha nội đó rành lắm, ăn nói nghe mà mê. Làm nghề săn khỉ!

◦ ◦
◦

Từ nhà ông Tư Huỳnh đến nhà Hai Khị, chúng tôi bơi xuồng, qua nhiều con rạch quanh cảm ơn. Mùa mưa, lá trà xanh biếc, xa xa có vài gốc cây đước, cây vẹt. Muỗi rừng bay ra khá nhiều, tôi chăm chú nhìn lên trời, tìm vợ vắn...

Ông Tư Huỳnh nói:

- Muỗi cắn no tròn trên mặt thầy Hai kia! Kiểm cái gì ở trên ngọn cây?

- Dạ kiếm khí.

- Trời đất ơi! Rừng này đâu còn khí nữa.

- Hồi nãy, ông nói rằng Hai Khị sống bằng nghề săn khí mà.

- Đó là chuyện đời xưa. Lát nữa, thầy Hai mặc sức mà nghe. Bây giờ, nói sớm quá, hết vui. Và lại, Hai Khị tới rừng này trước tôi. Tôi là kẻ vong gia thất thế, từ Tân An xuống đây làm ăn...

Tại sao ông Tư Huỳnh đổ kỵ với Hai Khị tới mức đó? Ông đề cao Hai Khị, đồng thời ông lại hạ địa vị mình một cách quá đáng. Hay là hai lão già này có mối cừu thù. Vô lý quá. Nếu thù hằn nhau thì ông Tư Huỳnh đâu sẵn sàng tới nhà Hai Khị. Hai Khị là ai?

Chiếc thuyền rẽ nước khá nhanh. Vò trời mĩ rộng. Tôi ngạc nhiên, chẳng hiểu tại sao giữa rừng mà lại có ngôi nhà ngói ba căn hai mái, cất theo kiểu xưa, giống như nhà mấy ông cai tổng ở vùng Cần Thơ. Mái ngói tuy đóng rêu đen nhưng vẫn giữ dáng điệu cong cong. Trước nhà có cửa ngõ và vài chậu kiểng. Chó sủa vang dậy. Ông Tư Huỳnh nói nhanh:

- Hai Khị ngồi hút thuốc đó! Bên gốc cột...

Hai Khị đứng dậy, ngó xuống bến, miệng cười tươi. Ông ta dường như còn tươi trẻ hơn ông Tư Huỳnh.

- Anh Tư tới đó hả?

- Ủa! Sẵn có thầy Hai này muốn biết chuyện cổ tích, tôi đưa thầy tới đây.

Hai ông lão nói chuyện khá nhiều, nào là mùa màng, thời tiết, ong, mật, rùa, rắn, cá tôm. Hồi lâu, ông Hai Khị mới ngỏ lời:

- Ờ... Thầy Hai đây hả!

Tôi cúi đầu:

- Dạ, cháu ở Sài Gòn, lâu lâu về đây chơi một lần.

Cả ba người vào nhà. Mặt trời lên quá cao rồi, bầu không khí bên trong dường như ẩm ướt. Mái nhà thấp, che khuất ánh nắng. Vách nhà đóng bằng ván, đóng kín, chẳng khoét một cái cửa sổ nào hết.

Ông Hai Khị mời ngồi nhưng cứ tằn ngần, như lạc vào một thế giới nào xa lạ. Trên cái bàn khá to, bốn con khỉ đang ngồi - Những con khỉ chết khô - rụng hết lông, thịt da đen ngòm, thịt bám chặt vào xương giống như... xác ướp Ai Cập. Có một con to xác nhứt, ngồi lum khum trên nhánh cây, chân thòng xuống đụng vào mặt bàn, hai tay đặt trên đầu gối, hổ mắt sâu hoắm, ra dáng suy tư. Tôi vừa sợ, vừa buồn cười:

- Khỉ ở đâu vậy ông? Để trong nhà như vậy coi ghê quá!

Ông Hai Khị im lặng, đi thẳng đến tủ kiểng, mở cửa tủ, đem ra một ngọn đèn sáp, đốt lên. Ông nói mơ hồ:

- Nhà này cất theo kiểu xưa ở ngoài... Huế, ban ngày cũng như ban đêm...

Mặc dầu chưa đến xứ Huế lần nào, tôi cũng cải lại:

- Thưa ông, ở ngoài Huế nhà cửa sáng sủa... theo tân thời.

Ông Hai Khị vừa thấp giọng nói, vừa nói:

- Thầy Hai còn trẻ quá. Tôi muốn nói tới kiểu nhà xưa của mấy ông quan đại thần, của vua chúa. Suốt ngày suốt đêm, đèn sáp cháy không dứt. Nếu tắt đèn thì tối om om. Mấy ông vua cũng vậy. Lúc đọc sách, lúc ngâm thơ, mấy ông thấp đèn sáp giữa ban ngày.

Ông Tư Huỳnh nheo mắt, che miệng, cười. Thưa lúc ông Hai Khị xuống nhà bếp. Ông Tư nói với tôi:

- Ngán chưa! Thầy Hai thấy chuyện lạ chưa? Mấy con "khỉ khô" đó. Tôi dặn thầy điều này: đừng cãi với ông Hai Khị. Ông ghét bất cứ kẻ nào dám cãi. Thầy cứ thưa thưa dạ dạ. Lát nữa, ông nói chuyện sự tích mấy con "khỉ khô" đó, vui lắm.

Ông Hai Khị trở lại bộ ván, mời chúng tôi uống trà. Tôi ngỡ ý muốn hiểu vì sao ông chưng bày mấy bộ xác khỉ trong nhà rồi nói tiếp:

- Khỉ này đâu có lớn con! Ở Sở Thú Sài Gòn, tôi gặp nhiều thứ lạ hơn. Hay là con... xà niê, con đười ươi?

Ông Tư Huỳnh đưa tay khều nhẹ tôi. Tôi chợt nhớ lại lời căn dặn ban nãy nên nói vuốt ve trở lại:

- Thưa ông, chắc mấy con khỉ này có nguồn gốc lạ lùng...

Ông Hai Khị gạt đầu:

- Quý lắm đó thầy Hai... Bởi vậy, tôi ít khi nói chuyện xưa cho người khác nghe.

Ông Tư Huỳnh nói xen vào:

- Thầy Hai này hơi bệnh. Thầy chưa hiểu tại sao ở đây thiên hạ sống hoài ăn cá quá nhiều. Thầy muốn tìm thuốc bổ đó.

- À! Hồi xưa, ông bà mình tới rừng U Minh này, mang bệnh nhưng cố gắng mà sống. "Bệnh ở đâu thì thuốc ở đó." Ông bà mình nói nghe thậm phải.

Rồi thì ông Hai Khị bắt đầu kể chuyện. Xưa kia, thời ông Mạc Thiên Tứ - con của Mạc Cửu, một người Trung Hoa sang tị nạn ở Việt Nam vùng chợ Hà Tiên - thì sung túc nhưng rừng U Minh còn sầm uất, khỉ sống từng bầy đôi ba chục con. Người Việt Nam đến rừng U Minh tìm huê lợi thiên nhiên. Họ chèo cá tôm vì cá tôm bán rẻ hơn cọp và khỉ. Bấy giờ, cọp, khỉ và rừng rậm nuôi dưỡng cho nhau. Khỉ ăn trái rừng, lớn lên khỉ làm mồi cho cọp; cây sanh trái làm thức ăn cho khỉ.

Ông Hai Khị nói:

- Cách đây một trăm năm, ông cai Thoại đến U Minh, ra tài đánh cọp. Cọp chết quá nhiều hoặc chạy trốn về phía núi Tà Lơn, bên Cao Miên.

Tôi chợt nghĩ ra một ý:

- Thưa ông... Thế là khí sanh sản nảy nở quá nhiều.

Ông Hai Khị gật đầu lia lịa:

- Đúng vậy. Đúng vậy. Xưa kia, thiên địa tuân hoàn theo luật riêng. hết cọp, khí sống hoài trở thành... chúa sơn lâm. Ông cai Thoại đã vô tình là thay đổi luật trời đất. Nhưng may quá, người Việt Nam đến rừng U Minh, tìm cách để bắt khí.

Tôi hỏi:

- Bắt để làm gì? Ăn thịt khí à? Nhiều quá, làm sao ăn hết... Hay là ông bà mình hồi đời xưa bắt khí... làm khô, hoặc phơi khô nguyên xác khí, đem bán qua bên Tàu cho mấy người giàu có chưng bày trong phòng khác như vậy...

Vừa nói, tôi vừa liếc qua mấy cái xác khí.

Ông Hai Khị lắc đầu:

- Ông bà mình hồi xưa khôn ngoan hơn nhiều. Họ bán khí qua bên Tàu, bán cái "tinh túy" của con khí.

Theo lời ông Hai Khị, người tiên phong khai hoang ở U Minh đã bày ra nhiều cách lạ lùng để săn khí. Họ dùng lưới, mỗi tấm lưới to bằng cái nhà, lưới đang bằng dây gai thật chắc. Thợ săn khí vào rừng một mình, mang theo tấm lưới và vài nải chuối chín. Đến nơi nào có nhiều khí, họ chọn khoảng đất trống, trải lưới ra, phủ trên cỏ.

Đâu đó xong xuôi, họ leo lên cây mà ngồi, chờ đợi, nắm trong tay sợi dây buộc dính liền với bốn góc tấm lưới.

Từ trên cao um tùm, họ quăng xuống từng trái chuối chín, quăng vào tấm lưới vô hình ấy.

Bọn khí thấy chuối thì ham, xúm nhau chạy tới, con này gọi con kia, mỗi lúc một đông. Người thợ săn cứ quăng chuối để làm mồi nhử. Đến lúc nào đó, người thợ săn bèn giật bốn sợi dây. Lũ khí mê ăn bị tóm lại, gói trọn trong tấm lưới. Lẽ dĩ nhiên, nhờ lạnh chân nên vài con khí chạy thoát kịp, nhưng đa số đành ở lại, chờ chết.

Thợ săn đem khí về nhà. Rồi họ tiếp tục đi săn mãi mãi.

Tôi hỏi:

- Thưa ông, săn nhiều quá, làm cách nào tiêu thụ. Mỗi ngày, phải tốn bao nhiêu trái cây để nuôi khí. Rủi bán ế thì làm sao?

- Thầy Hai chớ lo xa. Ông bà mình hồi xưa bày ra nhiều cách: nấu khí làm thuốc cao.

Vẫn theo lời ông Hai Khị, thợ săn đem khỉ về, đập đầu lột da, mổ bụng, lóc thịt để lấy xương khỉ làm thuốc. Họ bỏ xương khỉ vào một cái chảo thật to, nấu với nước, nấu ngày nấu đêm, thỉnh thoảng, họ cầm muống mà vớt màng màng, đổ bỏ. Năm bầy ngày, năm bầy đêm trôi qua, xương khỉ trở thành mềm mại như "xí quách." Họ quăng bỏ xương ấy. Dưới đáy chảo, còn sót lại một thứ keo sền sệt. Đó là "cao khỉ" theo kiểu cao hổ cốt. Cao hổ cốt "sợ khỉ" tuy yếu hơn "cao cọp" nhưng bổ về đường khí huyết.

Ông Hai Khị cho biết: mỗi người chỉ có thể uống một miếng cao khỉ mỏng như đồng xu mà thôi; uống quá độ lượng thì sanh bệnh. Hồi thuở còn nhỏ, ông Hai Khị đã rấn mắt, cắn vào cục cao khỉ. Sau đó, ông nằm mê man, ngủ li bì, mình mẩy nóng ran, sắp chết. May thay, cha của ông hay kịp, đem ông lên trên bộ ván rồi đốt lửa phía dưới. Lửa sưởi ấm bộ ván và hơi ấm ấy truyền qua cơ thể ông Hai. Nhờ vậy, ông thoát mồ hôi sống lại đến... giờ này, đến tuổi sáu mươi mà sức khoẻ vẫn còn đầy đủ.

Tôi hỏi:

- Lúc uống cao khỉ quá nhiều, chắc ông chết giấc?

- Ủ! Hồi đó, tôi mới có mười ba, khi tỉnh dậy, mình mẩy tôi ê ẩm, tứ chi bải hoải...

Rồi ông ghé miệng vào tai tôi mà nói khẽ:

- Giống như người thừa sức lúc... Chất "cao khỉ" gồm tinh túy của loài khỉ đó thầy Hai.

- Dạ, bây giờ rừng U Minh còn lại vài con khỉ già, chắc nghề nấu cao khỉ không còn nữa phải không ông?

Ông Hai Khị chỉ vào mấy cái xác khỉ khô:

- Tôi còn chút xíu cao khỉ của ông bà để lại. Nếu thầy Hai muốn hiểu sự tích khai hoang rừng U Minh, nếu thầy Hai muốn sống dai, ngừa bệnh rét rừng, sanh con đẻ cháu nhiều hơn thiên hạ thì...

Nói xong, ông Hai Khị mở tủ, đem ra một cục cao khỉ đen thui, gói trong giấy hút thuốc. Tôi hửi thử: mùi cao khỉ hơi thum thum, giống mùi a dao vậy thôi.

Bây giờ, ông Tư Huỳnh khều nhẹ tôi, nói nhỏ:

- Mình về, đủ rồi. Đừng thèm mua.

Tôi nói to giọng:

- Thứ cao này ngộ quá. Thôi, hẹn với ông Hai sáng mai tôi trở lại...

Ông Hai Khị nói:

- Tôi chờ thầy Hai. Sáng mai, tôi cho thầy Hai uống thử một lát cao khỉ...

Tôi đứng dậy, cáo từ. Trước khi ra về, tôi đến gần mấy con "khỉ khô" sờ thử và nắm tay từng con. Có một con khỉ mới ướp xác ngồi chết đó, xoè bàn tay. Tôi nhướng mắt nhìn kỹ. Trong lòng bàn tay khỉ có nào là đường trí đạo, đường vận mạng giống hết bàn tay con người. Và

đường sạn đạo của con khi đó lại đứt khúc, hèn gì nó... chết sớm.

- Về cho kịp nước ròng, thầy Hai!

Ông Tư Huỳnh nhắc nhở một lần nữa. Tôi với ông xuống xuống. Ông Tư Huỳnh bơi sau lái, cười to:

- Đó, sự tích rừng U Minh huyền bí như vậy đó. Nói theo kiểu ông Hai Khị thì chắc là chung quanh nền nhà của ông có ... hàng ngàn khúc xương khỉ, của ông bà hồi xưa nấu cao rồi quăng bỏ.

Tôi hỏi:

- Ông Hai Khị nói thiệt không vậy ông Tư?

- Phần đầu, chuyện săn khỉ bằng lưới, ông nói đúng sự thật. Nhưng tới phần sau, chuyện nấu cao khỉ rồi... chuyện nằm mê mang, ông nói dóc để bán cao khỉ! Thức cao đó làm giả mạo. Nếu muốn bổ khỏe, thầy Hai cứ ăn cá cho nhiều như mình ăn hồi này là đủ. Nói thiệt với thầy Hai, ba năm rồi, Hai Khị bán cao khỉ ế ẩm lắm vì bà con trong xóm đều chán ngán. Cha của Hai Khị hồi xưa săn khỉ giỏi lắm. Tới đời Hai Khị thì khỉ đã hết, thợ săn khỉ trở thành thợ... nói chuyện đời xưa giữa ban ngày mà đốt đèn sáp trong nhà!

Chiếc xuồng trôi từ từ theo nước xuôi. Trong rừng sâu, vài người đốn củi ca vọng cổ nghe vắng vắng.

Con rắn

Con rắn ấy vừa nhỏ vừa dài, giống như chiếc đũa ăn cơm. Nó bò tới, bò lui trên nệm rồi kéo dài thân hình ra, vặn ngược, vặn xuôi. Cặp mắt rắn đỏ ngầu như tóc lửa, lưỡi le dài thông. Chập sau, bụng rắn tươm ra hai giọt máu long lanh như hai giọt nước mắt... Bụng rắn lại xé ra, hàng chục con rắn nhỏ nhô đầu phá bụng mẹ rồi nhảy lên chiếc mền của bà cai tổng Bá.

Bà cựa quậy nhưng tay chân đều tê liệt. Bầy rắn con chui xuống mền, bò lằng nhằng, lạnh ngắt trên bụng bà cai tổng. Bà ú ớ, co tay, duỗi chân, đôi mắt mở thao láo trong bóng đêm. Từ trong gan ruột bà lửa bốc phừng phừng... bầy rắn con ấy bò tới bò lui, cắn lộn nhau để giành thức ăn, giành chỗ ở.

Ngọn đèn chong lu dần trên đầu giường. Gà gáy vắng vắng, báo hiệu đầu canh năm. Bà cai tổng vặn tim đèn lên cao, bước ra khỏi phòng ngủ...

Mụ Hai đang ngủ ở giường ngoài lồm cồm ngồi dậy:

- Thừa bà, bà làm gì mà thức quá khuya vậy?

Bà cai tổng đáp:

- Mệt quá. Nhưng cũng may. Như vậy là tôi dậy sớm.

Đến bộ ván, bà cai mở nắp ô trầu, đem chai dầu cù là, xoa trên bụng. Mụ Hai im lặng. Từ ba

tháng qua, cứ thỉnh thoảng là bà cai tổng lên cơn đau, một thứ đau đớn... không thể tả được. Bà hồ nghi rằng từ khi ông cai tổng mãn phần đến giờ, bà con bên chồng toa rập nhau để ám hại bà, hòng chia gia tài. Đứng về mặt pháp lý mà xét, bà là người chánh thức được quyền thừa hưởng tài sản cò bay thẳng cánh ấy. Tuy vợ chồng ăn ở với nhau không con nhưng xưa kia giữa hai người có làm giấy hôn thú. Bà đã nhiều lần nghe bà con bên chồng hăm dọa sẽ giết, sẽ thuốc, sẽ thư... Bao nhiêu kế hoạch đề phòng dường như gãy đổ. Bà mang chứng đau bụng kỳ lạ. Mấy ông thầy thuốc ta trong xóm bảo rằng bà đau máu. Thầy thuốc tây ở Rạch Giá nói ngược lại: bằng chẳng đau đớn gì cả.

Hai khoa Tây y và Đông y đều vô lý. Bà linh cảm rằng mình đã bị "thư" một vật gì trong bụng. Và vật đó là một con rắn hoặc một bầy rắn. Giác mơ kinh khủng hồi nãy là bằng chứng tuy mờ hồ nhưng đáng tin cậy nhứt.

Mụ Hai thừa hiểu tâm bệnh của chủ nhà:

- Thừa bà, trước sau gì bệnh cũng hết. Bà ăn ở hiền lành, tu nhân tích đức. Kẻ gian manh không dám hại bà đâu!

Bà cai tổng lắc đầu:

- Chắc nó thư một con rắn vô trong bụng tôi.

- Xin bà đừng nói nhảm mà hao gầy thân thể. Thừa bà, nếu bà tin cậy thì con sẽ chỉ cách.

- Kiểm người mở bùa, mở thư à? Tốn kém bao nhiêu, bà không tiếc. Bà chỉ sợ tiền mất tật còn. Nhứt là tiếng đồn đả xấu xa của thiên hạ. Con Hai biết không? Tội nó trông cho bà chết, nếu không chết thì bà phải có chữa hoang để tội nó chia gia tài.

Mụ Hai nhớ tới người tình nhân của mình, giờ phút này đang ngủ chèo queo trong lò gạch cũ hoang vắng của cậu Ba Chiêu. Anh ta tên là thầy Ngọc, chuyên nghề xem địa lý, xem tử vi và đánh bài gian lận. Mấy lần rồi, mụ đến gặp thầy Ngọc để vấn kế. Thầy Ngọc một mực từ chối: "Dục tốc bất đạt, Bà cai tổng ưa nghi ngờ." Mụ Hai thúc hỏi: "để quá trễ, bà cai tổng chết thì sao." Thầy đáp: "Trước sau gì, trái cây chín cũng phải rụng nhưng bây giờ nó còn hơi xanh."

Trời tờ mờ sáng, bà cai tổng nằm lim dim trong khi mụ Hai lui cui nấu nước pha trà. Bà lại dụi mắt:

- Thôi! Mệt lắm. Con Hai biết cách nào trị bệnh cho bà không?

Mụ Hai nhớ tới Thầy Ngọc nên trả lời:

- Dạ, có ông thầy này mở bùa hay lắm. Để con tới nhà ông, nói rõ chứng bệnh của bà rồi thỉnh thuốc về.

- Thỉnh thử coi. Nhớ dặn thầy đừng tiết lộ cho ai biết. Bà hồ nghi tron bụng... có con rắn sống nhằn đang cựa quậy. Ban đêm, thỉnh thoảng bà nằm chiêm bao thấy bầy rắn hiện về, chun vô bụng.

Này giờ, ngồi nói chuyện với thầy Ngọc hơn nửa tiếng đồng hồ, mụ Hai ám ức quá chừng:

- Minh hãy cố gắng. Nếu trị dứt bệnh, bà dám đền ơn năm bảy trăm hoặc một ngàn đồng.

Thầy Ngọc ngồi chồm hổm, đôi mắt lấp lánh trong khung cảnh tối om:

- Tiền bạc, ai mà không ham. Tôi đâu ngu dại bỏ lỡ cơ hội. Đi chơi ngoài đường, gặp ai bỏ rơi một hai xu tôi còn cúi xuống lượm hưởng chỉ số bạc to tát. Thôi, em mang gói thuốc này về, nói rằng bà bị thư như vậy, như vậy... chớ không phải bị thư bầy rắn. Đừng cãi lời tôi mà hư hỏng đại sự.

Mụ Hai ra về, tức giận vô cùng. Tại sao thầy Ngọc chỉ biểu những việc lạc đề, gãi không trúng chỗ ngứa của bà cai tổng.

Mụ vừa vào tới sân, bà cai tổng chạy ra hỏi:

- Xong không?

Mụ đáp:

- Tôi đem gói thuốc này về cho bà. Thầy giảng nghe hay lắm. Vô nhà, tôi nói đầu đuôi căn bệnh cho bà rõ.

Để giữ bí mật, mụ Hai đóng cửa ngõ, đóng cửa cái rồi trình bày dông dài về kỹ thuật "thư, ếm" do một ông thầy vô danh nọ tiết lộ:

- Thầy đàng hoàng lắm, muốn làm việc nghĩa, cứu dân độ thế chớ không cầu danh, cầu lợi. Vì vậy thầy giấu tên thầy và chẳng bao giờ tọc mạch hỏi tên tuổi của bệnh nhân.

Bà cai tổng thích chí, khen tằm tắc:

- Con Hai mày khôn lanh quá. Đừng nói cho bất cứ ai biết rằng bà mang bệnh. Bà con của ông cai tổng hay không, họ đàm tiếu hoặc tìm cách "thư" loại bùa khác, độc hại hơn.

Bằng một giọng bí mật, mụ Hai cho biết: Mấy thầy "thư" thường bỏ thuốc vô thức ăn hoặc nước uống. Sau khi ăn uống nhầm thuốc, bệnh nhân chẳng bao giờ hay biết. Nhiều người bị thư từ hai ba năm rồi sau đó ăn nhầm thịt gà, thịt bò, thịt ngỗng... bệnh mới phát ra. Nếu muốn tìm thủ phạm bệnh nhân chẳng còn nhớ là vào dịp nào, do ai thuốc.

- Ông thầy bí mật suy luận rất lâu, phân biệt mấy kiểu thư, nào thư cây đinh, nào thư con rùa...

Bà cai tổng hỏi nhanh:

- Con gì trong bụng của bà đây?

Mụ Hai nói e dè:

- Dạ, con muốn nói nhưng sợ bà không tin.

- Cứ nói. Ai giận hờn mà sợ.

- Dạ, thầy nói trong bụng của bà có một miếng da trâu. Lâu ngày miếng da trâu ấy dày lên, nở lớn, lông trên bụng mọc ngày càng dài.

Bà cai tổng lắc đầu:

- Thầy nói bậy! Con rắn. Nó thư hàng chục con rắn con, trong bụng bà.

Mụ Hai vẫn trả lời đúng theo lời dặn riêng của thầy Ngọc:

- Dạ, đó là miếng da trâu, cắt miếng nhỏ dài nên nó nhút nhít giống như con rắn. Bà còn nghi ngờ sao? Thầy nói, da trâu phơi khô, tán ra nhuyễn như bột, nếu bỏ vô nước thì nó nở ra.

Bà cai tổng sực nhớ tới bao nhiêu "điều tai nghe mắt thấy" liên quan tới thịt trâu. Loại thịt trâu ngâm trong nước lạnh, chẳng bao giờ hôi thúi hoặc rã xác, trái lại nó cứ tươi thêm. Khi gặt xác trâu nổi lênh bênh trên sông, nhiều người bơi xuống ra, cầm dao lóc mớ thịt khuấy dưới mặt nước đem về ăn ngon lành. Lại còn sự mầu nhiệm khác: thịt trâu khó tiêu, có người mới nằm chõ, ăn thịt trâu rồi trúng mà chết trên giường với miếng thịt còn nằm ngoài cuống họng.

Bà gật đầu:

- Cũng có lý. Bao tử của mình đầy nước và nóng hổi. Da trâu nở ra, còn tươi xanh. Để bà uống thử một phen. Thuốc đâu rồi?

Mụ Hai trao cho bà cai tổng gói thuốc bột của thầy Ngọc rồi khuyên bà nên uống lúc còn đói và nhịn ăn để chờ đợi lúc miếng da trâu nở xỏ ra.

Sáng hôm sau, bà cai tổng thở dài. Mụ Hai đã đoán trước những lời bà cai tổng sắp phiền hà. Và mụ cứ im lặng, hồi lâu mới dám thưa với chủ nhà:

- Thuốc dở quá! Nếu vậy, phải tìm thầy khác. Nếu thuốc công hiệu, miếng da trâu đã tuôn ra ngoài rồi.

Bà cai đáp:

- Nhớ kiếm ông thầy thuốc khác. Thằng cha thầy da trâu này bói lạc quẻ. Báo hại bà đói bụng rồi "trả nợ" muốn thụt con mắt, đứt hơi. Đấy, cầm năm cục bạc... đền ơn tạm cho thằng cha da trâu đó... Nhớ ăn nói khéo léo, kéo nó giận rồi thư vô bụng bà một miếng da trâu thử thiệt khổ quá! Trời ơi... bây con rắn cứ quậy trong bụng bà hoài... Hồi tối, bà nằm mê...

Mụ Hai lẩm bẩm:

- Một con rắn đủ nguy hại rồi, nói chi tới mưòi con rắn. Bà ráng chờ đợi. Để con kiếm thầy khác.

Đang nằm lim dim trong lò gạch, thầy Ngọc chợt thấy mụ Hai bước vào. Mụ cần nhân:

- Mình báo hại quá. Bà cai tổng đòi thứ thuốc khác, thứ nào xỏ ra nguyên bày rắn con trong bụng bà.

Thầy Ngọc mỉm cười:

- Bà ta là tay đa mưu, đa nghi. Dục tốc bất đạt. Cái trái cây mới chín nhưng chưa mùi. Hái quá sớm, thất bại, uổng lắm.

Rồi hút thêm điếu thuốc, thầy gật gù:

- Nhứt là trái này vừa bở, vừa ngon. Em Hai ơi! Minh ơi! Lại nằm gần anh để nghe anh làm bài toán thứ nhì. Ráng chịu cực với anh chừng một hai ngày nữa. Em về thuật lại như vậy... như vậy... rồi cho bà uống gói thuốc này.

Nói xong, thầy Ngọc tiễn người yêu ra ngoài cửa lò gạch:

- Phải kiên nhẫn, ban đầu mình dở rồi sau đó mới trở thành hay. Nhớ nghe không! Em đừng nói rằng em đã bỏ ông thầy thứ nhứt và đó là gói thuốc của ông thầy thứ nhì.

Trưa hôm ấy, mẹ Hai tường thuật việc gặp gỡ với ông thầy "mở thư" thứ nhì. Theo lời mẹ, ông thầy này đã lớn tuổi, đầu rệu tóc bạc, mới xem qua ngỡ như ông tiên trên núi Tà Lơn. Ông "tiên" này cho rằng gia chủ bị thư một con đĩa trong bụng.

Bà Cai tổng sáng mắt lên:

- Có lý hơn ông thầy thứ nhứt. Con đĩa nó dài, nó cựa quậy, sanh đẻ ra đĩa con. Hèn chi trong giấc chiêm bao bà thấy nó dài... như con rắn. Nhưng xưa nay bà đâu có ra ngoài vườn hoặc ra ngoài ruộng mà bị đĩa chun vô bụng.

Mẹ Hai cười dòn:

- Bà nói nghe chưa xuôi. Con đĩa sống dai lắm. Tụi bắt lương đem con đĩa phơi khô... vài ngày sau đem ngâm xuống nước, nó sống nhăn. Ông "tiên" còn cho biết: Đĩa sanh con để cháu bằng trứng và bằng da... tụi bắt lương cắt một khúc da đĩa, đem phơi, tán ra thành bột rồi bỏ vô lu nước. Bà uống nhằm thứ nước đó. Miếng da đĩa vô bao tử, nở ra, trở thành đĩa mẹ. Rồi da của đĩa mẹ sanh ra đĩa con.

Lý thuyết ấy hơi khó tin nhưng bà cai tổng cố gắng dung nạp, như kẻ chết đuối ngoài biển khơi, tình cờ vớ được một cái phao nhỏ xíu, một thứ phao không phải là phao, vì bản thân của nó cũng sắp chìm.

Nhưng thà có còn hơn không! Đêm ấy, bà cai tổng uống liều thuốc thứ nhì với thái độ gượng gạo... để đi tới kết quả là nghe con vật gì cấu cào trong bụng nhưng chẳng bao giờ thấy nó bị tổng ra. Bà nằm thêm thiếp, trong giấc mơ kinh khủng lại thấy con rắn nhỏ màu vàng hiện về. Rắn ta níu đầu níu đuôi vào góc giường như giăng võng rồi xé tét cho bụng nứt ra... Hàng chục con rắn nhỏ nhảy xuống mền, chui vào bụng bà. Rắn ấy càng ngày càng to dần, trở thành hàng chục con rắn mẹ, mỗi con rắn mẹ lại đẻ hàng chục rắn con khác. Bà tưởng tượng bày rắn khổng lồ đang nô đùa, bò tới lui, le lưỡi, phun hơi độc vào tim, gan, phổi phèo...

Mẹ Hai chạy vào:

- Thừa bà...

Bà cai tổng ngừ ngừ như con thú bị thương:

- Chết rồi... Con Hai mày kiếm dùm bà một ông thầy khác. Bụng của bà có con rắn, thứ gì nhỏ nhỏ chớ đâu phải miếng da trâu hay con đĩa... Phải kiếm ông thầy biết "mở thư" .

Mẹ Hai sực nhớ lời căn dặn của thầy Ngọc:

- Dạ, thầy "mở thư" bây giờ khó kiếm lắm. Bà cho con xin chút ít tiền để con đi vài ngày ở bên Giồng Riềng...

- Tiền đây. Con Hai nhớ đi cho nhanh rồi về cho gấp nghe... Bà trông cậy vào một mình mày mà thôi. Bà khổ lắm, chỉ còn là cái xác chết để cho bày răn con rức rĩa. Tốn kém bao nhiêu, bà chẳng tiếc. Bán nhà bán đất, bà không màng... miễn là đem con răn mẹ với bày răn con ra khỏi bụng... Ác độc quá.

Sau một đêm ân ái với thầy Ngọc, mụ Hai khoan khoái nghĩ tới số tiền cúng tổ khá to:

- Mình nên cẩn thận.

- Em đừng dạy tôi điều ấy. Em về trước đi.

Thầy Ngọc lắc đầu:

- Em ngu quá vậy? Em phải về trước, bảo cho bà cai tổng biết. Hai đưa mình là kẻ xa lạ... Anh tới sau.

- Mình nói đúng. Để em về.

Thầy Ngọc nói gắt:

- Mắc dịch! Có cái đó, anh căn dặn kỹ mà em vẫn quên.

Mụ Hai trở vào lò gạch, nhận lãnh một cái ống trúc khá nhỏ rồi giấu trong ngực. Thầy Ngọc nói rí vào tai mụ vài câu, mụ đưa ống trúc lên tai để nghe rồi nhướng mắt.

- Thừa bà. Thầy sắp tới. Ông thầy này khó lắm. Ông hứa bảo đảm sẽ mở thư cho bà thấy nhãn tiền.

Bà cai tổng mừng quýnh:

- Thiệt vậy không?

- Dạ... ông tới kia!

Thầy Ngọc được bà cai tổng đón rước trọng thể. Thầy xem sắc mặt bà cai rồi nói khề:

- Xin phép bà cho tôi xem mạch và coi mấy lần gân xanh nổi trên bụng:

Bà cai tổng nói:

- Nhưng... xin thầy vô buồng của tôi mà xem mạch, kéo thiên hạ dị nghị. Hai à! Con vô đây với bà...

Thầy Ngọc sờ vào cườm tay bà cai tổng. Mụ Hai đứng đó để đóng vai tuồng của người thứ ba.

Bà cai tổng nói:

- Hai à... con ra ngoài, khép cửa cho kỹ. Hễ có ai tới thăm thì nói là đang mệt. Đừng để họ vô nhà rồi đàm tiếu.

Thầy Ngọc gật đầu:

- Đàm tiếu thì tôi không sợ. Tôi chỉ sợ... là bùa của tôi mất linh nghiệm.

Mụ Hai bước ra khỏi phòng. Trong này, thầy Ngọc tiếp tục bắt mạch ở cườm tay rồi xem gân trên bụng của bà cai tổng.

Thầy mỉm cười:

- Đêm nay là biết... Thôi, để tôi ra ngoài, lo bào chế thuốc cho bà uống. Cỡ chín hay mười giờ khuya là xổ ra. Nhớ kêu đũa ở để nó coi chừng kéo... con thú đó còn sống. Tôi cũng thức tới giờ phút đó...

Sau khi uống mớ thuốc tán, bà cai tổng nằm liệt giường, nhin đói. Giây lâu, thầy Ngọc vào phòng của bà để xem lại bộ mạch, rót nước cho bà uống rồi đưa ra các lý luận tràng giang đại hải về rắn trung, rắn nạp dưa, rắn Xiêm, rắn Ấn Độ, rắn Tà Lơn.

Trời đã tối. Thầy Ngọc nói ta:

- Đũa ở đâu rồi? Tôi muốn uống trà.

Mụ Hai đến gần tình nhân, mắng yêu:

- Minh dám kêu tôi bằng đũa hả?

Thầy Ngọc nói:

- Chừng bả xổ bùa em giấu cái ống tre trong áo rồi la hoảng, gọi anh tới. Nó còn sống không? đừng sợ gì ráo.

Từ trong buồng, bà cai tổng kêu rú lên:

- Hai ơi! Bà mệt quá. Hai ơi. Vô đây tiếp sức với bà. Trời ơi... cái gì nôn nao trong bụng quá!

Mụ Hai dạ thật to, chạy tất tả, tay sờ vào cái ống tre.

Ngoài này, thầy Ngọc lắng nghe... chờ hiệu lệnh.

bỗng nhiên, mụ Hai quát to:

- Bà ơi! Con gì sống nhẩn đây nè! Để con đem cây đèn chong lại coi cho kỹ... Úy trời đất ơi!

Bà cai tổng rú lên:

- Con rắn hả? Thầy ơi! Vô coi dùm thử coi. Thuốc hay quá... Từ rày về sau...

Thầy Ngọc đốt thuốc hút rồi đến cửa phòng, gõ vài tiếng xin phép vào để tỏ rằng ta đây là người đứng đắn, tôn trọng thuần phong mỹ tục... Chập sau, mẹ Hai mở cửa:

- Thầy coi thử... Con rắn ghê quá. Nó nằm lờ đờ...

Thầy Ngọc nói lông bông, để đùa với mẹ Hai:

- Bị nhốt trong... bụng, nó ngộp thở.

Rồi day qua bà cai tổng, thầy nói:

- Bà thấy khoẻ khoản chưa? Bà đói bụng không?

Bà cai tổng nói nhanh:

- Hai à? Con ra ngoài, lo nấu cháo cho bà ăn.

Mẹ Hai bước ra. Trong phòng, chỉ còn bệnh nhân và thầy bùa. Ai nấy đều thoải mái, vui ra mặt. Kể thì mừng được hết bệnh, kể thì mơ ước xa xăm hơn:

- Bà cai à! Tôi muốn về gấp nhưng... bà đã thấy, mỗi lần uống thuốc chỉ có xổ ra một con rắn thôi. Trong bụng bà, còn chừng mười con rắn khác... Mười ngày nữa, mỗi ngày xổ một con.

Bà cai gạt đầu:

- Tôi hiểu rồi. Thầy chịu phiền thức với tôi mười đêm nữa, tại đây chớ gì?

- Nếu bà hiểu... tấm lòng của tôi, tôi đâu ngại thức khuya dậy sớm.

Vài tháng sau, bà cai tổng bỗng lớn bụng. Rồi sau tháng Giêng, bà xổ ra một đứathầy rắn con, giống hết gương mặt lấu cá của thầy Ngọc.

Con trích ré

Đêm ấy, ngôi nhà lầu của cai tổng Báu rộn rịp khác thường. Hàng chục cây đèn măng xông cháy sáng rực ở ngoài sân và trong phòng khách. Từ bốn hôm trước, bọn gia nhân phải thức khuya dậy sớm để treo bông kết tuột, chuẩn bị ngày gấn huy chương Nông Nghiệp (Mérite agricole) do quan phó tham biện cử hành.

Các thân hào, hương chức hội tề đã tề tựu từ hồi bốn giờ chiều.

Ông tổng Báu mặc áo dài khăn đóng đứng ngoài cửa bắt tay từng người. Mặt trời xuống dần, cảnh vật trở nên âm u. Ông tổng chạy tới lui, quát tháo từng chập:

- Xong chưa! Nhớ un muối bốn phía sân. Quan phó tham biện là người Lang Sa. Ông sợ muối lắm. Muối cắn... tức là chích nọc vi trùng sốt rét. Hôm trước, ông căn dặn làm thế nào đừng cho muối cắn ông!

Rồi ông tổng nói với tên tổng khậu (đầu bếp):

- Sửa soạn cho xong đi! Chừng một giờ nữa...

Tên tổng khậu đáp:

- Dạ, đầu đó xong xuôi rồi. Bữa này, nhứt định quan phó tham biện hài lòng. Món này đặc biệt... ngon hơn đồ Tây.

Rồi anh tổng khậu chạy vào phòng khách. Anh ta trở ra, mặt mày hơ hãi:

- Chết cha! Ông cho phép tôi sửa soạn ngay giữa sân này... Phải đốt lửa trước để có than...

Ông tổng Báu gật đầu:

- Cứ dọn ngay giữa sân. Nãy giờ, tao nói trừ hao... Còn sớm mà.

Dưới ánh đèn măng xông sáng trưng còn hơn ban ngày, bọn gia nhân hì hục làm việc dưới sự điều khiển của anh tổng khậu. Họ chất hàng bầy tám chục khúc củi, đốt cháy rực trời, theo kiểu... hướng đạo đốt lửa trại, có điều khác là đồng lửa ấy dài như hình chữ nhật. Hồi lâu lửa ngọn hạ xuống, họ đem tới năm ba cần xé đựng đầy vỏ dừa, lolại vỏ dừa tươi, phơi khô.

Mấy ông hương chức hội tề khen nức nở:

- Than vỏ dừa đượm lắm.

Mớ vỏ dừa được tung vào đồng lửa. Một mùi thơm thơm bay ra... Trong khi ấy anh tổng khậu đến phía sau nhà, truyền lệnh:

- Đập đầu con bò con cho mau. rồi cạo lông sơ sơ. Nhớ mổ bụng, đem bộ đồ lòng ra cho sạch. Phải giữ nguyên hình dạng con bò: đuôi, móng, lưỡi, lỗ tai... Mất một món là bọn mình... mất danh dự.

Bọn gia nhân đốt đuốc, đập đầu con bò con. Anh tổng khậu vào nhà bếp thúc hối:

- Nhớ chưa! Bàn thứ nhứt đầy chuối chát; bàn thứ nhì, khế chua; bàn thứ ba, bánh hời; bàn thứ tư, bánh trắng; bàn thứ năm, mắm nêm; bàn thứ sáu, muối tiêu.

Mấy chỉ ở nhà bếp cười dòn!

- Đầy đủ hết rồi. Còn bàn thứ bảy?

Anh tổng khậu nói:

- Bàn thứ bảy thì dành riêng để uống rượu. Cứ khiêng lên sau, khi tôi ra lệnh...

Đồng lửa than đã ngún đỏ rực giữa sân.

Hai tên gia nhân cầm sẵn bốn cây nọc, mỗi đầu hai cây treo lại. Ông tổng Báu cười hì hì:

- Món này đặc biệt lắm, bò gác treo! Bên Tây, họ chưa ăn uống sang trọng như ở xứ mình.

Một ông hương chức hội tề nói phụ họa:

- Hồi nào tới bây giờ, tôi nghe nói thịt bò gác treo nhưng chưa nếm lần nào. Đêm nay, dịp may hiếm có...

bỗng dưng mọi người đều nhảy nhồm. Từ phòng khách có tiếng con chim gì kêu to:

- Ré... ré... ké... ké...

Ông tổng Báú đứng dậy, giận xanh mặt:

- Bà Hai đâu? Tôi căn dặn mấy bữa rày mà cứ để như vậy. Con trích phá đám. Đêm nay, coi chừng...

Cử toạ cười vang lên. Con trích vừa nhảy vừa bay sập sần ra sân. Nó to bằng con gà tre, lông xanh mượt như lông chim sa sả (chim chạ). Cái mông con trích cứ đưa qua đưa lại, đỏ hói... Đôi chân đỏ đậm nhảy tới, quơ móng nhọn lều, bén như dao cạo. Ông Tổng Báú la tiếp:

Bà Hai chính là người vú già nuôi bé Kiều, đưa con gái út của ông tổng. Bà cố sức chạy theo... Con trích cứ "ré" lên, bay vòng quanh đồng lửa. May quá, bà Hai chặn đầu con trích, ôm vào lòng, nói khẽ với ông tổng như để giải thích, xin lỗi:

- Dạ, cô bé Kiều mở cửa thành linh.

Vừa dứt lời, bé Kiều chạy tới, khóc thút thít:

- Ba ơi! Con trích đâu rồi? Ba rầy con hả?

Ông tổng báú vuốt tóc con:

- Thôi nín đi. Ba rầy bà Hai chứ đâu có rầy con, con lên lầu mà ngủ đi.

Bé Kiều nũng nịu:

- Con không ngủ đâu. Tại sao ba nhốt con trích trong lồng. Nó kêu hoài, tội nghiệp nó lắm.

Từ ngoài sân, đứa gia nhân chạy vào, nói giọng nghiêm trang:

- Thưa ông! Ca nô ông phá tham biện tới rồi!

Ông tổng Báú giật mình, nói với bà Hai:

- Được rồi Bà thả con trích ra khỏi lồng. Cho con trích vô ở trong phòng với bé Kiều nghe không?

Rồi ông nài nỉ:

- Bé Kiều! Đêm nay, ba mắc công chuyện. Con ở trong phòng mà chơi với con trích. Kẹo bánh thiếu gì ở trong đó.

Bà Hai ôm con trích, vào phòng khách rồi lên lầu, bé Kiều chạy theo bà. Nó mừng rỡ, ông tổng không nhốt con trích nữa. Nó tha hồ đùa giỡn, bẻ bích bích qui cho con trích ăn...

Con trích, gọi nôm na là "trích ré" thuộc vào loại chim rừng đẹp nhất. Nói đúng hơn, nó là loại chim sống ở nơi đồng cỏ hoang dại. Trích bay rất thấp, lủi trong cỏ rất khéo một khi lâm nguy, bay không kíp. Thịt trích ăn khá ngon, nào kém thịt gà.

Qua lúc sa mưa, nếu lội bộ qua vùng cỏ mênh mông, ta có thể gặp hàng chục ổ trích, trong mỗi ổ có năm sáu trứng. Như người, trích cất cánh bay bỗng hoặc chui xuống cỏ, đứng như chết.

Trích lại có tài đá lộn như gà. Nhiều người nuôi trích để giữ nhà. Mỗi khi gặp người lạ, trích "ré" lên inh ỏi để báo động, rồi chạy tới, vừa cắn, vừa đá, vừa bay... Bị tấn công thành linh, khách lạ khó bề xoay trở, thường chịu rách quần áo, trầy da hoặc đui mắt.

Bé Kiều là con gái út của ông tổng Bái. Ông tổng có đưa con trai lớn, chết vì bệnh ban đen hồi năm ngoái. Bé Kiều là đứa con gái duy nhất còn lại trong gia đình. Mẹ bé Kiều mất khi bé Kiều được đầy tháng. Vì vậy, bé Kiều là hòn ngọc trong gia đình.

Một hôm, lúc dạo xóm với ông tổng, bé Kiều gặp con trích nuôi trong nhà người tá điền. Bé Kiều khóc lóc, đòi đem con trích ấy về nhà nuôi cho bằng được. Ông tổng chiều con, sắm chiếc lồng sơn son để nuôi trích. Nhưng bé Kiều giận lấy, không muốn nhốt con trích vào lồng.

Con trích trở thành con búp bê được bé Kiều nân niu... Hễ bé Kiều đi đâu là con trích chạy theo đó như hình với bóng.

Thỉnh thoảng, con trích phóng uế nơi phòng khách. Bà Hai đành phải làm công việc lau chùi... và lau chùi không hở tay nếu con trích ăn uống không tiêu. Những lúc ấy, bé Kiều khóc lóc, đòi kiếm thuốc cho con trích uống... Ông tổng Bái đành xuống nước nài nỉ con, hứa mai hứa mốt. Ban đêm bé Kiều để con trích ngủ bên giường, sợ kẻ trộm lên vào nhà bắt con trích cưng.

Ông tổng lăm lăm bực mình và tỏ ra thông cảm với nỗi khổ nhọc của bà Hai:

- Bà đừng phiền, bé Kiều thiếu tình thương của mẹ. Nó gắt gỏng khó tánh, tội nghiệp nó. Vái trời cho con trích sống hoà. Rồi con trích chết, chắc nó mang bệnh theo.

Buổi gán huy chương Nông Nghiệp đã cử hành xong. Ông tổng Bái đứng im như một người lính, ưỡn ngực, nín thở. Sau đó, ông xin phép với quan phó tham biện:

- Mang huy chương lúc ăn uống là điều thất lễ với... chánh phủ Lang Sa. Tôi muốn đem cái huy chương này cất trong tủ thờ...

Quan phó tham biện cười nhếch mép rồi gật đầu, vỗ tay... Tất cả cử tọa đứng dậy, vỗ tay phụ hoạ hồi lâu mới dứt.

Cai tổng Bái bước ra sân, nói khẽ với anh tổng khậu:

- Đem món ăn ra giữa sân!

Quan phó tham biện hơi ngạc nhiên. Ban nãy ông tổng Báú giới thiệu món ăn duy nhất: thịt bò con. Bây giờ, bốn đứa gia nhân đặt con bò con lên kiệu, khiêng ra sân, gác lên mấy cây tre, trên đồng lửa than đỏ rực.

Trông con bò ngổ nghĩnh, ngây thơ và nên thơ quá! Nhờ tài khéo léo của anh tổng khậ, con bò như sống lại, nhả răng cười trên đồng lửa hồng! Ban nãy, anh ta đã dùng hai khúc cây nhỏ, chôi mí mắt khiến con bò vẫn thức tỉnh trong cái chết, đôi mắt tròn xoe, trao tráo!

Anh tổng khậ khoát tay làm dấu hiệu với mấy người nhà bếp.

Họ xúm nhau khiêng bàn, mấy cái bàn riêng biệt đầy chuối chát, khế chua, mắm nêm. Đầu đó xong xuôi, ông tổng Báú trịnh trọng đứng dậy.

- Thừa quan phó chủ tỉnh, thừa quý anh... hương chúc hội tề. Hôm nay là ngày vui, chúng tôi xin đãi tiệc mọn. Muốn ăn món thịt bò gác tre này, xin quý vị chịu phiền dời gót ngọc dạo chung quanh con bò. Lời tục thường nói: Ngồi một chỗ ăn ít, trái lại, nếu vừa đứng vừa ăn thì ta ăn nhiều hơn...

Quan phó chủ tỉnh nhờ hiểu chút ít tiếng Việt nên gật đầu, vỗ tay. Chờ khi tràng pháo tay chấm dứt, quan phó chủ tỉnh nói to:

- Ông cai tổng là chủ nhà, chủ tiệc. Vậy thì mời ông ăn trước cho mọi người bắt chước theo...

Ông tổng Báú cúi đầu:

- Cám ơn quan lớn.

Quan phó chủ tỉnh rót ly rượu chát để tán thưởng:

- Ông cai tổng uống, uống cạn ly...

Uống xong ly rượu, ông tổng Báú càng cao hứng, nói thao thao bất tuyệt:

- Món ăn này ăn bằng cây dao và đôi đũa. Trước tiên mình cầm dao, đâm lụn vào da con bò...

Quả đúng như lời, mũi dao vừa xắn vào da bò là một lõi thịt đỏ tươi từ từ vọt ra. Ông tổng Báú cắt khúc thịt nửa sống nửa chín ấy, gấp trong đũa.

Đến bàn thứ nhứt, ông lượm một miếng chuối chát, kể đến, miếng rau sống, miếng bánh tráng rồi ông gói lại, đem chấm tại bàn có mắm nêm. Tràng pháo tay nổi lên... Ông tổng đưa miếng thịt bò vào miệng. Rồi ông đến bàn rượu, nâng lên chén rượu đế!

Cử toạ lần lượt vào tiệc.

Họ sấp hàng một, lụi mũi dao vào hông con bò, cắt thịt rồi đi dạo vòng quan con bò, từ bàn chuối chát đến bàn rượu... theo cái vòng lẩn quẩn thú vị. Đêm càng khuya, bao tử của đám thực khách càng đầy thịt rượu... Lần đầu tiên, được thưởng thức món ăn đầy đủ hương vị "bản xứ thuộc địa miền nhiệt đới," quan phó chủ tỉnh uống rượu say mềm... Ông ta nói:

- Uống quá! Phải chi ở chợ... mình mở ra dạ hội khiêu vũ.

Ông tổng Báú chấp tay, kiếu lổ:

- Dạ, chốn này quê mùa, thiếu gái đẹp...

Đâu được. Đàn ông có thể khiêu vũ với đàn ông... Nãy giờ, ăn thịt bò hơi nhiều, ăn chỉ có một thứ.

Bỗng dưng, từ trong phòng khách có tiếng "Ké! Ké! Ré! Ré!" lanh lảnh!

Cử tọa giật mình và ông tổng Báú như sống trong cơn ác mộng! Trời ơi! Con trích ré của bé Kiều lại chạy xuống, vừa chạy vừa vỗ cánh, vừa vỗ cánh há mỏ, hươi móng.

Tất cả quan khách đều là kẻ lạ! Bản năng con chim rừng ấy thúc dục nó phải liều mạng để báo động, hành hung đánh đuổi... quân thù! Và trong đám quan khách ấy, người xa lạ và khó thương nhất chính là kẻ lớn con, ăn mặc lạ lùng mà hồi nào đến giờ nó chưa từng thấy.

Ông tổng Báú la lên:

- Bà Hai! Tôi giết bà bây giờ. Bộ bà ngủ gục ở trên hả?

Cử tọa xô ghế, đứng dậy... ông phá tham biện cứ ngồi lì một chỗ. Ông ta khòm xuống thấp, dang hai tay ra để chào đón cho chim quá đẹp.

Con trích nhảy tới, đá túi bụi... Ông phó tham biện chủ tình cố gắng chụp nó vào lòng để vuốt ve...

Ông tổng Báú la hoảng:

- Quan lớn coi chừng!

Ông tổng vừa dứt lời, quan phó tham biện cau mày, rút khăn mù soa chùi mấy vết máu tươm ra trên làn da tay vừa bị đâm, bị mổ.

Con trích thối lui, thủ thế.

Từ phía sau, bé Kiều la lên:

- Trích! Trích! Mày chạy đi đâu vậy? Nãy giờ tao thức dậy kiếm mày gần chết! Lạ lắm hả?

Con trích lại phóng tới, mổ vào mặt quan phó tham biện. Tức giận, quan phó tham biện đứng dậy, đá mạnh. Trúng mũi giày da, cont rách đau điếng, té nhào vì mất thế quân bình.

Ông tổng Báú đổ mồ hôi hột vì linh tính như báo trước điềm không may. Ông chạy tới, chụp con trích rồi xin lỗi:

- Quan lớn đừng phiền. Nãy giờ tôi nhốt con trích này ở trên lầu. Chẳng qua lạ sự sơ sót. Để tôi lấy thuốc thoa cho quan lớn.

Nhưng... đường đường một đấng thượng quan, lẽ nào quan phó tham biện lại chịu thua một con chim nhỏ bé... Ông ta nói:

- Đưa cho tôi coi!

Tổng Báun run rẩy, nghĩ đến phản ứng của bé Kiều. Con trich ré lên thật to, mỗ vào mắt ông phó tham biện.

Lànnày ông đề phòng trước, chụp mở nó rồi vặn cổ.

Bé Kiều khóc thét lên:

- Trả cho tôi! Trả lại cho tôi!

Ông phó tham biện đắc thắng, mặt mày vênh váo như vừa giết được kẻ thù. Bé Kiều là đứa con nít quèn, đâu xứng mặt đối thoại với ông ta. Ông ta tiếp tục làm công việc của kẻ chiến thắng:

- Để tôi "rô ti" con trich này, thịt nó ngon lắm.

Vừa dứt lời, ông ta quăng xác con trich vào đồng than đỏ rực. Bé Kiều từ nãy giờ theo dõi mọi hành động của ông Tây tàn ác. Nó chạy tới để cứu xé ông Tây lạ mặt. may thay, bà Hai chặn lại, nài nỉ:

- Tội nghiệp tôi, cô ơi!

Mùi lông trich bay lên khét lẹt, bé Kiều cắn tay bà Hai để giải vây rồi chỉ ngón tay vào mặt quan phó tham biện:

- Chết mẹ mày! Mày nướng...

Nhanh như chớp, ông tổng Báun tới bên cạnh bé Kiều, bụm miệng con rồi giả vờ đóng kịch:

- Bà con xem... Thấy con trich cắn quan lớn, bé Kiều nổi giận, đòi nướng con trich, đòi giết con trich cho hả giận... Á! Thôi, lên phòng nằm, sáng mai ba kiểm cho con một con trich khác.

Rồi ông nói với bà Hai:

- Đem bé Kiều lên tầng lầu trên. Còn bà thì đứng lẫn quần gần đây, coi chừng nó chạy trở xuống, nói bậy, ở tù cả đám.

Bé Kiều, nổi điên lên. Hai bàn tay bà Hai nhấc nó khỏi mặt đất, bồng nó lên tầng lầu. Rồi bà Hai trở xuống ngồi chặn ngay thang lầu.

Bé Kiều nhớ tới con trich khôn ngoan hằng đêm ngủ với nó, hằng ngày ăn uống đùa giỡn với nó. Trời! Con trich này chết rồi! Giận quá. Thủ phạm lại là cha nó. Nếu cha nó không trao cho ông Tây thì con trich vẫn sống nhăn. Bé Kiều quyết trả thù. Phải làm một việc mà cha nó khi hay tin sẽ khóc... như nó đã khóc. Nó sực nhớ đến cái hồ nước ở gần nhà bếp. Mọi khi cha nó căn dặn, ngăn cấm không cho nó lại gần. Đêm nay, lát nữa, nó sẽ bắc ghế, rình lúc người ở nhà bếp sơ ý... Nó nhảy vô hồ nước để trốn. Hồ nước mát lắm. Nhảy vào đó như nhảy xuống sông. Tại sao cha nó ngăn cấm không cho nó tắm dưới sông...

◦ ◦
◦

Tàn bữa tiệc, sau khi quan khách ra về, ông tổng Bá đến tử thờ, đem cái huy chương Canh Nông ra gắn trước ngực. Rồi ông ta chạy lên lầu để an ủi bé Kiều, khoe khoang với bé Kiều rằng cái huy chương quý hơn con trích. Nếu cần, ông sẵn sàng cho bé Kiều mang cái huy chương để ngủ đêm nay.

Ông trở mắt:

- Bé Kiều đâu? Bà Hai.

Bà Hai đáp:

- Dạ, cô bé ở đâu đó mà!

Bọn gia nhân đốt đuốc, chạy lằng xằng. Hồi lâu, công việc tìm kiếm được chấm dứt vì một đứa gia nhân đã sực nhớ tới cái hồ nước. Anh ta cầm đuốc, dựa bên thành hồ, trở mắt... bàn tay rụng rời buông ngọn đuốc..

Đơn Hùng Tín chào đời

Thời Pháp thuộc, đồng bào ở miền Tiền Giang, Hậu Giang đều nghe danh... Đơn Hùng Tín. Anh ta thuộc vào hàng "đại ca," điều khiển một số tay anh em giết người cướp của không ớ tay. Lời nói và việc làm của Đơn Hùng Tín luôn luôn đi đôi. Trước khi đánh cướp, Đơn Hùng Tín báo trước ngày giờ để cho gia chủ đề phòng. Khi quân cướp rút lui, chẳng ai dám hó hé tố cáo hoặc truy nã. Du đãng Đơn Hùng Tín thường vượt ngục phá khám hoặc được quan trên... "tha bổng." Vì vậy, dư luận cho rằng có nhiều ông hương chức hội tề hoặc ông cò Tây đã bí mật làm tay chân cho Đơn Hùng Tín vì sợ anh ta, vì tham của hoạnh tài.

Xưa kia, Đơn Hùng Tín chưa lấy biệt danh ấy. Anh ta còn là kẻ vô danh, đọc truyện Đường, nuôi chí lớn và chờ thời...

Vùng núi Tà Lơn nổi danh là nơi ẩn nấp của lũ tay siêu phàm. Lúc phiêu bạt đến đó Đơn Hùng Tín chỉ là một hột cát bé bỏng. Anh ta thường dạo khắp mấy hang đá cheo leo, hôm ấy gặp một thanh niên ốm o gầy mòn. Thanh niên hỏi:

- Anh là ai?

Đơn Hùng Tín hỏi ngược lại:

- Còn anh... anh là ai?

Chàng thanh niên bèn mời Đơn Hùng Tín vào hang đá mà nói:

- Ở đây, người nào cũng như người nấy. Đứng về võ nghệ mà phê phán thì có hơn chục người sành sỏi, bóp viên đá ra như cám hoặc nhảy như bay qua miệng hổ. Chẳng hay anh bạn giỏi về môn nào?

Để che giấu cái tài hèn đức kém của mình, Đơn Hùng Tín lại dùng thủ đoạn cũ, nghĩa là hỏi vặn:

- Còn anh bạn?

Thanh niên mỉm cười:

- Tôi mới biết sơ qua vài "ấn." Nè anh bạn tới thăm tôi trẻ, gặp dịp, tôi "triệt" bà cố cho bạn xem mặt nhần.

Đơn Hùng Tín đâm ra nghĩ ngợi: "bà cố" là vị thần mạnh nhất, huyền diệu nhất so với các cô, các cậu đang bay bổng, phiêu du khắp cõi càn khôn. Người biết bắt ấn, triệt được "bà cố" hẳn phải là tay dày công luyện tập. Thanh niên nọ cứ day mắt vào vách đá, miệng đọc bùa chú lâm râm. Để tỏ rằng mình đầy đủ bản lĩnh. Đơn Hùng Tín cố ý khuấy rối sự yên tĩnh:

- Anh bạn hơi đâu mà luyện tập thứ ấn thấp kém đó. Tôi đây biết bùa phép và thường triệt "bà cố." Chẳng hay anh bạn triệt kiểu nào?

Theo danh từ nhà nghề, "triệt" tức là kéo níu. "Bà cố" bay phiêu diêu như chiếc xe mạnh bằng chục mã lực. Triệt "bà cố," chẳng khác nào kẻ vận dụng sức lực để níu lại một chiếc xe đang mở máy phóng tới. Thanh niên nọ vẫn mỉm cười đưa chân mặt ra phía trước rồi cong lưng, dùng tay trái mà nắm lấy một ngón chân:

- Đạ để... tôi làm như vậy. Bà cố thường vân du, như bánh xe xoay tròn, muôn màu muôn sắc. Lúc tôi bắt ấn, mình mẩy tôi rêm nhưc, đầu óc nóng bừng bừng... Gần đây, còn một lão tổ sư khác thường tới lui thăm tôi, lão chê tôi làm trò chơi kiểu con nít.

Đơn Hùng Tín bắt đầu e ngại. Trên dãy núi Tà Lơn này anh ta rõ ràng là bất tài, chưa xứng đáng làm đệ tử của chàng thanh niên, nói chi đến lão tổ sư. Chàng thanh niên hiểu rõ nhược điểm của người bạn đang ngồi trước mặt.

Đơn Hùng Tín trở mắt như lao vào một thế giới vô hình. Từ đây tới điện Cán Dù, mỗi khi trời mưa lác rác, ngoài dấu chân heo rừng hoặc hươu nai, đôi khi thiên hạ gặp ngoài dấu chân nhỏ nhỏ của một người con gái. Nàng là ai? Càng khó hiểu hơn là những bước chân ấy được in trên cát xa cách nhau. Dấu chân mặt và dấu chân trái nàng giống hệt dấu của kẻ đi với đôi hài... bầy dậm.

Mưa bắt đầu rơi, Đơn Hùng Tín rùn mình hỏi kỹ:

- Thật vậy không?

Chàng thanh niên đáp:

- Nhiều tay tổ sư lập đàn để "triệt" vong hồn kẻ khuấy mặt nhưng nàng vẫn chưa chịu về. Anh bạn mà triệt được nàng, ắt nổi danh.

- Tôi chưa học tới thứ ấn đó... Đơn Hùng Tín đáp.

Chàng thanh niên đắc ý, hiểu rằng người khách lạ có thân hình to lớn ấy đã lọt vào phạm bẫy tâm lý của mình. Chàng nói tiếp:

- Ở đàng kia, còn một ông lão tài ba lỗi lạc. Lão ta đang nắm giữ bộ sách "Thiên thư bí quyết." Anh bạn đọc qua bộ đó chưa?

Đơn Hùng Tính đáp:

- Tôi nghe sơ qua cái tựa chớ chưa đọc.

Chàng thanh niên cố ý giữ thể diện dùm cho người khách lạ. Theo lời thuật của anh ta thì ông lão kia học được vài phép màu nhiệm trong bộ "Thiên thư bí quyết." Lão nuôi một con khỉ, mỗi ngày cho khỉ uống một lá bùa. Uống đến lá bùa thứ bảy thì con khỉ nọ tự nhiên ngã lăn ra chết. Lão đem xác con khỉ bỏ trong cái hộp bằng cây trầm hương. Đứng trăm ngày, lão mở hộp ra, cho con khỉ uống lá bùa thứ tám. Khỉ mở mắt, bắt đầu chạy nhảy lanh lẹ như xưa. Và mỗi ngày khỉ chạy đến chân núi, ăn cắp đúng hai đồng xư về nạp cho ông lão.

Động lòng tham, Đơn Hùng Tín nói:

- Mưa ké đó màu nhiệm, nhưng mỗi ngày có hai xu, ít quá. Con khỉ tuy khôn lanh ngặt nó hành đồng theo thói tiểu nhân, trộm cắp lén lút. Tôi đây muốn làm cách nào... lấy của giữa ban ngày.

- Nghĩa là... ăn cướp:

Đơn Hùng Tín gật đầu:

- Nhưng ăn cướp đâu có nghĩ là làm chuyện bất lương thất đức. Mình ăn cướp đường đường, bắn súng cho chủ nhà cướp hay tin trước. Mình ăn cướp tiền bạc của Tây tà, đem phân phát cho kẻ bần hàn...

Luận điệu dối trá, giả nhân giả nghĩa ấy bỗng nhiên được chàng thanh niên tán đồng. Thật ra từ bốn năm trước nay, chàng thanh niên lên núi với hy vọng lập nghiệp. Hồi ở Châu Đốc, chàng ta làm nghề dạy học rồi bị sa thải vì tội cờ bạc và hút thuốc phiện.

Lên ở ẩn trên núi, chàng ta không đủ can đảm để luyện phép, tu tiên nhưng vẫn nuôi mộng được làm quân sư cho một kẻ anh hùng. Hôm nay, gặp kẻ anh hùng "vai năm tấc rộng, thân mười thước cao" như kẻ đang viếng động, chàng mừng khắp khởi.

Năm sáu ngày ròng rã, Đơn Hùng Tín ăn ngủ tại nhà chàng thanh niên. Chàng ta giới thiệu:

- Tôi là Giáo Phép, đại ca cứ gọi tôi bằng em.

Đơn Hùng Tín đáp:

- Gặp được chú Giáo, tôi mừng như cá gặp nước, như rồng gặp mây. Xem qua truyện Tống, truyện Đường, tôi thích có một người... Đó là Đơn Hùng Tín, người tận trung với chúa. Mai chiều mình làm giàu, cùng nhau chia cơm xẻ áo.

Giáo Phép nói rĩ vào tai Đơn Hùng Tín, mặc dầu chung quanh hang đá chẳng có người thứ ba nào rình nghe trộm:

- Mấy ông già tiên ở trên núi... nhứt định đâu thêm làm đệ tử cho anh em mình. Muốn lập đảng cướp, mình nên qui tụ bọn người đốn củi dưới chân núi.

Đơn Hùng Tín cau mày:

- Làm sao thu phục họ được? Mình không biết "triệt" bà cố, ngồi đàn bắt buộc cô gái ma xuất hiện hoặc... nuôi khi?

- Dễ quá. Đòi vật chất văn minh. Tây cai trị nước mình được là vì Tây có súng. Mình nên dùng súng để trị súng!

Đơn Hùng Tín lắc đầu:

- Làm sao lập đạo binh chống với Tây tà được? Thú thật với chú Giáo, tôi có mang lên đây một khẩu súng "mút cơ tông" với ba viên đạn mà thôi.

Giáo Phép mừng quýnh, nói rí vào tai Đơn Hùng Tín ba điều bốn chuyện rồi xin phép đại ca xuống núi vài ngày để mua sắm vài thứ bùa phép cần thiết, chờ khi phát cờ gióng trống, chiêu quân mã mã. Nghe qua, Đơn Hùng Tín cười dòn, vỗ đùi bôm bốp...

Giáo Phép từ Châu Đốc trở về núi Tà Lơn.

Đơn Hùng Tín mừng rỡ sau khi nghe giải thích vài chi tiết trong quyển sách khá dày, đóng bìa da:

- Thiệt vậy hả cháu Giáo? Ngày mai chú xuống chợ Cần Giọt truyền rao, ngày mốt tôi xưng vương, chánh thức ra mắt. Mười ngày sau nữa, tôi... làm giàu, công ơn chú, chẳng bao giờ tôi quên.

Giáo Phép đắc ý, lật qua lật lại mấy trang sách:

- Đúng là bộ Thiên thư bí quyết viết bằng chữ Tây. Bên Tây họ thí nghiệm nhiều lần rồi, ở hội chợ phiến... thiên hạ kéo tới đông nghẹt, nhiều người ngất xỉu vì ngột hơi thở, vì quá sợ sệt. Huống chi ở xứ Tà Lơn khi ho cò gáy này.

Từ đó đến chiều. Đơn Hùng Tín uống rượu khá nhiều. Anh ta đem khẩu súng ra chùi cho bóng láng và đếm tới đếm lui mấy viên đạn. Với chiếc kềm sắt, anh ta tháo đầu đạn, ráp vào rồi lại tháo ra. Hồi lâu, như chưa vừa ý, anh ta đốt đèn sáp để lấy chất khói đèn...

Giáo Phép xuống núi, truyền rao với các anh hùng tứ chiến:

- Sáng mai, mời anh em tới điện Cán Dù xem Đơn Hùng Tín... thổi bùa.

Ai nấy tỏ vẻ lạnh lùng:

- Chán bùa phép quá rồi. Tụi tui muốn tìm thứ bùa phép nào... đem lại cơm gạo hoặc tiền bạc để nuôi vợ nuôi con. Chẳng lẽ tụi tui lưu lạc tới xứ này để học bay nhảy trên gành đá, tranh tài với loài khỉ, loài vượn.

Giáo Phép đáp:

- Bùa phép của Đơn Hùng Tín nhất định đem cơm gạo vàng bạc cho tất cả các đệ tử.

- Làm bạc giả à? Liệu Đơn Hùng Tín ăn thua với lính mã tà được không? Đơn Hùng Tín là ai? Ở xứ núi non, tụi tui nghe nhiều cái danh hiệu nghe điếc con ráy, rốt cuộc gặp toàn những đại ca thuộc vào hàng "khôn nhà đại chợ."

Để chứng tỏ mình là kẻ khiêm tốn. Giáo Phép ngồi xuống, nghe đám anh hùng tứ chiến thuật lại những trận "hồ phong hoán vũ" thất bại, lở cười lở khóc. Nào là Tiết Đình San... chạy bò càn khi đánh cướp, bị chủ nhà vây bắt. Chủ nhà nào có tài ba gì đâu cho cam? Đám gia nhân chỉ hò hét, đốt pháo tre, liệng chai đựng đầy nước mắm. Miếng vè chai bể, dính nước mắm mà ghim vào da thịt thì phải biết! Nó gây thương tích nhức nhối vô kể.

Lại còn chuyện Tiết Nhơn Quý tự xưng biết "thăng thiên độn thổ" nhưng khi biểu diễn thì "thăng" lập tức! Một người trong đám cử tọa đưa ra "cây dao con chó," yêu cầu Tiết Nhơn Quý nhem vào da thịt. Tiết Nhơn Quý ngáp rồi ụa mửa, đôi mắt ngơ ngác, hẹn sẽ lóc từng miếng thịt của mình cho cử tọa xem... vào dịp khác thuộc ngày lành hơn, tháng tốt hơn và giờ khác linh thiêng hơn.

Giáo Phép lắc đầu:

- Xưa nay, những người giả thì nhiều mà những người thiệt thì ít. Tôi là người có ăn học, anh em dư biết... Tôi chẳng bao giờ sùng bái ai, vậy mà tôi đành thọ giáo với Đơn Hùng Tín. Ông này ghê gớm lắm...

Bọn anh hùng tứ chiến đáp:

- Ghê tới mức nào? Ông thuộc vào hạng người siêu phàm, súng bắn vào không nổ chứ gì?

- Ông giỏi hơn một bậc. Súng bắn nổ rầm rầm không chết!

- Súng gì?

- Súng "mút cờ tông" của Tây.

- Tại sao ông không chết?

- Nhờ đọc bộ "Thiên thư bí quyết." Ông luyện tập... mùi mấy năm trường ròng rã. Sau khi súng nổ, ông cười "hề hề." Ngày mai đứng vào giờ Ngọ, tại điện Cán Dù... Bà con nhớ tới xem cho biết.

Nguồn tin Đơn Hùng Tín sắp hạ san khiến bọn anh hùng tứ chiến xôn xao. Họ nói chuyện miệng, kéo tới điện Cán Dù. Đã từng lưu lạc giang hồ, sống ngoài vòng pháp luật, họ dự hiểu: Nếu phò tá cho một kẻ súng bắng không chết dĩ nhiên họ sẽ làm giàu. Đơn Hùng Tín sẽ kéo... toàn đảng, dập khắp đó đây, từ thôn quê tới thị thành, tha hồ bao vây nhà mấy ông cai tổng, chặn xe đồ... hoặc bắt cóc, thủ tiêu vài ông Tây cho biết mặt.

o o
o

Đơn Hùng Tín mặc quần cụt ở trần, mình mẩy xăm toàn... rỗng và chim phụng hoàng. Ngay giữa ngực anh ta, còn có hàng chữ Pháp, nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc phá khám Bách Ti 1789 ở mẫu quốc xa xôi... Tự Do - Bình Đẳng - Bác Ái.

Anh ta đứng sẵn trên miệng hổ:

- Nếu chết thì tôi bỏ xương dưới cái hồ oan nghiệt này để đền tội nói láo với bà con. Tôi biết bà con chưa tin.

Rồi anh ta khoác tay:

- Chú Giáo! Đem cây súng với viên đạn cho bà con coi trước. Xưa nay, bà con thường gặp nhiều vụ bắn súng giả, nào họ dũa"con cò" súng hoặc xài súng giả, đạn giả.

Giáo Phép trao cây súng"mút cơ tông" bóng láng cho từng người xem. Và điều này rất quan trọng. Chàng ta đưa ra một viên đạn bằng đồng. Đầu đạn sáng choang nhọn lều. Bọn anh hùng tử chiến rất kiên oai loại súng"mút cơ tông." Nghe đâu hồi giặc Âu Châu đại chiến 1914 - 1918, Pháp quốc thắng Đức quốc nhờ loại súng thần tốc này. Và anh hùng Phan Xích Long đòi phá khám Sài Gòn cũng đã bó tay chịu phép khi nhà cầm quyền Pháp cho nổ chỉ thiên vài phát.

Giáo Phép xin lại cây súng rồi nói:

- Súng thứ thiệt, đạn thứ thiệt. Bà con còn thắc mắc gì không? Và đằng kia là Đơn Hùng Tín đang ở trần.

Đơn Hùng Tín quát to:

- Cứ bắn cho mau. Tôi đứng cách hòng súng chừng năm thước. Bà con cứ xáp lại gần, cách tôi chừng một thước.

Giáo Phép nạp đạn vào lòng súng trong khi hàng chục cặp mắt đổ dồn về mấy chữ Tự Do - Bình Đẳng - Bác Ái ... Lòng ngực của Đơn Hùng Tín phồng lên, xẹp xuống...

Đơn Hùng Tín nhép miệng như đang đọc thần chú...

- Đùng!

Mùi khói thuốc bay nồng nặc.

Cử toạ rú lên?

Đơn Hùng Tín vẫn đứng sững, sống nhăn. Và anh ta đang nghe răng cắn viên đạn đồng!

Ai nấy im lặng...

Đơn Hùng Tín nhả ra, viên đạn đồng rớt xuống đá nghe tiếng"bốc" lăn tròn...

Giáo Phép chạy tới lượm viên đạn, trao cho cử toạ:

- Thấy chưa! Đơn Hùng Tín... đớp viên đạn. Viên đạn còn nguyên không móp!

Trong đám cử toạ, có kẻ... như đang hồ nghi điều gì. Kẻ ấy cầm viên đạn, đưa qua đưa lại để quan sát.

Nhanh như chớp, Giáo Phép nạp viên đạn thứ nhì, nhắm ngay đầu kẻ ấy mà bắn:

- Chát!

Máu tuôn ra từng giọt trên vách đá. Kẻ ngạo mạn ấy nghiêng đầu, từ từ ngã gục. Giáo Phép chỉ tay vào mặt hắn:

- Tao bắn... cái vong hồn của mày cho mày thấy! Kia! Trên vách... mấy giọt máu tươi của mày. Mày chưa chết đâu! Day mặt mà xem...

Từ đây oai danh của Đôn Hùng Tín nổi như cồn. Bọn đệ tử vưng bưng rằng "đại ca" của mình thuộc vào hàng "súng bắn không chết." Đôn Hùng Tín trở thành vị hung thần của đất Nam Kỳ thuộc địa, gây nhiều sự bận rộn cho nhà cầm quyền Pháp.

Là kẻ sanh sau đẻ muộn, người viết bài này chỉ nghe thuật giai thoại kể trên. Bộ "Thiên thứ bí quyết" là loại sách gì? Tại sao anh ta cần được viên đạn vào miệng?

Lão quân sư Giáp Phép bây giờ ở đâu để giải đáp?

Tình cờ, chúng tôi đọc được quyển sách ảo thuật của Yvon Yva, một người Pháp. Sách ấy giải đáp toàn vẹn kỹ thuật súng bắn không chết của các tay gian đạo sĩ Âu Châu đang áp dụng.

Đại khái, họ nạp vào nòng súng một viên đạn có cái đầu "ban" giả, đúc bằng sáp. Đầu đạn sáp ấy nhuộm khói đèn nên giống màu đồng đen. Súng nổ, đầu đạn sáp chảy ra. Và Đôn Hùng Tín đã ngậm sẵn trong miệng một đầu đạn thứ thiệt, trưng ra sau khi súng nổ. Phát súng thứ nhì... đổ máu. Đó cũng là viên đạn có đầu "ban" bằng sáp, trong lòng đầu "ban" chứa son tàu, giống hệt máu.

Có điều chắc chắn là Đôn Hùng Tín và quân sư Giáp Phép chẳng bao giờ đọc sách của Yvon Yva, sách này mới xuất bản từ vài ba năm nay. Có thể là Giáp Phép đọc một quyển sách khác rồi nghiệm thêm, đem ra thực hành với sự góp ý của Đôn Hùng Tín.

Quả thật những người sống "nhàn cư" ở núi Tà Lơn là những kẻ lợi hại, thông minh hơn... người Pháp.

